

CÔNG TY TNHH DẦU NHỜN IDEMITSU VIỆT NAM



BÁO CÁO

ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**của “Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu
bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam” tại Lô đất CN5.2E,**

**Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải,
thành phố Hải Phòng**

Hải Phòng, tháng 8 năm 2024

CÔNG TY TNHH DẦU NHỜN IDEMITSU VIỆT NAM



BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của “Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu
bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam” tại Lô đất CN5.2E,
Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải,
thành phố Hải Phòng

CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH DẦU NHỜN
IDEMITSU VIỆT NAM



TỔNG GIÁM ĐỐC
HISASHI TAYA

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC
MÔI TRƯỜNG



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trinh Văn Đại

Hải Phòng, tháng 8 năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	3
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	4
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ.....	5
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	6
1.1. Tên chủ cơ sở.....	6
1.2. Tên cơ sở.....	6
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở	7
1.3.1. Quy mô của cơ sở	7
1.3.2. Sản phẩm của cơ sở.....	8
1.3.3. Quy trình hoạt động của cơ sở	8
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	14
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	24
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	31
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	31
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	32
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	33
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	33
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	33
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải	36
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	49
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	53
* Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	54
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	55
* Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	57
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	58
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	58
3.7. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	62
3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	66
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	71
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	71
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	73

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

4.2.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	73
4.2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải	74
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:	76
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.....	78
4.5. Các nội dung đề nghị cấp phép khác về bảo vệ môi trường	81
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	82
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	82
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.....	84
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	87
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	87
6.2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	87
6.2.1. <i>Chương trình quan trắc môi trường định kỳ</i>	<i>87</i>
6.2.2. <i>Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....</i>	<i>87</i>
6.2.3. <i>Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở ..</i>	<i>87</i>
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	89
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	90
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	91

DANH MỤC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

Các thông số môi trường

BOD ₅	Nhu cầu oxy sinh hoá (5 ngày)
COD	Nhu cầu oxy hóa học
DO	Hàm lượng oxy hòa tan
TSS	Tổng hàm lượng chất rắn lơ lửng
TSP	Tổng hàm lượng bụi lơ lửng

Các tiêu chuẩn so sánh

QCCP	Quy chuẩn cho phép
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam

Các cơ quan, tổ chức

Bộ TN&MT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
HACEM	Trung tâm Quan trắc môi trường
WHO	Tổ chức Y tế thế giới
UBND	Ủy ban nhân dân

Các ký hiệu viết tắt khác

QĐ	Quyết định
GHCP	Giới hạn cho phép
CTR	Chất thải rắn
CTNH	Chất thải nguy hại
PCCC	Phòng cháy chữa cháy

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Các sản phẩm chủ yếu của Nhà máy.....	7
Bảng 1.2. Danh mục máy móc và thiết bị phục vụ sản xuất	15
Bảng 1.3. Nguyên vật liệu sản xuất chính của Nhà máy.....	16
Bảng 1.4. Lượng điện tiêu thụ tại Nhà máy	18
Bảng 1.5. Lượng nước sử dụng tại Nhà máy.....	19
Bảng 1.6. Phân bổ lượng nước sử dụng tại Nhà máy.....	20
Bảng 1.7. Hóa chất sử dụng tại Nhà máy.....	20
Bảng 1.8. Tổng hợp các hạng mục công trình của Nhà máy.....	24
Bảng 3.1. Cấu tạo các bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung.....	40
Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật các máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung	43
Bảng 3.3. Danh mục hóa chất sử dụng tại hệ thống xử lý nước thải tập trung	43
Bảng 3.4. Thông số của các bể tách dầu trong khu bồn dầu	44
Bảng 3.5. Thông số của bể tách dầu tập trung.....	45
Bảng 3.6. Thông số của bể chứa nước xả đáy nồi hơi.....	47
Bảng 3.6. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh	56
Bảng 3.7. Các nội dung thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.....	66
Bảng 4.1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải.....	74
Bảng 5.1. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc nước thải định kỳ của Nhà máy từ tháng 4/2022 đến tháng 1/2024	83
Bảng 5.2. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc khí thải ống thải khí nồi hơi 01 của Nhà máy từ tháng 4/2022 đến tháng 1/2024	84
Bảng 5.3. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc khí thải ống thải khí nồi hơi 02 của Nhà máy từ tháng 4/2022 đến tháng 1/2024	85
Bảng 5.4. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc khí thải ống thải khí hệ thống tách bụi dầu của Nhà máy từ tháng 4/2022 đến tháng 1/2024.....	85
Bảng 6.1. Kế hoạch quan trắc nước thải, khí thải định kỳ của Nhà máy	88

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Vị trí Nhà máy trong Khu công nghiệp Đình Vũ	7
Hình 1.2. Sơ đồ quy trình công nghệ.....	9
Hình 1.3. Sơ đồ bố trí các hạng mục công trình hiện trạng của Nhà máy.....	27
Hình 1.4. Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty.....	28
Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa chảy tràn của Nhà máy.....	34
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom nước mưa không nhiễm dầu của Nhà máy	35
Hình 3.3. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của Nhà máy	39
Hình 3.4. Sơ đồ cấu tạo hố ga lắng và hố bơm trung chuyển	39
Hình 3.5. Quy trình công nghệ xử lý nước thải của Dự án	42
Hình 3.6. Sơ đồ cấu tạo bể tách dầu trong khu bồn dầu của Nhà máy.....	45
Hình 3.7. Sơ đồ cấu tạo bể tách dầu tập trung của Nhà máy.....	46
Hình 3.8. Sơ đồ thu gom nước mưa nhiễm dầu và nước thải sinh hoạt của Nhà máy ..	48
Hình 3.9. Sơ đồ hệ thống thu gom tách bụi dầu	51

CHƯƠNG I.
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

- Chủ cơ sở: **Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam.**
- Địa chỉ: Khu đất CN5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông HISASHI TAYA; Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Điện thoại: 02253.246.508; Fax: 02253.246.509
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 0201275452 đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 8 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 09 tháng 8 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án: 022043000111 chứng nhận lần đầu ngày 13 tháng 8 năm 2012, chứng nhận thay đổi lần thứ 08 ngày 19/5/2021 của Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng.

1.2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: **“Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam”.**
- Địa điểm cơ sở: Khu đất CN5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam tại Lô đất CN 5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An.
- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở tương đương với dự án nhóm B (dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp có tổng mức đầu tư khoảng 665,7 tỷ đồng) (thuộc khoản 3 Điều 9 Luật đầu tư công 2019).

Vị trí của Nhà máy trong Khu công nghiệp Đình Vũ được thể hiện trên Hình sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam



Hình 1.1. Vị trí Nhà máy trong Khu công nghiệp Đình Vũ

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở

Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam của Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam pha chế các loại dầu bôi trơn thành phẩm dùng cho ô tô, xe máy và dầu bôi trơn công nghiệp với công suất khoảng 30.000 tấn/năm.

1.3.1. Quy mô của cơ sở

Quy mô cơ sở: đạt tương đương 30.000 tấn/năm; Các sản phẩm chủ yếu:

Bảng 1.1. Các sản phẩm chủ yếu của Nhà máy

STT	Sản phẩm	Sản lượng (tấn/năm)
1	Dầu bôi trơn dùng cho ô tô, xe gắn máy	26.425
2	Dầu bôi trơn công nghiệp	2.363

Đến nay, Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam không tăng quy mô công suất, không thay đổi công nghệ vận hành so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt tại Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2012. Năm 2022, công suất sản xuất của Công ty đạt khoảng 27.204 tấn (tương đương 90,7% so với công suất đăng ký), đến năm 2023, sản lượng đạt 23.177 tấn (khoảng 77,3% so với công suất đăng ký).

1.3.2. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của dự án gồm 2 loại:

- + Dầu bôi trơn dùng cho ô tô, xe gắn máy.
- + Dầu bôi trơn công nghiệp.

- Sản xuất và pha chế các loại dầu bôi trơn, dầu tẩy rửa các loại dầu mỡ, dầu dập kim loại trong ngành công nghiệp gia công kim loại (mã HS: 2710.19.43, 2710.12.60), các chế phẩm dầu bôi trơn (mã HS: 3403.11. 3403.19) từ dầu gốc (mã HS: 2710.19.41), dầu Hydrocarbon mạch hở - No (mã HS: 2901.10.00), chế phẩm của Axit Carbonxylic đơn chức (mã HS: 2916.19.00) và các chất phụ gia (mã HS: 3811.21.90, 3811.29.00,...) để tiêu thụ tại Việt Nam và xuất khẩu; cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu dùng và hỗ trợ kỹ thuật cho các loại dầu bôi trơn do Công ty sản xuất; cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật cho tất cả các sản phẩm mang nhãn hiệu IDEMITSU được nhập khẩu hợp pháp vào Việt Nam.

- Sản xuất các loại dầu, các chế phẩm bôi trơn có thành phần cơ bản là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ, các chế phẩm dùng để xử lý vật liệu bằng dầu hoặc mỡ, các hóa chất hữu cơ có thành phần cơ bản là Hydrocarbon mạch hở khác thuộc danh mục hàng hóa sản xuất theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt nam là thành viên không cấm.

1.3.3. Quy trình hoạt động của cơ sở

Sản phẩm của dự án bao gồm 2 loại: dầu nhờn dùng cho xe ô tô, xe gắn máy và dầu nhờn công nghiệp. Nguyên liệu sử dụng là dầu gốc và các chất phụ gia. Dây chuyền pha chế của dự án gồm những công đoạn sau:

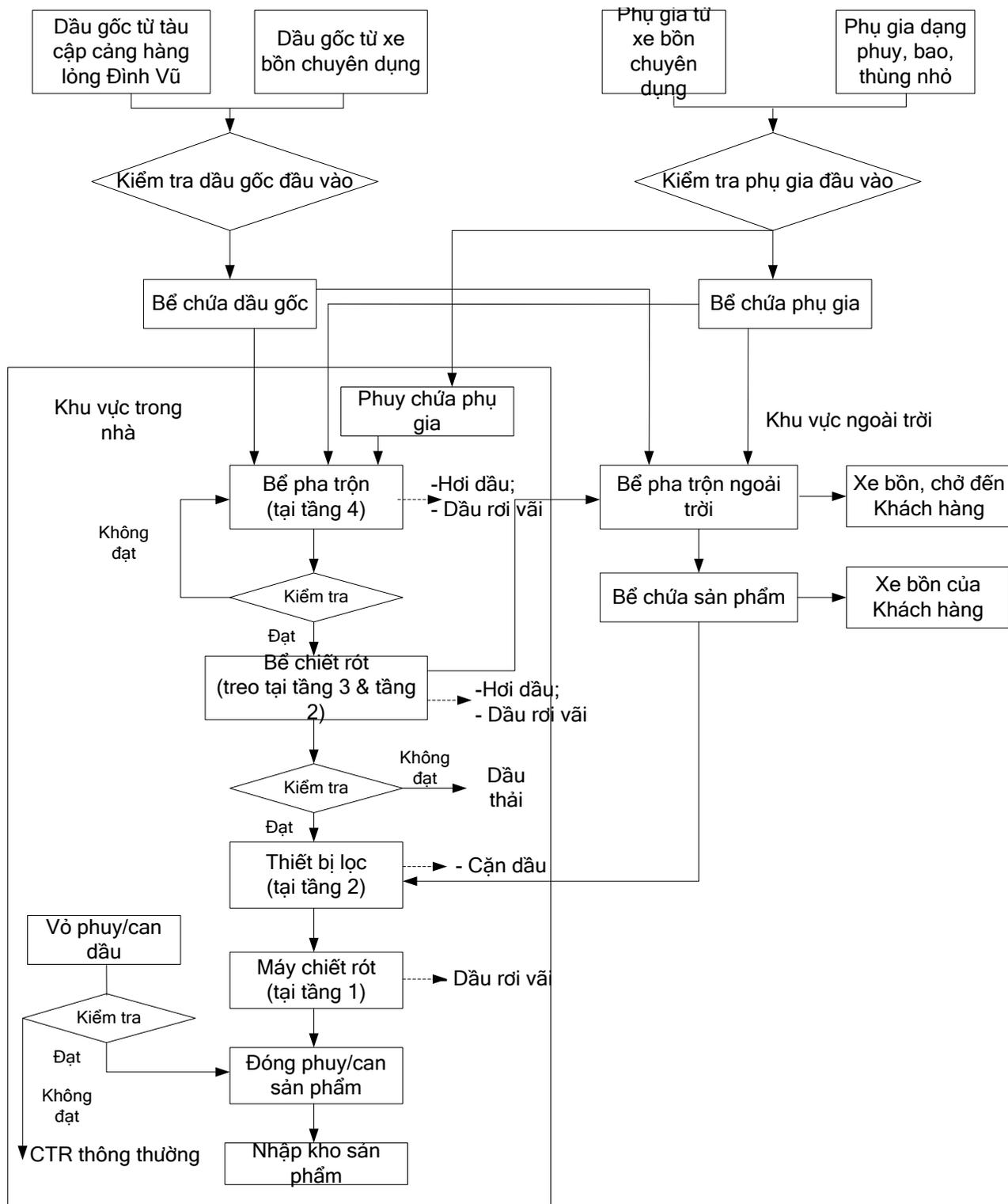
- Đối với dây chuyền pha chế dầu nhờn dùng cho ô tô, xe gắn máy: dầu gốc và các phụ gia được nạp vào bể trộn theo một tỷ lệ nhất định. Sau khi được khuấy trộn đều, toàn bộ sản phẩm sẽ được chuyển sang bể chiết rót để lưu tạm thời, tiếp theo bán sản phẩm tiếp tục đi qua lớp màng lọc bằng vật liệu tổng hợp để vào máy chiết rót. Tại đây sản phẩm được chiết rót sang các can/thùng chứa với dung tích khác nhau. Các can dầu hoàn thiện được nhập kho để chờ xuất xưởng. Toàn bộ quá trình trên được thực hiện bên trong nhà xưởng.

- Đối với dây chuyền pha chế dầu nhờn công nghiệp: tương tự như dây chuyền trên.

Quy trình công nghệ pha chế dầu bôi trơn, kèm theo nguồn phát thải của loại sản phẩm được thể hiện trong Hình sau:

- a) *Quy trình pha chế dầu bôi trơn dùng cho ô tô, xe gắn máy:*

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam



Hình 1.2. Sơ đồ quy trình công nghệ

Thuyết minh sơ đồ công nghệ:

1. Nhập nguyên liệu:

Nguyên liệu chính sử dụng để pha chế dầu nhờn là dầu gốc và các phụ gia.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

Dầu gốc được vận chuyển đến nhà máy theo đường biển và đường bộ (phần lớn là đường biển). Tàu chở dầu gốc sẽ cập tại Cảng hàng không Đình Vũ, sau đó dầu được bơm lên đường ống dẫn dầu dài khoảng 1.000m từ cảng về đến các bể chứa trong khu vực nhà máy (để dẫn dầu từ tàu vào các bồn chứa trong khu vực nhà máy, phần khung và giá đỡ đường ống được chủ dự án thuê lại từ Công ty Cổ phần KCN Đình Vũ). Chất phụ gia được nhập dưới dạng xe bồn, các phuy, bao, thùng nhỏ để tiện pha chế.

Nguyên liệu từ tàu hoặc xe bồn trước khi được nhập vào bể chứa sẽ được lấy mẫu để kiểm tra tại phòng thí nghiệm. Nếu mẫu đạt sẽ tiến hành bơm vào bể chứa. Khi bơm sẽ tiến hành bơm tuần hoàn từ trên xuống, hút dưới đáy bể lên để trộn đều dầu mới và dầu cũ thành hỗn hợp đồng nhất. Tiếp tục lấy mẫu kiểm tra tính chất lý hóa trước khi tiến hành pha trộn.

2. Pha chế dầu nhờn:

Đây chuyên sản xuất của nhà máy áp dụng công nghệ dòng chảy thẳng. Toàn bộ chu trình sản xuất chỉ bao gồm quá trình pha trộn, lọc bằng vật liệu tổng hợp, phần lớn không có các phản ứng hóa học xảy ra.

Nhà máy có 02 khu vực pha trộn ngoài trời và trong nhà.

Tại khu vực ngoài trời có 3 bể pha trộn dung tích lớn, có cánh khuấy bên trong. Dầu gốc và phụ gia sẽ được bơm trực tiếp vào bể pha trộn. Tùy loại sản phẩm, có thể tiến hành pha trộn trước ở khu vực trong nhà sau đó bơm lên bồn ngoài trời để pha trộn tiếp.

Tại khu vực trong nhà có các bể pha trộn được đặt tại tầng 4 - tầng trên cùng của nhà xưởng, để tận dụng trọng lực của dòng chảy tự nhiên. Dầu gốc sẽ được bơm vào bể pha trộn và được gia nhiệt đến nhiệt độ nhất định theo tính chất của từng loại nguyên liệu, bằng đường ống cấp hơi bao xung quanh bể. Sau đó phụ gia sẽ được bơm từ bể phụ gia vào bể pha chế hoặc đổ trực tiếp từ phuy tại nắp đặt trên đỉnh bể pha chế. Sau khi được khuấy trộn, dầu sẽ được chuyển xuống bể chiết rót ở tầng giữa (tầng 3) và chứa ở đó tạm thời và đồng thời mẫu sẽ được lấy ở đáy bể này để kiểm tra trong phòng thử nghiệm. Nếu mẫu đạt thì sẽ kết nối bồn với chuyên chiết rót để thực hiện chiết rót thành phẩm, nếu mẫu không đạt thì phòng thí nghiệm sẽ đưa ra chỉ dẫn để sửa chữa.

Ngoài ra, đối với một số sản phẩm dầu pha nước, sẽ cần thêm nước để pha chế. Nước cấp sẽ được dẫn vào khu vực sản xuất, qua hệ thống lọc RO ở tầng 3 và được cấp vào bể pha chế riêng cho sản phẩm dầu pha nước ở tầng 4.

Trong trường hợp pha trộn sản phẩm lần đầu tiên, hoặc các sản phẩm khó pha trộn – để đảm bảo giảm rủi ro pha trộn không thành công thì mẫu sơ bộ sẽ được lấy tại bể pha trộn ở tầng 4, trường hợp nếu không đạt thì phòng thí nghiệm sẽ đưa ra chỉ dẫn để sửa chữa.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

3. Chiết rót sản phẩm

Đối với khu vực trong nhà: Các sản phẩm đã pha chế sẽ chảy qua thiết bị lọc bằng vật liệu tổng hợp ở tầng 2 trước khi được sang chiết vào các thùng/can nhựa với dung tích khác nhau bởi máy chiết rót. Phuy, can sẽ được kiểm tra ngoại quan đúng màu sắc, tem nhãn sẽ được xếp vào dây chuyền chiết rót. Sau khi chiết rót, quy trình đóng gói, in lot, kiểm tra sản phẩm, bọc nắp bảo được thực hiện bằng máy móc, thiết bị để đảm bảo đúng yêu cầu. Sản phẩm sau khi đóng chai, đóng thùng, kiểm tra và bọc màng nhựa sẽ được nhập kho thành phẩm để chờ bán ra thị trường.

Đối với khu vực ngoài trời: Sản phẩm pha chế trong bể pha chế sẽ được bơm trực tiếp vào xe bồn để chuyển đến khách hàng hoặc được chuyển sang bể chứa sản phẩm trung gian rồi bơm vào xe bồn của khách hàng hoặc bơm vào trong nhà xưởng để chiết rót ra thùng/can nhựa.

Toàn bộ quy trình trên được điều khiển bằng hệ thống điều khiển phân tán DCS. Công nghệ dòng chảy thẳng có ưu điểm làm tăng hiệu quả sản xuất và giảm thiểu dầu thải.

4. Quy trình phụ trợ

- Hệ thống nôi hơi: Các bể chứa và ống dẫn luôn được ổn định ở nhiệt độ nhất định bằng hơi nước bão hòa từ 2 nôi hơi công suất 1,7 tấn/giờ/nôi hơi để đảm bảo độ nhớt của dầu (nôi hơi sử dụng nhiên liệu là dầu hỏa Kerosene). Ngoài ra, hơi nước bão hòa này còn được sử dụng cho phòng gia nhiệt để gia nhiệt các chất phụ gia trong một số trường hợp cần thiết.

- Hệ thống các máy bơm chuyên tải: bao gồm 34 chiếc, công suất từ 0,6-60 KL/h.

- Hệ thống lọc RO: được sử dụng để lọc nước cấp phục vụ cho sản xuất, pha chế dầu pha nước.

5. Quy trình vệ sinh

Trong quá trình sản xuất, Nhà máy sẽ tiến hành vệ sinh bồn chứa nhằm loại bỏ các cặn lắng, vệ sinh bể pha chế nhằm pha chế các loại dầu nhờn khác nhau và vệ sinh đường ống nhằm loại bỏ dầu gốc còn tồn đọng. Cụ thể như sau:

* Vệ sinh bể chứa sản phẩm: Khi có nhu cầu thay đổi sản phẩm trong bể chứa, Nhà máy sử dụng dầu gốc bơm vào các bể chứa để tiến hành vệ sinh bể, đẩy lượng dầu còn bám lại dưới đáy bể trộn. Dầu gốc sau khi vệ sinh được thu gom, quản lý như CTNH. Bồn chứa phụ gia chỉ chứa 1 loại phụ gia nên không cần vệ sinh. Do vậy, Nhà máy không phát sinh nước thải từ quá trình vệ sinh bể chứa. (Do rửa bể bằng dầu gốc).

* Vệ sinh bể pha chế: Sau mỗi lần pha chế các loại dầu nhờn khác nhau, Nhà máy sử dụng dầu gốc (dầu của chính sản phẩm pha trộn) để vệ sinh, ngoài ra để đảm bảo sản phẩm cũ được làm sạch tối đa thì khí nén sẽ được sử dụng để dồn lượng dầu

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

còn sót lại trong đường ống trước khi kết nối với sản phẩm mới. Bằng công nghệ dòng chảy thẳng, tận dụng trọng lực của dòng chảy tự nhiên từ trên xuống, do đó, giảm thiểu dầu rửa và dầu thải phát sinh trong hệ thống. Toàn bộ dầu rửa được thu gom và tái sử dụng, chỉ có một số sản phẩm đặc biệt thì dầu rửa không được tận dụng lại mà được thu gom quản lý như CTNH. Sản phẩm mới được xả qua các đầu vòi chiết rót và lấy mẫu phân tích, nếu mẫu đạt yêu cầu thì sẽ cho phép bắt đầu quá trình chiết rót. Do vậy, Nhà máy không phát sinh nước thải từ quá trình vệ sinh bể pha chế.

Tuy nhiên, đối với một số loại sản phẩm dầu pha nước được đựng trong bể pha chế sẽ sử dụng nước cấp qua lọc RO để pha chế và rửa bồn. Do đó, sản phẩm pha trộn hỏng hoặc nước vệ sinh từ công đoạn sản xuất tại bể pha chế này sẽ được quản lý và loại bỏ như CTNH.

* Vệ sinh đường ống: Sau mỗi lần nhập dầu gốc từ tàu, lượng dầu gốc còn tồn đọng trong đường ống sẽ được bơm đẩy hết về bể chứa. Nhà máy sử dụng dụng cụ bơm đẩy bằng PIG (con chạy) và sử dụng khí nén từ máy nén khí để đẩy PIG chạy trong lòng ống. Sự cọ xát hay tiếp xúc giữa thành ống với PIG sẽ giúp đẩy toàn bộ lượng dầu gốc còn tồn đọng trong đường ống về bồn chứa. Do vậy, Nhà máy không phát sinh nước thải từ quá trình vệ sinh đường ống.

* Vệ sinh thiết bị phòng thí nghiệm: Sử dụng hóa chất Aceton, Ethanol, n-Hexane, Toluene-IPA để vệ sinh các dụng cụ thí nghiệm như ống nghiệm... Dung dịch hóa chất thu được quản lý như CTNH.

6. Quy trình kiểm tra

Trước khi tiến hành nhập dầu gốc từ tàu chở dầu, xe tải ISO tank vào bồn chứa dầu gốc hay tiến hành đóng gói dầu thành phẩm từ bể chứa thành phẩm vào phuy, can nhựa, Nhà máy sẽ tiến hành lấy mẫu dầu gốc, dầu thành phẩm để kiểm tra tại phòng thí nghiệm, mẫu đạt yêu cầu mới tiến hành nhập hay đóng gói. Quy trình kiểm tra cụ thể như sau:

* Quy trình kiểm tra hàm lượng nước trong dầu gốc

- Thiết bị sử dụng: Máy chuẩn độ điện thế bằng phương pháp chuẩn độ Karl Fisher

- Quy trình kiểm tra: SOP-QAC-QC-22: Hướng dẫn xác định hàm lượng nước bằng phương pháp chuẩn độ Karl Fisher.

* Quy trình kiểm tra độ nhớt cho dầu gốc, dầu nhờn

- Thiết bị sử dụng: Bể ổn định nhiệt CANNON USA CT500F có thể duy trì nhiệt độ từ 20⁰C đến 100⁰C ($\pm 0.01^{\circ}\text{C}$) Nhớt kế CFRC, Nhớt kế CFOC, Giá đỡ nhớt kế H100, Đồng hồ bấm giây, 2 Nhiệt kế ASTM 120C, 2 Nhiệt kế ASTM 121C.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

- Hóa chất thử (chất chuẩn): chất chuẩn Canon
- Quy trình kiểm tra: SOP-QAC-QC-04: Xác định độ nhớt động học
- * Quy trình xác định trị số axit của dầu nhờn
- Thiết bị sử dụng: Máy chuẩn độ điện thế, dụng cụ chuẩn độ chỉ thị màu
- Hóa chất thử (chất chuẩn): P-Naphtholbenzein Indicator; KOH, Toluen, Iso-propanol.
- Quy trình kiểm tra: SOP-QAC-QC-07: Xác định chỉ số axit bằng phương pháp điện thế, SOP-QAC-QC-08: Hướng dẫn xác định chỉ số acid bằng phương pháp chỉ thị màu.
- * Quy trình xác định trị số bazơ của dầu nhờn
- Thiết bị sử dụng: Máy chuẩn độ điện thế
- Hóa chất thử (chất chuẩn): Axit Perchloric trong axit acetic, Acid Acetic và Chlorobenzen
- Quy trình kiểm tra: SOP-QAC-QC-09: Hướng dẫn xác định chỉ số Bazơ (HCl) bằng phương pháp chuẩn độ điện thế, SOP-QAC-QC-10: Hướng dẫn xác định chỉ hàm lượng bazơ tổng (TBN – HClO₄) bằng phương pháp chuẩn độ điện thế
- * Quy trình kiểm tra hàm lượng kim loại trong dầu gốc, dầu nhờn
- Thiết bị sử dụng: thiết bị XRF Axios Panalytical, máy Auto Agilent RV ICP-OES
- Hóa chất thử (chất chuẩn): bộ 23 VHG, Fe, Mo, các Blank tiêu chuẩn để dựng đường chuẩn; Ytrium, các chất chuẩn Conostant, 75 cSt hydrocarbon oil, Kerosen
- Quy trình kiểm tra: SOP-QAC-QC-35: Hướng dẫn xác định hàm lượng nguyên tố bằng thiết bị XRF; SOP-QAC-QC-31: Xác định hàm lượng kim loại và phi kim loại bằng ICP-OES.

7. Quy trình lưu giữ nguyên vật liệu và sản phẩm

* Đối với dầu gốc: Dầu gốc sau khi kiểm tra tại phòng thí nghiệm đạt yêu cầu sẽ được nhập và lưu giữ trong các bể chứa dầu gốc. Các bể chứa dầu gốc định kỳ được kiểm tra, kiểm định độc lập theo Tiêu chuẩn API 653.

* Đối với phụ gia: Phụ gia được lưu giữ trong các bể chứa ngoài trời hoặc đóng trong các phuy, bao, thùng và lưu giữ tại khu vực để phụ gia trong nhà xưởng. Các phuy đựng phụ gia này được đóng nắp bảo vệ chống rò rỉ. Các vỏ phuy phụ gia sau khi sử dụng được quản lý như các chất thải nguy hại khác phát sinh tại Nhà máy.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

* Đối với vỏ can, phuy: Các vỏ can, tuýp (bằng nhựa), vỏ phuy (bằng kim loại) được nhà cung cấp vận chuyển đến Nhà máy bằng xe ô tô tải theo đường bộ hiện có và được lưu giữ tại kho bao bì. Toàn bộ vỏ can, phuy phải được nhà cung cấp kiểm tra, thử kín, đảm bảo không bị rò rỉ, không bám bụi bẩn khi giao đến Nhà máy.

* Đối với sản phẩm: Dầu thành phẩm được đóng trong các loại bao bì đóng gói như chai, thùng phuy, xô và lưu giữ tại kho thành phẩm. Các sản phẩm này được đóng nắp bảo vệ chống rò rỉ. Các vỏ can, phuy sau khi sử dụng được quản lý như các chất thải nguy hại khác phát sinh tại Nhà máy. Nhà máy tận dụng một số bao bì như vỏ phuy, IBC tank 1000L để chứa dầu thải.

b) Quy trình pha chế dầu bôi trơn công nghiệp

Quy trình pha chế dầu bôi trơn công nghiệp tương tự như dầu bôi trơn cho ô tô, xe gắn máy.

Nhà máy đã đạt được chứng nhận tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, tiêu chuẩn quốc tế quy định các yêu cầu đối với hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015; tiêu chuẩn quốc tế quy định các yêu cầu đối với hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp ISO 45001:2018; tiêu chuẩn quốc tế quy định các yêu cầu nhằm đảm bảo năng lực của phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

** Trách nhiệm tái chế sản phẩm của nhà sản xuất dầu động cơ:*

Hiện nay, căn cứ vào khoản 2 Điều 54 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Công ty lựa chọn thực hiện tái chế sản phẩm bằng hình thức đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo quy định tại Điều 81 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Do Công ty hiện chưa có phương án khả thi cho việc thu hồi dầu đã qua sử dụng từ phía khách hàng cá nhân hay từ các đại lý của hãng để tổ chức tái chế sản phẩm. Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 77 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam phải thực hiện trách nhiệm tái chế dầu nhớt cho động cơ trong giai đoạn này tương ứng với tỷ lệ thu hồi 15% sản phẩm đưa ra thị trường. Sản lượng dầu động cơ bán ra thị trường trong năm 2023 của Nhà máy là khoảng 17.800 tấn. Do vậy, Công ty phải thực hiện trách nhiệm tái chế cho năm 2024 tương đương khoảng 2.700 tấn (đính kèm Phụ lục Bản kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế năm 2024).

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

a. Thiết bị sản xuất và nguyên nhiên liệu

- Máy móc, thiết bị:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

Phần lớn các máy móc, thiết bị phục vụ cho quá trình pha chế dầu nhờn đều do các Công ty thiết bị của Việt Nam cung cấp. Các thiết bị của dự án bao gồm: bể chứa, bể pha trộn, bể chiết rót, máy nén khí, bình chứa khí nén, nồi hơi, bể chứa nhiên liệu, máy chiết rót, cân xe bồn, phòng gia nhiệt, máy bơm, hệ thống điều khiển, các thiết bị đo lưu lượng, nhiệt độ và áp suất, thiết bị phân tích trong phòng thí nghiệm và các thiết bị văn phòng khác.

Bảng 1.2. Danh mục máy móc và thiết bị phục vụ sản xuất

TT	Tên máy móc, thiết bị	Tình trạng	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng (Bộ)
I	Khu vực bể chứa ngoài trời				
1	Bể chứa dầu gốc dung tích 1.500m ³	Tốt	Việt Nam	2013	04
2	Bể chứa dầu gốc dung tích 1.000m ³	Tốt	Việt Nam	2013	02
3	Bể chứa dầu gốc dung tích 500m ³	Tốt	Việt Nam	2013	02
4	Bể chứa dầu gốc dung tích 300m ³	Tốt	Việt Nam	2013	03
5	Bể chứa dầu gốc dung tích 60m ³	Tốt	Việt Nam	2013	03
6	Bể chứa phụ gia dung tích 100m ³	Tốt	Việt Nam	2013	01
7	Bể chứa phụ gia dung tích 40m ³	Tốt	Việt Nam	2013	04
8	Bể chứa sản phẩm dung tích 70m ³	Tốt	Việt Nam	2013	04
9	Bể pha trộn dung tích 150m ³	Tốt	Việt Nam	2013	01
10	Bể pha trộn dung tích 100m ³	Tốt	Việt Nam	2013	01
11	Bể pha trộn dung tích 50m ³	Tốt	Việt Nam	2013	01
12	Bể chứa Kerosene dung tích 30m ³	Tốt	Việt Nam	2013	01
II	Khu vực bể chứa trong nhà				
13	Bể pha trộn dung tích 25m ³	Tốt	Việt Nam	2013	02
14	Bể pha trộn dung tích 20m ³	Tốt	Việt Nam	2013	01
15	Bể pha trộn dung tích 10m ³	Tốt	Việt Nam	2013	03
16	Bể pha trộn dung tích 2m ³	Tốt	Việt Nam	2020	01
17	Bể pha trộn dung tích 1m ³	Tốt	Việt Nam	2020	01
18	Bể chiết rót dung tích 25 m ³	Tốt	Việt Nam	2013	04
19	Bể chiết rót dung tích 20m ³	Tốt	Việt Nam	2013	02

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

20	Bể chiết rót dung tích 10m ³	Tốt	Việt Nam	2013	02
21	Bể chiết rót dung tích 3m ³	Tốt	Việt Nam	2013	01
22	Máy chiết rót	Tốt	Việt Nam	-	14
III	Khu tiện ích				
20	Máy nén khí	Tốt	Malaysia	2013	02
21	Bình chứa khí nén	Tốt	Việt Nam	2013	03
22	Nồi hơi	Tốt	Hàn Quốc	2013	02
23	Bể chứa nhiên liệu	Tốt	Việt Nam	2013	01
24	Bể nước	Tốt	Việt Nam	2013	01
25	Máy bơm dầu gốc	Tốt	Hàn Quốc	2013	09
26	Máy bơm chất phụ gia	Tốt	Hàn Quốc	2013	05
27	Máy bơm sản phẩm	Tốt	Hàn Quốc	2013	17
28	Máy bơm dầu nhiên liệu	Tốt	Ấn Độ	2013	01
29	Máy bơm	Tốt	N/A	2013	01
IV	Các loại máy khác				
30	Cân xe bồn	Tốt	Việt Nam	2013	01
31	Phòng gia nhiệt	Tốt	Việt Nam	2013	01
32	Thiết bị đo lưu lượng, nhiệt độ, áp suất	Tốt	N/A	-	332
33	Thiết bị phân tích cho phòng thí nghiệm	Tốt	N/A	2013	36

(Nguồn: Công ty TNHH dầu nhờn Idemitsu Việt Nam, năm 2024).

- Nhu cầu nguyên liệu sản xuất:

Nguyên liệu chính của dự án bao gồm dầu gốc và các chất phụ gia. Cả hai nguyên liệu này đều được nhập khẩu từ Nhật Bản, Singapore, Malaysia và Hàn Quốc.

Bảng 1.3. Nguyên vật liệu sản xuất chính của Nhà máy

STT	Tên nguyên vật liệu chính	Khối lượng trung bình (kg/tháng)
I	Sản xuất dầu gốc	
1	IB-191S/ES150 BULK	881.328,01
2	IB-136K/SS100H BULK	96.783,14
3	IB-195K/SS150H BULK	42.021,86

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

4	IB-807S/SPBST ISO 20T	40.552,09
5	IB-520S/SP500T ISO 20T	20.281,77
6	IB-039K/SS60H FLEXI 19MT	17.515,81
7	IB-095/NR9 ISO 20T	12.770,61
8	IB-012S/NA30E ISO 20T	9.782,20
9	NA30 ISO 22KL	8.766,00
10	IB-905/IS35 ISO 22KL	3.465,48
11	IB-148 / SN100U D200L	1.068,60
II	Sản xuất phụ gia	
12	IA-589S/D-352 ISO 20T	89.984,00
13	IA-955S/I-455 ISO 20T	60.038,53
14	IA-776S/I-208 D163K	4.328,76
15	IA-428S/I-409 D175K	3.937,31
16	IA-025/E-529 D200K	2.866,14
17	IA-142/D-212 D187K	2.721,41
18	E-626 D200K	1.002,48
19	DZ-501 D190K	853,60
20	D-312 D190K	342,59
21	E-322 D190K	302,98
22	IA-548/E-326 D190K	297,09
23	IA-647/S-448 D200K	273,40
24	IA-682 / O-702 D180K	270,24
25	D-386 D191K	234,12
26	IA-326/E-119 D210K	191,04
27	D-290 D211K	184,40
28	IA-370S/E-111 D188K	177,03
29	C-603 D190K	169,04
30	O-812 BA25K	123,61
31	IA-252 /C-606 50KGx1	104,49
32	D-377 D209K	99,28
33	D-293 D205K	82,90

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

34	O-410 D170K	82,78
35	S-349 D220K	80,15
36	IA-253S/E-126 D210K	50,57
37	D-294 D213K	42,60
38	E-135 D195K	42,58
39	IA-818/D-213 D180K	35,42
40	IA-088 /D-668 D182K	26,80
41	S-870 D180K	26,00
42	IA-213/C-615 D204K	23,35
43	IA-219/R-102 P20K	20,14
44	IA-490S/I-539 D160K	18,21
45	IA-331/O-411 20KGx1	17,70
46	B-606 P19K	9,55
47	E-340 D192K	9,48
48	IA-389/E-602 P15K	4,95
Tổng		1.303.410,29

* **Ghi chú:** Trong bảng là các loại dầu gốc và phụ gia chính, ngoài ra còn có thêm các loại dầu gốc và phụ gia khác cho từng loại dầu pha chế. Tùy từng loại sản phẩm sẽ điều chỉnh số lượng dầu gốc và phụ gia khác nhau.

b. Nhu cầu điện, nước, nhiên liệu, hóa chất sử dụng

* **Nhu cầu sử dụng điện:**

- Nguồn cung cấp điện: Công ty TNHH Năng lượng xanh Deep C (Việt Nam).
- Mục đích sử dụng: Cung cấp cho hoạt động sinh hoạt, văn phòng và sản xuất của Nhà máy.
- Lượng điện tiêu thụ:

Theo số liệu thống kê từ hóa đơn tiền điện của Nhà máy, lượng điện tiêu thụ như sau:

Bảng 1.4. Lượng điện tiêu thụ tại Nhà máy

STT	Tháng	Đơn vị	Số lượng
1	Tháng 1/2024	kWh/tháng	47.971,2
2	Tháng 2/2024		34.835,2

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

3	Tháng 3/2024	51.144,8
Trung bình		44.650,4

Vậy lượng điện tiêu thụ trung bình tại Nhà máy là 44.650,4 kWh/tháng.

*** Nhu cầu sử dụng nước:**

- Nguồn cung cấp nước: Công ty cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ.
- Mục đích sử dụng: Cung cấp cho hoạt động sinh hoạt và sản xuất của Nhà máy (sử dụng cho 02 nồi hơi công suất 1,7 tấn hơi/h và pha chế sản phẩm dầu pha nước).
- Nhu cầu sử dụng:

Căn cứ theo hóa đơn sử dụng nước tại Nhà máy, nhu cầu sử dụng như sau:

Bảng 1.5. Lượng nước sử dụng tại Nhà máy

STT	Tháng	Số lượng	
		(m ³ /tháng)	(m ³ /ngày)
1	Tháng 4/2023	494	16,5
2	Tháng 5/2023	371	12,4
3	Tháng 6/2023	497	16,6
4	Tháng 7/2023	574	19,1
5	Tháng 8/2023	330,7	11,0
6	Tháng 9/2023	335,5	11,2
7	Tháng 10/2023	340,8	11,4
8	Tháng 11/2023	380	12,7
9	Tháng 12/2023	488	16,3
10	Tháng 1/2024	381	12,7
11	Tháng 2/2024	339	11,3
12	Tháng 3/2024	452	15,1
Trung bình		415,3	13,8

Căn cứ vào hóa đơn thu tiền nước từ tháng 4/2023 đến tháng 3/2024, nhu cầu sử dụng nước của Nhà máy trung bình là 415,3 m³/tháng (tương đương 13,8 m³/ngày) và lớn nhất là 574 m³/tháng (tương đương 19,1 m³/ngày).

Lượng nước này được phân bổ cụ thể như sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
 của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
 – Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

Bảng 1.6. Phân bố lượng nước sử dụng tại Nhà máy

Mục đích	Cấp nước sinh hoạt	Tưới cây, rửa đường	Cấp cho nồi hơi	Cấp cho pha chế sản phẩm dầu gốc nước
Lượng trung bình (m ³ /ngày)	7,3	0,5	5,2	0,8
Lượng lớn nhất (m ³ /ngày)	7,4	0,5	10,4	0,8

- Nhu cầu nhiên liệu:

Dự án có sử dụng dầu hòa Kerosene để làm nhiên liệu đốt nồi hơi công suất 1,7 tấn/h (dự án trang bị 2 nồi hơi) tạo hơi nước bão hòa cấp cho các bể chứa, đường ống, phòng gia nhiệt. Dự kiến dầu hòa Kerosene sẽ được mua ở trong nước.

- Nhu cầu hóa chất:

Bảng 1.7. Hóa chất sử dụng tại Nhà máy

STT	Tên hóa chất	Công thức hóa học	Khối lượng sử dụng TB tháng	Đơn vị tính	Mục đích sử dụng
I	Sản xuất				
1	HỢP CHẤT GIỮ SẠCH NỒI HƠI SX-101V	Sodium hydroxide ; CAS: 1310-73-2; 1-5% Sodium Citrate ; CAS: 68-04-2 Dextrose Anhydrouse; CAS: 50-99-7	44	Kg	Chống đóng cặn, ăn mòn nồi hơi.
2	Dầu hòa 2 - K	Kerosene (hỗn hợp các hydrocacbon C9-C16); CAS: 8008-20-6; 100%	8500	L	Nhiên liệu nồi hơi
3	Keo dán Carton	-Ethylene vinyl acetate copolymers; CAS: 24937-78-8; 30-60% -Hydrogenated hydrocarbon resin; CAS: 64742-16-1; 20-40% -Wax; CAS: 9002-88-4	400	kg	Keo dán
4	Dung môi pha mực Videojet V705- D	-Metyl etyl xeton; CAS: 78-93-3; 90-<98% -Rượu etylic; CAS: 64-17-5; 2-<5%	4	L	In lot trên chai

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
 của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
 – Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

5	Dung môi pha mực Videojet V7206 -D	-Metyl etyl xeton; CAS: 78-93-3; 90-<98% -Axeton; CAS: 67-64-1; 1-<3%	4	L	In lot trên chai
6	Mực in lot chai Videojet V410-D	-Metyl etyl xeton; CAS: 78-93-3; 55-<65% -C.I. Solvent Black 29 (EC# 938-781-3); CAS: 117527-94-3; 5-<10% -Rượu etylic; CAS: 64-17-5; 1-<3% -2-[[3-(Trimethoxysilyl)propoxy]methyl] oxirane; CAS: 2530-83-8; 1-<3% -Isopropyl alcohol; CAS: 67-63-0; 1-<3% -Etyl axetat; CAS: 141-78-6; 1-<3%	2	L	In lot trên chai
7	Mực in lot chai Videojet V4211-D	-Metyl etyl xeton; CAS: 78-93-3; 70-<80% -C.I. Solvent Black 29 (EC# 938-781-3); CAS: 117527-94-3; 2-<5%	2	L	In lot trên chai
8	Mực in lot Carton Videojet IJ-P-BK2-G5	-2-(2-butoxyethoxy)ethanol; CAS: 112-34-5; 5-<10%	2	L	In lot trên Carton
9	Nước rửa Videojet 16-3601Q	-metyl etyl exton; CAS:78-93-3; 90-<98% -Rượu etylic; CAS: 64-17-5; 2-<5%	4	L	Rửa đầu vòi, tẩy lot chai
II	Phòng thí nghiệm				
1	Toluene	Toluene; CAS: 108-88-3; <=100%	5500.0	mL	Test tại phòng thí nghiệm
2	Iso Propanol (IPA)	2-Propanol; CAS: 67-63-0; >=50-<=100%	5400.0	mL	
3	n-Hexane - Meck	n-Hexane; CAS: 110-54-3; <=100%	4833.3	mL	
4	Acetic Acid	Acetic Acid; CAS: 64-19-7; <=100%	3966.7	mL	Test tại phòng thí nghiệm
5	Chlorobenzene	Chlorobenzene; CAS: 108-90-	3833.3	mL	

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

		7; <=100%			
6	Acetone	Aceton; CAS: 67-64-1; >=99%	1366.7	mL	Vệ sinh/ làm sạch
7	Ethanol	Ethanol; CAS: 46-07-2; 99,7%	1306.7	mL	
8	Solvent for volumetric Karl Fischer (Hydranal Solvent E)	Hydranal Solvent E; CAS: 67-56-1; <=100%	840.0	ml	Test tại phòng thí nghiệm
9	n-pentane	n-pentane; CAS: 109-66-0; <=100%	753.3	ml	
10	Perchloric acid (HClO4 0.1N)	Perchloric acid; CAS: 7601-90-3; >=70-<90%	586.7	mL	
11	Potassium hydroxide solution in isopropanol (KOH)	Potassium hydroxide; CAS: 1310-58-3; >=50-<=100%	533.3	mL	Test tại phòng thí nghiệm
12	Karl Fischer Reagent Titrant 5 titran (Hydranal titrant solvent 5E)	-Methanol; CAS: 67-56-1; >=50-<=100% -Dimethyl sulphite; CAS: 616-42-2; >-10-<20% -Pyridine; CAS: 110-86-1; >=1-5%	526.7	mL	
13	Hydrochloric acid 0.1N	Hydrochloric acid; CAS: 7647-01-0; >=20-<25%	506.7	mL	
14	Acetone - Merck	Acetone; CAS: 67-64-1; <=100%	473.3	mL	Test tại phòng thí nghiệm
15	Ethylen Glycol	Ethylen Glycol; CAS: 62-07-1; 99%	306.7	mL	
16	Ethanol (Electrolyte solution LiCl)	Ethanol; CAS: 64-17-5; <=100%	288.7	mL	
17	pH Buffer 4	-	103.3	mL	Test tại phòng thí nghiệm
18	pH Buffer 7	-	103.3	mL	
19	pH Buffer 10	-	103.3	mL	
20	Alphagaz He	He; CAS: 7440-59-7; 99,999%	100.0	L	Test tại phòng thí nghiệm
21	Aniline solution	Aniline; CAS: 62-53-3; <=100%	91.3	mL	
22	Sodium	Sodium perchlorate	87.3	gr	

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

	perrchlorate monohydrate (NaClO4)	monohydrate; CAS: 7791-07-3; <=100%			
23	Ethanol - Merck	Ethanol; CAS: 64-17-5; <=100%	60.0	mL	Test tại phòng thí nghiệm
24	n-hexane - Industrial	n-hexane; CAS: 110-54-3; 38-42%	42.5	Kg	
25	n-Heptane	n-Heptane; CAS: 142-82-5; <=100%	37.3	mL	
26	Alphagaz P10	-Metan; CAS: 74-82-8; 10% -Argon; CAS: 7440-37-1; 90%	33.3	L	Test tại phòng thí nghiệm
27	Alphagaz Ar	Argon; CAS: 7440-37-1; 99,999%	30.0	L	
28	Phenolphthalein	-Ethanol; CAS: 64-17-5; >=50- <70% -Phenolphthalein; CAS: 77-09-8; >=1- <3%	17.3	gr	
29	N-N-Butyldiethanolamine	N,N-Dimethylaniline; CAS: 102-79-4; <=100%	16.5	ml	Test tại phòng thí nghiệm
30	Postassium Hydrogen Phtalate(KHP)	Postassium Hydrogen Phtalat; CAS: 877-24-7	10.0	gr	
31	Alphagaz N2	Nitrogen; CAS: 7727-37-9; 99,999%	8.7	L	
32	Alphagaz O2	Oxygen; CAS: 7782-44-7; 100%	8.7	L	Test tại phòng thí nghiệm
33	VHG-XOFE - 100-50G	-	6.7	mL	
34	VHG-XOFE - 250-50G	-	6.7	mL	
35	VHG-XOFE - 500-50G	-	6.7	mL	Test tại phòng thí nghiệm
36	VHG-XOFE - 1000-50G	-	6.7	mL	Test tại phòng thí nghiệm
37	Blank 50	Base oil: distillates hydrotreated light paraffinic; CAS: 64742-55-8	6.7	mL	

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

38	1-naphthobenzein indicator	4-(4-hydroxy-1-naphthyl)benzylidene)naphthalen-1(4H)-one; CAS: 145-50-6; <=100%	4.4	gr	
III Xử lý nước thải					
1	Methanol 40 %	Methanol; CAS: 67-56-1; 40%±2 Water; CAS: 7732-18-5; 60%	100	Kg	Xử lý nước thải
2	FeCl ₃ 40%	Fe (III) Clorua; CAS: 7705-08-0; 38-40% Water; CAS: 7732-18-5; 60-62%	20	Kg	
3	NaOH 32%	Sodium Hydroxit; CAS: 1310-73-2; 30-32% Water; CAS: 7732-18-5; 68-70%	20	Kg	
4	Trichloroisocyanuric acid	Trichloroisocyanuric acid; CAS: 87-90-1; 90%	1	Kg	
IV Phòng cháy chữa cháy					
1	Dầu diesel	Dầu diesel; CAS: 68334-30-5; 100%	80	L	Nhiên liệu bơm cứu hỏa

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

a. Các hạng mục công trình hiện trạng của cơ sở

Diện tích đất của Nhà máy là 60.000 m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 316966 ngày 07/02/2013 và Hợp đồng thuê đất số DVIZJSC.018.2012.LLC.MKG ngày 16/8/2012 được ký kết giữa Công ty cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ và Công ty trách nhiệm hữu hạn Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam).

Bảng 1.8. Tổng hợp các hạng mục công trình của Nhà máy

TT	Hạng mục	Diện tích sàn		Tổng diện tích
		Tầng	Diện tích	
A1	Nhà máy	Tầng 1	8.811,9	Tổng 4 tầng: 14.379,9
		Tầng 2	2.976,0	
		Tầng 3	1.296,0	
		Tầng 4	1.296,0	

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

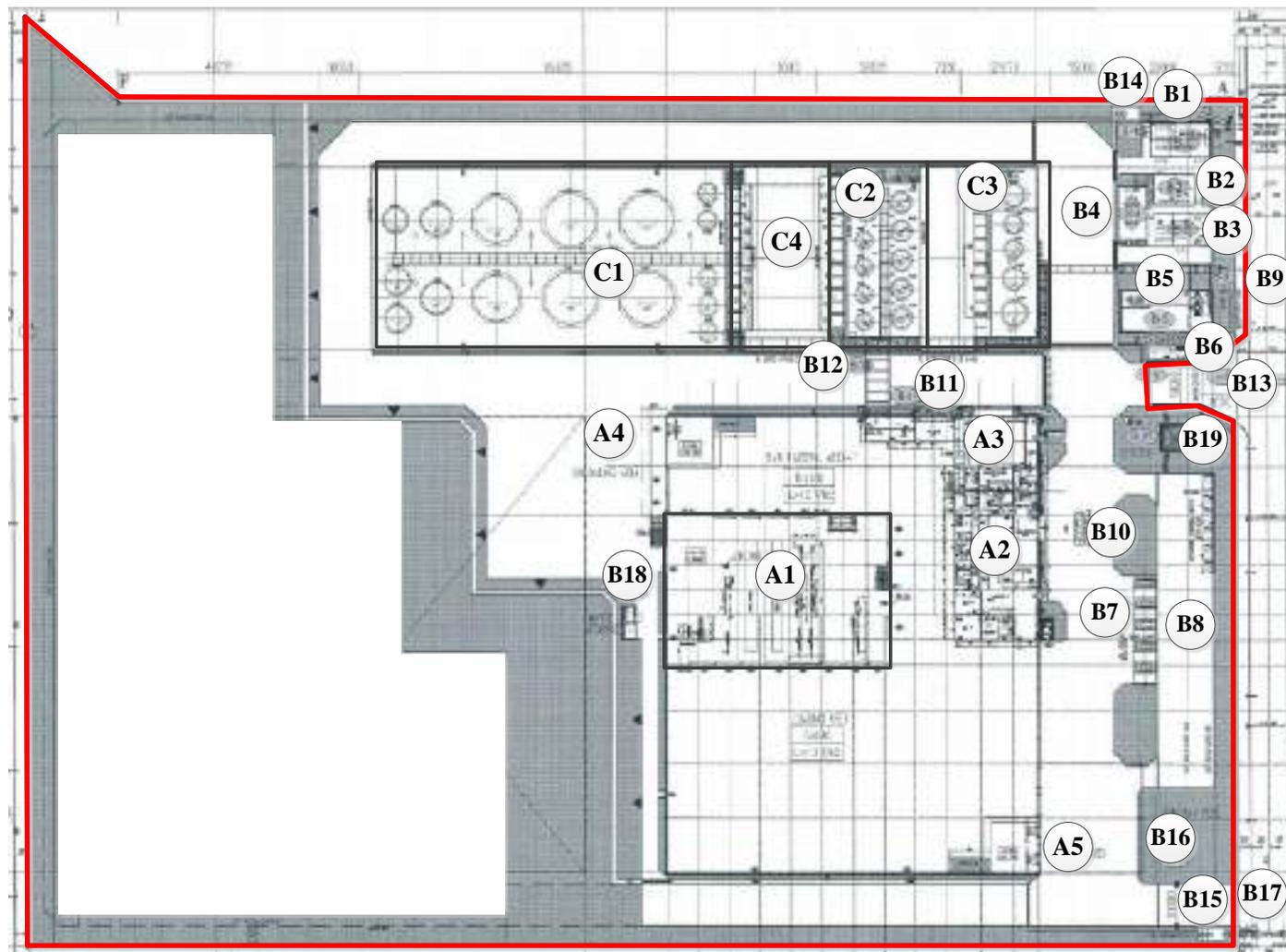
A2	Khu văn phòng + nhà ăn	Tầng 1	1.108,9	2.010,9
		Tầng 2	902,0	
A3	Khu vực dỡ hàng		360,0	360,0
A4	Khu xuất hàng		585,0	585,0
B1	Phòng điện & trạm biến áp		115,5	115,5
B2	Phòng máy nén khí		70,0	70,0
B3	Phòng đặt nồi hơi		107,6	107,6
B4	Bể Kerosene		93,4	93,4
B5	Bể nước & phòng bơm		210,2	210,2
B6	Nhà bảo vệ		32,1	32,1
B7	Khu xe ô tô & xe máy		187,3	187,3
B8	Khu để xe nhân viên		-	-
B9	Bể phốt		41,1	41,1
B10	Cột cờ		8,2	8,2
B11	Trạm cân		46,3	46,3
B12	Giá đỡ đường ống		-	-
B13	Cổng 1		-	-
B14	Bể tách dầu – 1		24,5	24,5
B15	Bể tách dầu - 2		24,5	24,5
B16	Biển hiệu Công ty		-	-
B17	Cổng phụ		-	-
B18	Nhà để rác		24,0	24,0
B19	Nhà chòi		25,0	25,0
C1	Khu vực bồn dầu -1		4.013,0	4.013,0
C2	Khu vực bồn dầu -2		914,2	914,2
C3	Khu vực bồn dầu -3		679,3	679,3

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

C4	Khu vực xe container		574,1	574,1
	Tổng diện tích sàn (m ²)			24.526,1
	Diện tích lô đất (m ²)			60.000,0
	Diện tích xây dựng (m ²)			18.056,1
	Mật độ xây dựng (%)			30,09
	Diện tích cây xanh (m ²)			12.000,0
	Mật độ cây xanh (%)			20%

Sơ đồ tổng mặt bằng bố trí các hạng mục công trình hiện trạng của Nhà máy được thể hiện tại hình sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

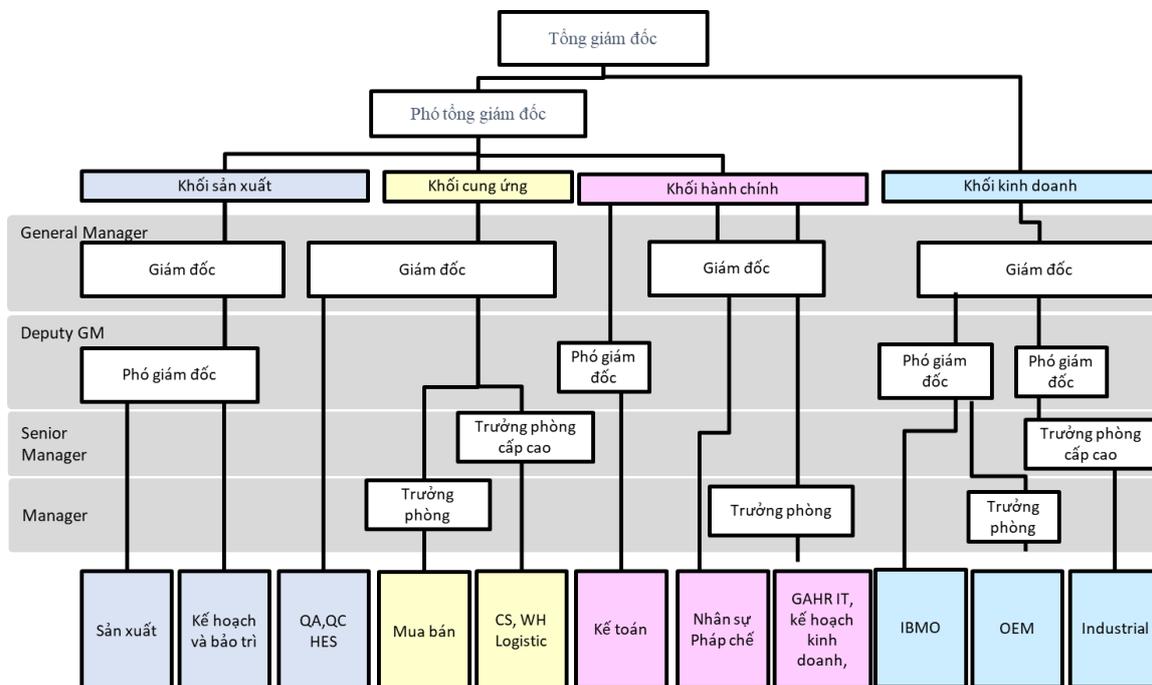


Hình 1.3. Sơ đồ bố trí các hạng mục công trình hiện trạng của Nhà máy

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

b. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Tổng lao động của Nhà máy hiện nay là khoảng 126 người. Trong đó, lao cấp công nhân viên và giám sát là 105 người; cấp quản lý là 21 người. Số ca làm việc: 1 ca/ngày đêm, 8h làm việc/người/ngày đêm. Sơ đồ tổ chức dự kiến của dự án như sau:



Hình 1.4. Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty

c. Lý do lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn với công suất 30.000 tấn/năm; đã được UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 23/11/2012 và Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 03/GXN-STN&MT ngày 25/01/2014 (*nay được gọi là Giấy phép môi trường thành phần có thời hạn sử dụng đến ngày 01/01/2027*).

** Các thay đổi so với ĐTM đã được xác nhận tại Giấy xác nhận số 03/GXN-STN&MT ngày 25/01/2014:*

1. Hệ thống thoát nước mặt

- Nắp đậy các hố ga, mương thoát nước bằng tấm lưới thép tại các vị trí có phương tiện hoặc đường lưu thông nội bộ đi ngang qua, hoặc để hở. Việc thay đổi giúp tăng hiệu quả trong quá trình thoát nước mặt.

- Ngoài 02 bể tách dầu tập trung, Công ty đầu tư thêm 5 bể tách dầu cho từng khu vực bồn chứa dầu, phụ gia, nhiên liệu để đảm bảo an toàn, thu hồi được toàn bộ lượng dầu tràn đổ trong trường hợp sự cố xảy ra.

2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Để đảm bảo công tác an toàn trong phòng chống cháy nổ, thực tế khi nhà máy đi vào hoạt động để kiểm soát nguy cơ mất an toàn của các nguồn phát sinh nhiệt, Công ty sẽ không tự nấu ăn do đó kéo theo sẽ không phát sinh nước thải khu vực nhà ăn. Bên cạnh đó, Công ty cũng quy định không rửa xe trong Công ty, do đó sẽ không phát sinh nước rửa xe.

- Ngoài bể tự hoại, Công ty đầu tư thêm trạm xử lý nước thải sinh hoạt với công suất 10 m³/ngày, đảm bảo yêu cầu cho nước thải đầu vào của Khu CN Đình Vũ. Nước thải sinh hoạt sau xử lý chảy vào hố ga chung rồi đưa vào hệ thống xử lý nước thải của KCN theo đường ống Ø300.

3. Hệ thống xử lý hơi bụi, dầu

- Thiết bị xử lý hơi dầu có dạng bồn hình trụ, có lớp lọc dạng lưới thép, hoạt động theo nguyên lý:

+ Bước 1: Các hạt bụi dầu đi vào hệ thống va chạm với tấm chắn tại lối vào và bị ngưng tụ tại đây sau đó chảy xuống phía dưới dưới tác dụng của trọng lực, phân khí tiếp tục đi lên.

+ Bước 2: Trước khi ra khỏi thiết bị tách dầu dòng khí tiếp tục đi qua lớp lưới lọc thép tiêu chuẩn với thông số kỹ thuật chiều cao 150mm, đường kính 800mm, được đảm bảo chất lượng bởi Công ty Goto Shoji – Nhật Bản để loại bỏ hoàn toàn các bụi dầu còn sót lại đến kích thước 0,5µm, sau đó dòng khí được thoát ra môi trường dưới tác dụng của máy thổi khí. Đây là công nghệ rất phổ biến được ứng dụng trong các nhà máy chế biến các sản phẩm dầu mỏ, được công ty áp dụng cho toàn bộ các công ty khác trong tập đoàn và chứng minh hiệu quả lọc bụi dầu tới 98%. Lợi ích của việc áp dụng công nghệ này là giúp loại bỏ sự phát sinh các chất thải nguy hại như lớp hấp phụ nhiễm dầu (cellulose, xơ bông) mà vẫn đảm bảo hiệu quả hoạt động, thân thiện hơn với môi trường.

4. Chất thải rắn nguy hại

- Toàn bộ lượng cặn dầu thải từ quá trình lọc, vệ sinh đường ống cũng như thùng dầu thải Công ty không bán mà thu gom xử lý như chất thải nguy hại (thu gom vào kho và hợp đồng với đơn vị chức năng đem đi xử lý).

- Đối với phần dầu rơi vãi tại vị trí kết nối với xe bồn thì sẽ đặt các máng, xô chuyên dụng hứng ở phía dưới, và dùng giẻ lau, giấy thấm dầu hoặc bột thấm dầu để thu gom phần vương vãi còn lại nếu có. Tuy nhiên, trong thực tế lượng dầu này thường phát sinh không đáng kể.

5. Sự cố tràn dầu

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

Chiều cao của đê bao khu bể chứa dầu phải áp dụng theo TCVN 5307:2009 về Kho dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ - Yêu cầu thiết kế như cam kết trong chương I của báo cáo đánh giá tác động môi trường. Khi áp dụng tiêu chuẩn này thì chiều cao đê kè chắn quanh khu vực bồn bể phải cao hơn 0,2m so với mức chất lỏng trong bể chứa lớn nhất chảy tràn (chứa đủ thể tích của bể có dung tích thô lớn nhất), vì thế, trong quá trình thi công công trình, bên thiết kế đã tính toán lại chiều cao đê khu vực chứa bể gốc này là 0,9m.

- Khu bể trộn ngoài trời: Chiều cao đê này điều chỉnh thành 0,75m.

+ Bể chứa FO: Thực tế diện tích của khu vực bồn này là 75 m² chứ không phải 10 m² như trong ĐTM nên chiều cao thực tế giảm xuống vẫn theo TCVN 5307:2009 là 0,7m.

6. Nhiên liệu sử dụng nội hơi:

Trong thực tế vận hành, Công ty đã lựa chọn nhiên liệu sử dụng cho đốt nội hơi là dầu hỏa hay còn gọi là kerosen là phân đoạn nhẹ hơn trong quá trình chưng cất dầu mỏ (nhiệt độ sôi từ 150-275°C và mạch cacbon từ C12-C15. Ưu điểm của dầu hỏa so với dầu Diesel là khi cháy cung cấp nhiệt lượng cao, cháy hoàn toàn ít để lại cặn và sản phẩm sau khi cháy có thành phần oxit lưu huỳnh thấp do hàm lượng hợp chất chứa lưu huỳnh thấp. Tuy giá thành nhiên liệu dầu hỏa cao hơn nhưng xét thấy phục vụ mục tiêu bảo vệ môi trường cũng như tăng tuổi thọ, an toàn cho buồng đốt, thiết bị nội hơi Công ty đã quyết định lựa chọn dầu hỏa là nhiên liệu chính.

Hiện tại, Nhà máy không tăng quy mô, công suất; không thay đổi công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý chất thải so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường. Công ty đã thực hiện đầy đủ việc quan trắc chất thải định kỳ theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Căn cứ khoản 2 Điều 39 và điểm c khoản 3 Điều 41 Luật BVMT năm 2020, Nhà máy thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường và thẩm quyền cấp phép là Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của “Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam” trình Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp phép.

CHƯƠNG II.

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

2.1.1. Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

Căn cứ Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 về phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, khoản 3 Điều 1 đã nêu nhiệm vụ về bảo vệ môi trường là giảm thiểu tác động đến môi trường từ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại. Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam đã và sẽ triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường thích hợp theo phân vùng môi trường nhằm kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu tác động của ô nhiễm môi trường đến sự sống và phát triển bình thường của con người và sinh vật. Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam đã và sẽ tổ chức phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường và yêu cầu kỹ thuật.

2.1.2. Quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

** Đối với thành phố Hải Phòng*

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, Cơ sở nằm trong vành đai phát triển công nghiệp, dịch vụ từ cảng Lạch Huyện đến phía Bắc (huyện Thủy Nguyên).

** Đối với Khu công nghiệp Đình Vũ*

- Khu công nghiệp Đình Vũ - Giai đoạn I có diện tích là 164 ha đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường tại Quyết định số 97/QĐ-STNMT ngày 01/9/2009. Khu công nghiệp Đình Vũ - Giai đoạn II có diện tích là 377,46 ha đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 537/QĐ-BTNMT ngày 24/3/2009; cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 81/GXN-TCMT ngày 20/7/2015; cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2842/GP-BTNMT ngày 05/11/2015. Do vậy, Khu công nghiệp Đình Vũ đã đáp ứng được các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho việc hoạt động của các dự án, cơ sở.

- UBND thành phố Hải Phòng đã ban hành Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 20/01/2012 của về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp Đình Vũ – Giai đoạn 2. Theo đó, lô CN5.2E được quy hoạch là đất công nghiệp hoá chất, hoá dầu, công nghiệp liên quan đến cảng hàng lồng, như vậy là phù hợp với loại hình sản xuất, kinh doanh của Cơ sở.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

- Theo Báo cáo hiện trạng môi trường thành phố Hải Phòng năm 2023 do Trung tâm Quan trắc môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện, các kết quả quan trắc hiện trạng chất lượng môi trường tại khu vực Khu công nghiệp Đình Vũ đều đạt Quy chuẩn cho phép. Như vậy, môi trường tại khu vực hoạt động của Cơ sở hiện chưa có dấu hiệu ô nhiễm, còn có khả năng chịu tải.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh của Cơ sở (lớn nhất là khoảng 10 m³/ngày) sẽ được thu gom, xử lý đạt yêu cầu của KCN Đình Vũ, sau đó xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Đình Vũ. Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đình Vũ có công suất là 6.000 m³/ngày đêm. Khối lượng nước thải thực tế hiện nay được thu gom về hệ thống xử lý tập trung của KCN Đình Vũ trung bình là khoảng 2.250 m³/ngày. Do đó, hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đình Vũ còn đủ khả năng tiếp nhận nước thải sinh hoạt phát sinh từ Cơ sở.

- Cơ sở có phát sinh bụi, khí thải từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh với tổng lưu lượng nguồn thải là < 20.000 m³/giờ và nằm trong Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An. Do vậy, để đảm bảo khả năng chịu tải của môi trường, Cơ sở phải thu gom, xử lý bụi, khí thải đảm bảo đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B; Kp = 1,0; Kv = 0,6).

CHƯƠNG III.
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Nhà máy trong quá trình vận hành có làm phát sinh nước mưa không nhiễm dầu và nước mưa nhiễm dầu. Công trình thu gom, thoát nước mưa không nhiễm dầu của Nhà máy như sau:

- Nước mưa trên mái các công trình tự chảy về các phễu thu vào các đường ống đứng PVC có đường kính D160. Toàn bộ nước mưa trên mái các công trình và nước mưa chảy qua đường nội bộ sẽ được thu gom vào hệ thống mương thoát nước hở, bố trí xung quanh nhà máy.

- Đối với nước mưa từ sàn khu bồn chứa dầu gốc (khu bồn dầu số 1, 2 và 3, bồn dầu FO) được thu gom bằng đường rãnh BTXM B300, bố trí hố van chặn nằm ngoài đề bao, van này ở tình trạng luôn đóng. Hàng ngày, công nhân vận hành đi kiểm tra bồn dầu, trong trường hợp không xảy ra sự cố tràn đổ, rò rỉ dầu làm dầu tràn xuống sàn khu bồn chứa dầu gốc thì tiến hành mở van để nước mưa được xả vào bể tách dầu 4 ngăn, dung tích 6,75 m³/bể của khu bồn dầu và đi ra hệ thống mương thoát nước mặt.

Mương thoát nước mặt được xây dựng bằng gạch hoặc bê tông cốt thép theo dạng mương hở, có kích thước rộng từ 0,4-0,5m và sâu 1m. Tại những vị trí qua đường, mương được xây bê tông cốt thép, trên khu vỉa hè trồng cỏ, mương được xây bằng gạch. Tại các vị trí có phương tiện hoặc đường lưu thông nội bộ đi ngang qua sử dụng nắp đậy các hố ga, mương thoát nước bằng tấm lưới thép. Riêng khu đất dự phòng dành cho dự án trong tương lai, nước mưa tự ngấm và có mương đất để thu gom nước mưa tràn mặt đưa về hệ thống mương thoát nước mặt trên.

Để đảm bảo nước mưa được sạch không nhiễm dầu, Nhà máy đã xây dựng 2 bể tách dầu tập trung, dung tích 24,5 m³/bể, đặt tại vị trí trước cửa xả nước mưa 40m, để thu tách được toàn bộ lượng dầu rơi vãi có thể phát sinh lẫn trong nước mưa chảy qua đường nội bộ.

Toàn bộ nước mưa tràn mặt của cơ sở sau khi thu gom qua hệ thống mương thoát nước hở sẽ chảy vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp Đình Vũ qua 2 cửa xả đặt dọc bên đường khu đất nhà máy.

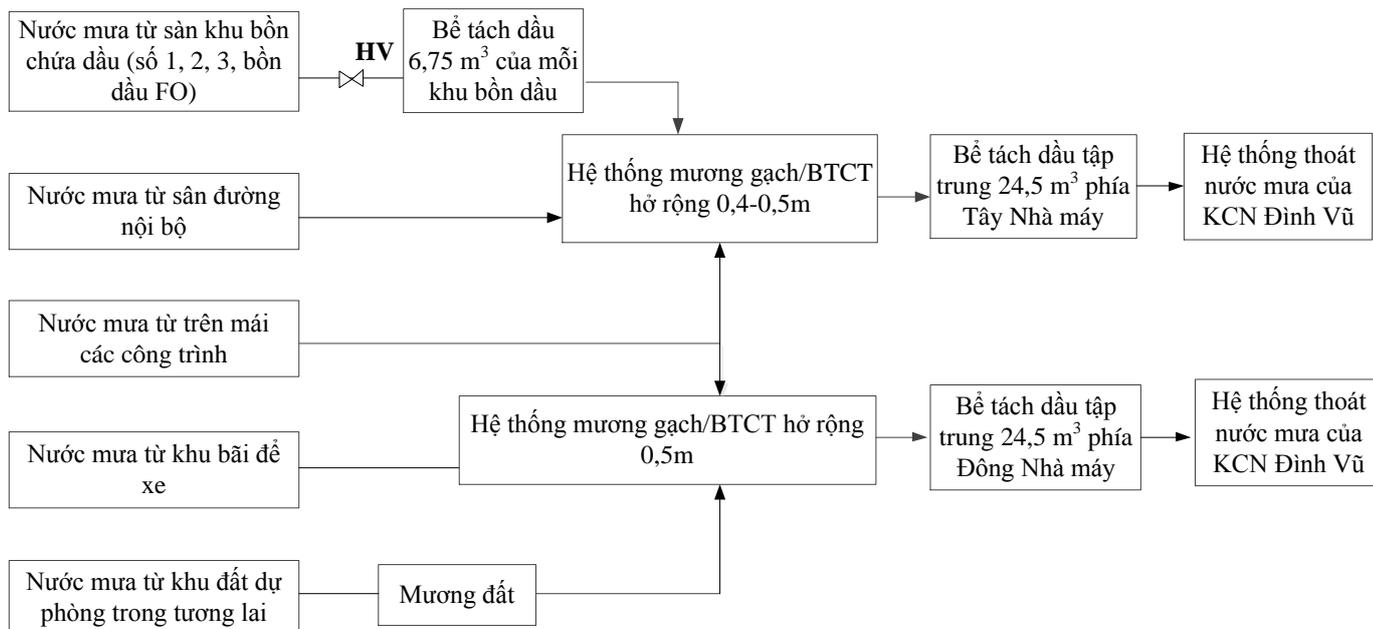
+ 01 điểm xả tại ngay sát tường rào phía Tây nhà máy.

+ 01 điểm xả ra ngay sát tường rào phía Đông nhà máy.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

Phương thức xả nước mưa là tự chảy.

Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa chảy tràn của Nhà máy như sau:



Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa chảy tràn của Nhà máy

Các biện pháp kiểm soát ô nhiễm do nước mưa

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo dưỡng, kịp thời khắc phục khi có sự cố hệ thống đường ống, mương dẫn thu thoát nước mưa và các hố ga, hố van.
- Thường xuyên vệ sinh công nghiệp, định kỳ nạo hút bùn cặn của hệ thống đường ống thu thoát nước mưa và các hố ga, hố van.
- Kiểm soát nguyên nhiên vật liệu và các chất thải phát sinh, đảm bảo không để nguyên nhiên vật liệu và các chất thải phát tán ra sân đường, nền bãi.

Sơ đồ thoát nước mưa của Nhà máy thể hiện trên hình sau:

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

*** Nguồn phát sinh nước thải:**

Các nguồn phát sinh nước thải tại Nhà máy bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp. Cụ thể như sau:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ: (1) Hoạt động sinh hoạt của các cán bộ, công nhân viên tại khu nhà vệ sinh và (2) Nước rửa chén bát khu vực nhà bếp (không có hoạt động nấu ăn), nước thoát sàn.

- Nước thải công nghiệp phát sinh từ: (1) Nước mưa nhiễm dầu từ rãnh bao quanh các bồn chứa dầu gốc, sàn khu cụm van trạm bơm dầu gốc, sàn khu bồn chứa dầu gốc (khu bồn dầu số 1), sàn khu bồn chứa phụ gia, sàn khu cụm van trạm bơm phụ gia (khu bồn dầu số 2), sàn khu cụm van nhập nguyên liệu vào bể pha trộn (khu bồn dầu số 3) và bể chứa dầu FO; (2) Nước tưới mát bồn chứa nhiễm dầu khi xảy ra sự cố cháy nổ tại khu bồn chứa dầu gốc, khu bồn chứa phụ gia, bể pha trộn và bể chứa dầu FO; (3) Nước xả đáy nồi hơi; (3) Nước thải từ quá trình pha trộn và vệ sinh bồn sản phẩm dầu pha nước.

- Nước thải phát sinh từ phòng thí nghiệm nhiễm dầu và nhiều loại hóa chất có tính chất nguy hại được quản lý như chất thải nguy hại khác phát sinh tại Nhà máy.

*** Lượng nước thải phát sinh**

- Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh: Tổng số cán bộ, công nhân viên làm việc tại Nhà máy là khoảng 126 người. Căn cứ vào hoá đơn thu tiền nước hàng tháng, lượng nước sử dụng hiện tại của Nhà máy trung bình là khoảng 415,3 m³/tháng (tương đương 13,8 m³/ngày), trong đó lượng nước sử dụng cho sinh hoạt là khoảng 7,3 m³/ngày, tưới cây là 0,5 m³/ngày, cho nồi hơi là khoảng 5,2 m³/ngày, pha chế sản phẩm dầu gốc nước là khoảng 0,8 m³/ngày. Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, lượng nước thải sinh hoạt được tính bằng 100% lượng nước cấp cho sinh hoạt. Do đó, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ Nhà máy theo hệ thống đường dẫn, các hố ga rồi đưa về xử lý sơ bộ tại trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của Nhà máy sau đó xả vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Đình Vũ là khoảng 7,3 m³/ngày.

- Lượng nước thải công nghiệp phát sinh:

+ Lượng nước mưa nhiễm dầu và nước tưới mát bồn chứa nhiễm dầu phát sinh phụ thuộc vào cường độ mưa, mức độ sự cố tràn dầu và mức độ sự cố cháy nổ nếu xảy ra.

Theo tài liệu Sử dụng và bảo quản nguồn nước sạch, nồng độ chất bẩn sẽ giảm dần theo thời gian và cường độ mưa, thường trong khoảng 10-15 phút đầu của các trận

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

mưa. Theo số liệu trong Niên giám thống kê của Cục thống kê Hải Phòng năm 2021 thì lượng nước mưa vào tháng 7 là 288mm. Giả thiết trong tháng 7 có 1 ngày mưa và mưa liên tục trong 24 tiếng thì lượng nước mưa lớn nhất trong ngày là 288mm. Lượng nước mưa trung bình phút là: $288 \text{ mm/ngày} : (24 \times 60) = 0,2 \text{ mm/phút}$.

Lượng nước mưa nhiễm dầu trong 15 phút đầu trận mưa được tính toán như sau:

V nước mưa nhiễm dầu = $(S \times 0,2 \times 15)/1.000 = (6.180,6 \times 0,2 \times 15)/1.000 = 18,54 \text{ m}^3$. (Trong đó: S- Diện tích khu vực có dầu rơi vãi, bao gồm khu bồn dầu 1,2,3 và khu vực xe container là $6.180,6 \text{ m}^2$). Vậy, lưu lượng nước mưa chảy qua khu vực bể chứa có khả năng nhiễm dầu trong 15 phút đầu trận mưa là $18,54 \text{ m}^3$.

Lượng nước mưa này sẽ được lưu giữ tạm thời trong đê bao bồn dầu (van xả luôn đóng). Sau khi kiểm tra tình trạng nhiễm dầu, lượng nước nhiễm dầu này (nếu có) sẽ được xử lý trong khu đê bao, nếu không nhiễm dầu hoặc chỉ có rất ít váng dầu thì người kiểm tra sẽ mở van để nước chảy qua bể tách nước nhiễm dầu của mỗi khu bồn dầu gồm 05 bể tách nước nhiễm dầu thể tích $6,75 \text{ m}^3/\text{bể}$. Tổng thể tích của 05 bể tách nước nhiễm dầu của 03 khu bồn dầu là $5 \times 6,75 \text{ m}^3/\text{bể} = 33,75 \text{ m}^3$. Váng dầu thải tại bể tách nước nhiễm dầu được thấm hút bằng tấm thấm hút dầu và thu gom như chất thải nguy hại. Nước sau xử lý tiếp tục theo mương dẫn hở chảy vào bể tách dầu tập trung dung tích $24,5 \text{ m}^3$ tại phía Tây Nhà máy và cuối cùng chảy vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp Đình Vũ.

+ Nước xả đáy nồi hơi phát sinh hàng ngày khoảng $3-5 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Tính chất của nước xả đáy nồi hơi là tương đối sạch, tuy nhiên có chứa cặn lắng và nhiệt độ cao.

+ Nước thải phát sinh từ quá trình pha trộn và vệ sinh bồn sản phẩm dầu pha nước: Nước cấp từ KCN Đình Vũ – DEEP C được dẫn nổi và đưa vào hệ thống lọc RO đặt ở khu vực tầng 3 phục vụ cho việc pha trộn các sản phẩm dầu gốc nước trong bể trộn đặt ở tầng 4. Do đó, nước dùng để vệ sinh bồn bể pha trộn, đường ống từ công đoạn sản xuất hoặc nếu sản phẩm pha trộn bị hỏng sẽ được thu gom, quản lý và loại bỏ như CTNH.

- Lượng nước thải phát sinh từ phòng thí nghiệm: Dung môi thải (gồm cả hoá chất tẩy rửa) phát sinh trung bình hàng tháng là $47,3 \text{ kg /tháng}$ được thu gom vào thùng chứa và quản lý như chất thải nguy hại khác phát sinh tại Nhà máy.

*** Công trình thu gom nước thải:**

Nhà máy đã có hệ thống thu gom nước thải để đưa về các công trình xử lý gồm hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt và hệ thống thu gom nước thải công nghiệp (nước mưa nhiễm dầu và nước tưới mát bồn chứa nhiễm dầu trong trường hợp cần phun làm mát bồn, hoặc diễn tập PCCC). Cụ thể như sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

** Hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt*

Nước thải sinh hoạt bao gồm nước thải từ khu nhà vệ sinh, nước thoát sàn và nước thải từ khu nhà bếp sẽ theo đường ống nhựa uPVC D125 - D150 thu gom vào 8 hố ga kích thước 0,8×0,8m và 01 hố bơm kích thước 1,8×1,8m để xử lý sơ bộ trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 10 m³/ngày của Nhà máy. Nước thải sinh hoạt sau xử lý sẽ theo đường ống nhựa uPVC D76 - D125 và 2 hố ga kích thước 0,8×0,8m chảy vào hố ga đầu nối nước thải của KCN Đình Vũ và theo ống HDPE Φ300 chảy vào hệ thống thu gom nước thải chung dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đình Vũ.

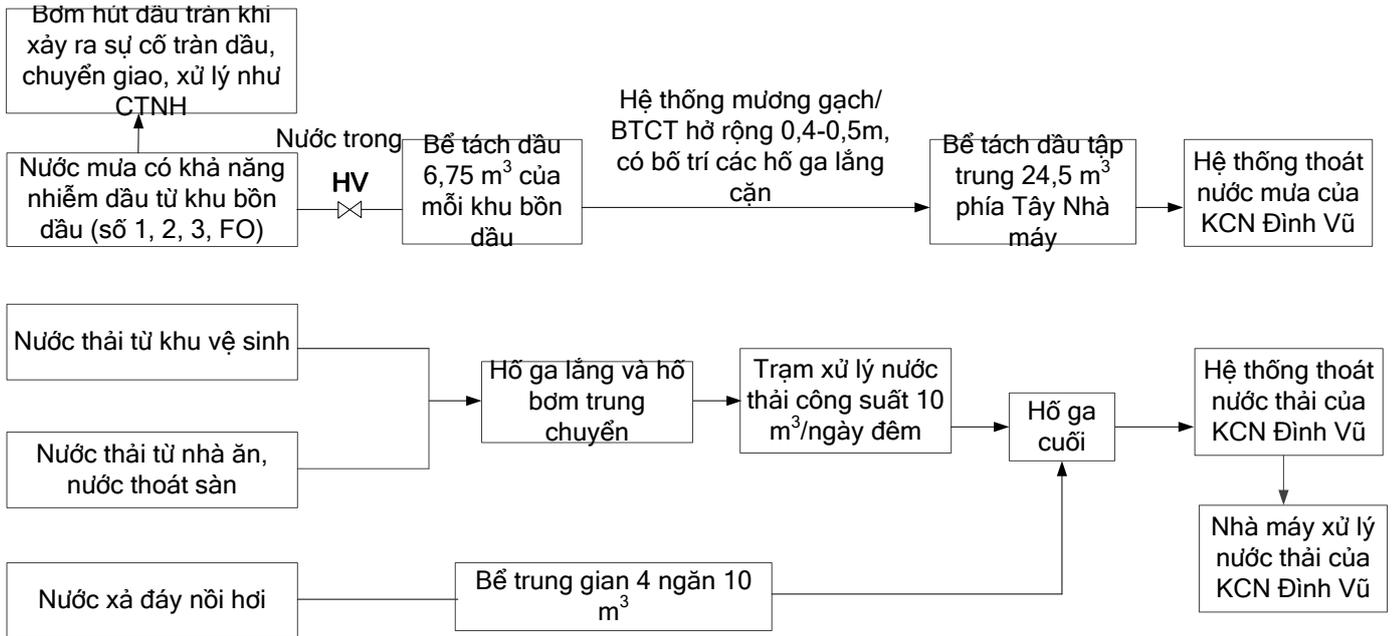
** Hệ thống thu gom, thoát nước thải công nghiệp (nước mưa nhiễm dầu; nước tưới mát bồn chứa nhiễm dầu và nước xả đáy nồi hơi)*

- Nước nhiễm dầu từ khu bồn dầu: Trong trường hợp xảy ra sự cố tràn dầu (chủ yếu là do sự cố đổ vỡ bồn chứa dầu) thì vẫn đóng chặt van ngoài đê bao bồn dầu để xử lý sự cố trong đê bao trước. Công ty sẽ thuê đơn vị bơm hút dầu tràn trước khi xả nước rửa bề mặt khu bồn chứa. Sau khi đã xử lý sự cố xong, mở van ngoài đê bao để đưa lượng nước nhiễm dầu còn sót lại về bể tách dầu 4 ngăn thể tích 6,75 m³ của mỗi khu bồn để thu hồi nốt lượng dầu còn lại. Nước sau xử lý sẽ theo đường ống PVC D150 đầu nối vào các mương hở bằng gạch hoặc BTCT chạy dọc xung quanh bồn dầu rộng 0,4m rồi dẫn về bể tách dầu tập trung thể tích 24,5 m³ đặt tại phía Tây Nhà máy để xử lý triệt để trước khi thoát ra mương gạch hở rộng 0,5m chảy vào hố ga đầu nối với hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp ở phía Tây Nhà máy.

- Nước xả đáy nồi hơi: Theo đường ống dẫn bằng thép carbon, đường kính 3 inch đi theo đường ống dẫn trong lòng mương gạch hở rộng 0,5m về bể trung gian 4 ngăn thể tích 10 m³ để xử lý lắng cặn và giảm nhiệt rồi chảy vào hố ga đầu nối với hệ thống thoát nước thải của Khu công nghiệp.

Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của Nhà máy như sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
 của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
 – Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam



Hình 3.3. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của Nhà máy

*** Công trình xử lý nước thải:**

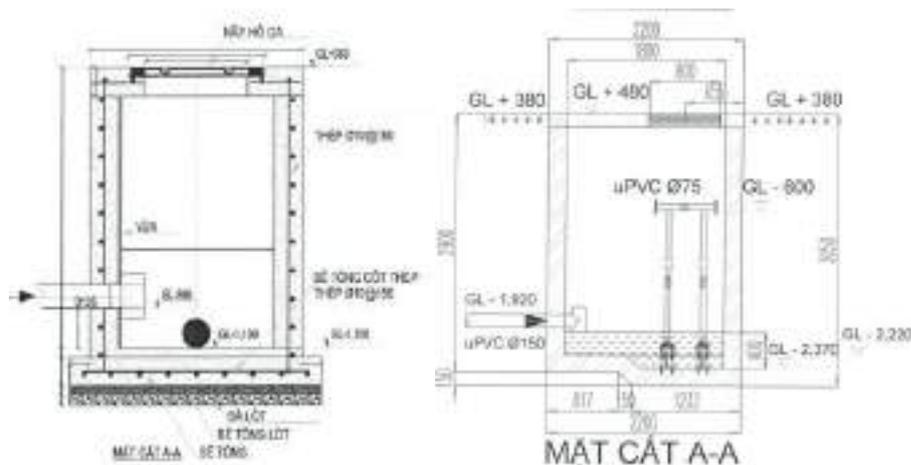
Các công trình xử lý nước thải của Nhà máy gồm công trình xử lý nước thải sinh hoạt và công trình xử lý nước thải công nghiệp (nước xả đáy nồi hơi, nước mưa nhiễm dầu và nước tưới mát bồn chứa nhiễm dầu). Cụ thể như sau:

a. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

Các công trình xử lý nước thải sinh hoạt hiện nay của Nhà máy bao gồm: 10 hố ga kích thước 0,8×0,8×1,3m, độ dốc đáy ống 10%, và 01 hố bơm kích thước 1,8×1,8×2,4m; 1 trạm xử lý nước thải tập trung công suất 10 m³/ngày.

*** Hố ga lắng và hố bơm trung chuyển:**

- Cấu tạo: Hố ga lắng và hố bơm trung chuyển có cấu tạo 1 ngăn, xây bằng bê tông cốt thép, nắp gang và đáy bể bằng đá lót, bê tông cốt thép đổ tại chỗ.



Hình 3.4: Sơ đồ cấu tạo hố ga lắng và hố bơm trung chuyển

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

- Nguyên lý hoạt động:

Nước thải đi qua hố ga lắng và hố bơm để lắng cặn và xử lý sơ bộ nước thải trước khi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung. Do tốc độ nước qua hố ga rất chậm nên quá trình lắng cặn trong ngăn lắng có thể xem như quá trình lắng tĩnh. Dưới tác dụng của trọng lực các cặn sẽ lắng dần xuống đáy hố. Tại đây các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy nhờ hoạt động của các vi sinh vật kỵ khí. Cặn lắng được phân hủy sẽ giảm mùi hôi, chất hữu cơ và thể tích. Tốc độ phân hủy chất hữu cơ nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, độ pH của nước thải và lượng vi sinh vật có mặt trong lớp cặn. Định kỳ 6 tháng/lần, Chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng đến nạo hút bùn cặn tại các hố ga lắng (dự kiến là Công ty TNHH MTV Thoát nước Hải Phòng).

- Thể tích hố ga lắng: trung bình 0,8 m³/hố.

Thể tích hố bơm trung chuyển: 7,8 m³.

- Vị trí xây dựng: Xây dựng dọc khu nhà văn phòng và khu xưởng sản xuất dẫn về khu vực trạm xử lý nước thải tập trung của Nhà máy và hố ga đầu nối thoát nước thải của Khu công nghiệp.

** Hệ thống xử lý nước thải tập trung*

- Cấu tạo: Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 10 m³/ngày đêm là module hợp khối bằng vật liệu FRP bao gồm các khoang: 01 khoang thu mỡ; 01 khoang nước thải thô; 01 khoang khử nitơ; 01 khoang nitrat hóa; 01 khoang lắng; 01 khoang xả; 01 khoang chứa bùn. Kích thước các bể như sau:

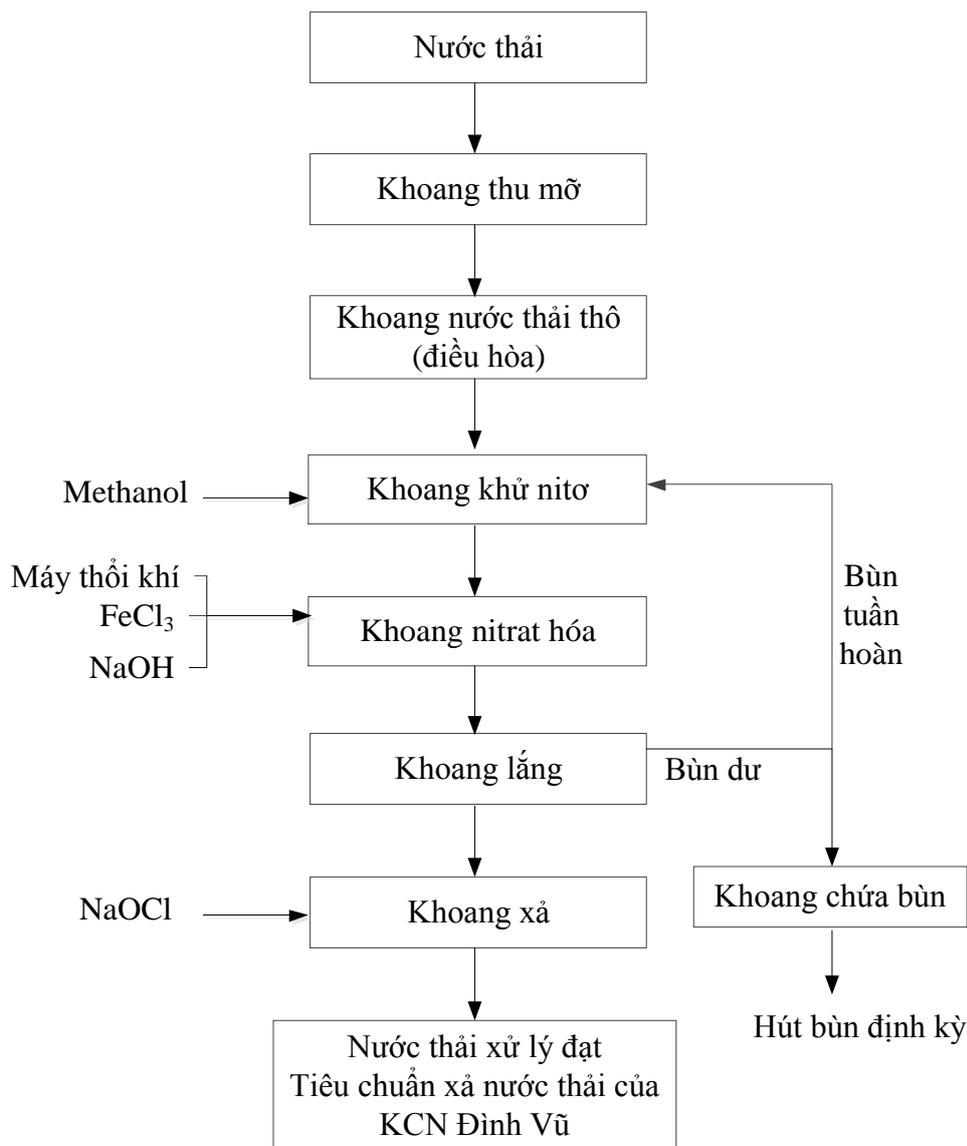
Bảng 3.1. Cấu tạo các bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung

STT	Hạng mục	Số lượng (bể)	Thông số	Thời gian lưu nước (h)
1	Khoang thu mỡ	01	- Chiều cao toàn phần: 2,5m - Chiều cao hữu dụng: 1,82m - Kích thước: H×L = 1,82×0,695m. - Thể tích: 1,2 m ³ .	2,9
2	Khoang nước thải thô (điều hòa)	01	- Chiều cao toàn phần: 2,5m - Chiều cao hữu dụng: 1,82m - Kích thước: H×L×B = 1,82×1,25×2,2m - Thể tích: 5 m ³ .	12,0
3	Khoang khử nitơ	01	- Chiều cao toàn phần: 2,5m - Chiều cao hữu dụng: 1,82m	14,4

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

			- Kích thước: H×L×B = 1,82×1,45×2,2m - Thể tích: 6 m ³ .	
4	Khoang Nitrat hóa	01	- Chiều cao toàn phần: 2,5m - Chiều cao hữu dụng: 1,82m - Kích thước: H×L×B = 1,82×3,1×2,2m - Thể tích: 13m ³ .	31,2
5	Khoang lắng	01	- Chiều cao toàn phần: 2,5m - Chiều cao hữu dụng: 1,82m - Kích thước: H×L×B = 1,82×1,0m×2,2m - Thể tích: 4,0 m ³ .	9,6
6	Khoang chứa bùn	01	- Chiều cao toàn phần: 2,5m - Chiều cao hữu dụng: 1,82m - Kích thước: H×L×B = 1,82×0,75×2,2m - Thể tích: 3,0 m ³ .	7,2
7	Khoang xả	01	- Chiều cao toàn phần: 2,5m - Chiều cao hữu dụng: 1,82m - Kích thước: H×L×B = 1,82×0,695m - Thể tích: 1,5 m ³ .	3,6

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam



Hình 3.5. Quy trình công nghệ xử lý nước thải của Dự án

- Thuyết minh quy trình công nghệ:

Khoang thu mỡ: Nước thải trước khi đi vào các khoang xử lý trong hệ thống sẽ được loại bỏ bớt các tạp chất dầu, mỡ tại hố ga lắng.

Khoang nước thải thô: Nước thải từ khoang thu mỡ được chảy tràn qua khoang nước thải thô để điều hòa, ổn định lưu lượng nước thải. Từ khoang này, nước thải được chuyển đến khoang khử nitơ bằng bơm chìm. Đồng thời khoang này cũng có vai trò làm khoang chứa nước thải khi hệ thống dừng lại để sửa chữa hoặc bảo trì trong thời gian nhất định.

Khoang khử nitơ: Khoang này được thiết kế để loại bỏ hợp chất chứa nitơ có trong nước thải. Bởi vì hàm lượng nitơ tổng và amonia của nước thải đầu vào cao. Vì thế Methanol được châm vào liên tục với liều lượng xác định và máy khuấy trộn chìm được thiết kế để tăng hiệu quả của quá trình xử lý nitơ tổng và amonia.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

Khoang nitrat hóa: Tại bể này chất thải có trong nước thải được xử lý bằng bùn hoạt tính. Máy thổi khí được thiết kế để cung cấp khí cho vi sinh sống và phát triển. $FeCl_3$ được châm vào liên tục với liều lượng xác định để xử lý Phốt pho tổng và pH của nước thải được điều chỉnh bằng NaOH. NaOH được cấp vào bởi bơm riêng và hoạt động dựa trên tín hiệu nhận được từ đầu điều khiển pH đặt trong bể này.

Khoang lắng: Sau khi qua khoang nitrat hóa, nước được nhận vào khoang này, trong khoang này diễn ra quá trình lắng, phần nước trong sẽ tràn vào khoang xả để chứa nước ra, phần bùn lắng xuống được tuần hoàn về khoang khử Nitơ và bùn dư định kỳ xả vào khoang chứa bùn bằng cách mở van bằng tay.

Khoang xả (chứa nước ra): Trước khi thải ra công, nước được khử trùng bằng NaOCl được đặt vào với liều lượng xác định. Từ khoang này, nước sau xử lý tự chảy tràn theo đường ống ra công và nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn của khu công nghiệp Đình Vũ.

Khoang chứa bùn: Bùn dư từ khoang lắng được dẫn về và chứa trong khoang này. Bùn sẽ thuê đơn vị chức năng hút và đem đi xử lý.

- Các máy móc, thiết bị đã được lắp đặt:

Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật các máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung

STT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
1	Bơm chuyển nước thải	Cái	02	Bơm chìm, Q = 0,5 m ³ /h, P = 0,25 kW
2	Máy thổi khí	Máy	01	Công suất Q = 0,82 Nm ³ /min × 3mAq
3	Máy khuấy trộn chìm	Cái	01	Động cơ giảm tốc, P = 0,4kW
4	Bơm tuần hoàn	Cái	02	Công suất Q = 1 m ³ /h
5	Bơm Methanol 10%	Cái	01	Công suất 38cc/min × 0,016kW
6	Bơm hóa chất $FeCl_3$	Cái	01	Công suất 38cc/min × 0,016kW
7	Bơm NaOH 20%	Cái	01	Công suất 38cc/min × 0,016kW

+ Hóa chất sử dụng:

Bảng 3.3. Danh mục hóa chất sử dụng tại hệ thống xử lý nước thải tập trung

STT	Tên hóa chất	Đơn vị	Số lượng
1	Methanol 10%	kg/ngày	0,5

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
 của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
 – Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

STT	Tên hóa chất	Đơn vị	Số lượng
2	NaOH 20%	kg/ngày	3,93
3	FeCl ₃	kg/ngày	0,5
4	Chất khử trùng TCCA - Trichloroisocyanuric acid (C ₃ Cl ₃ N ₃ O ₃)	kg/ tháng	1,0

b. Công trình xử lý nước thải công nghiệp

* Đối với nước mưa nhiễm dầu và nước tưới mát bồn (nếu có sự cố cháy) của khu bồn dầu:

b1. Bể tách nước nhiễm dầu xử lý nước mưa nhiễm dầu từ sàn khu bồn dầu, sàn khu bồn chứa phụ gia, sàn khu cụm van trạm bơm dầu, phụ gia, sàn khu cụm van nhập nguyên liệu, khu bể chứa nhiên liệu Kerosene.

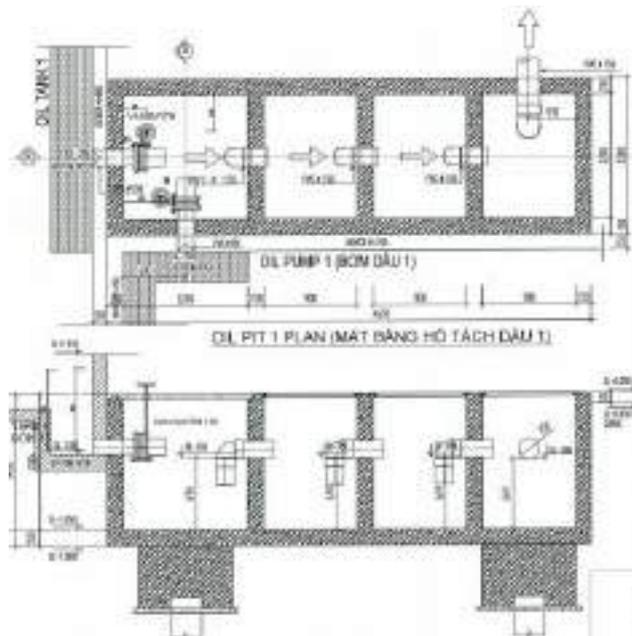
- *Cấu tạo*: Bể có 4 ngăn liên tiếp, trong đó ngăn đầu có van chặn. Bể được xây bằng gạch vữa xi măng, móng đổ BTCT, tường và nền lát xi măng chống thấm.

Số lượng và thể tích bể tách dầu của mỗi khu bồn dầu cụ thể như sau:

Bảng 3.4. Thông số của các bể tách dầu trong khu bồn dầu

STT	Tên khu bồn dầu	Số lượng bể tách dầu	Thông số kỹ thuật	Tổng thể tích (m ³)
1	Khu bồn dầu số 1 (chứa dầu gốc)	02	- Kích thước: B×L×H=4,35×1,2×1,3m - Thể tích: 6,75 m ³ /bể	13,5
2	Khu bồn dầu số 2 (chứa phụ gia)	01	- Kích thước: B×L×H=4,35×1,2×1,3m - Thể tích: 6,75 m ³	6,75
3	Khu bồn dầu số 3 (bồn trộn dầu bôi trơn công nghiệp)	01	- Kích thước: B×L×H=4,35×1,2×1,3m - Thể tích: 6,75 m ³	6,75
4	Khu bồn Kerosene	01	- Kích thước: B×L×H=4,35×1,2×1,3m - Thể tích: 6,75 m ³	6,75
Tổng		05		33,75

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
 của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
 – Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam



Hình 3.6. Sơ đồ cấu tạo bể tách dầu trong khu bồn dầu của Nhà máy

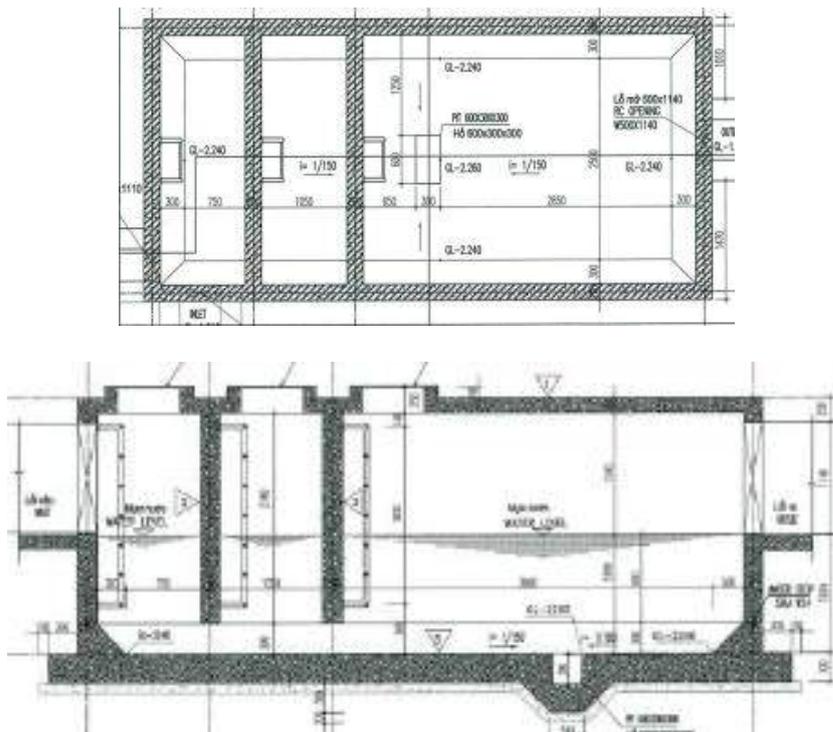
+ Nguyên tắc hoạt động của bể tách dầu khu bồn dầu: Khi có sự cố xảy ra, dầu và nước chảy ra rãnh của khu bồn dầu và bị chặn lại tại van xả của khu bồn dầu. Sau khi mở van xả của khu bồn dầu thì dầu và nước đi vào trong bể tách dầu, tại đây dầu nhẹ nổi lên phía trên và bị chặn lại bởi vách ngăn thứ nhất của bể tách dầu và được hút vào tấm thấm dầu đặt sẵn tại đây. Phần nước chảy qua phía dưới của vách ngăn và sang các ngăn tiếp theo rồi chảy vào hệ thống mương thoát nước hở. Phần dầu bị chặn lại tại vách ngăn và được hút bằng thiết bị hút dầu hoặc các tấm thấm dầu chuyên dụng.

b2. Bể tách dầu tập trung tại phía Tây Nhà máy:

Bảng 3.5. Thông số của bể tách dầu tập trung

STT	Vị trí bể tách dầu tập trung	Thông số kỹ thuật
1	Bể tách dầu nằm phía Tây Nhà máy (bể tách dầu 1)	- Chiều cao toàn phần: 2,59 m ³ - Chiều cao hữu dụng: 1,23 m ³ - Kích thước: B×L×H=3,1×6,2×1,23m - Thể tích: 24,5 m ³ + Ngăn 1: B×L×H=3,1×1,05×1,23m Thể tích: 4,0 m ³ + Ngăn 2: B×L×H=3,1×1,05×1,23m Thể tích: 4,0 m ³ + Ngăn 3: B×L×H=3,1×4,1×1,23m Thể tích: 15,6 m ³

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam



Hình 3.7. Sơ đồ cấu tạo bể tách dầu tập trung của Nhà máy

+ Nguyên tắc hoạt động của bể tách dầu tập trung: Nước mưa tràn mặt có nhiễm dầu được thu gom vào bể chứa và đi qua hệ thống tách dầu để tách dầu trước khi xả ra hố ga chung của Nhà máy. Hệ thống tách dầu gồm 3 ngăn có thể tích bằng nhau, các ngăn được nối với nhau bằng các ống nhựa PVC có đường kính D110 giúp bể hoạt động được theo nguyên tắc bình thông nhau.

Nước mưa nhiễm dầu dẫn vào ngăn bể thứ nhất được lưu khoảng 1 ngày để lắng bột cặn rắn có trong nước thải. Váng dầu trên lớp bề mặt được thu gom thủ công bằng tay (sử dụng ca mức trực tiếp thu gom vào thùng chứa). Nước trong sẽ thoát sang ngăn bể thứ 2 thông qua đường ống dẫn. Tại đây váng dầu còn sót lại trong nước mưa sẽ được tách vào máng thu còn nước trong tiếp tục được dẫn sang ngăn bể thứ 3 với quy trình tương tự. Nước mưa sau khi đi qua ba ngăn của hệ thống tách dầu sẽ thoát vào mương dẫn hờ đầu nối vào vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Đình Vũ. Dầu tách từ hệ thống xử lý sẽ được thu gom và quản lý cùng với các chất thải nguy hại khác.

* Đối với nước xả đáy nồi hơi:

Nước xả đáy nồi hơi được thu gom vào bể chứa 4 ngăn 10 m³ để lắng cặn, làm trong và giảm nhiệt, sau đó sẽ chảy vào hố ga thoát nước thải cuối trước khi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Deep C.

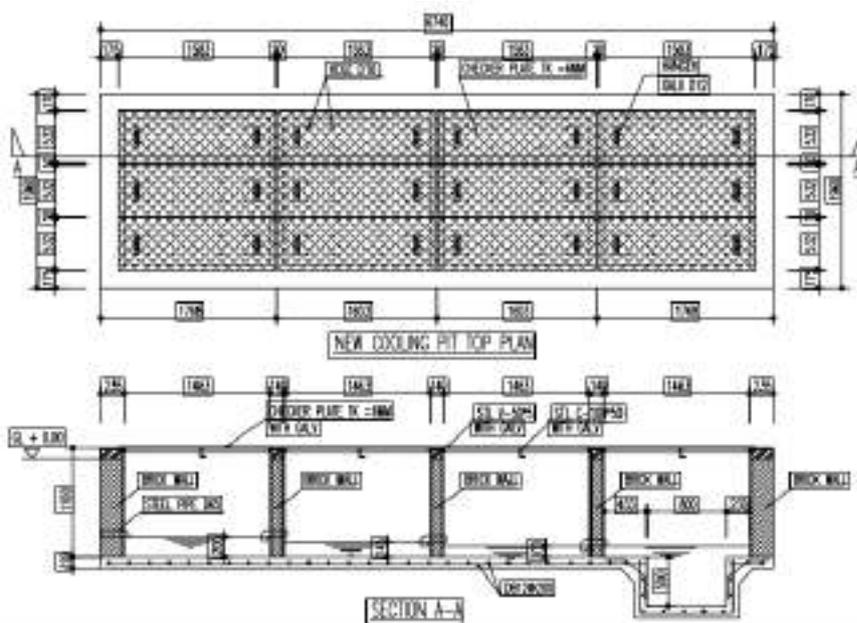
- Cấu tạo bể chứa nước xả đáy nồi hơi: Bể có 4 ngăn liên tiếp, được xây bằng gạch vữa xi măng, móng đổ BTCT, tường và nền lát xi măng chống thấm.

Thể tích các ngăn bể chứa nước xả đáy nồi hơi cụ thể như sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
 của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
 – Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

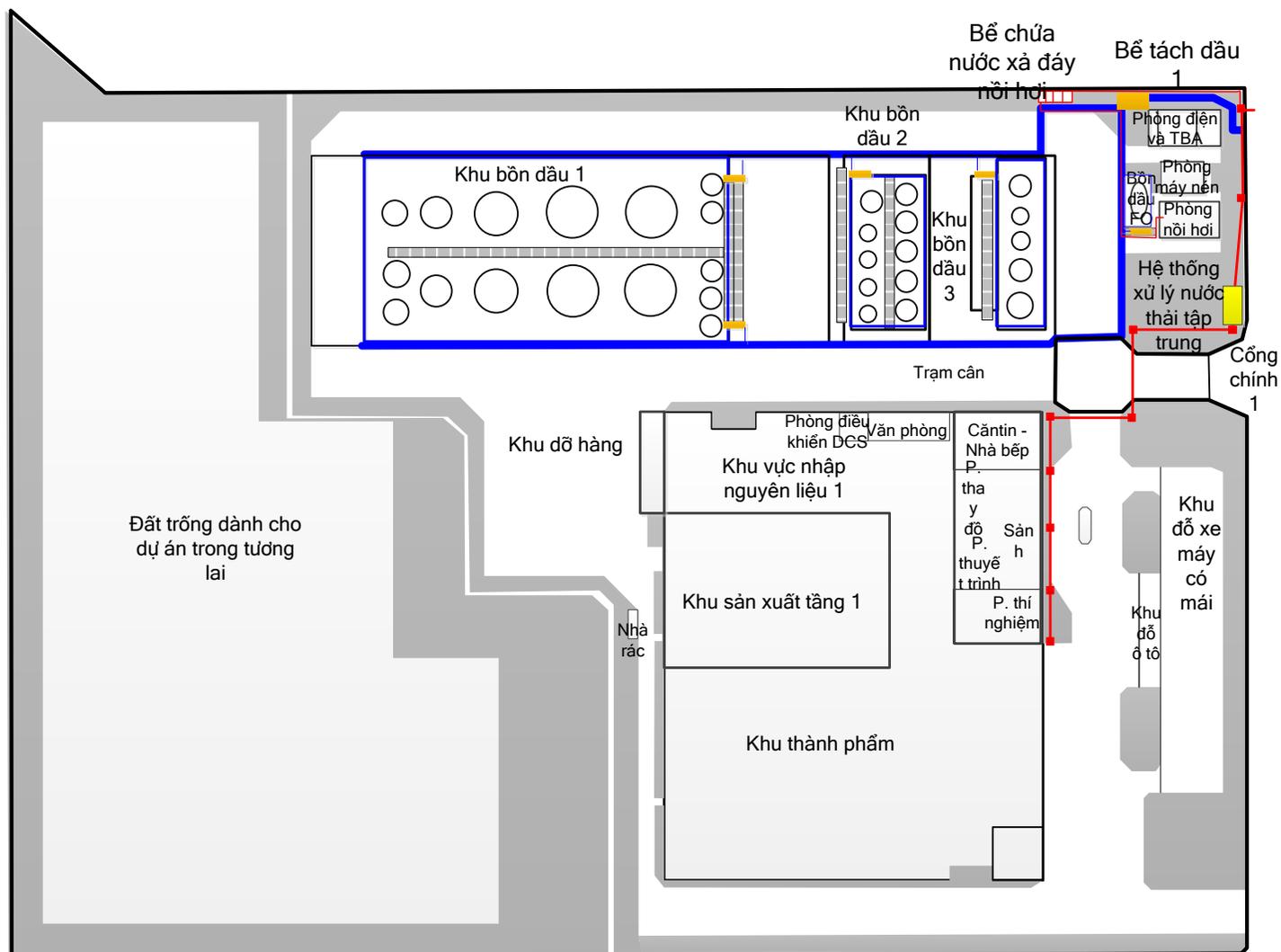
Bảng 3.6. Thông số của bể chứa nước xả đáy nồi hơi

STT	Vị trí bể chứa nước xả đáy nồi hơi	Thông số kỹ thuật
1	Bể chứa nước xả đáy nồi hơi nằm cạnh bể tách dầu phía Tây Nhà máy (bể tách dầu 1)	- Chiều cao toàn phần: 1,1 m ³ - Kích thước: B×L×H=1,49×5,85×1,1m - Thể tích: 10 m ³ + Ngăn 1: B×L×H=1,49×1,463×1,1m Thể tích: 2,5 m ³ + Ngăn 2: B×L×H=1,49×1,463×1,1m Thể tích: 2,5 m ³ + Ngăn 3: B×L×H=1,49×1,463×1,1m Thể tích: 2,5 m ³ + Ngăn 4: B×L×H=1,49×1,463×1,1m Thể tích: 2,5 m ³



- Nguyên lý hoạt động của bể chứa nước xả đáy nồi hơi dựa trên nguyên lý lắng trọng lực. Tại các ngăn lắng, cặn trong nước thải nồi hơi sẽ lắng xuống phía dưới đáy. Phần nước trong đã được giảm nhiệt sẽ thoát vào cống thoát nước thải của Công ty.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam



Hình 3.8. Sơ đồ thu gom nước mưa nhiễm dầu và nước thải sinh hoạt của Nhà máy

c. Các biện pháp giảm thiểu tác động của nước thải

Nhà máy tiếp tục thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của nước thải đến nguồn nước tiếp nhận, cụ thể như sau:

- Bố trí cán bộ phụ trách quản lý, vận hành đúng quy trình kỹ thuật của các công trình xử lý nước thải.
- Thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của các công trình xử lý nước thải, đảm bảo các công trình xử lý luôn hoạt động tốt nhất.
- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo trì và kịp thời sửa chữa hệ thống đường ống, các hố ga và các bể xử lý nước thải để tránh bị xuống cấp, hư hỏng.
- Định kỳ vệ sinh hệ thống đường ống, các hố ga; nạo hút bùn cặn tại các bể tự hoại, bể tách nước nhiễm dầu; vớt váng dầu mỡ tại bể tách dầu mỡ, bể tách nước nhiễm dầu.
- Tăng cường công tác vệ sinh công nghiệp, quản lý nguyên nhiên vật liệu sử dụng, chất thải phát sinh và thường xuyên quét dọn sân đường, nền bãi.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

** Nguồn phát sinh:*

Các nguồn phát sinh bụi, khí thải của Cơ sở bao gồm: (1) Bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm; (2) Bụi, khí thải từ công đoạn vận hành nồi hơi; (3) Hơi dầu từ hoạt động nhập, lưu trữ nguyên liệu trong bồn chứa; (4) Hơi dầu từ hoạt động pha trộn; (5) Hơi hoá chất từ hoạt động thí nghiệm nguyên liệu và sản phẩm;

Nhà máy hiện đang thực hiện các công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải và giảm thiểu tác động của bụi, khí thải đến môi trường như sau:

** Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động giao thông vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm:*

+ *Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên liệu bằng đường thủy*

- Tàu cập và xuất bến phải theo đúng lịch trình của Cảng vụ Hải Phòng và chỉ dẫn của người điều hành cảng.

- Tắt các máy móc, thiết bị không cần thiết khi tàu cập cảng để hạn chế lượng khí thải phát sinh.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

- Hoạt động bơm dầu gốc từ tàu vào bồn chứa của Nhà máy phải theo đúng quy trình và tiến hành nhanh chóng để tàu sớm rời cảng.

+ *Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm bằng đường bộ*

- Xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm phải được vệ sinh bùn đất từ các cơ sở bên ngoài (có chức năng) trước khi vào Nhà máy; phải chờ đúng trọng tải quy định, chạy đúng tốc độ và theo hướng dẫn của người điều hành trong Nhà máy.

- Khi vào trong Nhà máy, xe đỗ đúng nơi quy định, tắt máy khi không vận hành để giảm thiểu lượng khí thải sinh ra và lượng nhiên liệu tiêu hao.

- Tuyến đường nội bộ, khu vực sản xuất được dọn dẹp, giữ vệ sinh thông qua các hoạt động 5S, tuần tra an toàn hàng ngày, hàng tháng.

- Không sử dụng các phương tiện vận chuyển quá cũ, định kỳ duy tu, bảo dưỡng, đăng kiểm theo quy định và sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp -

* *Giảm thiểu bụi, khí thải từ công đoạn vận hành nồi hơi*

- Sử dụng nhiên liệu sạch, không có chì là dầu hỏa – kerosene để đảm bảo quá trình đốt cháy nhiên liệu trong nồi hơi đạt hiệu suất cao.

- Sử dụng đầu đốt dầu đạt tiêu chuẩn để đảm bảo quá trình đốt cháy nhiên liệu đạt hiệu suất cao; thường xuyên kiểm tra đầu phun dầu nhằm đảm bảo lượng dầu cung cấp vừa đủ để phản ứng cháy xảy ra hoàn toàn từ đó sẽ giảm được lượng bụi, khí thải sinh ra.

- Giám sát định kỳ nồng độ ô nhiễm (tần suất 3 tháng/lần) để kịp thời phát hiện sự cố. Công suất 2 quạt hút Boiler fan là: $2 \times 1.920 = 3.840 \text{ m}^3/\text{h}$.

- Trang bị đầy đủ quần áo bảo hộ lao động cá nhân cho công nhân vận hành nồi hơi để giảm thiểu tác động của bụi và khí thải từ nồi hơi tới sức khỏe.

* *Biện pháp giảm thiểu tác động của hơi dầu từ hoạt động nhập, lưu trữ nguyên liệu trong các bồn chứa*

- Hoạt động nhập và lưu trữ nguyên liệu (dầu gốc, phụ gia) phải được thực hiện trong hệ thống dây chuyền hoàn toàn khép kín, có khả năng tự động hoá cao gồm các máy bơm, đường ống và bồn chứa.

- Kiểm tra hệ thống bơm, đường ống, bồn chứa và các máy móc, thiết bị liên quan khác trước khi tiến hành nhập nguyên liệu.

- Duy trì hoạt động của hệ thống báo tràn tự động và kiểm soát chặt chẽ lượng nguyên liệu trong bồn chứa.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

- Duy trì chế độ kiểm tra hàng tuần, bảo dưỡng định kỳ hệ thống các máy bơm, đường ống, bồn chứa và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

- Duy trì diện tích cây xanh tại Nhà máy (tối thiểu đạt 20%), trồng bổ sung thêm cây xanh xung quanh khu đất và thay thế các cây xanh già cỗi.

** Biện pháp giảm thiểu tác động của hơi dầu từ hoạt động pha trộn, chiết rót và kho sản phẩm*

- Hoạt động pha trộn, chiết rót và đóng gói dầu thành phẩm phải được thực hiện trong hệ thống dây chuyền hoàn toàn khép kín, có khả năng tự động hoá cao gồm các máy bơm, đường ống, bể pha trộn, bể chứa, bể chiết rót, máy chiết rót. Tại khu vực trộn nguyên liệu và khu vực chiết nạp, bố trí công nhân làm việc trong phòng điều khiển.

- Các máy móc, thiết bị phải được vận hành theo đúng quy trình, hướng dẫn kỹ thuật và tắt máy khi không làm việc;

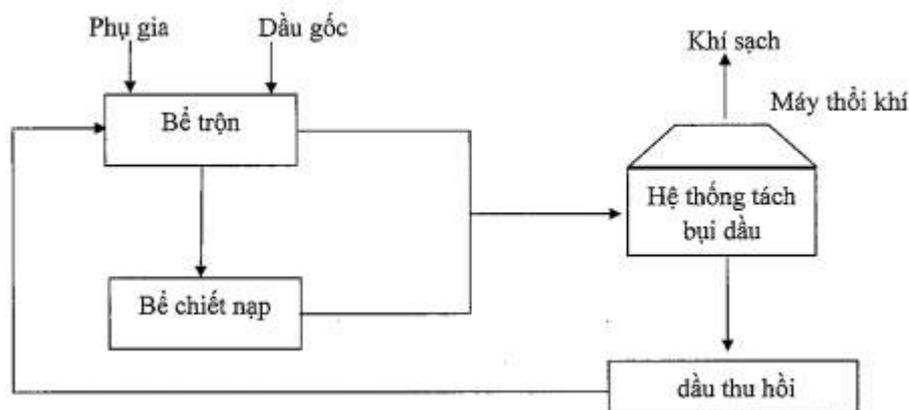
- Trong quá trình đóng gói phuy, đưa vòi chiết rót xuống gần sát đáy để đảm bảo dầu điền đầy từ dưới lên nhằm giảm hiệu ứng tĩnh điện và giảm bay hơi.

- Duy trì chế độ kiểm tra hàng tuần, bảo dưỡng định kỳ hệ thống các máy bơm, đường ống, bể pha trộn, bể chứa, bể chiết rót, máy chiết rót và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân viên như quần áo, khẩu trang, kính, mặt nạ phòng độc...

- Bố trí quạt thông gió ở những vị trí thuận tiện trong xưởng sản xuất để đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động cụ thể: 38 chiếc

- Bụi dầu sinh ra từ hệ thống trộn nguyên liệu, khâu trộn nguyên liệu được thực hiện trong hệ thống kín, bụi phát sinh tại hệ thống trộn được thu hồi bằng hệ thống quạt hút đưa tới hệ thống tách bụi dầu theo nguyên lý sau:



Hình 3.9. Sơ đồ hệ thống thu gom tách bụi dầu

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

Để giảm thiểu bụi sinh ra từ hệ thống trộn nguyên liệu, khâu trộn nguyên liệu được thực hiện trong các hệ thống kín, bụi phát sinh tại hệ thống được thu hồi bằng hệ thống quạt hút Air blower công suất: 3.500 m³/h đưa tới hệ thống tách bụi dầu theo nguyên lý: Nguyên liệu dạng lỏng (gồm dầu gốc và phụ gia) được nạp vào các bể trộn thông qua các đường ống kín dẫn bằng hệ thống bơm. Tại các máy khuấy trộn đồng nhất sản phẩm tại tầng 4 và bể chiết nạp FT01A, FT01B, FT02A, FT02B, FT03A, FT03B, FT04A, FT04B tại tầng 3 được đặt các máy hút và đường ống hút kín để thu bụi dầu đưa vào hệ thống tách bụi dầu V104.

Thiết bị V104 đặt tại tầng 2 có dạng bồn hình trụ để thu gom dầu lỏng ngưng, trên thành thiết bị có thiết kế đường khí vào và đường khí ra, có bố trí một lớp lưới lọc dạng lưới thép chống mài mòn, hệ thống được thiết kế theo nguyên tắc giống như một xi phong chống tràn. Sự phân tách đầu tiên diễn ra tại tấm chắn bằng thép hình chữ L tại cửa vào của đường khí, các hạt bụi dầu va chạm với tấm chắn và bị ngưng tụ tại đây sau đó chảy xuống phía dưới dưới tác dụng của trọng lực, chất lỏng sẽ chảy xuống các cửa xả phân khí tiếp tục đi lên. Mức dầu ngưng tụ được thường xuyên kiểm tra bằng thước LG401 nếu mức dầu quá cao sẽ được xả ra ngoài qua van xả đáy. Trước khi ra khỏi thiết bị tách dầu dòng khí tiếp tục đi qua lớp lưới lọc thép tiêu chuẩn để loại bỏ hoàn toàn các bụi dầu còn sót lại đến kích thước 0,5µm, sau đó dòng khí được thoát ra môi trường dưới tác dụng của máy thổi khí C102 đặt tại tầng 3. Để kiểm soát hiệu quả hoạt động của thiết bị lọc bụi dầu, chủ đầu tư thiết kế hai áp kế PG401 và CG401 để đo áp suất dòng khí và tấm lọc bụi sẽ được thay thế khi có sự thay đổi quá lớn đột ngột áp suất.

** Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của hơi hoá chất từ hoạt động thí nghiệm nguyên liệu và sản phẩm*

- Tất cả các thí nghiệm có sử dụng hoá chất dễ bay hơi hay phản ứng tạo thành chất dễ bay hơi phải được thực hiện trong tủ hút.

- Trang bị đầy đủ khẩu trang hoạt tính, kính bảo hộ, găng tay cao su cho nhân viên hóa nghiệm.

- Duy trì hoạt động của các quạt thông gió để không khí trong phòng hóa nghiệm được lưu thông trao đổi thường xuyên với bên ngoài.

- Nhân viên hoá nghiệm phải có trình độ chuyên môn phù hợp và hiểu rõ đặc tính của các hoá chất được dùng trong phòng thí nghiệm như tính độc, tính bay hơi, tính cháy.... để tránh xảy ra những sai sót, hậu quả đáng tiếc khi thí nghiệm.

- Trước khi tiến hành thí nghiệm cần chú ý kiểm tra chất lượng các thiết bị, dụng cụ thí nghiệm và hoá chất sử dụng.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

- Trong quá trình thí nghiệm đặc biệt phải tuân thủ chặt chẽ các điều kiện đã nêu trong giáo trình, tài liệu, hướng dẫn đã được chuẩn bị trước.

** Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải từ hoạt động của bơm chữa cháy dự phòng*

- Bơm chữa cháy được bố trí xa khu nhà văn phòng, khu nhà ăn của công nhân.

- Sử dụng nhiên liệu dầu Diesel (DO) có hàm lượng lưu huỳnh thấp (0,05% S) và không có chì.

- Định kỳ bảo dưỡng máy phát điện theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất.

- Tại khu vực để máy phát điện, bố trí mái che phía trên và để thoáng 4 phía giúp thông gió cũng như tăng khả năng khuếch tán khí thải khi vận hành máy.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

** Nguồn phát sinh chất thải rắn thông thường*

Các nguồn phát sinh chất thải rắn thông thường tại Nhà máy bao gồm chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường. Cụ thể như sau:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt (nấu ăn, ăn uống): Lon chai nước, túi nilon, hộp xốp, giấy bọc, thực phẩm thừa, váng dầu mỡ,.....

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất và hoạt động văn phòng:

+ Từ hoạt động sản xuất: Gỗ pallet, bìa carton, giấy, bao bì nilon, vỏ chai nhựa không chứa thành phần nguy hại từ khâu kiểm tra bao bì đóng gói....;

+ Từ hoạt động văn phòng: Ghim kẹp, giấy báo, bao bì tài liệu,....;

- Chất thải rắn thông thường khác phát sinh từ hoạt động xử lý nước thải sinh hoạt: Bùn cặn từ bể tự hoại.

** Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh*

Căn cứ vào Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm và tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh hiện tại của Nhà máy, khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại Cơ sở như sau:

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt: Trung bình 05m³/ tháng

- Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường: 62,5 tấn/ năm. Trong đó, phế liệu như Pallet gỗ, lõi cuộn băng dính, bìa carton, bao bì nilon, vỏ chai nhựa, ...

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

- Khối lượng chất thải rắn thông thường khác (bùn cặn thải từ bể tự hoại):
Trung bình 07m³/ tháng.

** Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường*

*** Đối với chất thải rắn sinh hoạt**

- Đã bố trí nhân viên vệ sinh môi trường phụ trách việc thu gom, phân loại, tập kết, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

- Tại khu văn phòng, khu nhà ăn bố trí 04 thùng đựng rác bằng nhựa có nắp đậy loại 20 lít với hai màu khác nhau để quy định chứa chất thải thực phẩm và chất thải khác.

- Trong khu nhà xưởng sản xuất bố trí 01 thùng đựng rác (loại 120L) và 01 thùng (loại 180L) bằng nhựa có nắp đậy

- Bố trí điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 3,0 m² tại cổng vào Công ty để tiện thu gom. Tất cả chất thải rắn sinh hoạt của Nhà máy được thu gom tập trung vào 04 thùng đựng rác bằng nhựa có nắp đậy loại 200 lít, (cụ thể 01 thùng chứa chất thải dễ phân hủy; 02 thùng chứa chất thải khó phân hủy, 01 thùng chứa chất thải khả năng tái sử dụng, tái chế). Hiện nay, Nhà máy đặt suất ăn tại Công ty bên ngoài nên được đơn vị đó trực tiếp thu gom chất thải thực phẩm của nhà ăn còn thừa mang đi, do đó, chất thải sinh hoạt là thực phẩm thừa không phát sinh nhiều.

- Công ty đã ký Hợp đồng dịch vụ thu gom rác số ILV/Urenco HP/CON-EN-VN-2022 tháng 01/2022 với Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng đến thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Nhà máy.

*** Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường**

- Đã bố trí nhân viên vệ sinh môi trường phụ trách việc thu gom, phân loại, tập kết, chuyển giao chất thải công nghiệp thông thường theo quy định..

- Tại mỗi khu nhà xưởng sản xuất và khu trạm bơm bố trí 04 Thùng (loại 240L) và 01 thùng (loại 60L) rác bằng nhựa có nắp đậy.

- Tất cả chất thải rắn công nghiệp thông thường của Nhà máy được thu gom tập trung vào container 40 feet.

- Công ty đã ký Hợp đồng số 01-2023/HĐ-VCXLTCN/TTP-IDEMITSU ngày 18/09/2023 với Công ty TNHH Tân Thuận Phong và Hợp đồng số 105/2021/HĐXL/PH-IDEMITSU ngày 10/12/2021 với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kho vận Phú Hưng để vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp thông thường phát sinh tại Nhà máy

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

- Công ty đã ký Hợp đồng số 01-2023/HĐPL/TTP-IDEMITSU ngày 18/09/2023 với Công ty TNHH Tân Thuận Phong và Hợp đồng số 18/2021/HĐMB/PH-IDEMITSU và Phụ lục Hợp đồng số PL 01-18/2021/HĐMB/PH-IDEMITSU ngày 10/12/2021 với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kho vận Phú Hưng để thu mua phế liệu sau xử lý của Nhà máy bao gồm dầu phế liệu sau xử lý; vỏ phuy sắt sau xử lý; vỏ can nhựa sau xử lý; giấy bìa carton; nylon phế liệu; vỏ chai nhựa sạch.

*** Đối với chất thải rắn thông thường khác**

Bùn cặn thải phát sinh từ bể tự hoại được Công ty định kỳ (khoảng 06 tháng/lần) thuê Đơn vị có chức năng (như Công ty TNHH Phát triển dịch vụ thoát nước và vệ sinh môi trường) đến nạo hút và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

*** Nguồn phát sinh chất thải nguy hại**

Các nguồn phát sinh chất thải nguy hại tại Nhà máy bao gồm:

- Từ hoạt động sản xuất dầu thành phẩm: Bao bì (vỏ phuy, can....) chứa phụ gia và chứa dầu thành phẩm.
- Từ hoạt động thí nghiệm nguyên liệu và sản phẩm: Dung dịch chứa hóa chất, bao bì (vỏ chai, lọ...) đựng hóa chất.
- Từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị: Giẻ lau dính dầu mỡ; bao bì (vỏ can, chai..) đựng dầu bôi trơn; dầu bôi trơn thải; pin thải và ắc quy thải; bóng đèn huỳnh quang thải; thiết bị, linh kiện điện tử thải.
- Từ hoạt động xử lý nước nhiễm dầu: Dầu thải, bùn cặn thải, tảo thâm dầu thải...
- Từ hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu, hoá chất: Giẻ lau dính dầu, hoá chất; cát dính dầu, hoá chất và các vật liệu hấp phụ dầu, hoá chất khác.

*** Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh**

Căn cứ vào Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm và tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh hiện tại của Nhà máy, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Nhà máy như sau:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
 của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
 – Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

Bảng 3.6. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Tính chất nguy hại chính	Ký hiệu phân loại	Khối lượng năm 2023 (kg/năm)	Dự báo khối lượng CTNH tương ứng với công suất 30.000 tấn/năm (kg/năm)
1	Nước thải nhiễm dầu hoặc có các thành phần nguy hại	Lỏng	17 05 05	Đ, ĐS	NH	32.200,40	41.656,40
2	Các loại dầu thải (dầu rơi vãi, dầu thải từ phòng TN, dầu bôi trơn máy móc thải)	Lỏng	17 07 03	Đ, ĐS, C	NH	59.090,60	76.443,21
3	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi khác	Lỏng	17 08 03	Đ, ĐS, C	NH	4.659,38	6.027,66
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Đ, ĐS	KS	5.181	6.702,46
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	Đ, ĐS	KS	118.652	153.495,47
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	Đ, ĐS	KS	4.265	5.517,46
7	Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác (thủy tinh)	Rắn	18 01 04	Đ, ĐS	KS	855	1.106,08
8	Bao bì mềm thải (Vỏ thùng carton)	Rắn	18 01 01	Đ, ĐS	KS	1.838	2.377,75
9	Bóng đèn huỳnh quang	Lỏng	16 01 01	Đ, ĐS, C	NH	28	36,22
10	Pin thải	Rắn	16 01 12	Đ, ĐS, AM	NH	24	31,05
11	Hộp mực thải	Rắn	08 02 04	Đ, ĐS	KS	8	10,35
12	Các thiết bị thải bỏ có CFC (máy điều hòa)	Rắn	16 01 07	Đ, ĐS	KS	220	284,61

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

13	Thiết bị thải có các bộ phận linh kiện điện tử (Máy điều hòa & thiết bị làm lạnh, thiết bị điện tử, máy vi tính)	Rắn	19 02 05	Đ, ĐS	NH	803	1.038,81
Tổng						227.824,38	294.727,53

*** Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại**

Hiện tại, Nhà máy đang thực hiện các biện pháp quản lý chất thải nguy hại (CTNH) theo đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định. Cụ thể như sau:

- Đã phân công nhân viên vệ sinh môi trường phụ trách việc quản lý, phân định, phân loại và chuyển giao CTNH theo quy định.

- Thực hiện việc phân loại CTNH ngay tại nguồn phát sinh. Các CTNH khi phát sinh sẽ được tập kết về kho chứa CTNH và được phân loại vào các thùng chứa riêng biệt. Bên ngoài mỗi thùng chứa CTNH có dán mã và dấu hiệu cảnh báo CTNH.

- Đã xây dựng 01 kho chứa CTNH có diện tích 24 m² để lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại phát sinh là các bao bì cứng thải, carton dính dầu... và 02 cont 20 feet để lưu chứa tạm thời các chất thải nguy hại có thể tích lớn phát sinh như thùng phuy dầu thải.... Kho chứa CTNH theo các yêu cầu kỹ thuật như sau:

+ Kho có tường bằng tôn bao quanh, có mái che kín nắng mưa, nền xi măng chống thấm, bố trí các rãnh thu gom và hố thu chất thải dạng lỏng phòng trong trường hợp sự cố tràn dầu (dầu thải) xảy ra. Tại hố ga thu dầu có nắp mở và hút dầu bằng thiết bị hút dầu chuyên dụng.

+ Bên ngoài kho có cửa ra vào khép kín và có biển báo ghi rõ “Kho lưu giữ chất thải nguy hại” bằng khổ chữ lớn dễ nhận biết.

+ Bên trong kho bố trí các vật liệu hấp phụ (cát khô, tấm thấm,...) và dụng cụ (xô, xẻng,...) để ứng phó trong trường hợp tràn đổ CTNH. Ngoài ra, kho được trang bị các thiết bị PCCC (bình cứu hoả,...) theo quy định.

- Công ty đã ký Hợp đồng số 01-2023/HĐ-VCXLCTCN/TTP-IDEMITSU ngày 18/09/2023 với Công ty TNHH Tân Thuận Phong và Hợp đồng Số 105/2021/HĐXL/PH-IDEMITSU với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kho vận Phú Hưng để thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Nhà máy.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

- Lưu giữ đầy đủ chứng từ CTNH, lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm có nội dung về quản lý chất thải nguy hại và gửi về Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND quận Hải An, Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ để theo dõi, giám sát.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung tại Nhà máy chủ yếu là từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển và hoạt động của các máy móc, thiết bị tại khu vực xưởng sản xuất, khu vực dỡ hàng, khu xuất hàng, khu vực trạm bơm dầu gốc, khu vực trạm bơm phụ gia, khu vực phòng máy nén khí, phòng đặt nồi hơi, khu bể nước và phòng bơm, khu vực đặt hệ thống xử lý nước thải.

**** Công trình, biện pháp giảm thiểu***

- Các phương tiện vận chuyển ra vào Nhà máy phải giảm tốc độ, đi theo hướng dẫn của bảo vệ và tắt máy khi dừng đỗ.

- Lập phương án sản xuất hợp lý để hạn chế các phương tiện, máy móc, thiết bị bị có tiếng ồn, độ rung cao hoạt động vào cùng một thời điểm.

- Các phương tiện, máy móc, thiết bị được vận hành đúng công suất, yêu cầu kỹ thuật và được thường xuyên vệ sinh, định kỳ bảo dưỡng, kịp thời sửa chữa để đảm bảo luôn hoạt động ở trạng thái ổn định.

- Nền móng xưởng sản xuất, khu vực dỡ hàng, khu xuất hàng, trạm bơm dầu gốc, trạm bơm phụ gia, phòng máy nén khí, phòng đặt nồi hơi được gia cố vững chắc, được tính toán chịu lực để giảm độ rung và tiếng ồn của các máy móc, thiết bị lắp đặt.

- Lắp đặt đệm xốp, đế cao su giảm ồn chống rung cho các máy móc, thiết bị có khả năng gây tiếng ồn, độ rung lớn như dàn chiết rót, máy bơm, máy khuấy, máy nén khí....

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân vận hành như nút bịt tai, găng tay chống rung, giày chống rung...

**** Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng***

- Tiếng ồn gây ra bởi Nhà máy phải đảm bảo không vượt quá giá trị tối đa cho phép được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Độ rung gây ra bởi Nhà máy phải đảm bảo không vượt quá giá trị tối đa cho phép được quy định tại QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

**** Biện pháp phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố PCCC***

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

Công ty đã được Sở cảnh sát Phòng cháy chữa cháy thành phố Hải Phòng kiểm tra, xác nhận và nghiệm thu về PCCC của Nhà máy sản xuất dầu nhờn Idemitsu đạt tiêu chuẩn tại công văn số 1760/SCSPCCC-HDPC ngày 29/10/2013; (đính kèm trong phụ lục báo cáo)

Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố rủi ro được thực hiện đúng theo biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy ngày 21/10/2013.

✚ Sự cố về nôi hơi

Các biện pháp phòng chống và ứng phó sự cố nôi hơi được ban hành thành cuốn nội quy, phát hành rộng rãi trong Công ty và cho công nhân vận hành trực tiếp nôi hơi. Cụ thể:

*** Biện pháp phòng chống sự cố nôi hơi**

Công ty sẽ thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp an toàn lò hơi được quy định tại Quyết định số 64/2008/BLĐTBXH về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lao động lò hơi và bình chịu áp lực. Cụ thể như sau:

- + Chất lượng nước cấp cho lò hơi phải đảm bảo đúng quy định.
- + Công ty đã lập sổ theo dõi quản lý lò hơi, bình chịu áp lực, sổ có ghi rõ lịch bảo dưỡng, tu sửa, kiểm tra vận hành, kiểm định... Tổ chức thực hiện kiểm tra vận hành, kiểm định đúng hạn.
- + Khi sửa chữa các bộ phận bên trong của lò hơi, bình chịu áp lực phải tuân thủ các quy định về an toàn điện.
- + Tại nơi đặt lò hơi, bình chịu áp lực phải có bảng tóm tắt quy trình vận hành và xử lý sự cố đặt ở vị trí phù hợp.
- + Có biện pháp bảo vệ chống sét an toàn cho lò hơi, đặt cố định; trang bị các phương tiện chữa cháy theo quy định của cơ quan phòng cháy, chữa cháy.
- + Có sổ nhật ký vận hành cho lò hơi trong đó ghi thời gian, số lần xả bản; kiểm tra áp kế, van an toàn; tình trạng làm việc của lò hơi.

- Các biện pháp cụ thể ứng cứu sự cố lò hơi:

Nôi hơi được sử dụng là loại tự động, được trang bị đầy đủ các thiết bị bảo vệ quá áp, quá nhiệt: van an toàn, cảm biến nhiệt độ, cảm biến áp suất, cảm biến mức nước... Nôi hơi sẽ tự động dừng hoạt động khi có sự cố.

Khi xảy ra sự cố, nhân viên vận hành kiểm tra thông báo lỗi trên màn hình điều khiển, tắt nôi hơi và tiến hành khắc phục

*** Sự cố cạn nước quá mức, nước đầy quá mức**

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

Kiểm tra cảm biến báo mức nước.

Kiểm tra bơm cấp nước.

* Sự cố áp kế bị hỏng

- Nếu mặt kính bị hỏng nặng: vỡ toang, rơi hẳn mặt kính ra ngoài, hay còn dính mặt kính ở áp kế, nhưng cản trở đến sự làm việc của kim áp kế thì phải thay áp kế khác.

- Nếu áp kế hỏng nghiêm trọng mà không có áp kế tốt thay thế thì phải ngừng lò.

✚ Sự cố quá áp nồi hơi:

- Kiểm tra van an toàn.

- Kiểm tra cảm biến áp suất.

- Kiểm tra cảm biến nhiệt độ.

g. Biện pháp phòng ngừa sự cố tràn dầu (rò rỉ, vỡ bể chứa dầu)

- Công ty đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt Quyết định số 3293/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 về việc phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty TNHH Dầu nhờn IDEMITSU Việt Nam tại Lô CN5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Công ty đã thành lập Ban chỉ đạo ứng phó sự cố tràn dầu (theo Quyết định số 28/QĐ-ILV/2017 ngày 01/6/2017).

- Bể chứa dầu gốc, phụ gia, dầu thành phẩm và bể trộn, bể nguyên liệu lò hơi được làm từ thép cacbon. Việc chế tạo bể chứa này sẽ được Công ty tuân thủ nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn API 650 về thiết kế và thi công bể thép hàn chứa dầu.

- Bể chứa dầu sẽ được bố trí hệ thống báo tràn tự động: Hệ thống này gồm có các thiết bị như bơm nạp, kiểm soát nạp liệu tự động gọi tắt là DCS. Việc kiểm soát mức dầu trong bể cũng thông qua hệ thống này, bằng cách bố trí các áp kế tại các bể chứa dầu, áp kế sẽ đo áp lực cột chất lỏng bên trong bể và từ đó có thể tính toán được chiều cao mức dầu trong bể là bao nhiêu. Các áp kế này đều có van kiểm soát, khi mức dầu trong bể đạt đến mức chiều cao giới hạn, van kiểm soát sẽ hoạt động và thông báo tín hiệu về hệ thống DCS, tại đây nhân viên vận hành sẽ tắt bơm nguyên liệu trên hệ thống.

- Công ty đã tiến hành xây dựng đê kè bằng bê tông cốt thép xung quanh các khu bồn chứa dầu để đề phòng trường hợp khi có sự cố rò rỉ, vỡ bể chứa có thể thu gom lại toàn bộ lượng dầu này, tránh trường hợp thất thoát ra ngoài môi trường. Cụ thể:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

- + Khu vực sân chứa bể dầu gốc: Chiều cao của đê bao là 0,9m.
- + Khu vực sân chứa bể phụ gia và dầu thành phẩm (diện tích 29,9m × 36,6m): Chiều cao của đê bao là 0,5m.
- + Khu bể trộn ngoài trời (diện tích 17,7m × 36,6m): Chiều cao đê này điều chỉnh thành 0,75m.
- + Bể chứa Kerosene (diện tích 10 m²): Chiều cao của đê bao là 0,7m.
- Khi sự cố xảy ra:
 - + Sử dụng các bơm công suất lớn, cũng chính là bơm trong hệ thống điều khiển DCS. Các bơm này đều có hệ thống biến tần, công suất tối đa đạt được là 60 m³/h.
 - + Lượng nhiên liệu thu hồi sẽ thuê đơn vị có chức năng tách tạp chất và xử lý cặn bẩn nhiễm dầu.

h. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ, vỡ đường ống nhiễm dầu

Việc thiết kế các đường ống và các phụ kiện đã được tuân thủ nghiêm ngặt theo các tiêu chuẩn mới nhất của nhà nước Việt Nam hoặc các tiêu chuẩn công nghiệp và kỹ thuật quốc tế nếu không có các tiêu chuẩn quốc gia tương ứng. Vật liệu làm đường ống là thép cacbon và thép hợp kim thấp sử dụng với các môi chất ăn mòn sẽ được quyết định dựa trên tính chất của môi chất.

- Các đường ống dẫn dầu đều được bố trí trên cao và bố trí trên dàn ống để tránh va đập. Các phụ kiện đường ống đặc biệt và các bộ bù giãn, thiết bị chống sét sẽ được bố trí theo yêu cầu công nghệ.
- Các đường ống nhiệt độ cao, áp suất cao và đường ống nhiệt độ thấp, đường ống rung động sử dụng các loại giá đỡ, giá treo lò xo theo yêu cầu tính toán về ứng lực giãn nở.
- Trong điều kiện bình thường thì toàn bộ đường ống dẫn dầu không có dầu nên việc rò rỉ dầu không có. Sự cố rò rỉ dầu chỉ xảy ra khi bơm dầu vào các bồn chứa dầu. Trong trường hợp này, công ty đã bố trí các máng, xô chuyên dụng hứng ở phía dưới, và dùng giẻ lau, giấy thấm dầu, hoặc cát để thu gom phần vương vãi nếu có.

k. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó với sự cố tràn dầu

- Công ty cam kết sẽ thuê các tàu chuyên chở đảm bảo chất lượng và vận chuyển nguyên vật liệu không vượt quá trọng tải cho phép của tàu, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn hàng hải.
- Công ty đã ký hợp đồng dịch vụ tiện ích với Công ty cổ phần KCN Đình Vũ về việc sử dụng cầu cảng hàng lỏng 20.000 DWT cho việc cập cảng của các tàu dầu.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

Hiện nay, phương án phòng chống sự cố tràn dầu của cảng hàng lỏng 20.000 DWT của Đình Vũ đã được UBND thành phố phê duyệt (hợp đồng này được đóng kèm trong phụ lục của báo cáo).

m. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó với sự cố mưa bão và áp thấp nhiệt đới

- Công ty thường xuyên theo dõi dự báo về bão, giông và các hiện tượng thời tiết bất thường để kịp thời có kế hoạch ứng phó và phân công nhiệm vụ cho các phòng, ban, bộ phận cụ thể.
- Trước mùa mưa bão, Công ty thực hiện hoạt động nạo vét bùn, chất thải rắn trên toàn bộ kênh và công thoát nước của Nhà máy.
- Trong trường hợp mưa bão to, có kèm sét, chủ động ngừng sản xuất và ngắt toàn bộ hệ thống điện trong Nhà máy để tránh xảy ra chập cháy điện.
- Công ty sẽ thực hiện kiểm tra và làm 5S Nhà máy sau bão và tiến hành khắc phục hậu quả (nếu có) một cách nhanh chóng để đưa dây chuyền sản xuất trở lại hoạt động.
- Trong trường hợp ngập úng kéo dài, Chủ Dự án sẽ phối hợp với Trung tâm Y tế dự phòng của thành phố Hải Phòng phun diệt trùng phòng chống dịch bệnh phát sinh cho toàn khu vực Nhà máy.

3.7. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

**** Biện pháp giảm thiểu tác động của hóa chất***

Công ty đã lập Quyết định phê duyệt Biện pháp ứng phó sự cố hóa chất số 06/QĐ-ILV-HSE/2024 ngày 25/7/2024 và gửi đến Sở Công thương thành phố Hải Phòng tiếp nhận ngày 26/7/2024.

Nhà máy đã thực hiện nghiêm ngặt các quy phạm an toàn ở từng công đoạn sản xuất trong suốt thời gian làm việc.

 Công tác bảo hộ cho người công nhân khu vực sử dụng hóa chất

- Công nhân làm việc khu vực nhà kho để hóa chất, máy trộn sẽ được trang bị: khẩu trang hoạt tính, kính đeo mắt, găng tay, quần áo bảo hộ.
- Nhân viên phòng thí nghiệm được trang bị các thiết bị bảo hộ như dép cao su, khẩu trang phòng độc, kính, vòi rửa mắt...
- Công nhân định kỳ được học nội quy (1 lần/năm) về an toàn lao động, an toàn hóa chất.

 Đối với nhà xưởng:

- Khu vực kho chứa nguyên liệu, đặt quạt thông gió để thoát hơi hóa chất.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

- Nhà kho chứa hóa chất được phân thành các khu, mỗi khu tương ứng với các loại hóa chất không có phản ứng lẫn nhau.

- Phòng thí nghiệm bố trí kho hóa chất có biển tên, có phiếu MSDS, cảnh báo nguy hiểm, nội quy khu vực nhà kho,... Đối với các hóa chất dễ gây nguy hiểm nhưng ở mức độ thấp chưa đến ngưỡng được để riêng, cách ly các loại hóa chất khác.

✚ Một số biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất

- Các hệ thống báo cháy, phương tiện PCCC, các cảm biến khói, nhiệt được thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng theo quy định, đảm bảo phát hiện kịp thời nguy cơ cháy nổ xảy ra.

- Thiết bị PCCC được định kỳ kiểm tra (01 tháng/lần). Quá trình kiểm tra có danh sách và mọi ghi nhận bất thường sẽ được xử lý.

- Các hệ thống điện, thiết bị sử dụng điện, hệ thống chống sét, phát sinh nhiệt thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Hệ thống giao thông, cấp nước, thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy tại cơ sở luôn được duy trì theo đúng quy định.

- Đã kê khai, khai báo thiết bị, máy móc hoạt động của phòng thí nghiệm.

- Thực hiện tốt các quy trình kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng kịp thời các thiết bị; đặc biệt lưu ý đến các bao bì chứa hóa chất, bồn bể, đường ống cấp gas phục vụ cho hoạt động sản xuất, phụ trợ sản xuất của Nhà máy.

- Định kỳ kiểm định hiệu chỉnh, hiệu chuẩn thiết bị an toàn, thiết bị đo lường để đảm bảo hoạt động tốt và chính xác.

- Hệ thống điện được kiểm tra trước khi vận hành và kiểm tra định kỳ để đề phòng rò rỉ điện, quá tải hoặc chập điện.

- Kịp thời thay thế sửa chữa các thiết bị hư hỏng. Tuyệt đối không vận hành các thiết bị đã phát hiện hư hỏng, không đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành cho đến khi được sửa chữa hoặc thay thế mới.

- Tất cả công nhân làm việc trong Công ty được huấn luyện về quy trình sản xuất và quy định về an toàn lao động và được trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động phù hợp.

- Các thiết bị điện đều có hệ thống cầu dao tự ngắt tại từng khu vực để cô lập khi có sự cố quá tải hoặc chập điện xảy ra.

- Các khu sản xuất có rủi ro cao về tràn đổ dầu đều được, trang bị các phương tiện ứng cứu, các bình chữa cháy.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

- Trang bị các dụng cụ, thuốc y tế sơ cứu ban đầu cho nạn nhân khi xảy ra tai nạn.
- Giáo dục ý thức an toàn lao động và vệ sinh lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty.

a. Đối với sự cố rò rỉ hóa chất

- Các bồn bể chứa, kết nối ống, van khóa được kiểm tra xác nhận trước khi vận hành và sau khi kết thúc công việc.
- Kiểm tra lại tình trạng của các thiết bị trước và sau các kỳ nghỉ dài (Lễ, Tết,..)
- Thực hiện việc xây dựng và thực hiện Kế hoạch bảo dưỡng cho tất cả các thiết bị có liên quan.

b. Đối với sự cố cháy nổ hóa chất

- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ người ra vào Công ty không cho phép mang theo các nguồn phát sinh lửa.
- Kiểm tra định kỳ điện trở nối đất; hệ thống chống sét toàn Công ty theo quy định của các văn bản hiện hành.
- Quản lý, giám sát chặt chẽ các hoạt động phát sinh tia lửa liên quan đến hoạt động thi công xây dựng, sửa chữa, nâng cấp, cải tạo.

 Một số biện pháp giảm thiểu tác động khi bị sự cố hóa chất

Hóa chất mà Nhà máy sử dụng là chất phụ gia sử dụng cùng với nguyên liệu dầu gốc trong quá trình pha chế dầu nhờn. Đây là hóa chất không xếp vào loại hóa chất nguy hiểm. Ngoài chất phụ gia này ra Nhà máy không sử dụng bất kỳ một hóa chất nào khác. Vì vậy, một số biện pháp giảm thiểu tác động khi sự cố hóa chất xảy ra mà công ty đã áp dụng là:

- Hồ hoán, thông báo cho đội ứng phó khẩn cấp và ban lãnh đạo công ty, đồng thời thực hiện các biện pháp:
 - Sơ tán công nhân, người không liên quan ra khỏi khu vực xảy ra sự cố.
 - Sử dụng các phương tiện, dụng cụ, vật tư ứng phó tình huống khẩn cấp để ngăn chặn nguồn phát sinh, cô lập dầu, phụ gia tràn đổ, thu hồi dầu tràn, thực hiện dọn dẹp vệ sinh và mua sắm bổ sung vật tư hao hụt.
 - Công nhân bị hóa chất dính vào người được đưa ra khu vực an toàn.
 - Sơ cứu tại chỗ theo đúng hướng dẫn đối với từng loại hóa chất (rửa sạch hóa chất bằng nước ít nhất 15 phút, rửa bằng xà phòng,...).
 - Gọi cấp cứu, đưa người đến bệnh viện nơi gần nhất (nếu cần thiết).

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

**** Biện pháp giảm thiểu tác động nguồn gây ô nhiễm nhiệt***

- Hai bên nhà xưởng đặt các quạt thông gió.
- Tại các vị trí phát sinh nhiệt như: khu vực nồi hơi, khu vực sản xuất chiết rót,... của nhà máy hầu như tự động hóa hoàn toàn, không có công nhân trực tiếp sản xuất, hệ thống làm mát định kỳ được kiểm tra luôn đảm bảo làm việc tốt.
- Khu vực nồi hơi được kiểm tra định kỳ đảm bảo không để tồn thất nhiệt ra bên ngoài.
- Đặt các bình nước uống ở những nơi thuận tiện phục vụ công nhân.

**** Biện pháp giảm thiểu tác động giao thông***

- Kết hợp với chính quyền địa phương, công an giao thông, ban quản lý khu công nghiệp để giảm thiểu tác động giao thông.
- Công ty sử dụng ô tô đưa đón công nhân để giảm tắc đường do lượng phương tiện giao thông các công nhân của Công ty gây ra.
- Ô tô vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm ra vào Công ty phải theo đúng hướng dẫn của người trong công ty.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
 của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
 – Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Các nội dung thay đổi của Nhà máy so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 23/11/2012 như sau:

Bảng 3.7. Các nội dung thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt

TT	Nội dung thay đổi	Phương án đã được phê duyệt	Phương án thực tế	Lý do và đánh giá sự thay đổi
I	Các thay đổi so với ĐTM đã được xác nhận tại Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 03/GXN-STN&MT ngày 25/01/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường.			
1	Thoát nước mặt	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống thoát nước mặt, các hố ga, đập bê tông. - Đầu tư 02 bể tách dầu tập trung cho toàn bộ Nhà máy. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nắp đập các hố ga, mương thoát nước bằng tấm lưới thép tại các vị trí có phương tiện hoặc đường lưu thông nội bộ đi ngang qua, hoặc để hở. - Ngoài 02 bể tách dầu tập trung, Công ty đầu tư thêm 5 bể tách dầu cho từng khu vực bồn chứa dầu, phụ gia, nhiên liệu 	Việc thay đổi giúp tăng hiệu quả trong quá trình thoát nước mặt và đảm bảo an toàn, thu hồi được toàn bộ lượng dầu tràn đổ trong trường hợp sự cố xảy ra.
2	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	<ul style="list-style-type: none"> - Nước thải khu vực bếp nấu ăn, nước rửa xe được thu gom qua các hố ga để lắng và làm trong sau đó chảy vào trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Đình Vũ. - Toàn bộ nước thải sinh hoạt được xử lý qua bể tự hoại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty không tự nấu ăn mà đặt cơm hộp nấu sẵn cho cán bộ, công nhân viên nên chỉ phát sinh nước thải rửa bát tại nhà ăn. Công ty cũng quy định không rửa xe trong Công ty, do đó sẽ không phát sinh nước rửa xe. - Công ty đầu tư trạm xử lý nước thải sinh hoạt với công suất 10 m³/ngày. Nước thải sinh hoạt sau xử lý chảy vào hố ga chung rồi đưa vào hệ thống xử lý nước thải của KCN theo đường ống Ø300. 	<ul style="list-style-type: none"> - Để đảm bảo công tác an toàn trong phòng chống cháy nổ, thực tế khi nhà máy đi vào hoạt động để kiểm soát nguy cơ mất an toàn của các nguồn phát sinh nhiệt và đảm bảo yêu cầu cho nước thải đầu vào của Khu CN Đình Vũ nên Công ty không tổ chức nấu ăn và rửa xe đồng thời Công ty đã đầu tư thêm trạm xử lý sơ bộ nước thải tập trung của Nhà máy.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
 của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
 – Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

TT	Nội dung thay đổi	Phương án đã được phê duyệt	Phương án thực tế	Lý do và đánh giá sự thay đổi
3	Hệ thống xử lý hơi bụi, dầu	ĐTM lựa chọn hệ thống tách bụi dầu theo nguyên lý sau: - Bước 1 (tách cơ học): bụi dầu sẽ được đi qua hệ thống màng lọc, tại đây các hạt dầu có kích thước hạt >1 µm sẽ giữ lại. - Bước 2: đi qua môi trường hấp thụ. Tại đây các hạt bụi dầu có kích cỡ nhỏ đến 0,5 µm sẽ được hấp thụ vào môi trường này. Sử dụng môi trường hấp thụ là bột than dầu được sản xuất từ cellulose hữu cơ và xơ bông có khả năng thấm hút tốt.	- Thiết bị xử lý hơi dầu có dạng bồn hình trụ, có lớp lọc dạng lưới thép, hoạt động theo nguyên lý: + Bước 1: Các hạt bụi dầu đi vào hệ thống va chạm với tấm chắn tại lối vào và bị ngưng tụ tại đây sau đó chảy xuống phía dưới dưới tác dụng của trọng lực, phân khí tiếp tục đi lên. + Bước 2: Trước khi ra khỏi thiết bị tách dầu dòng khí tiếp tục đi qua lớp lưới lọc thép tiêu chuẩn với thông số kỹ thuật chiều cao 150mm, đường kính 800mm, được đảm bảo chất lượng bởi Công ty Goto Shoji – Nhật Bản để loại bỏ hoàn toàn các bụi dầu còn sót lại đến kích thước 0,5µm, sau đó dòng khí được thoát ra môi trường dưới tác dụng của máy thổi khí.	Đây là công nghệ rất phổ biến được ứng dụng trong các nhà máy chế biến các sản phẩm dầu mỡ, được công ty áp dụng cho toàn bộ các công ty khác trong tập đoàn và chứng minh hiệu quả lọc bụi dầu tới 98%. Lợi ích của việc áp dụng công nghệ này là giúp loại bỏ sự phát sinh các chất thải nguy hại như lớp hấp phụ nhiễm dầu (cellulose, xơ bông) mà vẫn đảm bảo hiệu quả hoạt động, thân thiện hơn với môi trường.
4	Chất thải nguy hại	- Đối với lượng dầu cặn từ quá trình lọc và vệ sinh đường ống: Công ty đã bán lại cho đơn vị có nhu cầu sử dụng dầu chất lượng thấp hơn. Đối với thùng dầu thải: Công ty bán lại cho đơn vị có nhu cầu thu mua tái chế. - Đối với dầu rơi vãi; xảy ra ở	- Toàn bộ lượng cặn dầu thải từ quá trình lọc, vệ sinh đường ống cũng như thùng dầu thải Công ty không bán mà thu gom xử lý như chất thải nguy hại (thu gom vào kho và hợp đồng với đơn vị chức năng đem đi xử lý). - Đối với phần dầu rơi vãi tại vị trí tiếp xúc với tàu chở dầu hay xe bồn thì sẽ đặt các máng, xô chuyên dụng hứng ở phía	Căn cứ vào thực tế của quy trình vệ sinh và quy trình tiếp nhận dầu, Công ty quản lý và xử lý dầu thải cùng lượng dầu bị rơi vãi theo phương án thu gom lưu giữ CTNH và ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
 của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
 – Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

TT	Nội dung thay đổi	Phương án đã được phê duyệt	Phương án thực tế	Lý do và đánh giá sự thay đổi
		vị trí tiếp xúc với tàu chở dầu hoặc xe bồn lắp đặt thiết bị hứng ở phía dưới các vị trí tiếp xúc này để hứng lượng dầu rơi vãi. Đối với phần dầu rơi vãi xuống đất, Công ty sử dụng mùn cưa/cát để thu gom.	dưới, và dùng giẻ lau, giấy thấm dầu hoặc cát để thu gom phần vương vãi còn lại nếu có. Tuy nhiên, trong thực tế lượng dầu này thường rất ít.	
5	Sự cố tràn dầu	+ Khu vực sân chứa bể dầu gốc chiều cao của đê bao là 3,2m. + Khu bể trộn ngoài trời chiều cao của đê bao là 0,5m. + Bể chứa DO (diện tích 10 m ²): Chiều cao của đê bao là 3,1m.	- Khu bể trộn ngoài trời: Chiều cao đê này điều chỉnh thành 0,75m. + Bể chứa Kerosene: Thực tế diện tích của khu vực bồn này là 75 m ² chứ không phải 10 m ² như trong ĐTM nên chiều cao thực tế giảm xuống vẫn đáp ứng tuân thủ TCVN 5307:2009 là 0,7m.	- ĐTM đã tính chiều cao của đê bao khu bể chứa dầu phải chứa toàn bộ các lượng dầu tràn đổ từ tất cả các bể. Tuy nhiên, theo tiêu chuẩn TCVN 5307:2009 về Kho dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ - Yêu cầu thiết kế, thì chiều cao đê bao quanh khu vực bồn bể phải cao hơn 0,2m so với mức chất lỏng trong bể chứa lớn nhất chảy tràn (chứa đủ thể tích của bể có dung tích thô lớn nhất). Do đó, trong quá trình thi công, chiều cao đê bao khu bồn chứa dầu gốc đã được tính toán lại là 0,9m.
6	Nguyên liệu sử dụng nồi hơi	Dầu Diezel	- Trong thực tế vận hành, Công ty đã lựa chọn nhiên liệu sử dụng cho đốt nồi hơi là dầu hỏa hay còn gọi là kerosen là phân đoạn nhẹ hơn trong quá trình chưng cất Dầu mỏ (Nhiệt độ sôi từ 150 -275°C và mạch cacbon từ C12-C15.	Công ty đã quyết định lựa chọn dầu hỏa là nhiên liệu chính dù giá thành nhiên liệu dầu hỏa cao hơn nhưng ưu điểm của dầu hỏa so với dầu Diezel là khi cháy cung cấp nhiệt lượng cao, cháy hoàn toàn ít để lại cặn và sản

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
 của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
 – Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

TT	Nội dung thay đổi	Phương án đã được phê duyệt	Phương án thực tế	Lý do và đánh giá sự thay đổi
				phẩm sau khi cháy có thành phần oxit lưu huỳnh thấp do hàm lượng hợp chất chứa lưu huỳnh thấp. Vì vậy, việc thay đổi nhiên liệu vẫn đảm bảo đạt tiêu chuẩn về môi trường cũng như tăng tuổi thọ, an toàn cho buồng đốt, thiết bị nồi hơi.
II	<i>Các thay đổi khác của Nhà máy so với Giấy xác nhận hoàn thành số 03/GXN-STN&MT ngày 25/01/2014</i>			
1	Công trình thu gom, xử lý nước thải	Nước xả đáy nồi hơi qua hố ga lắng cặn chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.	Nước xả đáy nồi hơi: Theo đường ống dẫn về bể trung gian 4 ngăn thể tích 10 m ³ để xử lý lắng cặn và giảm nhiệt trước khi chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp ở phía Tây Nhà máy.	Việc xử lý sơ bộ nước xả đáy nồi hơi làm giảm tác động của nước thải trước khi xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp.
2	Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt	Bố trí 02 thùng đựng rác 100 lít ở khu vực nhà ăn; 02 thùng tại khu vực văn phòng để thuận lợi cho việc bỏ rác thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân lao động.	Khu vực nhà ăn bố trí 2 thùng rác 20L, Khu vực văn phòng (pantry tầng 2) bố trí 2 thùng rác 20L để tạm thời. Sau đó chất thải rắn sinh hoạt được tập kết vào 04 thùng chứa 200L có nắp đậy đặt tại cổng Công ty để tiện thu gom, vận chuyển đi xử lý.	Để đảm bảo sự tiện lợi và phù hợp với hoạt động khi đi vào vận hành của nhà máy. Đồng thời, phân loại rác theo quy định bao gồm: chất thải thực phẩm, chất thải tái chế và chất thải khác.
3	Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường	Bố trí khu vực lưu trữ riêng chất thải rắn thông thường	Bổ sung thêm 1 cont 40 feet tại phía Tây Nam nhà máy cạnh khu đất dự phòng, lưu chứa chất thải công nghiệp (bao bì, túi nilon) để tiện phân loại chất thải rắn công nghiệp thông thường.	Giai đoạn ban đầu hoạt động, CTR công nghiệp thông thường (bao bì các tông, túi nilon,..thường được đặt ở khu vực tạm thời trong nhà xưởng, tuy nhiên do chiếm diện tích sử dụng để sản

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

TT	Nội dung thay đổi	Phương án đã được phê duyệt	Phương án thực tế	Lý do và đánh giá sự thay đổi
				xuất nên nhà máy đã mua 1 container 40 feet đặt ra bên ngoài chuyên lưu chứa loại CT này.
4	Kho chứa chất thải nguy hại	Bố trí nhà kho chứa chất thải nguy hại riêng biệt có mái che chắn về nền chống thấm theo quy định, diện tích kho 24 m ² .	Bổ sung thêm 02 cont 20 feet tại phía Tây Nam nhà máy cạnh khu đất dự phòng để lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời.	Kho chứa CTNH 24 m ² chỉ để lưu chứa tạm thời các chất thải có khối lượng, thể tích, kích thước nhỏ (giẻ lau dính dầu, bao bì, túi nilon, vỏ chai thủy tinh dính dầu/hóa chất, pin, mực in...), các loại khác có kích thước lớn hơn như vỏ thùng phuy 200L hoặc IBC 1KL thải sẽ được xếp vào 2 containers này.
5	Chất khử trùng	NaOCl	Chất khử trùng TCCA	Tuy giá thành cao hơn NaOCl nhưng TCCA có hiệu quả khử trùng cao; phân hủy chậm hơn nên giúp duy trì hiệu quả khử trùng trong thời gian dài hơn; khả năng ổn định cao hơn, ít bị ảnh hưởng bởi ánh sáng mặt trời và các yếu tố môi trường khác nên duy trì nồng độ Clo hoạt động ổn định trong nước, thời gian lưu trữ lâu; ít ảnh hưởng đến độ pH, độ kiềm và không ảnh hưởng đến độ cứng canxi; dễ sử dụng, dễ hòa tan vào nước và không để lại cặn.

CHƯƠNG IV.
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

4.1.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

Nhà máy nằm trong Khu công nghiệp Đình Vũ nên không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Do nước thải sau xử lý của Dự án được đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ, không xả ra môi trường.

Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam đã ký Hợp đồng dịch vụ và tiện ích số DVIZJSC.019.2012.USA.MKG ngày 18/9/2012 với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ (là Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Đình Vũ), trong đó có thỏa thuận về việc đấu nối nước thải của Nhà máy vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

a. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

**** Đối với nước thải sinh hoạt***

Nước thải sinh hoạt bao gồm nước thải từ khu nhà vệ sinh, nước thoát sàn và nước thải từ khu nhà bếp sẽ theo đường ống nhựa uPVC D125 - D150 thu gom vào 8 hố ga kích thước 0,8×0,8m và 01 hố bơm kích thước 1,8×1,8m để xử lý sơ bộ trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 10 m³/ngày của Nhà máy. Nước thải sinh hoạt sau xử lý sẽ theo đường ống nhựa uPVC D76 - D125 và 2 hố ga kích thước 0,8×0,8m chảy vào hố ga đầu nối nước thải của KCN Đình Vũ và theo ống HDPE Φ300 chảy vào hệ thống thu gom nước thải chung dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đình Vũ.

**** Đối với nước thải công nghiệp***

- Nước nhiễm dầu từ khu bồn dầu: Trong trường hợp xảy ra sự cố tràn dầu (chủ yếu là do sự cố đổ vỡ bồn chứa dầu) thì vẫn đóng chặt van ngoài đê bao bồn dầu để xử lý sự cố trong đê bao trước. Công ty sẽ thuê đơn vị bơm hút dầu tràn trước khi xả nước rửa bề mặt khu bồn chứa. Sau khi đã xử lý sự cố xong, mở van ngoài đê bao để đưa lượng nước nhiễm dầu còn sót lại về bể tách dầu 4 ngăn thể tích 6,75 m³ của mỗi khu bồn để thu hồi nốt lượng dầu còn lại. Nước sau xử lý sẽ theo đường ống PVC D150 đấu nối vào các mương hở bằng gạch hoặc BTCT chạy dọc xung quanh bồn dầu rộng 0,4m rồi dẫn về bể tách dầu tập trung thể tích 24,5 m³ đặt tại phía Tây Nhà máy để xử lý triệt để trước khi thoát ra mương gạch hở

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

rộng 0,5m chảy vào hố ga đầu nối với hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp ở phía Tây Nhà máy.

- Nước xả đáy nồi hơi: Theo đường ống dẫn bằng thép carbon, đường kính 3 inch đi theo đường ống dẫn trong lòng mương gạch hở rộng 0,5m về bể trung gian 4 ngăn thể tích 10 m³ để xử lý lắng cặn và giảm nhiệt rồi chảy vào hố ga đầu nối với hệ thống thoát nước thải của Khu công nghiệp.

b. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

** Tóm tắt quy trình công nghệ:*

- Đối với nước thải sinh hoạt: (1) Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh + (2) Nước thải sinh hoạt từ khu nhà bếp, nước thoát sàn chậu → Hố ga lắng & Hố bơm trung chuyển → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 10 m³/ngày đêm → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

- Đối với nước thải công nghiệp:

+ (1) Nước mưa nhiễm dầu từ khu bồn dầu + (2) Nước tưới mát khi xảy ra sự cố cháy nổ tại khu bồn chứa dầu gốc được giữ lại trong khu đê bao bồn dầu nhờ hệ thống van chặn luôn đóng và được bơm hút bởi đơn vị có năng lực vận chuyển, xử lý CTNH. Nước trong còn lại sau sự cố → Bể tách dầu 4 ngăn thể tích 6,75 m³ → Bể tách dầu tập trung thể tích 24,5 m³ → Hố ga đầu nối với hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp ở phía Tây Nhà máy → Hệ thống thu gom nước mưa của Khu công nghiệp Đình Vũ.

- Nước xả đáy nồi hơi → Bể trung gian 4 ngăn thể tích 10 m³ → Hố ga đầu nối → Hệ thống thoát nước thải của Khu công nghiệp Đình Vũ.

** Công suất thiết kế:*

- 01 Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 10 m³/ngày đêm;
- 01 Bể tách dầu 4 ngăn thể tích 6,75 m³;
- 01 Bể tách dầu tập trung thể tích 24,5 m³;
- 01 Bể trung gian 4 ngăn thể tích 10 m³.

** Hoá chất, vật liệu sử dụng: Methanol; FeCl₃; NaOH; Chất khử trùng TCCA.*

c. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Nhà máy không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

d. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

- Bố trí cán bộ có trình độ, chuyên môn để quản lý, vận hành đúng quy trình kỹ thuật công trình xử lý nước thải.
- Thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của để đảm bảo công trình xử lý nước thải luôn hoạt động hiệu quả.
- Định kỳ vệ sinh các đường ống thu thoát nước mưa, nước thải; nạo hút bùn cặn tại các hố ga, bể tự hoại, bể tách nước nhiễm dầu; vớt váng dầu mỡ tại bể tách dầu mỡ nhà bếp, bể tách nước nhiễm dầu.
- Trang bị các phương tiện, máy móc, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố của công trình xử lý nước thải.
- Khi công trình xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa tạm thời trong các bể xử lý để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố.
- Khi việc kiểm tra, khắc phục sự cố của công trình xử lý nước thải bị kéo dài và các bể xử lý không còn khả năng lưu chứa nước thải thì phải thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý nước thải phát sinh.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Nhà máy không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Do các công trình xử lý nước thải của Nhà máy không có thay đổi so với Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 03/GXN-STN&MT ngày 25/01/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Nhà máy, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Đình Vũ, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.
- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải của Nhà máy.
- Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

4.2.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

1. Nguồn phát sinh khí thải:

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống thu gom tách bụi dầu công suất 3.500 m³/h.

2. Dòng khí thải, vị trí và lưu lượng xả khí thải tối đa:

Nhà máy có 01 dòng khí thải tương ứng với 01 ống thải khí:

- Dòng khí thải số 01 (Nguồn số 01): Ống thải khí của hệ thống thu gom tách bụi dầu. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 3.500 m³/giờ. Tọa độ: X = 2303560.317m; Y = 609031.135m.

(theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 3⁰).

Tổng lưu lượng khí thải là: 3.500 m³/giờ.

3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

Các chất ô nhiễm theo dòng khí thải trước khi xả thải ra môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và giá trị giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B; K_p = 1,0; K_v = 0,6). Cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B; K _p = 1,0; K _v = 0,6)	QCVN 20:2009/BTNMT
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	120	-
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	600	-
3	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	300	-
4	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	510	-
5	Benzen	mg/Nm ³	-	5

4. Phương thức xả khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống trộn nguyên liệu, bể chiết nạp được xử lý bởi hệ thống thu gom tách bụi dầu, sau đó được xả ra môi trường qua miệng ống thải khí. Chế độ xả khí thải là gián đoạn theo thời gian sản xuất. Chu kỳ xả trong một ngày là từ 08 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

4.2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

a. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống thông thu gom tách bụi dầu theo ống thải khí có đường kính 0,3 m, chiều cao 0,5 m xả ra môi trường.

b. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống trộn nguyên liệu, bể chiết nạp được xử lý bởi thiết bị tách bụi dầu có dạng bồn hình trụ để thu gom dầu lỏng ngưng, trên thành thiết bị có thiết kế đường khí vào và đường khí ra, có bố trí một lớp lưới lọc dạng lưới thép chống mài mòn. Hệ thống được thiết kế theo nguyên tắc giống như một xi phong chống tràn. Sự phân tách đầu tiên diễn ra tại tấm chắn bằng thép hình chữ L tại cửa vào của đường khí, các hạt bụi dầu va chạm với tấm chắn và bị ngưng tụ tại đây sau đó chảy xuống phía dưới dưới tác dụng của trọng lực, chất lỏng sẽ chảy xuống các cửa xả, các bóng khí bị cuốn theo trong chất lỏng sẽ đi ngược trở lên khi chất lỏng đạt trạng thái cân bằng sẽ tạo thành môi trường hơi bên trong thiết bị. Mức dầu ngưng tụ được thường xuyên kiểm tra bằng thước LG401 nếu mức dầu quá cao sẽ được xả ra ngoài qua van xả đáy, trong khi đó phần khí được tách ra khỏi chất lỏng sẽ đi tiếp lên phía trên tấm chắn ra phía các cửa thoát khí. Dầu lỏng bị cuốn lẫn trong phần khí sẽ tạo thành giọt và rơi ngược trở lại, trước khi ra khỏi thiết bị tách dầu dòng khí tiếp tục đi qua lớp lưới lọc để loại bỏ hoàn toàn các bụi dầu còn sót lại sau đó được thoát ra môi trường dưới tác dụng của máy thổi khí.

c. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Nhà máy không thuộc đối tượng bắt buộc phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

d. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Tuân thủ quy trình công nghệ vận hành và các yêu cầu kỹ thuật của hệ thống nồi hơi đốt kerosene và hệ thống thu gom tách bụi dầu

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ vệ sinh, bảo dưỡng để đảm bảo hệ thống gia nhiệt dầu nóng hoạt động tốt nhất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải sau khi được cấp Giấy phép môi trường theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Vận hành hệ thống nồi hơi đốt kerosene và hệ thống thu gom tách bụi dầu theo

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

đúng quy trình công nghệ và các yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo bụi, khí thải phát sinh đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả thải ra môi trường

- Trong trường hợp kết quả quan trắc bụi, khí thải phát sinh hệ thống nồi hơi đốt kerosene và hệ thống thu gom tách bụi dầu không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường, Chủ dự án phải có biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải đảm bảo đạt yêu cầu quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả thải ra môi trường

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tại khu vực xưởng sản xuất.
- Nguồn số 02: Tại khu vực dỡ hàng.
- Nguồn số 03: Tại khu xuất hàng.
- Nguồn số 04: Tại khu vực trạm bơm dầu gốc
- Nguồn số 05: Tại khu vực trạm bơm phụ gia.
- Nguồn số 06: Tại khu vực phòng máy nén khí.
- Nguồn số 07: Tại khu vực phòng đặt nồi hơi.
- Nguồn số 08: Tại khu bể nước và phòng bơm.
- Nguồn số 09: Tại khu vực đặt hệ thống xử lý nước thải (máy bơm)

4.3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Các vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung tương ứng với các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 2303596.160 m; Y = 608993.765 m.
- Nguồn số 02: Tọa độ: X = 2303512.286 m; Y = 608987.052 m.
- Nguồn số 03: Tọa độ: X = 2303646.694 m; Y = 609081.110 m.
- Nguồn số 04: Tọa độ: X = 2303543.061 m; Y = 608938.826 m.
- Nguồn số 05: Tọa độ: X = 2303570.808 m; Y = 608936.970 m.
- Nguồn số 06: Tọa độ: X = 2303648.981 m; Y = 608920.825 m.
- Nguồn số 07: Tọa độ: X = 2303650.168 m; Y = 608932.544 m.
- Nguồn số 08: Tọa độ: X = 2303645.821 m; Y = 608947.092 m.
- Nguồn số 09: Tọa độ: X = 2303661.837 m; Y = 608934.144 m.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

4.3.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung tại vị trí xung quanh, ngoài tường rào Nhà máy phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Tiếng ồn tại các vị trí phát sinh trong nhà xưởng phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc. Cụ thể như sau:

*** Tiếng ồn**

TT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (DBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (DBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (Laeq) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

*** Độ rung**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

4.3.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lắp đặt đệm xốp, đế cao su giảm ồn chống rung cho các máy móc, thiết bị có khả năng gây tiếng ồn, độ rung lớn như dàn chiết rót, máy bơm, máy khuấy, máy nén khí....

- Tiến hành kiểm tra, vệ sinh và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị để đảm bảo luôn hoạt động ở trạng thái ổn định.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy định.

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

- Các máy móc, thiết bị được vận hành theo đúng yêu cầu kỹ thuật và đúng công suất thiết kế.

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.4.1. Quản lý chất thải

a. Nguồn phát sinh chất thải

* *Chất thải nguy hại*: Phát sinh từ hoạt động sản xuất, hoạt động thí nghiệm, hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị, hoạt động xử lý nước nhiễm dầu và hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu, hoá chất.

* *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Phát sinh từ hoạt động sản xuất và hoạt động văn phòng.

* *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại Nhà máy.

* *Chất thải rắn thông thường khác*: Phát sinh từ bể tự hoại (bùn cặn thải).

b. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

* *Chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh*

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Tính chất nguy hại chính	Ký hiệu phân loại	Dự báo khối lượng CTNH (kg/năm)
1	Nước thải nhiễm dầu hoặc có các thành phần nguy hại	Lỏng	17 05 05	Đ, ĐS	NH	41.656,40
2	Các loại dầu thải (dầu rơi vãi, dầu thải từ phòng TN, dầu bôi trơn máy móc thải)	Lỏng	17 07 03	Đ, ĐS, C	NH	76.443,21
3	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi khác	Lỏng	17 08 03	Đ, ĐS, C	NH	6.027,66
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Đ, ĐS	KS	6.702,46
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	Đ, ĐS	KS	153.495,47
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	Đ, ĐS	KS	5.517,46
7	Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác (thủy tinh)	Rắn	18 01 04	Đ, ĐS	KS	1.106,08

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

8	Bao bì mềm thải (Vỏ thùng carton)	Rắn	18 01 01	Đ, ĐS	KS	2.377,75
9	Bóng đèn huỳnh quang	Lỏng	16 01 01	Đ, ĐS, C	NH	36,22
10	Pin thải	Rắn	16 01 12	Đ, ĐS, AM	NH	31,05
11	Hộp mực thải	Rắn	08 02 04	Đ, ĐS	KS	10,35
12	Các thiết bị thải bỏ có CFC (máy điều hòa)	Rắn	16 01 07	Đ, ĐS	KS	284,61
13	Thiết bị thải có các bộ phận linh kiện điện tử (Máy điều hòa & thiết bị làm lạnh, thiết bị điện tử, máy vi tính)	Rắn	19 02 05	Đ, ĐS	NH	1.038,81
Tổng						294.727,53

* *Chủng loại, khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:* Khoảng 62,5 tấn/ năm (gồm gỗ phế liệu, giấy bìa carton không dính dầu, nylon phế liệu, vỏ chai nhựa sạch,...).

* *Chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường khác:* Trung bình 07m³ / tháng (bùn cặn thải từ bể tự hoại).

* *Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:* Trung bình 05m³/tháng

4.4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải

a. Công trình biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Kho lưu chứa:

+ Diện tích: Gồm 01 kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 24,0 m² và 02 container 20 feet.

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa chất thải nguy hại cao 01 tầng, có cửa ra vào khép kín, mái lợp tôn che kín nắng mưa, tường xây gạch, nền bê tông hoá chống thấm, có rãnh và hố thu gom chất thải dạng lồng bên trong và đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Biện pháp xử lý: Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại vào các thùng chứa riêng biệt cho từng loại chất thải, ghi mã chất thải nguy hại, dán dấu hiệu cảnh báo và lưu

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

giữ tạm thời tại kho chứa chất thải nguy hại trước khi chuyển giao cho đơn vị có năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

b. Công trình biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường và phế liệu đảm bảo đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Công trình lưu chứa:

+ Diện tích: 1 container 40 feet chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường.

+ Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường được bố trí là 1 container có cửa ra vào và mái che kín và đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Biện pháp xử lý: Chất thải rắn công nghiệp thông thường được phân loại, thu gom, lưu giữ tạm thời tại container chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường trước khi chuyển giao cho đơn vị có năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và tái chế hoặc thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

c. Công trình biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa có nắp đậy đặt tại các vị trí phát sinh và khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt.

- Công trình lưu chứa: Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 3,0 m².

- Biện pháp xử lý: Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom vào các thiết bị lưu chứa tại điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4.4.2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Công ty đã và sẽ thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Ban hành và tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy, an toàn hoá chất, an toàn bức xạ, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải theo quy định hiện hành.

4.5. Các nội dung đề nghị cấp phép khác về bảo vệ môi trường

4.5.1. Nội dung về cải tạo, phục hồi môi trường

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

4.5.2. Nội dung về bồi hoàn đa dạng sinh học

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

4.5.3. Các nội dung chủ cơ sở tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Không có.

4.5.4. Các nội dung khác về bảo vệ môi trường

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V.
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Nhà máy tiến hành quan trắc định kỳ đối với nước thải tại 01 vị trí. Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải từ tháng 4/2022 đến tháng 1/2024 của Nhà máy như sau:

1. Vị trí quan trắc nước thải: Nước thải tại điểm xả cuối của cơ sở trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của khu công nghiệp. Tọa độ: X = 2303663 m; Y = 608902 m (*Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°*).

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
 của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
 – Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

Bảng 5.1. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc nước thải định kỳ của Nhà máy từ tháng 4/2022 đến tháng 1/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả								Tiêu chuẩn của KCN Đình Vũ
			Tháng 4/2022	Tháng 7/2022	Tháng 10/2022	Tháng 2/2023	Tháng 4/2023	Tháng 7/2023	Tháng 10/2023	Tháng 1/2024	
1	Nhiệt độ		22,4	22,8	22,4	19,2	20,1	35,6	28,6	23,4	45
2	Độ màu		140,4	152,6	140,2	154	141	<15	21	79	-
3	Mùi		Không có mùi khó chịu	Không có mùi khó chịu	Không mùi	-	-	-	-	-	-
4	pH	-	6,5	6,9	6,8	6,95	7,15	6,2	7,28	6,73	5-9
5	BOD ₅ (20°C)	mg/l	21,7	20,2	20,3	23	25	20	20	23	500
6	COD	mg/l	41,7	43,9	44,8	42	40	34	37	40	500
7	TSS	mg/l	95	98	93	91	89	47	57	43	500
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	2	2,2	2,2	2,2	2,4	< 1 ^a	< 1 ^a	< 1 ^a	30
9	Tổng dầu mỡ khoáng		2,2	2,6	2,4	2,5	2,7	1,1	< 1 ^a	< 1 ^a	10
10	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	0,041	0,043	0,039	0,14	0,15	0,24	KPH	KPH	0,5
11	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	mg/l	0,24	0,20	0,19	0,55	0,47	0,76	1,1	0,35	10
12	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/l	6,44	7,8	6,72	7,39	15,6	8,27	10,4	7,1	40

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

13	Tổng Phospho (tính theo P)	mg/l	1,74	1,77	1,67	1,84	1,91	3,72	2,89	0,12	6
14	Coliforms	MPN/10 0ml	2,4×10 ³	2,8×10 ³	2,8×10 ³	3.400	3.100	3.100	3.400	3.300	10.000

Nguồn: Phiếu kết quả quan trắc định kỳ của Công ty TNHH dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

* **Ghi chú:** - KPH: Không phát hiện;

- Tiêu chuẩn xả thải của KCN Đình Vũ.

* **Nhận xét:** So sánh kết quả quan trắc nước thải từ tháng 4/2022 đến tháng 1/2024 của Nhà máy với Tiêu chuẩn xả thải của Khu công nghiệp Đình Vũ nhận thấy các thông số ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép. Như vậy, các công trình xử lý nước thải của Cơ sở hoạt động có hiệu quả, đã giảm thiểu được tác động tiêu cực của nguồn phát sinh nước thải đến môi trường nguồn nước tiếp nhận.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Nhà máy tiến hành quan trắc định kỳ đối với khí thải tại 03 vị trí. Kết quả quan trắc định kỳ đối với khí thải từ tháng 4/2022 đến tháng 1/2024 của Nhà máy như sau:

Bảng 5.2. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc khí thải ống thải khí nôi hơi 01 của Nhà máy từ tháng 4/2022 đến tháng 1/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả								QCVN 19:2009/BT NMT (Cột B; Kp=1,0; Kv = 0,6)	QCVN 20:2009/BT NMT
			Tháng 4/2022	Tháng 7/2022	Tháng 10/2022	Tháng 2/2023	Tháng 4/2023	Tháng 7/2023	Tháng 10/2023	Tháng 1/2024		
1	Bụi tổng	-	106,3	107,6	108,1	118	130	43	45	47	120	-
2	CO	mg/l	288,4	291,8	253,1	341	362	349	355	325	600	-
3	SO ₂	mg/l	91,2	82,5	91,7	92,7	90	92	95	100	5300	-

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
 của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
 – Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

4	NO _x – NO ₂	mg/l	227,6	229,5	197,4	257	248	255	264	278	510	-
5	VOCs_ Benzene	mg/l	KPH	KPH	KPH	< 0,003	KPH	< 0,003	KPH	0,06	-	5

Nguồn: Phiếu kết quả quan trắc định kỳ của Công ty TNHH dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

Bảng 5.3. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc khí thải ống thải khí nồi hơi 02 của Nhà máy từ tháng 4/2022 đến tháng 1/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả								QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B; Kp=1,0; Kv = 0,6)	QCVN 20:2009/BTNMT
			Tháng 4/2022	Tháng 7/2022	Tháng 10/2022	Tháng 2/2023	Tháng 4/2023	Tháng 7/2023	Tháng 10/2023	Tháng 1/2024		
1	Bụi tổng	-	126,7	127,5	125,6	132	134	47	48	50	120	-
2	CO	mg/l	272,5	280,4	225,7	326	319	326	319	316	600	-
3	SO ₂	mg/l	213,5	82,0	220,1	87,3	85	81	88	94	5300	-
4	NO _x – NO ₂	mg/l	199,2	231,1	189,9	269	253	260	252	241	510	-
5	VOCs_ Benzene	mg/l	KPH	KPH	KPH	< 0,003	KPH	< 0,003	KPH	0,04	-	5

Nguồn: Phiếu kết quả quan trắc định kỳ của Công ty TNHH dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

Bảng 5.4. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc khí thải ống thải khí hệ thống tách bụi dầu của Nhà máy từ tháng 4/2022 đến tháng 1/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả								QCVN 20:2009/BTNMT
			Tháng 4/2022	Tháng 7/2022	Tháng 10/2022	Tháng 2/2023	Tháng 4/2023	Tháng 7/2023	Tháng 10/2023	Tháng 1/2024	
1	VOCs_ Benzene	mg/l	KPH	1,5	KPH	< 0,003	KPH	< 0,003	KPH	<0,02	5

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

Nguồn: Phiếu kết quả quan trắc định kỳ của Công ty TNHH dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

*** Ghi chú:**

- Vị trí quan trắc khí thải: Tại ống thải khí nồi hơi 01; ống thải khí nồi hơi 02 và ống thải khí hệ thống tách bụi dầu.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp; Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải; Kv là hệ số vùng, khu vực).

QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

*** Nhận xét:**

So sánh kết quả đo đạc, phân tích mẫu khí thải từ ống thải khí của hệ thống nồi hơi và hệ thống tách bụi dầu với QCVN 19:2009/BTNMT (cột B; Kp = 1,0; Kv = 0,6) nhận thấy, giá trị của các thông số ô nhiễm trong khí thải đều đạt Quy chuẩn cho phép. Như vậy, hệ thống xử lý khí thải của hệ thống nồi hơi và hệ thống thu gom tách bụi dầu tại Cơ sở đều hoạt động có hiệu quả, đã giảm thiểu được tác động tiêu cực của nguồn phát sinh bụi, khí thải đến môi trường xung quanh.

CHƯƠNG VI.

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường hiện có, Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam đề xuất chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Công ty không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường do không thay đổi so với Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 03/GXN-STN&MT ngày 25/01/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

6.2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

**** Quan trắc định kỳ đối với nước thải***

Công ty không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

**** Quan trắc định kỳ đối với khí thải***

Công ty không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

**** Quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải***

Công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện việc quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải theo quy định Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

**** Quan trắc tự động, liên tục đối với bụi, khí thải***

Công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện việc quan trắc tự động, liên tục đối với bụi, khí thải theo quy định Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Theo quy định của pháp luật, Cơ sở không phải thực hiện việc quan trắc môi trường định kỳ. Tuy nhiên, để kiểm soát chất lượng nước thải xả vào hệ thống thu gom

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

nước thải chung của KCN Đình Vũ và khí thải xả vào môi trường không khí, đồng thời để đánh giá nội bộ việc vận hành các công trình, biện pháp xử lý nước thải và biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải của Nhà máy, Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam đề xuất thực hiện việc quan trắc định kỳ đối với nước thải và khí thải tại Nhà máy như sau:

Bảng 6.1. Kế hoạch quan trắc nước thải, khí thải định kỳ của Nhà máy

STT	Vị trí quan trắc	Tần suất quan trắc	Thông số quan trắc	Quy chuẩn đánh giá
I	Quan trắc định kỳ đối với nước thải			
1	Mẫu nước thải tại hố ga cuối trước khi xả ra hệ thống thu gom nước thải của KCN Đình Vũ	1 năm/lần	Nhiệt độ, pH, độ màu, BOD ₅ , COD, TSS, Amoni, Tổng dầu mỡ khoáng, Dầu mỡ động thực vật, Sunfua, N tổng, P tổng, Coliforms	Theo yêu cầu của KCN Đình Vũ
2	Mẫu nước mưa tràn mặt tại khoang cuối của bể tách dầu tập trung phía Tây nhà máy trước khi thoát ra hệ thống thoát nước của KCN	1 năm/lần	pH, TSS, COD, Dầu mỡ khoáng.	
3	Mẫu nước mưa tràn mặt tại khoang cuối của bể tách dầu tập trung phía Đông nhà máy trước khi thoát ra hệ thống thoát nước của KCN	1 năm/lần	pH, TSS, COD, Dầu mỡ khoáng.	
II	Quan trắc định kỳ đối với khí thải			
1	Mẫu khí thải tại ống thải nôi hơi số 01	1 năm/lần	Bụi, CO, NO ₂ , SO ₂	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B; K _p = 1,0; K _v = 0,6)
2	Mẫu khí thải tại ống thải nôi hơi số 02	1 năm/lần	Bụi, CO, NO ₂ , SO ₂	
3	Mẫu khí thải tại cửa xả của thiết bị tách bụi dầu	1 năm/lần	Bụi, CO, NO ₂ , SO ₂ , Benzen.	

CHƯƠNG VII.
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
CƠ SỞ

Từ khi đi vào hoạt động đến nay, dưới sự hướng dẫn, kiểm tra của các cơ quan, ban ngành về quản lý nhà nước và khu công nghiệp, Nhà máy chưa từng để xảy ra sự cố nào ảnh hưởng đến môi trường của Khu công nghiệp Đình Vũ. Vào ngày 7 tháng 6 năm 2022, Đoàn kiểm tra theo quyết định số 11/QĐ-CCBHD của Chi cục trưởng Chi cục Biển và Hải đảo bao gồm các đại diện Chi cục Biển và Hải đảo và Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Hải An đã kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty TNHH dầu nhờn Idemitsu Việt Nam. Kết quả kiểm tra ghi nhận Công ty đã luôn đảm bảo công tác bảo vệ môi trường, vệ sinh môi trường trong phạm vi mặt bằng của Công ty. Đồng thời, Công ty không bị khiếu kiện, khiếu nại, phản ánh của người dân và các dự án, cơ sở lân cận về công tác bảo vệ môi trường của Nhà máy.

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam cam kết các nội dung sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết thực hiện việc thu gom, xử lý, xả thải nước thải, bụi và khí thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Cam kết và chịu trách nhiệm thực hiện việc giám sát chất lượng môi trường theo quy định; tuân thủ các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Cam kết thực hiện việc thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo vệ sinh môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Cam kết thực hiện các biện pháp, phương án phòng ngừa, ứng phó và khắc phục các sự cố môi trường, sự cố cháy nổ, sự cố tràn dầu và các sự cố khác. Công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
- Cam kết thực hiện việc quan trắc giám sát chất lượng môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật.
- Cam kết dành khoản kinh phí để thực hiện công tác bảo vệ môi trường, giám sát chất lượng môi trường và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 0201275452 đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 8 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 09 tháng 8 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.
2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án: 022043000111 chứng nhận lần đầu ngày 13 tháng 8 năm 2012, chứng nhận thay đổi lần thứ 08 ngày 19/5/2021 của Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng.
3. Hợp đồng thuê đất số DVIZJSC.018.2012.LLC.MKG giữa Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ và Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam.
4. Hợp đồng dịch vụ và tiện ích số DVIZJSC.019.2012.USA.MKG ngày 18/9/2012 giữa Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ và Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam.
5. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu số BM 316966 ngày 07/02/2013 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.
6. Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam tại Lô đất CN 5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An.
7. Giấy xác nhận số 03/GXN-STN&MT ngày 25/01/2014 việc đã thực hiện các công trình biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án.
8. Giấy chứng nhận hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015.
9. Giấy phép xây dựng số 1034/GPXD ngày 12/11/2012 của Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp cho Công ty TNHH dầu nhờn IDEMITSU Việt Nam.
10. Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 139/TD-PCCC ngày 22/12/2012 do Sở Cảnh sát PCCC thành phố Hải Phòng cấp cho Nhà máy sản xuất dầu nhờn Idemitsu.
11. Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 50/TD-PCCC ngày 04/6/2013 do Sở Cảnh sát PCCC thành phố Hải Phòng cấp cho Nhà máy sản xuất dầu nhờn Idemitsu (Điều chỉnh thiết kế).
12. Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 83/TD-PCCC ngày 04/8/2013 do Sở Cảnh sát PCCC thành phố Hải Phòng cấp cho Nhà máy sản xuất dầu nhờn Idemitsu (Điều chỉnh thiết kế).

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Dự án Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
– Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

13. Công văn số 1760/SCSPCCC-HDPC ngày 29/10/2013 của Sở cảnh sát Phòng cháy chữa cháy thành phố Hải Phòng kiểm tra, xác nhận và nghiệm thu về PCCC của Nhà máy sản xuất dầu nhờn Idemitsu đạt tiêu chuẩn.

14. Quyết định số 3293/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 về việc phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam tại Lô CN5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

15. Quyết định phê duyệt Biện pháp ứng phó sự cố hóa chất số 06/QĐ-ILV-HSE/2024 ngày 25/7/2024 kèm Công văn gửi Sở Công thương số 01/CV-ILV-HSE/2024 ngày 25/7/2024.

16. Bản kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế năm 2024.

17. Hợp đồng thu gom rác sinh hoạt với URENCO

18. Hợp đồng số 01-2023/HĐ-VCXLCTCN/TTP-IDEMITSU ngày 18/09/2023 với Công ty TNHH Tân Thuận Phong vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp.

19. Hợp đồng số 01-2023/HĐPL/TTP-IDEMITSU ngày 18/09/2023 với Công ty TNHH Tân Thuận Phong thu mua phế liệu sau xử lý.

20. Hợp đồng Số 105/2021/HĐXL/PH-IDEMITSU với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kho vận Phú Hưng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp.

21. Hợp đồng số 18/2021/HĐMB/PH-IDEMITSU và Phụ lục Hợp đồng số PL 01-18/2021/HĐMB/PH-IDEMITSU ngày 10/12/2021 với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kho vận Phú Hưng thu mua phế liệu.

22. Biên bản kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được phê duyệt tại Công ty TNHH Dầu nhờn IDEMITSU Việt Nam năm 2022 ngày 07/6/2022.

23. Các phiếu kết quả quan trắc nước thải, khí thải từ tháng 4/2022 đến tháng 1/2024.

24. Các bản vẽ tổng mặt bằng; thoát nước mưa, thoát nước thải.

25. Bản vẽ hoàn công bể tách nước nhiễm dầu, đê bao, rãnh thu của các khu bồn dầu; bể tách nước lẫn dầu tập trung.

26. Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

27. Bản vẽ hoàn công hệ thống tách bụi dầu.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0201275452

Đăng ký lần đầu: ngày 13 tháng 08 năm 2012

Đăng ký thay đổi lần thứ: 13, ngày 09 tháng 08 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DẦU NHỜN IDEMITSU VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IDEMITSU LUBE VIETNAM CO.,LTD.
Tên công ty viết tắt: ILV

2. Địa chỉ trụ sở chính

Khu đất CN5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0225. 3246508

Fax: 0225. 3246509

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ : 489.300.000.000 đồng.

Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi chín tỷ ba trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: IDEMITSU KOSAN CO., LTD.

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0100-01-011318

Ngày cấp: 30/03/1940 Nơi cấp: Nhật Bản

Địa chỉ trụ sở chính: 2-1, Otemachi 1- Chome, Chiyoda-Ku, Tokyo 100-8321, Nhật Bản

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HISASHI TAYA

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 04/05/1966 Dân tộc: Quốc tịch: Nhật Bản

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: TS4272302

Ngày cấp: 28/08/2019 Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Nhật Bản

Địa chỉ thường trú: Aichi, Nhật Bản

Địa chỉ liên lạc: Khu đất CN5.2E, KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

TR. TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Thị Lâm



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: **022043000111**

Chứng nhận lần đầu: Ngày 13 tháng 8 năm 2012

Chứng nhận thay đổi lần thứ 08: Ngày 19 tháng 5 năm 2021

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1329/QĐ-TTg ngày 19 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 022 043 000111 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận lần đầu ngày 13 tháng 8 năm 2012, chứng nhận thay đổi lần thứ 07 ngày 09 tháng 4 năm 2015;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam nộp ngày 14/4/2021, bổ sung ngày 05/5/2021,

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Chứng nhận:

Dự án đầu tư DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT, PHA CHẾ CÁC LOẠI DẦU BÔI TRƠN IDEMITSU LUBE VIỆT NAM; Giấy chứng nhận đầu tư số 022043000111 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận lần đầu ngày 13/8/2012, chứng nhận thay đổi lần thứ 07 ngày



09/4/2015.

Được đăng ký điều chỉnh mục tiêu đầu tư dự án.

Nhà đầu tư: Idemitsu Kosan Co., Ltd., trụ sở chính: 1-1, Marunouchi 3-Chome, Chiyoda-Ku, Tokyo 100-8321, Nhật Bản; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100-01-011318 cấp ngày 30/3/1940 tại Nhật Bản.

Người đại diện theo pháp luật: ông Takashi Tsukioka, chức vụ: Tổng Giám đốc, sinh ngày 15/5/1951; quốc tịch: Nhật Bản, hộ chiếu số: TH1480922 cấp ngày 11/9/2006 tại Bộ Ngoại giao Nhật Bản; địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện tại: 801-1-4, Honmokuhara, Yokohama Naka-ku, Kanagawa, Nhật Bản; điện thoại: 0081-3-3213-3110; Fax: 0081-3-3213-9340.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 0201275452 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 13/8/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 05/4/2018.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư:

DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT, PHA CHẾ CÁC LOẠI DẦU BÔI TRƠN IDEMITSU LUBE VIỆT NAM

2. Mục tiêu dự án:

- Sản xuất và pha chế các loại dầu bôi trơn, dầu tẩy rửa các loại dầu mỡ, dầu đập kim loại trong ngành công nghiệp gia công kim loại (mã HS: 2710.19.43, 2710.12.60), các chế phẩm dầu bôi trơn (mã HS: 3403.11, 3403.19) từ dầu gốc (mã HS: 2710.19.41), dầu Hydrocarbon mạch hở - No (mã HS: 2901.10.00), chế phẩm của Axit Carbonxylic đơn chức (mã HS: 2916.19.00) và các chất phụ gia (mã HS: 3811.21.90, 3811.29.00,...) để tiêu thụ tại Việt Nam và xuất khẩu; cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu dùng và hỗ trợ kỹ thuật cho các loại dầu bôi trơn do Công ty sản xuất; cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật cho tất cả các sản phẩm mang nhãn hiệu IDEMITSU được nhập khẩu hợp pháp vào Việt Nam.

- Sản xuất các loại dầu, các chế phẩm bôi trơn có thành phần cơ bản là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ, các chế phẩm dùng để xử lý vật liệu bằng dầu hoặc mỡ, các hóa chất hữu cơ có thành phần cơ bản là Hydrocarbon



mạch hồ khác thuộc danh mục hàng hóa sản xuất theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên không cấm.

3. Quy mô dự án (cho năm sản xuất ổn định - sau năm 2020): đạt tương đương 30.000 tấn/năm; Các sản phẩm chủ yếu:

STT	Sản phẩm	Sản lượng (tấn/năm)
1	Dầu bôi trơn dùng cho ô tô, xe gắn máy	26.425
2	Dầu bôi trơn công nghiệp	2.363

4. Địa điểm thực hiện dự án: Khu đất CN5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

5. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 60.000 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 665.700.000.000 (sáu trăm sáu mươi lăm tỷ bảy trăm triệu) đồng, tương đương 31.700.000 (ba mươi một triệu bảy trăm nghìn) đô la Mỹ.

Trong đó vốn góp để thực hiện dự án là 489.300.000.000 (bốn trăm tám mươi chín tỷ ba trăm triệu) đồng, tương đương 23.300.000 (hai mươi ba triệu ba trăm nghìn) đô la Mỹ, đã được nhà đầu tư góp đủ đến tháng 9/2012.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 46 (bốn mươi sáu) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu ngày 13/8/2012.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Khởi công xây dựng: tháng 11/2012;
- Lắp đặt thiết bị: tháng 7/2013;
- Sản xuất chính thức: tháng 01/2014.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế.

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

+ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008;

+ Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;



+ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

Được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế.

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

+ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 04 năm 2016;

+ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Khi thực hiện Dự án đầu tư, Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam phải tiến hành thực hiện đầy đủ các thủ tục về đầu tư xây dựng cơ bản, bảo vệ môi trường và các thủ tục liên quan khác theo quy định của pháp luật Việt Nam;

2. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình triển khai thực hiện dự án cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và các cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đầu tư số 022.043.000111 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận lần đầu ngày 13 tháng 8 năm 2012, chứng nhận thay đổi lần thứ 07 ngày 09 tháng 4 năm 2015.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 03 (ba) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 (một) bản, Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam được cấp 01 (một) bản và 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

Nơi nhận:

- Như điều 4;

- Lưu VT

TRƯỞNG BAN



Lê Trung Kiên

Hải Phòng, ngày 16 tháng 8 năm 2012

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT
Số: DVIZJSC.018.2012.LLC.MKG

BẢN SAO

giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VŨ
(DVIZJSC)

và

CÔNG TY TNHH DẦU NHỜN IDEMITSU VIỆT NAM

MỤC LỤC

ĐIỀU 1: GIẢI THÍCH TỬ NGỮ VÀ ĐIỂN GIẢI.....	3
ĐIỀU 2: CHO THUÊ	7
ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN CHO THUÊ.....	8
ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN THUÊ	10
ĐIỀU 5: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....	12
ĐIỀU 6: BỒI THƯỜNG	15
ĐIỀU 7: NHỮNG GIẤY PHÉP THIẾT YẾU BẮT BUỘC	15
ĐIỀU 8: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG.....	15
ĐIỀU 9: TRÁCH NHIỆM.....	17
ĐIỀU 10: BẤT KHẢ KHÁNG	17
ĐIỀU 11: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG	17
ĐIỀU 12: LUẬT VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	18
ĐIỀU 13: BẢO MẬT.....	18
ĐIỀU 14: NỘI DUNG ĐƯỢC THỂ HIỆN	18
ĐIỀU 15: VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG CỦA BÊN CHO THUÊ VÀ BÊN THUÊ: TRƯỜNG HỢP THAY ĐỔI.....	18
ĐIỀU 16: CÁC THÔNG BÁO.....	19
ĐIỀU 17: HỦY BỎ QUYỀN	19
ĐIỀU 18: TÍNH ĐỘC LẬP CỦA ĐIỀU KHOẢN.....	19
ĐIỀU 19: NỘI QUY KHU CÔNG NGHIỆP	19
ĐIỀU 20: NGÔN NGỮ HỢP ĐỒNG	20
PHỤ LỤC 1	21
PHỤ LỤC 2	22
PHỤ LỤC 3.....	26
PHỤ LỤC 4	27

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Số: DVIZJSC.018.2012.LLC.MKG

Hợp đồng thuê đất (*Hợp đồng*) này được ký ngày 16 tháng 8 năm 2012

GIỮA CÁC BÊN SAU:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VŨ, được thành lập theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 022 032 000034 ngày 12 tháng 06 năm 2008, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 7/6/2012 và số 02 222 000019 ngày 23/6/2008, chứng nhận thay đổi lần đầu ngày 28/9/2010 do Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp;

Đại diện: Ông Carlos Nascimento, Phó Tổng Giám Đốc Thứ Ba
(Theo Giấy uỷ quyền số: 03/2012/ENG-VN ngày 12/7/2012)
Bà Đỗ Thị Kim Thanh, Phó Tổng Giám đốc thứ nhất
Địa chỉ: Tầng 5, Khu văn phòng Harbour View,
Số 12 Trấn Phú, phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Điện thoại: +84 31 3 836 169 Fax : +84 31 3 859 130
Tài khoản số: 003.100.000.3058 (VND) tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương
Việt Nam – chi nhánh Hải Phòng
Mã số thuế GTGT: 0200116717

Dưới đây gọi là **Bên cho thuê**

VÀ

2. CÔNG TY TNHH DẦU NHỜN IDEMITSU VIỆT NAM, được thành lập theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 022 043 000111 ngày 13 tháng 08 năm 2012 do Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp;

Đại diện: Ông Ryuji Kusaka, Tổng Giám đốc
Địa chỉ: Khu đất CN 5.2E, Khu hoá dầu – Khu công nghiệp Đình Vũ
(thuộc khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải), phường Đồng Hải 2, quận
Hải An, Hải Phòng
Điện thoại: Fax:
Tài khoản số:
Mã số thuế GTGT:

Dưới đây gọi là "**Bên thuê**"

Trong Hợp đồng này, Bên cho thuê và Bên thuê được gọi là "**một Bên**" hoặc "**các Bên**".

CÁC BÊN THỎA THUẬN như sau:

ĐIỀU 1: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ DIỄN GIẢI

1.1. Giải thích từ ngữ

Trong Hợp đồng này, những từ và cụm từ sau đây có nghĩa như sau:

Tiện ích dùng chung là đường, cống rãnh thoát nước, kênh mương, máng nước, đèn đường, dây và cáp điện, đường ống, cáp, hoặc các

thiết bị thông tin liên lạc khác cung cấp cho Khu đất thuê nằm trên, dưới hoặc bên trong Khu đất thuê, hoặc bên cạnh Khu đất thuê hoặc trên, dưới hoặc trong những tài sản phục vụ việc cung cấp nước, điện hoặc các dịch vụ khác đến hoặc xuất phát từ Khu đất thuê;

Ngày hiệu lực

là ngày theo qui định tại điều khoản 11.1;

Mất khả năng thanh toán

là tình trạng một bên không có khả năng trả nợ, công ty buộc phải giải thể hoặc tự nguyện xin giải thể, công ty quyết định ngừng hoạt động hoặc giải thể, công ty đưa ra các văn bản công bố về việc thanh lý nợ cho các công ty giao dịch hoặc các chủ nợ của mình, có đơn trình lên Cấp thẩm quyền hoặc toà án có liên quan yêu cầu chỉ định một người quản lý hoặc thanh lý viên để thanh lý, hoặc một bên rơi vào tình trạng giống một trong các trường hợp vừa nêu trên hoặc một tình trạng nào đó gây ảnh hưởng tương tự;

Môi trường

bao gồm toàn bộ hoặc bất kỳ các yếu tố nào như là không khí (bao gồm không khí trong các tòa nhà hay các kiến trúc tự nhiên hay do con người xây dựng trên hay dưới mặt đất), nước (bao gồm nước ngầm, nước trong đường ống và nước trong hệ thống thoát nước thải), đất, con người và bất kì sinh vật/hệ sinh thái nào được tạo nên bởi yếu tố đó;

Tư vấn môi trường

là công ty tư vấn môi trường đã hoạt động được ít nhất ba (03) năm, có kinh nghiệm tư vấn môi trường đối với lĩnh vực bất động sản và sản xuất tương tự như Khu đất thuê và tài sản gắn liền với đất, Khu Công nghiệp và được Bên cho thuê chấp nhận là tư vấn thích hợp;

Qui định pháp luật về Môi trường

là tất cả luật hay qui định pháp luật hiện hành của Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về Môi trường có hiệu lực và mang tính ràng buộc từ Ngày hiệu lực của Hợp đồng này;

Bất khả kháng

là bất kể sự cố nào vượt quá khả năng kiểm soát hợp lý của Bên cho thuê và/hoặc Bên thuê, ngăn cản hoặc khiến cho Bên cho thuê và/hoặc Bên thuê không thể thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng của mình. Những sự cố đó bao gồm nhưng không giới hạn ở thiên tai, tình trạng khẩn cấp của đất nước, chiến tranh, hành động thù địch, bạo loạn, dân biến, hành động phá hoại có chủ định, động đất, lũ lụt, hoả hoạn, dịch bệnh, tình trạng không hợp pháp đột xuất, bất kì hành động hay chỉ thị nào của Cấp thẩm quyền (ngoài các hành động hay chỉ thị vì mục đích thương mại của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng hay các Phòng, Ban trực thuộc), việc thông qua hoặc bổ sung bất kỳ điều luật nào hoặc việc thi hành điều luật đó, trưng mua hoặc tịch thu tài sản;

Cấp thẩm quyền	Bao gồm: Chính phủ Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, bất kể Bộ nào thuộc Chính phủ Việt Nam, cơ quan hoặc cấp có thẩm quyền về tiện ích công cộng, cơ quan cấp tỉnh hoặc thành phố, Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng và các cơ quan có thẩm quyền liên quan, mà cần tham khảo ý kiến, phê duyệt, cam kết tham gia đối với bất kể việc gì hoặc nội dung nào được đề cập trong Hợp đồng này;
Ngày bàn giao	là ngày Khu đất thuê được bàn giao cho Bên thuê theo qui định tại điều khoản 2.3;
Chất độc hại	là bất kì chất nào bao gồm cả chất thải, là đơn chất hoặc kết hợp với chất khác, gây hại hoặc có thể gây nguy hại tới Môi trường hoặc sức khỏe và an toàn của con người;
Khu công nghiệp hay Khu	là đất đai và các công trình thuộc Khu công nghiệp Đình Vũ, đang được xây dựng theo Giấy chứng nhận đầu tư số 022 032 000034 và 02 222 000019 do Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp ngày 12 tháng 6 năm 2008 và ngày 23 tháng 6 năm 2008;
Giấy chứng nhận đầu tư	là Giấy chứng nhận đầu tư (<i>hoặc Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi</i>) do Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, hoặc bất cứ một Cấp thẩm quyền nào khác cấp để cho phép Bên thuê triển khai hoạt động trên Khu đất thuê;
Khu đất thuê	là khu đất rộng 60.000 mét vuông trong Khu công nghiệp, được thể hiện là khu đất CN5.2E tại bản vẽ kèm theo Phụ lục 1;
Các qui định pháp luật	là bất cứ quy định luật pháp nào liên quan đến việc sử dụng Khu đất thuê, việc xây dựng công trình trên Khu đất thuê cần phải tuân thủ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Khu công nghiệp và bất cứ qui định và thể thức hành chính nào do các Cấp thẩm quyền đề ra có liên quan đến Khu công nghiệp;
Ban quản lý	là Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng được thành lập theo Quyết định số 1329/QĐ-TTg ngày 19 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ hoặc bất cứ Cấp thẩm quyền nào đảm nhận trách nhiệm của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng đối với Khu công nghiệp;
Kiểm tra Môi trường trước khi tiếp nhận Khu đất	là việc kiểm tra môi trường được tiến hành theo điều khoản 5.1;
Khu đất thuê và tài sản gắn liền với đất	là Khu đất thuê và bất cứ bộ phận nào của diện tích đất đó cùng với toàn bộ các vật kiến trúc (<i>bao gồm nhưng không hạn chế ở cả nền móng</i>), nếu có, đã, đang hoặc sẽ được xây dựng trên diện tích đó, toàn bộ các phần xây

thêm, sửa đổi, nâng cấp của các vật kiến trúc đó, nếu có, và mọi đồ đạc, trang thiết bị trong các kiến trúc đó;

Tiến thuê đất

là tiến thuê Khu đất thuê như đề cập ở điều khoản 2.4;

**Giấy phép thiết yếu
bắt buộc phải có**

bao gồm các loại giấy phép, quyết định, thỏa thuận, phê duyệt, giấy chứng nhận và giấy phép được lập theo các mẫu qui định, cần thiết về mặt luật pháp cho mỗi bên hoặc để (i) ký kết Hợp đồng này, (ii) tiếp nhận, sử dụng Khu đất thuê, xây dựng công trình hoặc triển khai hoạt động trên Khu đất thuê hoặc (iii) tiến hành bất cứ công việc nào khác đề cập trong Hợp đồng này;

Thời hạn

có nghĩa là thời hạn thuê đất của Hợp đồng này như qui định trong điều khoản 2.2;

**Thuế Giá trị Gia tăng
hay GTGT**

có nghĩa là sắc thuế giá trị gia tăng áp dụng hiện nay hoặc sắc thuế sau này thay thế hoặc bổ sung cho sắc thuế giá trị gia tăng và bất kì loại sắc thuế nào khác có cùng tính chất theo qui định pháp luật;

Công việc xây dựng

có nghĩa là việc xây dựng nhà máy và các công trình và/hoặc các cơ sở vật chất khác do Bên thuê triển khai trên Khu đất thuê, hoặc ngoài Khu đất thuê được Bên cho thuê đồng ý, phục vụ mục đích kinh doanh của Bên thuê;

Nội quy Khu công nghiệp

là quy định nội bộ của Khu công nghiệp như trình bày tại Phụ lục 4 Hợp đồng này.

1.2 Diễn giải

Hợp đồng này được diễn giải theo các nguyên tắc sau:

- (a) Các từ chỉ số ít cũng bao hàm số nhiều và ngược lại;
- (b) Khi Bên thuê và Bên cho thuê gồm hai hay nhiều người, các nghĩa vụ do Bên thuê và Bên cho thuê thực hiện ràng buộc chung đối với mọi người cũng như từng người thuộc Bên thuê và Bên cho thuê;
- (c) Những gì đề cập đến cá nhân thì cũng đề cập đến công ty và ngược lại;
- (d) Tiêu đề các điều khoản và tiêu đề các đoạn chỉ có ý nghĩa tham khảo và không ảnh hưởng đến sự diễn giải Hợp đồng này;
- (e) Mọi phụ lục kèm theo đều là bộ phận không tách rời của Hợp đồng này; và
- (f) Mọi tham chiếu đến điều khoản, một Bên, Phụ lục nào đều là tham chiếu đến điều khoản, một Bên, Phụ lục của Hợp đồng này.

ĐIỀU 2: CHO THUÊ

2.1 Khu đất thuê và các quyền lợi kèm theo

Bên cho thuê cho Bên thuê thuê quyền sử dụng Khu đất thuê theo các điều kiện của Hợp đồng này (*Thuê đất*).

Mục đích của việc Thuê đất là để Bên thuê xây dựng và vận hành Dự án nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn IDEMITSU LUBE VIỆT NAM tại Khu công nghiệp Đình Vũ theo Giấy chứng nhận đầu tư và được quyền sử dụng Tiện ích dùng chung với Bên cho thuê và các Bên thuê hoặc pháp nhân khác trong Khu Công nghiệp.

Bên thuê có thể sử dụng Cầu cảng hàng lỏng dùng chung hiện tại để bơm/rót các sản phẩm dầu nhờn. Bên thuê sẽ sử dụng Cầu cảng hàng lỏng theo qui định của Hợp đồng sử dụng cầu cảng hàng lỏng như qui định tại điều khoản 4.13.

Việc khai thác Cầu cảng hàng lỏng (*bao gồm cầu cảng, luồng tàu vào, vũng quay trở, khu neo đậu*) căn cứ theo thông báo hàng hải của Bảo đảm an toàn hàng hải Hải Phòng công bố từng thời điểm. Bên cho thuê dành quyền cho phép tàu của Bên thuê cập cảng phù hợp với Giấy phép khai thác cầu cảng hàng lỏng và thông báo hàng hải đã được Cấp thẩm quyền công bố.

2.2 Thời hạn thuê đất

Thời hạn thuê đất tính từ Ngày hiệu lực và kết thúc vào ngày 23/6/2058. Thời hạn thuê đất có thể được gia hạn phù hợp với các Quy định pháp luật hiện hành và tùy theo thoả thuận của các Bên. Các Bên cần đạt được thoả thuận gia hạn Hợp đồng ít nhất 01 (Một) năm trước khi kết thúc Hợp đồng.

2.3 Bàn giao đất

Bên cho thuê có trách nhiệm bàn giao toàn bộ Khu đất thuê cho Bên thuê trong vòng 2 (hai) tháng kể từ ngày Bên cho thuê nhận được khoản tiền tạm ứng từ Bên thuê theo qui định của điều khoản [2.4 (a)]. Ngày bàn giao đất cụ thể (*Ngày bàn giao đất*) sẽ được hai Bên thỏa thuận sau.

Bên cho thuê và Bên thuê sẽ ký vào Biên bản Bàn giao đất khi Bên cho thuê bàn giao Khu đất thuê cho Bên thuê theo qui định tại điều khoản 2.3 này.

2.4 Tiền thuê đất và việc phát hành Hóa đơn GTGT

Hai bên thống nhất vào thời điểm ký Hợp đồng tiền thuê Khu đất thuê cho toàn bộ Thời hạn thuê đất là 1.735.560 (Một triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm sáu mươi đồng) cho một mét vuông (*chưa bao gồm thuế GTGT*). Tổng tiền thuê đất Bên thuê phải trả cho toàn bộ Thời hạn Thuê đất (*Tổng giá trị hợp đồng*) là: 104.133.600.000 đồng (*Một trăm linh bốn tỉ một trăm ba mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng, chưa bao gồm thuế GTGT*) cho khu đất 60.000 mét vuông. Bên thuê thanh toán đủ Tổng giá trị hợp đồng, không được hoàn lại và không được khấu trừ với phương thức thanh toán như sau:

- a) khi ký Hợp đồng thuê đất: thanh toán 100 % Tổng giá trị hợp đồng (trừ đi 10% Tổng giá trị hợp đồng đã thanh toán theo qui định tại Hợp đồng giữ đất). Số tiền thực phải thanh toán là: 90 % Tổng giá trị hợp đồng;

- b) Khi bàn giao đất: thanh toán toàn bộ tiền thuế GTGT tính trên Tổng giá trị hợp đồng.

Bên cho thuê sẽ xuất Yêu cầu thanh toán cho các khoản tiền thanh toán theo Hợp đồng này.

Khi nhận được khoản tiền thanh toán từ Bên thuê qui định tại điều khoản 2.4 (a), Bên cho thuê sẽ phát hành Hóa đơn GTGT cho toàn bộ Tổng giá trị hợp đồng.

2.5 Các khoản thuế

Đối với mọi khoản thanh toán theo Hợp đồng chịu thuế Giá trị Gia tăng hoặc các loại thuế khác mang tính chất tương tự, Bên thuê sẽ thanh toán cho Bên cho thuê các khoản tiền thuế đó (được tính theo thuế suất qui định) căn cứ vào hoá đơn hoặc Yêu cầu thanh toán của Bên cho thuê.

2.6 Cách thức thanh toán

Mọi khoản thanh toán theo Hợp đồng đều thực hiện bằng điện chuyển tiền vào tài khoản của Bên cho thuê. Trừ trường hợp Hợp đồng qui định khác đi (và không phương hại đến điều khoản 2.4), mọi khoản thanh toán phải thực hiện trong vòng 10 (Mười) ngày kể từ ngày nhận được Yêu cầu thanh toán theo qui định của Hợp đồng.

2.7 Lãi Tiền thuê chậm trả

Trong trường hợp Tiền thuê đất hoặc bất cứ khoản tiền nào Bên thuê phải trả cho Bên cho thuê theo qui định Hợp đồng không được thanh toán trong vòng 10 (Mười) ngày kể từ ngày cuối cùng của thời hạn thanh toán, thì Bên thuê phải trả cho Bên cho thuê tiền lãi cho khoản tiền chậm trả đó, mà không phương hại đến bất cứ quyền nào khác hoặc khoản bồi thường nào khác của Bên cho thuê theo qui định Hợp đồng). Tiền lãi qui định tại điều khoản 2.7 này được tính cho khoảng thời gian tính từ ngày hết hạn của quãng thời gian 10 (Mười) ngày nói trên cho đến ngày thực hiện thanh toán với mức lãi suất 25% (Hai mươi lăm phần trăm) một năm. Trong trường hợp qui định pháp luật mức lãi suất tối đa thì sẽ áp dụng lãi suất đó.

2.8 Tiến sử dụng Cầu cảng hàng lỏng dùng chung, Tiến sử dụng giá đỡ đường ống

Bên thuê sẽ thanh toán cho Bên cho thuê Tiến sử dụng Cầu cảng hàng lỏng và Tiến sử dụng giá đỡ đường ống như quy định cụ thể tại Phụ lục 2.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN CHO THUÊ

3.1 Quyền của Bên cho thuê

Bên cho thuê có những quyền liên quan đến Khu đất thuê như sau:

(a) Dịch vụ

bố trí, lắp đặt các tiện ích như nước, điện và các dịch vụ khác dọc theo các đường ống, cống, mương, dòng nước, rãnh, dây và cáp hoặc các phương tiện truyền dẫn khác sẵn có hoặc sẽ được xây dựng gần Khu đất thuê, miễn là

việc lấp đặt này không ảnh hưởng đến công việc kinh doanh và hoạt động của Bên thuê;

(b) Sử dụng và thi công gần Khu đất thuê và tài sản gắn liền với đất

Bên cho thuê dành quyền thực hiện hoặc cho phép hoặc chấp nhận để cho người khác tiến hành các công việc thi công hoặc có những thay đổi liên quan đến đất hoặc công trình gần Khu đất thuê, theo cách thức mà Bên cho thuê cho là phù hợp, miễn là (1) Bên cho thuê thông báo bằng văn bản cho Bên thuê biết trước ít nhất là 10 (Mười) ngày và (2) việc này không ảnh hưởng xấu đến các hoạt động kinh doanh của Bên thuê; và

(c) Cho các bên thứ ba thuê đất

Bên cho thuê dành quyền cho các bên thứ ba thuê (với các điều khoản tương tự hoặc khác các điều khoản của Hợp đồng này) bất cứ khu đất nào thuộc Khu công nghiệp mà không phải là Khu đất thuê, cho dù bên thứ ba đó có thể là đối tượng cạnh tranh với Bên thuê hoặc là đối tượng khác, hoặc là những doanh nghiệp hoạt động trong ngành hoặc cùng lĩnh vực kinh doanh hoặc trùng hợp với ngành và hoạt động kinh doanh của Bên thuê.

3.2 Nghĩa vụ của Bên cho thuê

Bên cho thuê thoả thuận với Bên thuê như sau:

- (a) Bên cho thuê giao Khu đất thuê cho Bên thuê như qui định tại điều khoản 2.3;
- (b) Khu đất thuê được san lấp đạt cao trình của Khu công nghiệp là 5.00 m (\pm 15cm) cao độ hải đồ - Hòn Dấu;
- (c) Bên cho thuê cung cấp các dịch vụ và tiện ích cho Bên thuê theo qui định trong Khu công nghiệp và theo Hợp đồng Dịch vụ và Tiện ích ký kết giữa hai Bên;
- (d) Bên cho thuê không khi nào thực hiện, bỏ qua không thực hiện hoặc cho phép thực hiện bất kỳ hành động hoặc việc gì mà qua đó Bên thuê phải chi trả bất cứ khoản tiền thuế, tiền phạt, bồi thường, hoặc chi phí nào theo Quy định pháp luật;
- (e) Tùy thuộc vào Quy định pháp luật hiện hành và quy định của Cấp thẩm quyền địa phương liên quan, Bên cho thuê phối hợp và hỗ trợ Bên thuê tiến hành chuẩn bị các hồ sơ cần thiết để trình Cấp thẩm quyền xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thời hạn thuê đất của Khu đất thuê cho Bên thuê.

Bên thuê có trách nhiệm trả thuế, chi phí và phí liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quy định pháp luật hiện hành. Sau khi Bên thuê được bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Bên thuê sẽ chịu mọi trách nhiệm điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chi phí phát sinh liên quan (nếu có).

ĐIỀU 4: QUYẾN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN THUÊ

Bên thuê thoả thuận với Bên cho thuê như sau:

4.1 Mục đích

Bên thuê sử dụng Khu đất thuê và tài sản gắn liền với đất để hoạt động kinh doanh theo đúng Giấy chứng nhận đầu tư.

Bên thuê đồng ý ký kết Hợp đồng Dịch vụ và Tiện ích với Bên cho thuê cho việc sử dụng Dịch vụ và Tiện ích trong Khu công nghiệp.

4.2 Thanh toán tiền thuê đất và các loại phí khác

Bên thuê trả đầy đủ Tiền thuê đất, Tiền dịch vụ, Tiền tiện ích, và các khoản tiền và thuế khác căn cứ theo quy định Hợp đồng vào thời gian và theo cách thức nêu trong Hợp đồng này.

Trường hợp do sự điều chỉnh của pháp luật, có khoản thu nào mà Bên thuê phải trả thêm cho Bên cho thuê liên quan đến Khu đất thuê và tài sản gắn liền với đất, việc thực hiện Hợp đồng, hay việc vận hành và kinh doanh của Bên thuê tại Khu đất thuê và tài sản gắn liền với đất, thì Bên thuê sẽ có trách nhiệm thanh toán các khoản bổ sung đó cho Bên cho thuê.

4.3 Giữ gìn và bảo dưỡng

Bên thuê giữ gìn và bảo quản Khu đất thuê và tài sản gắn liền với đất, tường rào, đường và các khu vực vỉa hè, hệ thống mương rãnh và cống trên hoặc trong phạm vi Khu đất thuê và tài sản gắn liền với đất trong tình trạng tốt, đảm bảo vệ sinh.

4.4 Hoàn trả Khu đất thuê

Không phương hại đến điều khoản 5.3.3, và trừ khi hai Bên qui định khác đi, trong trường hợp chấm dứt trước thời hạn hoặc khi kết thúc Thời hạn thuê đất, Bên thuê hoàn trả lại Khu đất thuê cho Bên cho thuê với tình trạng đúng như trước khi Bên thuê sử dụng căn cứ theo Biên bản Bàn giao đất, bao gồm cả các điều kiện về Môi trường (theo như qui định tại điều khoản 5.1.3).

4.5 Các Qui định pháp luật

Bên thuê có trách nhiệm:

- (a) tuân thủ mọi Qui định pháp luật và tiến hành mọi công việc cần thiết theo Qui định pháp luật, cho dù không cơ quan nào yêu cầu hay đề nghị triển khai cụ thể công việc đó;
- (b) không khi nào thực hiện, bỏ qua không thực hiện hoặc cho phép thực hiện bất kỳ hành động hoặc việc gì mà qua đó Bên cho thuê phải chi trả bất cứ khoản tiền thuê, tiền phạt, bồi thường hoặc chi phí nào theo Qui định pháp luật;
- (c) xin cấp các loại Giấy phép thiết yếu bắt buộc trước khi tiến hành bất cứ công việc nào cần có Giấy phép thiết yếu bắt buộc đó; và
- (d) chỉ lưu giữ các Chất độc hại, đạn dược, chất nổ, chất thải độc hại hoặc chất dễ cháy có nguy cơ gây hư hại cho tài sản, nhà xưởng, đất đai và môi trường

hoặc có thể gây hại cho người và động vật trong hoặc ngoài Khu đất thuê theo đúng các Quy định pháp luật sau khi đã có được mọi Giấy phép thiết yếu bắt buộc.

4.6 Việc Bên thuê tiếp nhận Khu đất thuê để tiến hành Công việc xây dựng

Bên thuê có trách nhiệm tiếp nhận Khu đất thuê trong vòng 7 (Bảy) ngày kể từ ngày Bên cho thuê thông báo Khu đất thuê sẵn sàng để bàn giao theo qui định của điều khoản 2.3 và 3.2 (b).

Bên thuê sẽ không tiến hành hoặc cho phép người khác tiến hành bất cứ công việc xây dựng nào trước khi (1) Khu đất thuê được bàn giao cho Bên thuê theo qui định tại điều khoản 2.3 và (2) Tiền thuê đất được thanh toán theo qui định tại điều khoản 2.4, mục a. Tuy nhiên, Bên thuê có thể vào Khu đất thuê khảo sát hoặc lấy mẫu đất hoặc nhằm các mục đích theo như qui định tại điều khoản 5.2, với điều kiện là Bên thuê đã có thông báo cho Bên cho thuê về việc ra vào này để không ảnh hưởng đến công việc kinh doanh, hoạt động của Bên cho thuê.

4.7 Cung cấp sơ đồ mặt bằng Khu đất thuê

Để đảm bảo Bên thuê tuân thủ các quy định về công việc xây dựng và an toàn cho mọi khách hàng trong Khu, Bên thuê có trách nhiệm cung cấp cho Bên cho thuê sơ đồ mặt bằng Khu đất thuê để Bên cho thuê thỏa thuận trước khi trình sơ đồ bố trí mặt bằng lên Cấp thẩm quyền.

4.8 Tiến hành Công việc xây dựng

- (a) Bên thuê chỉ được phép tiến hành Công việc xây dựng khi;
- đã được cấp mọi Giấy phép thiết yếu bắt buộc cho phép triển khai Công việc xây dựng; và
 - Bên thuê đã chuyển cho Bên cho thuê một bản sao hồ sơ thiết kế kỹ thuật cơ sở đã được Cấp thẩm quyền phê duyệt và/hoặc Giấy phép xây dựng (nếu Quy định pháp luật yêu cầu), báo cáo khảo sát địa chất, văn bản chấp thuận của Cấp thẩm quyền về môi trường và an toàn phòng cháy chữa cháy và được Bên cho thuê xác nhận đã nhận tài liệu đó bằng văn bản.
- (b) Sau khi Khu đất thuê được bàn giao theo qui định tại điều khoản 2.3, Bên thuê sẽ tiến hành xây dựng tường rào xung quanh Khu đất thuê đúng chỉ giới càng sớm càng tốt trước khi thực hiện bất kỳ hạng mục xây dựng nào trên phạm vi Khu đất thuê;
- (c) Trong điều kiện thực tế phù hợp, Bên thuê phải triển khai ngay các Công việc xây dựng, triển khai đấu điện và hoàn thành Công việc xây dựng theo đúng tiến độ được phê duyệt;
- (d) Bên thuê bảo đảm Công việc xây dựng được tiến hành một cách tốt đẹp và có tay nghề, phù hợp với các Quy định pháp luật và các tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng được áp dụng;
- (e) Trong quá trình tiến hành Công việc xây dựng, Bên thuê phải bảo đảm tránh gây hư hỏng và cản trở đến các Tiện ích dùng chung, các con đường, khu đất,

vật kiến trúc, lối đi ở gần đó cũng như các dịch vụ và hệ thống truyền dẫn trên hoặc dưới đó;

- (f) Trong quá trình triển khai Công việc xây dựng, Bên thuê sẽ tuân thủ các qui định hiện hành về tiêu chuẩn xây dựng và tiêu chuẩn môi trường; và
- (g) Bên thuê đồng ý để các nhân viên giám sát của Bên cho thuê và của Ban quản lý hoặc các nhân viên hoặc người được Bên cho thuê và Ban quản lý ủy quyền kiểm tra Công việc xây dựng vào thời gian thích hợp sau khi đã báo trước cho Bên thuê một cách hợp lý để xác định Bên thuê có tuân thủ đúng Nội quy khu công nghiệp và các quy định Hợp đồng hay không.

4.9 Làm hư hỏng Tiện ích dùng chung

Nếu việc tiến hành Công việc xây dựng có khả năng gây hư hỏng cho một bộ phận nào đó của các Tiện ích dùng chung, trước khi triển khai các công việc có liên quan, Bên thuê cần được Bên cho thuê đồng ý. Bên thuê phải chịu trả toàn bộ chi phí để sửa chữa những hư hỏng đối với Tiện ích dùng chung do Công việc xây dựng của mình gây ra.

4.10 Bảo hiểm

Liên tục trong suốt Thời hạn thuê đất, Bên thuê, bằng chi phí của mình, mua và duy trì hiệu lực của các hợp đồng bảo hiểm phù hợp với các Quy định pháp luật hiện hành (*bao gồm nhưng không giới hạn ở bảo hiểm trách nhiệm đối với bên thứ ba, bảo hiểm hỏa hoạn và mọi rủi ro*) cho Khu đất thuê và tài sản gắn liền với đất và hoạt động của Bên thuê trong Khu công nghiệp. Bên thuê sẽ cung cấp cho Bên cho thuê bản sao công chứng các hợp đồng bảo hiểm đó.

4.11 Thủ tục Vận hành nhà máy

Bên thuê sẽ gửi cho Bên cho thuê các chứng từ cần thiết qui định cụ thể trong Phụ lục 3 trước khi nhà máy đi vào vận hành.

4.12 Sử dụng Cầu cảng hàng lỏng

Nghĩa vụ của Bên thuê liên quan đến việc sử dụng Cầu cảng hàng lỏng sẽ được nêu trong Hợp đồng sử dụng cầu cảng do hai Bên ký kết trước khi tiến hành lắp đặt đường ống.

Bên thuê đồng ý ký kết Hợp đồng sử dụng cầu cảng hàng lỏng với Bên cho thuê để quy định về việc sử dụng Cầu cảng với các điều khoản chính như nêu tại Phụ lục 2.

ĐIỀU 5: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

5.1 Kiểm tra môi trường trước khi tiếp nhận Khu đất thuê

- 5.1.1 Trong vòng 02 (Hai) tuần kể từ khi ký Hợp đồng thuê đất này, Bên thuê có thể thuê Tư vấn môi trường để vào Khu đất thuê thực hiện Kiểm tra môi trường tính đến khi bàn giao Khu đất thuê để xác định các điều kiện môi trường của Khu đất thuê tại thời điểm Bàn giao đất. Bên thuê sẽ thông báo cho Bên cho thuê trước ít nhất 02 (Hai) ngày về phạm vi và kế hoạch Kiểm tra môi trường trước khi tiếp nhận Khu đất thuê.

5.1.2 Khi thực hiện công tác kiểm tra môi trường trước khi tiếp nhận Khu đất thuê, Tư vấn môi trường phải:

- (a) giảm thiểu nguy cơ làm gián đoạn hoạt động hoặc kinh doanh của Bên cho thuê hoặc các Bên thuê đất khác trong Khu công nghiệp;
- (b) khắc phục bất kỳ thiệt hại nào xảy ra trong quá trình thực hiện công việc kiểm tra;
- (c) mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp để bảo hiểm cho các hoạt động của mình;
- (d) cung cấp cho các Bên kết quả Kiểm tra môi trường trước khi tiếp nhận Khu đất thuê trong vòng 05 (Năm) ngày kể từ ngày hoàn tất việc kiểm tra. Nếu Bên cho thuê không đồng ý với kết quả Kiểm tra môi trường trước khi tiếp nhận, thì trong vòng 30 (Ba mươi) ngày kể từ ngày nhận các kết quả đó, Bên cho thuê có thể tự bỏ chi phí yêu cầu Tư vấn môi trường xem xét lại, và nếu cần thiết có thể thực hiện Kiểm tra môi trường lần thứ hai. Các kết quả của Kiểm tra môi trường trước khi tiếp nhận Khu đất thuê lần hai khi đó sẽ được xem là các kết quả cuối cùng của việc Kiểm tra môi trường trước khi tiếp nhận Khu đất thuê; và
- (e) cho phép Bên cho thuê lấy đó làm cơ sở và đưa ra các kiến nghị căn cứ trên các kết quả của Kiểm tra môi trường trước khi tiếp nhận Khu đất thuê.

5.1.3 Các kết quả Kiểm tra Môi trường trước khi tiếp nhận Khu đất thuê sẽ là thông tin cơ sở về các điều kiện môi trường tại Khu đất thuê tại thời điểm Bàn giao đất, dựa vào đó sẽ xác định trách nhiệm của Bên cho thuê và Bên thuê.

Nếu Bên thuê không thuê Tư vấn môi trường để thực hiện Kiểm tra môi trường trước khi tiếp nhận Khu đất thuê hoặc Tư vấn môi trường được thuê không cung cấp cho các bên kết quả Kiểm tra môi trường trước khi tiếp nhận Khu đất thuê trong khoảng thời gian giới hạn cho phép theo điều khoản 5.1.1 và/hoặc 5.1.2 nêu trên, Bên thuê sẽ coi như đã biết và đồng ý rằng không có sự thải, rò rỉ, chảy, làm tràn, loại bỏ hoặc bốc hơi Chất độc hại và không có ô nhiễm môi trường nào xảy ra trong, trên và xung quanh Khu đất thuê, và Khu đất thuê không có bất kỳ Chất độc hại nào hoặc không bị ô nhiễm tại thời điểm Bàn giao đất.

5.2 Những trường hợp Bên cho thuê không chịu trách nhiệm về môi trường

5.2.1 Bên thuê đồng ý rằng không có tuyên bố nào khác của Bên cho thuê hoặc đại diện Bên cho thuê trao đổi với Bên thuê về điều kiện Môi trường có liên quan đến Khu đất thuê ngoại trừ nội dung được cung cấp rõ ràng trong Hợp đồng này.

5.2.2 Bên thuê thừa nhận và đồng ý rằng Bên thuê đã được có cơ hội để thực hiện Kiểm tra môi trường trước khi tiếp nhận Khu đất thuê theo Hợp đồng này và chỉ căn cứ duy nhất vào việc Kiểm tra môi trường trước khi tiếp nhận Khu đất thuê (nếu đã thực hiện) hoặc, nếu việc Kiểm tra môi trường trước khi tiếp nhận Khu đất thuê không được thực hiện hoặc không hoàn thành, thì Bên thuê chấp nhận mọi rủi ro và trách nhiệm liên quan đến môi trường của Khu đất thuê kể từ Ngày bàn giao.

5.3 Các thoả thuận về môi trường mà Bên thuê tiếp tục thực hiện

5.3.1 Bên thuê sẽ không tự mình hoặc cho phép đại diện, nhân viên, nhà thầu hoặc khách mời của mình sử dụng, tàng trữ, tạo ra hoặc tiêu hủy bất kỳ Chất độc hại nào trong, trên hoặc xung quanh Khu đất thuê, trừ những Chất độc hại đã được thông báo trước cho Bên cho thuê và được Bên cho thuê chấp thuận. Theo qui

định tại điều khoản 5.4, bất kỳ Chất độc hại nào được cho phép mang vào Khu đất thuê như được nêu ở trên, và tất cả các thùng chứa chất đó sẽ được sử dụng, bảo quản, lưu kho và tiêu hủy theo đúng Quy định pháp luật về Môi trường.

- 5.3.2 Bên thuê cam kết giữ Khu đất thuê và tài sản gắn liền với đất trong tình trạng và điều kiện tốt, và thực hiện mọi biện pháp để phòng để đảm bảo không có Chất độc hại nào bị tràn, rò rỉ, thoát ra, bốc hơi, hoặc lắng đọng vào hoặc ra khỏi Khu đất thuê và tài sản gắn liền với đất, không xảy ra ô nhiễm môi trường liên quan đến Khu đất thuê.
- 5.3.3 Khi hoàn trả Khu đất thuê lại cho Bên cho thuê, Bên thuê sẽ phải di dời tất cả các Chất độc hại và làm vệ sinh sạch hoặc khắc phục bất kỳ ô nhiễm vật chất nào có ở trong, trên hoặc dưới Khu đất thuê và tài sản gắn liền với đất gây ra. Bên thuê sẽ không chịu trách nhiệm đối với các Chất độc hại trong các trường hợp sau:
- (a) trường hợp các Chất độc hại đó đã tồn tại trong Môi trường như đã được xác định trong kết quả Kiểm tra môi trường trước khi tiếp nhận Khu đất thuê (nếu có); hoặc
 - (b) trường hợp các Chất độc hại đó có ở trong, trên hoặc dưới Khu đất thuê và tài sản gắn liền với đất do hậu quả của việc làm sai có chủ ý hoặc do sự cấu thả của Bên cho thuê sau Ngày bàn giao.

5.4 Trách nhiệm bồi thường của Bên thuê

Bên thuê sẽ bồi thường cho Bên cho thuê mọi tổn thất, chi phí, các khiếu kiện, các loại phí (bao gồm phí pháp lý và các phí nghề nghiệp khác và các khoản phí phát sinh hợp lý), đòi bồi thường, thiệt hại, các yêu cầu, tiền xử phạt, tiền phạt và bất kỳ trách nhiệm nào khác (bao gồm bất kỳ trách nhiệm nào đối với các khiếu kiện của bên thứ ba hoặc từ một cơ quan có thẩm quyền), hoặc hậu quả (bao gồm chi phí làm vệ sinh, di dời, làm giảm nhẹ, khắc phục, xử lý, ngăn ngừa) phát sinh vào bất kỳ thời gian nào sau Ngày bàn giao do:

- (a) sự tồn tại, sử dụng, tàng trữ, làm phát sinh hoặc tiêu hủy các Chất độc hại trong, trên hoặc xung quanh Khu đất thuê do Bên thuê tiến hành hoặc do nguyên nhân khác; hoặc
- (b) bất kỳ việc ô nhiễm nào di chuyển đến hoặc thoát ra từ Khu đất thuê và tài sản gắn liền với đất; hoặc
- (c) bất kỳ tác hại nào đối với môi trường do Bên thuê gây ra;

ngoại trừ những trường hợp riêng do các nguyên nhân sau đây gây ra:

- (a) các Chất độc hại hoặc điều kiện liên quan đến Môi trường đã tồn tại trong Môi trường, như đã được nêu trong kết quả Kiểm tra môi trường trước khi tiếp nhận Khu đất thuê (nếu có); hoặc
- (b) việc thực hiện sai có chủ ý hoặc do sự cấu thả của Bên cho thuê sau Ngày bàn giao.

Trách nhiệm bồi thường nêu tại điều khoản 5.4 sẽ tiếp tục có hiệu lực 2 năm cho dù Thời hạn thuê đất đã kết thúc hoặc Hợp đồng bị chấm dứt.

ĐIỀU 6: BỒI THƯỜNG

- 6.1 Không phương hại đến điều khoản 5.4, các Bên chịu trách nhiệm bồi thường và bảo đảm bồi thường cho nhau về mọi tổn thất, hư hỏng xảy ra, chi phí phát sinh đối với bên kia do việc vi phạm, không thực hiện hoặc không tuân thủ các cam kết và điều kiện trong Hợp đồng này gây ra cũng như về mọi công việc, khiếu nại và trách nhiệm phát sinh từ đó. Việc bồi thường này không ảnh hưởng đến bất cứ quyền hoặc những khoản bồi thường khác mà bên kia được hưởng theo Hợp đồng.
- 6.2 Không phương hại đến điều khoản 5.4, Bên thuê chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên cho thuê mọi tổn thất, chi phí và mất mát liên quan đến tính mạng bị thiệt hại, thương tích, hay mất mát, tổn thất tài sản, bất động sản hay tài sản cá nhân của một bên do Công việc xây dựng và/hoặc do các công việc khác thực hiện trong Thời hạn thuê đất, do sơ suất, lỗi của Bên thuê, các đại lý, nhà thầu chính, nhà thầu phụ hay nhân viên mà Bên thuê thuê để thực hiện các công việc có liên quan đến xây dựng hoặc trong Thời hạn thuê đất, bất kể việc làm, sự sơ xuất hoặc thiếu sót đó xảy ra trên Khu đất thuê hoặc một nơi nào khác.

ĐIỀU 7: NHỮNG GIẤY PHÉP THIẾT YẾU BẮT BUỘC

Hợp đồng này phụ thuộc vào mọi quyền lợi, cam kết và các vấn đề khác cụ thể là những nội dung được ghi hoặc đề cập trong các Giấy phép thiết yếu bắt buộc. Mỗi bên tự chịu trách nhiệm về việc xin cấp mọi Giấy phép thiết yếu bắt buộc đối với hoạt động và kinh doanh của mình và tuân thủ các nội dung của Giấy phép thiết yếu bắt buộc đó.

ĐIỀU 8: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 8.1 Ngoài các quyền hạn và biện pháp khắc phục mà Bên cho thuê cần thực hiện và không chỉ giới hạn ở đó theo qui định Hợp đồng, theo luật và các qui định khác, nếu trong Thời hạn thuê đất:
- (a) Bên thuê không thanh toán bất kể phần nào của Tiền thuê đất trong vòng 60 (Sáu mươi) ngày kể từ ngày cuối cùng của thời hạn thanh toán;
 - (b) Bên thuê vi phạm nghiêm trọng hoặc không thực hiện cam kết và nghĩa vụ quy định theo Hợp đồng và việc vi phạm hoặc việc không thực hiện đó không được Bên thuê khắc phục sửa chữa trong vòng 30 (Ba mươi) ngày kể từ ngày Bên cho thuê đã thông báo cho Bên thuê về việc vi phạm hoặc không thực hiện đó;

thì Bên cho thuê có quyền chấm dứt Hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên thuê. Kể từ khi chấm dứt Hợp đồng này theo điều khoản 8.1, Bên thuê sẽ không có khiếu nại, yêu cầu Bên cho thuê thanh toán hoặc thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào.

Trong trường hợp Bên thuê lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán và tuyên bố phá sản theo qui định của pháp luật thì phải thoả thuận với Bên cho thuê như qui định tại Điều 15.2 của Hợp đồng này, thì tất cả quyền lợi và nghĩa vụ của Bên thuê với Hợp đồng thuê đất này sẽ được chuyển giao cho Bên thứ ba mua lại các tài sản thanh lý từ Bên thuê, hoặc Hợp đồng thuê đất sẽ chấm dứt theo qui định tại Điều 8.4.

- 8.2 Ngoài các quyền hạn và biện pháp khắc phục mà Bên thuê cần thực hiện và không chỉ giới hạn ở đó theo qui định Hợp đồng này, theo luật và các qui định khác, nếu trong Thời hạn thuê đất:

Bên cho thuê vi phạm nghiêm trọng hoặc không thực hiện các cam kết và nghĩa vụ để cập trong Hợp đồng và việc vi phạm hoặc việc không thực hiện đó không được Bên cho thuê khắc phục sửa chữa trong vòng 30 (Ba mươi) ngày sau khi Bên thuê đã có văn bản thông báo cho Bên cho thuê về việc vi phạm hoặc việc không thực hiện đó;

thì Bên thuê có thể chấm dứt Hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên cho thuê.

Trong trường hợp Bên thuê lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán và tuyên bố phá sản theo qui định của pháp luật thì phải thông báo cho Bên cho thuê như qui định tại Điều 15.1 của Hợp đồng này. Tất cả quyền lợi và nghĩa vụ của Bên thuê với Hợp đồng thuê đất này sẽ được chuyển giao cho Bên thứ ba mua lại các tài sản thanh lý từ Bên cho thuê, hoặc Hợp đồng thuê đất sẽ chấm dứt theo qui định tại Điều 8.4

- 8.3 Một trong hai Bên có thể chấm dứt Hợp đồng này nếu tình trạng Bất khả kháng xảy ra và kéo dài quá 12 (Mười hai) tháng sau khi một bên đã có văn bản thông báo cho bên kia về Bất khả kháng đó.

Trong trường hợp Bất khả kháng dẫn đến chấm dứt Hợp đồng này như nêu tại điều khoản 8.3 này, mỗi bên sẽ gánh chịu phí tổn do Bất khả kháng gây ra. Trừ khi có thỏa thuận khác, không bên nào được khiếu nại bên kia, yêu cầu thanh toán hoặc chịu trách nhiệm do chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn mà nguyên nhân là do Bất khả kháng như qui định tại điều khoản 8.3 này.

- 8.4 Mặc dù có các qui định khác trong Hợp đồng, trong trường hợp Bên cho thuê hoặc Bên thuê chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn,

(a) Bên thuê sẽ hoàn trả lại Khu đất thuê cho Bên cho thuê theo điều khoản 4.4; và

(b) Bên thuê có trách nhiệm thanh toán cho Bên cho thuê Tiền dịch vụ và tiện ích liên quan đến Dịch vụ và Tiện ích mà Bên thuê đã sử dụng cho đến ngày hoàn trả lại Khu đất thuê.

- 8.5 Các Bên thống nhất có thể chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn tại bất kỳ thời điểm nào trong Thời hạn thuê đất. Trong trường hợp này, các Bên sẽ thống nhất Biên bản thanh lý trong đó nêu rõ các bước và các hệ quả của việc hai Bên chấm dứt Hợp đồng.

- 8.6 Trong trường hợp Hợp đồng này chấm dứt, không phương hại đến quyền của Bên thuê được bán mọi vật kiến trúc, nhà xưởng hoặc cơ sở xây dựng trên Khu đất thuê, Bên thuê không được đòi bồi thường cho:

(a) chi phí của mọi Công việc xây dựng nhân danh Bên thuê hoặc giá trị của bất kể công trình xây dựng nào; hoặc

(b) thiệt hại về lợi nhuận hoặc tài sản vô hình, thiệt hại về tiến bản quyền, mất mát dữ liệu, mất mát do khiếu nại của bên thứ ba; hoặc

(c) mọi tổn thất mang tính chất hậu quả hoặc những tổn hại đặc biệt khác.

ĐIỀU 9: TRÁCH NHIỆM

Mặc dù có các qui định trong Hợp đồng, Bên cho thuê không chịu trách nhiệm trước Bên thuê hoặc các nhân viên của Bên thuê cũng như Bên thuê hoặc các nhân viên của Bên thuê không đòi hỏi Bên cho thuê bồi thường về:

- (a) mọi gián đoạn trong cung cấp bất kể Dịch vụ nào trong Khu công nghiệp vì lý do sửa chữa hoặc bảo dưỡng bất kể hệ thống lắp đặt hoặc máy móc nào hoặc vì những hư hại hoặc phá hỏng hệ thống và máy móc đó do Bất khả kháng gây ra; hoặc
- (b) mọi hư hại, thương tích hoặc thất thoát do các bên thuê đất khác trong Khu công nghiệp gây ra; hoặc
- (c) bất kỳ trường hợp Bất khả kháng nào.

ĐIỀU 10: BẤT KHẢ KHÁNG

10.1 Không bên nào bị coi là vi phạm Hợp đồng, hoặc phải chịu trách nhiệm trước bên kia vì lý do chậm trễ trong việc thực hiện hoặc không thực hiện bất kể nghĩa vụ nào trong Hợp đồng do Bất khả kháng gây ra với điều kiện là:

- (a) Bất khả kháng là nguyên nhân chính cản trở hoặc gây chậm trễ cho một trong hai Bên thực hiện Hợp đồng; và
- (b) Bên bị ảnh hưởng do Bất khả kháng (*Bên bị ảnh hưởng*) sẽ (1) thông báo ngay cho bên kia về tình trạng Bất khả kháng nói trên và (2) trong vòng 7 (Bảy) ngày kể từ ngày xảy ra Bất khả kháng thông báo bằng văn bản cho bên kia về những biện pháp khắc phục Bất khả kháng đã thực hiện và nêu lên chi tiết của tình trạng xảy ra đã ngăn cản việc thực hiện Hợp đồng.

10.2 Các bên thoả thuận rằng khi Bất khả kháng xảy ra, Bên bị ảnh hưởng sẽ áp dụng mọi biện pháp thích hợp để tránh và hạn chế tổn thất, thiệt hại cho cả hai Bên do Bất khả kháng gây ra.

10.3 Không phương hại đến quyền của các Bên chấm dứt Hợp đồng theo điều khoản 8.3, Bên bị ảnh hưởng chỉ được miễn thực hiện nghĩa vụ theo quy định Hợp đồng trong thời gian xảy ra Bất khả kháng; và

- (a) tình trạng Bất khả kháng ngăn không cho Bên bị ảnh hưởng thực hiện nghĩa vụ của mình; và
- (b) Bên bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp phòng ngừa hợp lý có thể nhưng không mang lại kết quả.

ĐIỀU 11: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

11.1 Hợp đồng này sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký (*Ngày hiệu lực*).

11.2 Bên cho thuê sẽ đăng ký Hợp đồng theo Quy định pháp luật hiện hành.

11.3 Mọi sửa đổi Hợp đồng chỉ có giá trị khi được hai Bên thống nhất bằng văn bản.

ĐIỀU 12: LUẬT VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 12.1 Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh theo luật pháp của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- 12.2 Trong trường hợp có tranh chấp liên quan đến hiệu lực, sự diễn giải hoặc thực hiện Hợp đồng này, trước hết các bên cố gắng giải quyết tranh chấp đó trên tinh thần hoà giải. Nếu tranh chấp không được giải quyết bằng hòa giải trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày một Bên thông báo cho bên kia biết về tranh chấp và yêu cầu bên kia cùng trao đổi giải quyết tranh chấp một cách thiện chí, hai Bên có thể đưa tranh chấp ra giải quyết tại Trung tâm trọng tài Singapore. Trung tâm trọng tài Singapore có quyền tài phán đối với mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng, kể cả các vấn đề liên quan đến sự tồn tại, giá trị pháp lý hoặc việc chấm dứt Hợp đồng. Bên thua sẽ chịu mọi phí trọng tài, phí tòa án và phí tổn cho bên kia theo quyết định của cơ quan phán quyết.

ĐIỀU 13: BẢO MẬT

Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, các Bên thoả thuận giữ bí mật các thông tin, tài liệu liên quan đến dự án và thông tin thương mại mà hai Bên trao đổi liên quan đến Khu đất thuê và Hợp đồng (*Thông tin tuyệt mật*).

Mỗi bên chỉ được phép tiết lộ Thông tin tuyệt mật cho Bên thứ ba khi được sự chấp thuận bằng văn bản của bên kia.

ĐIỀU 14: NỘI DUNG ĐƯỢC THỂ HIỆN

Hợp đồng này là toàn bộ các nội dung được nhất trí giữa các Bên và thay thế toàn bộ các nội dung đã được đề cập trước đây bằng văn bản hoặc bằng miệng.

ĐIỀU 15: VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG CỦA BÊN CHO THUÊ VÀ BÊN THUÊ: TRƯỜNG HỢP THAY ĐỔI

15.1 VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG CỦA BÊN CHO THUÊ

Nếu Bên cho thuê chuyển nhượng quyền quản lý và kinh doanh Khu công nghiệp, Bên cho thuê sẽ có trách nhiệm chuyển quyền và nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng này cho đối tác mà không cần Bên thuê chấp thuận. Bên cho thuê sẽ cung cấp cho Bên thuê một bản sao hợp đồng chuyển nhượng mà trong hợp đồng đó mọi quyền lợi và nghĩa vụ của Bên thuê theo Hợp đồng sẽ giữ nguyên.

15.2 VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG CỦA BÊN THUÊ

Bên thuê sẽ thực hiện các mục tiêu được nêu trong Giấy chứng nhận đầu tư và theo quy định Hợp đồng, và không thay mặt hoặc làm lợi cho ai khác. Bên thuê chỉ được góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất thuê lại, chuyển giao, chuyển nhượng, cho thuê lại, hoặc cầm cố tài sản đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu:

- (a) sự góp vốn, chuyển giao, chuyển nhượng, cho thuê lại hoặc cầm cố đó được Luật pháp Việt Nam cho phép; và

- (b) Bên thuê thông báo bằng văn bản cho Bên cho thuê trước 30 (Ba mươi) ngày về việc góp vốn, chuyển nhượng. Trong trường hợp chuyển nhượng, Bên thuê sẽ có trách nhiệm chuyển quyền và nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng này cho đối tác và cung cấp cho Bên cho thuê một bản sao công chứng hợp đồng chuyển nhượng, trong đó quy định mọi quyền lợi và nghĩa vụ của các bên, mục đích sử dụng đất theo quy định của Hợp đồng này vẫn giữ nguyên. Khi các bên liên quan đã chấp thuận bằng văn bản về chuyển nhượng thì văn bản chấp thuận đó không được rút lại khi không có lý do chính đáng.

ĐIỀU 16: CÁC THÔNG BÁO

Mọi thông báo hoặc liên hệ về Hợp đồng này đều bằng văn bản và được trao tận tay hoặc gửi qua bưu điện hoặc gửi fax tới địa chỉ ghi trong Hợp đồng này hoặc tới các địa chỉ khác được thông báo bằng văn bản. Chứng từ của việc gửi bất kể thông báo hoặc thông tin đến một bên được coi là chứng từ về việc bên đó đã tiếp nhận thông báo hoặc thông tin đó.

- (a) trường hợp gửi công văn thì 10 (Mười) ngày sau khi gửi thư; và
- (b) trong trường hợp gửi fax, khi kết quả chuyển fax xác nhận là việc chuyển fax đã được thực hiện không sai sót.

ĐIỀU 17: HUỖ BỎ QUYỀN

Cho dù có sự đối xử nhân nhượng của một Bên, thì việc đối xử nhân nhượng đó không làm huỷ bỏ hoặc phương hại đến quyền của bên đó theo qui định của Hợp đồng.

ĐIỀU 18: TÍNH ĐỘC LẬP CỦA ĐIỀU KHOẢN

Nếu một hoặc một số điều khoản của Hợp đồng này bị Cấp thẩm quyền tuyên bố là không hợp pháp, không có hiệu lực hoặc không thể thi hành (*Điều khoản không hợp lệ*) theo pháp luật hiện hành:

- (a) Điều khoản không hợp lệ được coi là tách rời khỏi tất cả các điều khoản khác của Hợp đồng xét về mọi khía cạnh, tất cả những điều khoản còn lại này tiếp tục có hiệu lực một cách bình thường, không bị ảnh hưởng bởi điều khoản không hợp lệ; và
- (b) Trong trường hợp này, Hợp đồng được thực hiện (*tự thuộc và không gây phương hại đến bất kể việc kiến nghị nào lên cấp cao hơn về tính pháp lý của Điều khoản không hợp lệ*) không bao gồm Điều khoản không hợp lệ nói trên, nhưng nếu việc tách bỏ Điều khoản không hợp lệ ảnh hưởng căn bản hoặc làm thay đổi cơ sở thương mại của Hợp đồng này thì hai Bên sẽ cùng nhau thiện chí thoả thuận và đưa ra một điều khoản mới hợp lệ, có hiệu lực thay thế Điều khoản không hợp lệ mà điều khoản này có khả năng thực hiện được mục tiêu đặt ra cho Điều khoản không hợp lệ.

ĐIỀU 19: NỘI QUY KHU CÔNG NGHIỆP

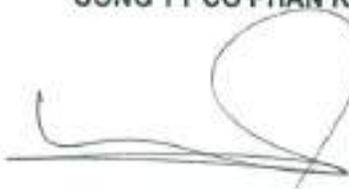
Bên thuê tuân thủ Nội quy Khu công nghiệp và bảo đảm mọi người trong Khu đất làm theo và tuân thủ Nội quy đó. Trong từng trường hợp cụ thể, vào bất cứ thời gian nào Bên cho thuê hoặc Ban quản lý có quyền bổ sung Nội quy và Nội quy được bổ sung đó có hiệu lực ràng buộc đối với Bên thuê kể từ ngày Bên thuê được thông báo về Nội quy bổ sung đó và được cung cấp bản Nội quy bổ sung đó. Nếu có sự mâu thuẫn giữa Hợp đồng này và nội dung sửa đổi của Nội quy Khu công nghiệp, thì các điều khoản của Hợp đồng này được coi là có giá trị.

ĐIỀU 20: NGÔN NGỮ HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này được lập và ký bằng tiếng Anh và tiếng Việt, gồm 04 (Bốn) bản gốc tiếng Anh và 08 (Tám) bản gốc tiếng Việt có nội dung và giá trị ngang nhau. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa bản tiếng Anh và tiếng Việt thì bản tiếng Anh sẽ được lấy làm chuẩn. Bên cho thuê giữ 02 (Hai) bản gốc tiếng Anh và 05 (Năm) bản gốc tiếng Việt, Bên thuê giữ 02 (Hai) bản gốc tiếng Anh và 02 (Hai) bản gốc tiếng Việt. 01 (Một) bản gốc tiếng Việt được đăng ký tại Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, thành phố Hải Phòng.

Các bên thống nhất ký Hợp đồng vào ngày tháng năm ghi ở phần đầu Hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VŨ

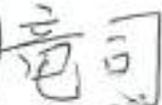




Ông Carlos Nascimento
Phó Tổng Giám đốc thứ ba

Bà Đỗ Thị Kim Thanh
Phó Tổng Giám đốc thứ nhất

CÔNG TY TNHH DẦU NHỜN IDEMITSU VIỆT NAM



TỔNG GIÁM ĐỐC
RYUJI KUSAKA

Ông Ryuji Kusaka
Tổng Giám đốc

CHỖ KHEN THỤ:
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực..... 612.....

Ngày 17 tháng 4 năm 2004

UBND PHƯỜNG LƯƠNG KHÁNH THIÊN



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Phương Lan

ĐÃ THU LỆ PHÍ

Ngày 18 tháng 9 năm 2012

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ VÀ TIỆN ÍCH
Số: DVIZJSC.019.2012.USA.MKG

giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VŨ
(DVIZJSC)

và

CÔNG TY TNHH DẦU NHỜN IDEMITSU VIỆT NAM



MỤC LỤC

ĐIỀU 1: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ DIỄN GIẢI.....	4
ĐIỀU 2: DỊCH VỤ KHU CÔNG NGHIỆP	5
ĐIỀU 3: DỊCH VỤ PHÂN PHỐI ĐIỆN	6
ĐIỀU 4: DỊCH VỤ PHÂN PHỐI NƯỚC	7
ĐIỀU 5: DỊCH VỤ THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	7
ĐIỀU 6: DỊCH VỤ THU GOM RÁC THẢI SINH HOẠT.....	8
ĐIỀU 7: DỊCH VỤ THU GOM RÁC THẢI CÔNG NGHIỆP.....	8
ĐIỀU 8: DỊCH VỤ VIỄN THÔNG	8
ĐIỀU 9: THAY ĐỔI TIẾN SỬ DỤNG TIỆN ÍCH VÀ DỊCH VỤ KHU CÔNG NGHIỆP	9
ĐIỀU 10: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....	10
ĐIỀU 11: VÀO KHU ĐẤT THUÊ ĐỂ XÂY CÁC CÔNG TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ	11
ĐIỀU 12: THAY ĐỔI VÉ DỊCH VỤ	11
ĐIỀU 13: NGỪNG CUNG CẤP DỊCH VỤ VÀ TIỆN ÍCH	12
ĐIỀU 14: LÃI SUẤT CHẬM TRẢ.....	12
ĐIỀU 15: SỬ DỤNG CÁC KHU VỰC DÙNG CHUNG VÀ CÁC DỊCH VỤ.....	12
ĐIỀU 16: BẮT KHẢ KHÁNG	12
ĐIỀU 17: BỒI THƯỜNG	13
ĐIỀU 18: LUẬT VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	13
ĐIỀU 19: BẢO MẬT.....	13
ĐIỀU 20: NỘI DUNG ĐƯỢC THỂ HIỆN	14
ĐIỀU 21: KHÔNG CHUYỂN NHƯỢNG HỢP ĐỒNG	14
ĐIỀU 22: CÁC THÔNG BÁO	14
ĐIỀU 23: HỦY BỎ QUYỀN	14
ĐIỀU 24: TÍNH ĐỘC LẬP CỦA ĐIỀU KHOẢN	14
PHỤ LỤC 1.....	16

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ VÀ TIỆN ÍCH
Số: DVIZJSC.019.2012.USA.MKG

Hợp đồng dịch vụ và tiện ích này (**Hợp đồng**) được ký ngày 18 tháng 9 năm 2012 tại văn phòng của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ

Giữa các bên sau:

- CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VŨ**, thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 022 032 000034 ngày 12 tháng 6 năm 2008, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 4 năm 2010 và số 02 222 000019 ngày 23 tháng 6 năm 2008 do Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp;

Đại diện: Ông Frank Wouters, Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Kim Thanh, Phó Tổng Giám đốc thứ nhất
Địa chỉ: Tầng 5, Khu văn phòng Harbour View,
Số 12, Phố Trần Phú, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Điện thoại: +84 31 3 836 169 Fax : +84 31 3 859 130
Tài khoản số: 003.137.0127.613 (USD)
003.100.000.3058 (VND) tại Ngân hàng TMCP Ngoại
thương Việt Nam – chi nhánh Hải Phòng
MST GTGT: 0200116717

Dưới đây gọi là "**Bên cho thuê**"

VÀ

- CÔNG TY TNHH DẦU NHỚN IDEMITSU VIỆT NAM**, thành lập theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 022 043 000 111, đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 8 năm 2012 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp;

Đại diện: Ông Ryuij Kusaka, Tổng giám đốc
Địa chỉ: Lô đất CN 5.2 E, khu hóa dầu, Khu công nghiệp Đình Vũ,
Phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng
Điện thoại: 031 3246 508 Facsimile: 031 3246 509
MST GTGT: 0201275452

Dưới đây gọi là "**Bên thuê**"

Trong Hợp đồng này, **Bên cho thuê** và **Bên thuê** được hiểu là một **Bên** hoặc **các Bên**.

Xét rằng:

- Theo Hợp đồng thuê đất (như Giải thích sau đây), Bên cho thuê cho Bên thuê thuê khu đất (Khu đất) có diện tích 60.000 mét vuông trong Khu công nghiệp Đình Vũ (DVIZ hoặc KCN), có ký hiệu là Khu đất CN 5.2 E trên bản vẽ tại Phụ lục 1 của Hợp đồng thuê đất, để xây dựng Nhà máy pha trộn dầu nhờn và sử dụng khu đất với mục đích được đề cập trong Giấy chứng nhận đầu tư.

- B. Trong thời hạn Hợp đồng thuê đất, Bên thuê có nguyện vọng sử dụng tiện ích và dịch vụ, Bên cho thuê sẵn sàng cung cấp tiện ích và dịch vụ đó cho Bên thuê theo điều kiện của Hợp đồng này.

CÁC BÊN THỎA THUẬN NHƯ SAU:

ĐIỀU 1: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ DIỄN GIẢI

1.1. Giải thích từ ngữ

Các khái niệm không được nêu trong Hợp đồng này sẽ có nghĩa như trong Hợp đồng thuê đất. Trong Hợp đồng này, những từ và cụm từ sau đây có nghĩa như sau:

<i>Các Khu vực dùng chung</i>	là tất cả các khu vực trong Khu công nghiệp không thuộc phạm vi hoặc không được quy định để thuộc phạm vi quyền hạn riêng theo các điều khoản của Hợp đồng này hoặc một hợp đồng khác tương tự như Hợp đồng thuê đất;
<i>Tiến đấu nối</i>	là tiến do Bên cho thuê yêu cầu trả cho việc thực hiện đấu nối giữa hệ thống thoát nước, rãnh nước, đường ống và cáp điện trong Khu công nghiệp với các tiện ích tương ứng của Bên thuê tại ranh giới hoặc gần ranh giới Khu đất thuê;
<i>Nội qui Khu công nghiệp</i>	là các qui định nội bộ của Khu công nghiệp như trình bày tại Hợp đồng thuê đất;
<i>Hợp đồng thuê đất</i>	là Hợp đồng thuê đất được ký kết giữa các Bên vào ngày 16/8/2012 liên quan đến việc Bên cho thuê cho Bên thuê thuê quyền sử dụng Khu đất;
<i>Dịch vụ</i>	là các dịch vụ, các công việc và các nghĩa vụ do Bên cho thuê hoặc người/doanh nghiệp được Bên cho thuê ủy quyền cung cấp, thực hiện và đảm nhận theo các cam kết của Bên cho thuê nói trong Hợp đồng này và mọi dịch vụ khác do Bên cho thuê chi trả để Bên cho thuê hoặc người/doanh nghiệp được Bên cho thuê ủy quyền cung cấp cho Khu công nghiệp hoặc phục vụ lợi ích chung của các Bên thuê trong Khu công nghiệp như nêu trong điều khoản 2.1;
<i>Tiến dịch vụ</i>	là tiền trả cho dịch vụ Khu công nghiệp mà Bên cho thuê cung cấp như nêu tại điều khoản 2.2;
<i>Chất gây ô nhiễm</i>	là chất hoặc yếu tố vật lý khi xuất hiện trong môi trường làm cho môi trường bị ô nhiễm;
<i>Chất thải</i>	là vật chất ở thể rắn, lỏng, khí được thải ra từ qui trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác;

Chất thải nguy hại	là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm, gây ngộ độc hoặc đặc tính nguy hại khác;
Nước thải	là nước thải do Bên thuê thải vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp sau khi đã được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn qui định tại tiểu phụ lục của 3 Hợp đồng thuê đất đã ký;
Tiến xử lý nước thải	là tiến do Bên cho thuê yêu cầu Bên thuê trả cho việc thu gom Nước thải xả ra từ Nhà máy hoặc Kho hoặc Kho của Bên thuê vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp và tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn theo các qui định pháp luật hiện hành.

1.2. Diễn giải

Hợp đồng này được diễn giải theo nguyên tắc để cập tại điều khoản 1.2 của Hợp đồng thuê đất và được áp dụng tương tự với Hợp đồng này.

1.3. Cam kết chung

Trong thời hạn Hợp đồng, Bên cho thuê sẽ vận hành và quản lý Tiện ích dùng chung và cung cấp dịch vụ phù hợp với khả năng của mình và các quy định pháp luật Việt Nam, Bên thuê được phép sử dụng Dịch vụ và Tiện ích dùng chung đó với điều kiện là Bên thuê trả Tiền dịch vụ, Tiền sử dụng Tiện ích và nói cách khác là tuân thủ các qui định của Hợp đồng này.

ĐIỀU 2: DỊCH VỤ KHU CÔNG NGHIỆP

2.1 Các dịch vụ của Bên cho thuê

Bên cho thuê cung cấp Dịch vụ sau đây:

- (a) Phục hồi, sửa chữa, lát lại mặt đường, duy tu, làm lại và vệ sinh đường (trừ đường do Cấp chính quyền quản lý), hè đường, các khu vực trồng, đường cống, rãnh, đường ống, và các mương máng dẫn nước được xây dựng hoặc lắp đặt trên các Khu vực dùng chung trong thời gian do Bên cho thuê chịu trách nhiệm;
- (b) Bảo vệ và chăm sóc các khu vực có cây trồng trong các Khu vực dùng chung và cắt xén cỏ tại các khu vực đó;
- (c) Cung cấp và bảo quản các bảng chỉ dẫn và các thiết bị tại các Khu vực dùng chung phục vụ các Bên thuê đất trong Khu công nghiệp;
- (d) Cung cấp, duy tu, sửa chữa và thay mới các đèn đường tại các Khu vực dùng chung khi cần thiết;
- (e) Mua bảo hiểm (bảo hiểm trách nhiệm công cộng) cho các Khu vực dùng chung.

Bên cho thuê sẽ quyết định việc cung cấp Dịch vụ trên khi cần thiết và vào thời gian thích hợp với Bên cho thuê.

Bên cho thuê sẽ cung cấp Dịch vụ trong phạm vi Bên cho thuê sở hữu và quản lý các tài sản, tiện ích, hạ tầng cơ sở như đề cập trên đây và các Khu vực dùng chung.

2.2 Tiến dịch vụ khu công nghiệp:

Bên thuê sẽ thanh toán cho Bên cho thuê Tiến dịch vụ hàng tháng cho Dịch vụ mà Bên cho thuê cung cấp như quy định tại điều khoản 2.1. Tiến dịch vụ hàng tháng được tính theo diện tích của Khu đất theo mức sau (chưa bao gồm thuế GTGT): 1.146 Đồng/m²/tháng.

Bên thuê sẽ thanh toán cho Bên cho thuê Tiến dịch vụ Khu công nghiệp kể từ ngày Bàn giao đất.

2.3 Thanh toán

Bên thuê sẽ thanh toán cho Bên cho thuê Tiến dịch vụ khu công nghiệp bằng phương thức chuyển khoản của Bên cho thuê trong vòng 10 (Mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Yêu cầu thanh toán theo qui định của Hợp đồng.

ĐIỀU 3: DỊCH VỤ PHÂN PHỐI ĐIỆN

3.1 Bên cho thuê sẽ đấu điện cho Bên thuê với công suất 1.500 KVA.

3.2 Bên thuê sử dụng điện theo qui định của Hợp đồng phân phối điện mà Bên cho thuê và Bên thuê sẽ ký kết.

3.3 Bên thuê trả cho Bên cho thuê tiền đấu nối điện trước khi Bên thuê thực hiện đấu nối vào hệ thống điện của Khu tại điểm đấu nối do Bên cho thuê cung cấp, như minh họa tại bản vẽ đấu nối tiện ích - Phụ lục 3. Tiền đấu nối được trả một (01) lần cho toàn bộ Thời hạn thuê đất cho công suất điện như qui định tại Hợp đồng này.

Tiền đấu nối điện: 312.525.000 Đồng (Ba trăm mười hai triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn Đồng, chưa bao gồm thuế GTGT).

3.4 Tiền điện: Bên thuê sẽ trả cho Bên cho thuê tiền sử dụng điện theo mức giá quy định của Chính phủ hoặc theo qui định của Hợp đồng phân phối điện.

3.5 Bên cho thuê phân phối điện cho Bên thuê thông qua trạm phân phối điện Khu công nghiệp từ nguồn điện lưới quốc gia. Bên cho thuê vận hành và quản lý điện một cách hợp lý để đảm bảo cung cấp điện một cách tin cậy cho các khách hàng trong Khu công nghiệp.

3.6 Hàng tháng, Bên thuê trả cho Bên cho thuê Tiền vận hành và quản lý điện 3% (Ba phần trăm, chưa bao gồm thuế GTGT) để Bên cho thuê cung cấp dịch vụ

như đề cập tại điều khoản 3.5. Tiền dịch vụ vận hành và quản lý điện tính theo lượng điện tiêu thụ thực tế hàng tháng. Tiền vận hành và quản lý điện tối thiểu một tháng là 500.000 đồng/tháng. Trường hợp Tiền vận hành và quản lý điện của Bên thuê ít hơn 500.000 đồng/tháng, Bên thuê vẫn phải trả 500.000 đồng/tháng.

- 3.7 Hàng tháng Bên cho thuê sẽ xuất hoá đơn GTGT riêng để Bên thuê thanh toán Tiền vận hành và quản lý điện.

ĐIỀU 4: DỊCH VỤ PHÂN PHỐI NƯỚC

- 4.1 Bên cho thuê sẽ phân phối nước cho Bên thuê với công suất 30m³/ngày.
- 4.2 Bên thuê sử dụng nước phù hợp với qui định của Hợp đồng phân phối nước mà Bên cho thuê và Bên thuê sẽ ký kết.
- 4.3 Bên thuê trả cho Bên cho thuê tiền đầu nối nước trước khi Bên thuê thực hiện đầu nối vào hệ thống Khu công nghiệp tại điểm đầu nối do Bên cho thuê cung cấp như minh hoạ tại bản vẽ đầu nối tiện ích Phụ lục 3. Tiền đầu nối được trả một (01) lần cho toàn bộ Thời hạn thuê đất cho công suất nước qui định tại Hợp đồng.

Tiền đầu nối nước: 208.350.000 Đồng (Hai trăm linh tám triệu ba trăm năm mươi nghìn Đồng, chưa bao gồm thuế GTGT).

- 4.4 Tiền nước hiện nay là: Bên thuê sẽ trả cho Bên cho thuê Tiền sử dụng nước theo mức 14.900 đồng/m³ (chưa bao gồm thuế GTGT).

ĐIỀU 5: DỊCH VỤ THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

- 5.1 Bên cho thuê sẽ cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải cho Bên thuê.
- 5.2 Bên thuê xử lý sơ bộ Nước thải do quá trình sản xuất của Bên thuê tại Khu đất và tài sản gắn liền với đất thải ra trước khi thải vào hệ thống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp. Bên thuê phải nghiêm túc tuân thủ các quy định của Việt Nam, tiêu chuẩn nước thải của Khu công nghiệp Đình Vũ như quy định tại tiểu Phụ lục 3 Nội quy Khu công nghiệp kèm theo Hợp đồng thuê đất đã ký.
- 5.3 Hệ thống thoát nước mưa của Khu đất và tài sản gắn liền với đất của Bên thuê vào hệ thống thu gom nước thải chung của Bên cho thuê phải được thiết kế phù hợp với qui định Nội quy Khu công nghiệp.
- 5.4 Tiền xử lý nước thải: Bên thuê sẽ trả cho Bên cho thuê tiền xử lý nước thải theo mức 15.210 Đồng/m³ (chưa bao gồm thuế GTGT). Lượng nước thải được tính như đề cập tại điều khoản 5.6.
- 5.5 Tiền xử lý nước thải tối thiểu là 500.000 đồng/tháng. Trường hợp Tiền xử lý nước thải của Bên thuê ít hơn 500.000 đồng/tháng, Bên thuê vẫn phải trả 500.000 đồng/tháng.

- 5.6 Nước thải được tính bằng 80% lượng nước Bên thuê sử dụng. Bên thuê trả cho Bên cho thuê Tiền xử lý nước thải kể từ khi Bên thuê đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu tại điểm đấu nối mà Bên cho thuê chỉ định.
- 5.7 Bên cho thuê thu gom và xử lý nước thải đã qua xử lý sơ bộ của Bên thuê theo qui định của Hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom xử lý nước thải và thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường mà hai Bên sẽ ký kết.
- 5.8 Trường hợp Bên thuê không đáp ứng tiêu chuẩn nước thải xử lý sơ bộ mà Bên cho thuê yêu cầu, Bên thuê sẽ bồi thường cho Bên cho thuê chi phí, thiệt hại và khiếu nại.

ĐIỀU 6: DỊCH VỤ THU GOM RÁC THẢI SINH HOẠT

- 6.1 Bên cho thuê ký Hợp đồng dịch vụ với Công ty Môi trường Đô thị Hải Phòng về việc thu gom rác thải sinh hoạt của các khách hàng trong Khu công nghiệp Đình Vũ.
- 6.2 Bên cho thuê sẽ thanh toán tiền thu gom rác thải sinh hoạt trước và chuyển hoá đơn đó cho Bên thuê để Bên thuê chuyển trả cho Bên cho thuê sau.
- 6.3 Bên thuê có quyền ký hợp đồng trực tiếp với Công ty Môi trường Đô thị Hải Phòng về thu gom rác thải sinh hoạt và thanh toán phí thu gom rác thải cho Công ty Môi trường Đô thị Hải Phòng. Bên thuê sẽ thông báo cho Bên cho thuê về quyết định ký kết hợp đồng dịch vụ riêng biệt này.

ĐIỀU 7: DỊCH VỤ THU GOM RÁC THẢI CÔNG NGHIỆP

- 7.1 Bên thuê trực tiếp ký hợp đồng thu gom rác thải công nghiệp với Công ty Môi trường Đô thị Hải Phòng hoặc một Công ty được phép cung cấp dịch vụ. Bên thuê trả Tiền thu gom rác thải cho Công ty Môi trường Đô thị Hải Phòng hoặc Công ty dịch vụ đó.
- 7.2 Bên cho thuê không chịu trách nhiệm cung cấp dịch vụ thu gom rác thải công nghiệp cho Bên thuê.
- 7.3 Bên thuê lưu trữ và thải rác thải công nghiệp theo quy định pháp luật hiện hành. Bên thuê sẽ thông báo cho Bên cho thuê bằng văn bản về phương pháp lưu trữ và thải rác thải công nghiệp.

ĐIỀU 8: DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

- 8.1 Bên thuê trực tiếp ký hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông với Công ty Viễn thông Hải Phòng và thanh toán trực tiếp với Công ty Viễn thông Hải Phòng.
- 8.2 Bên cho thuê không chịu trách nhiệm cung cấp dịch vụ viễn thông đối với Bên thuê.
- 8.3 Bên cho thuê hỗ trợ thu xếp để Bên thuê sử dụng dịch vụ viễn thông do Công ty viễn thông Hải Phòng cấp.

ĐIỀU 9: THAY ĐỔI TIỀN SỬ DỤNG TIỆN ÍCH VÀ DỊCH VỤ KHU CÔNG NGHIỆP

Tiện ích và dịch vụ khu công nghiệp bao gồm:

- Tiền dịch vụ Khu công nghiệp;
- Tiền xử lý nước thải;
- Tiền dịch vụ sử dụng cầu cảng;
- Tiền sử dụng hành lang đường ống;
- Tiền nước;
- Tiền điện;
- Tiền dịch vụ thông tin liên lạc;
- Phí bơm hàng;
- Tiền thu gom rác thải;
- Tiền vận hành và quản lý điện;
- ...

Tiền sử dụng Tiện ích và dịch vụ khu công nghiệp dưới đây gọi chung là "*Phí dịch vụ*".

- 9.1 Phí dịch vụ sẽ được tự động điều chỉnh theo công thức dưới đây vào thời điểm mức biến động chỉ số giá tiêu dùng CPI theo năm công bố (chỉ số tính cho phạm vi cả nước Việt Nam) và tự động điều chỉnh theo mức biến động chỉ số CPI theo công thức dưới đây:

Phí dịch vụ và tiện ích mới = Phí dịch vụ và tiện ích cũ x (CPI₀ x K% + 1)

Trong đó:

CPI₀: là mức biến động Chỉ số giá tiêu dùng của Việt Nam trong năm gần nhất do Tổng cục thống kê công bố hoặc bất kỳ đơn vị thừa nhiệm nào của cơ quan này công bố trên trang tin điện tử hoặc thông tin đại chúng, được thể hiện dưới dạng tỷ lệ phần trăm từng năm một theo thời hạn của hợp đồng tiện ích hoặc cầu cảng.

K%: 75%

Mức phí mới sẽ áp dụng vào tháng đầu của năm.

- 9.2 Điều chỉnh Phí dịch vụ

- 9.2.1 Trường hợp có phát sinh chi phí đối với Bên cho thuê do quyết định của Cấp thẩm quyền và/hoặc quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam hoặc thay đổi chi phí của nhà cung cấp tiện ích, Bên cho thuê sẽ thông báo Bên thuê bằng văn bản càng sớm càng tốt và Bên thuê đồng ý với mức Phí dịch vụ mới. Mức phí mới sẽ áp dụng kể từ ngày nêu trong thông báo.

- 9.2.2 Các bên đồng ý hỗ trợ lẫn nhau đàm phán với Cấp thẩm quyền, nhà cung cấp,... để giảm chi phí. Trong thời gian đàm phán, Bên thuê đồng ý trả cho Bên cho thuê mức phí mới như quy định tại điều khoản 9.2.1 cho tới khi đàm phán kết thúc và đạt được thỏa thuận giảm chi phí. Nếu Bên cho thuê được Cấp thẩm

quyển hoặc nhà cung cấp hoàn lại tiền, Bên cho thuê sẽ hoàn trả lại số tiền này cho các bên thuê theo tỉ lệ các bên thuê đã chi trả.

9.3 Ngoại trừ trường hợp nêu tại điều khoản 9.1 và 9.2 như nêu trên, Bên cho thuê có quyền tăng Phí dịch vụ với điều kiện Bên cho thuê sẽ thông báo Phí dịch vụ mới trước 30 ngày và có giải thích phù hợp và được Bên thuê đồng thuận. Bên thuê có trách nhiệm cử người có thẩm quyền tới đàm phán liên tục với Bên cho thuê để thống nhất Phí dịch vụ. Nếu Bên thuê không cử người tới đàm phán và Bên cho thuê gánh chịu mất mát hay thiệt hại, Bên thuê có trách nhiệm bồi thường cho Bên cho thuê mất mát hay thiệt hại đó.

9.4 Tổng quan về Phí dịch vụ khu công nghiệp tham chiếu theo bảng dưới đây:

Phí dịch vụ và tiện ích	Điều chỉnh hàng năm theo CPI	Điều chỉnh do thay đổi quy định pháp luật/ chi phí nhà cung cấp	Trường hợp khác (đàm phán hai bên)
Tiến dịch vụ khu công nghiệp	x		X
Tiến xử lý nước thải	x		X
Tiến dịch vụ cầu cảng	x		X
Tiến sử dụng hành lang giá đỡ đường ống	x		X
Tiến nước		x	X
Tiến điện		x	X
Tiến dịch vụ thông tin liên lạc		(x)	(X)
Tiến thu gom rác thải		(x)	(X)
Phí vận hành và quản lý điện		x (3%)	X
Phí bơm hàng		x	X

ĐIỀU 10: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

10.1 Bên cho thuê và Bên thuê nghiêm chỉnh chấp hành quy định pháp luật môi trường của Việt Nam. Bên thuê tuân thủ các yêu cầu về tiếng ồn và khí thải công nghiệp theo quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam.

10.2 Bên thuê có trách nhiệm đăng ký Chất thải nguy hại với Cấp thẩm quyền và gửi cho Bên cho thuê một bản sao Bản đăng ký.

10.3 Bên thuê có trách nhiệm chứa Chất thải, Chất gây ô nhiễm, Chất thải nguy hại và xử lý Chất thải nguy hại theo quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam. Hợp đồng xử lý chất thải nguy hại phải có xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Phòng.

- 10.4 Trong quá trình sản xuất, Bên thuê không được phép xả khí thải và bụi trực tiếp ra môi trường. Để giám sát trách nhiệm bảo vệ môi trường, cán bộ của Bên cho thuê có quyền vào Khu đất thuê và tài sản gắn liền với đất của Bên thuê kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm cam kết bảo vệ môi trường vào bất kỳ lúc nào.
- 10.5 Bên thuê có trách nhiệm thực hiện quan trắc môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản cam kết môi trường được duyệt và Bên thuê nộp cho Bên cho thuê bản sao kết quả quan trắc môi trường và kết quả kiểm tra nước thải ít nhất 6 tháng một lần.
- 10.6 Ngoài các qui định về quyền khác của Bên cho thuê và không ảnh hưởng đến quyền của Bên cho thuê theo Hợp đồng này, hay nói cách khác, khi Bên thuê (1) gây ô nhiễm môi trường tại bất cứ khu vực nào trên Khu đất thuê và tài sản gắn liền với đất hoặc Khu đất thuê và tài sản gắn liền với đất của Bên thứ ba hoặc (2) Cấp thẩm quyền, Bên cho thuê, Bên thứ ba phàn nàn về việc ô nhiễm môi trường (bao gồm khí thải, bụi, nước thải, tiếng ồn), thì Bên thuê phải có giải pháp xử lý khắc phục kịp thời, cũng như chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào về môi trường đối với Bên thứ ba hoặc Bên cho thuê do phát sinh từ hoạt động của Bên thuê trong Khu công nghiệp. Trường hợp Bên thuê không thể khắc phục sự cố trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Bên cho thuê và/hoặc Cấp thẩm quyền yêu cầu thì Bên thuê buộc phải ngừng hoạt động trong Khu công nghiệp và Bên cho thuê có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê đất đã ký trừ khi hai Bên có thoả thuận khác.

ĐIỀU 11: VÀO KHU ĐẤT THUÊ ĐỂ XÂY CÁC CÔNG TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ

Bên cho thuê có quyền được vào Khu đất vào thời điểm thích hợp để xây cất các công trình cung cấp Dịch vụ. Với mục đích qui định tại điều khoản 11 này, được sự đồng ý của Bên thuê, Bên cho thuê có thể đưa người, trang thiết bị và vật tư cần thiết vào Khu đất để thực hiện công việc.

Bên cho thuê cam kết rằng những người do Bên cho thuê cử vào Khu đất sẽ tuân thủ theo hướng dẫn của Bên thuê. Bên cho thuê sẽ bồi thường cho Bên thuê những thiệt hại phát sinh do việc những người do Bên cho thuê cử vào Khu đất gây thiệt hại vật chất cho Bên thuê.

ĐIỀU 12: THAY ĐỔI VỀ DỊCH VỤ

Bên cho thuê có thể tăng thêm, mở rộng, hoặc có những thay đổi trong việc cung cấp các dịch vụ khi Bên cho thuê nhận thấy nên làm như vậy để điều hành và quản lý Khu công nghiệp tốt hơn tùy theo từng thời gian và với mức độ hợp lý, với điều kiện

- (a) Bên cho thuê thông báo bằng văn bản cho Bên thuê biết trước ít nhất ba mươi (30) ngày; và
- (b) miễn là sự thay đổi đó không ảnh hưởng đến Dịch vụ mà Bên thuê được hưởng như đề cập trong Hợp đồng này và hoạt động của Bên thuê.

ĐIỀU 13: NGỪNG CUNG CẤP DỊCH VỤ VÀ TIỆN ÍCH

Bên cho thuê có quyền ngừng cung cấp dịch vụ và tiện ích như nước, điện, thu gom và xử lý nước thải để cập trong Hợp đồng này, nếu như Bên thuê

- (a) không thực hiện thanh toán các khoản tiền quy định trong Hợp đồng trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày hết hạn phải trả; hoặc
- (b) gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường, mà không thể khắc phục trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Bên cho thuê hoặc Cấp thẩm quyền thông báo cho Bên thuê; hoặc
- (c) không thông báo cho Bên cho thuê khi chuyển nhượng, góp vốn bằng quyền sử dụng đất thuê lại; hoặc
- (d) không thực hiện nghĩa vụ qui định trong Hợp đồng này.
- (e) Không đồng ý đưa điều khoản này trong tất cả các thỏa thuận tiện ích.

ĐIỀU 14: LÃI SUẤT CHẬM TRẢ

Nếu bất cứ khoản tiền nào Bên thuê phải trả cho Bên cho thuê theo qui định Hợp đồng không được thanh toán trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày cuối cùng của thời hạn thanh toán, thì Bên thuê phải trả cho Bên cho thuê tiền lãi cho khoản tiền chậm trả đó, mà không phương hại đến bất cứ quyền nào khác hoặc khoản bồi thường nào khác của Bên cho thuê theo qui định Hợp đồng). Tiền lãi qui định tại điều khoản này được tính cho khoảng thời gian tính từ ngày hết hạn của quãng thời gian mười (10) ngày nói trên cho đến ngày thực hiện thanh toán với mức lãi suất 25% (Hai mươi lăm phần trăm) một năm.

ĐIỀU 15: SỬ DỤNG CÁC KHU VỰC DÙNG CHUNG VÀ CÁC DỊCH VỤ

- 15.1 Trong suốt Thời hạn thuê đất, Bên thuê cam kết không khi nào gây hư hỏng hoặc để xảy ra hư hỏng hoặc cản trở đối với các Khu vực dùng chung, Tiện ích dùng chung mà chưa có được sự thoả thuận trước của Bên cho thuê.
- 15.2 Bên thuê không làm hỏng, vượt quá công suất thiết kế đường cống, rãnh, đường ống, ống dẫn, đường cáp, dây điện và các phương tiện truyền dẫn khác đưa Dịch vụ và/hoặc Tiện ích đến Khu đất hoặc trong phạm vi Khu đất, làm ảnh hưởng đến Dịch vụ cho các khu vực khác của Khu công nghiệp.

ĐIỀU 16: BẤT KHẢ KHÁNG

- 16.1 Không bên nào bị coi là vi phạm Hợp đồng, hoặc phải chịu trách nhiệm trước bên kia vì lý do chậm trễ trong việc thực hiện hoặc không thực hiện bất kể nghĩa vụ nào trong Hợp đồng do Bất khả kháng gây ra với điều kiện là:
 - (a) Bất khả kháng là nguyên nhân chính cản trở hoặc gây chậm trễ cho một trong hai Bên thực hiện Hợp đồng; và

(b) Bên bị ảnh hưởng do Bất khả kháng (**Bên bị ảnh hưởng**) sẽ (1) thông báo ngay cho bên kia về tình trạng Bất khả kháng nói trên và (2) trong vòng bảy (7) ngày kể từ ngày xảy ra bất khả kháng, thông báo bằng văn bản cho bên kia về những biện pháp khắc phục Bất khả kháng đã thực hiện và nêu lên chi tiết của tình trạng xảy ra đã ngăn cản việc thực hiện Hợp đồng.

16.2 Các bên thoả thuận rằng khi Bất khả kháng xảy ra, Bên bị ảnh hưởng sẽ áp dụng mọi biện pháp thích hợp để tránh và hạn chế tổn thất, thiệt hại cho cả hai Bên do Bất khả kháng gây ra.

16.3 Không phương hại đến quyền của các Bên chấm dứt Hợp đồng, Bên bị ảnh hưởng chỉ được miễn thực hiện nghĩa vụ theo quy định Hợp đồng trong thời gian xảy ra Bất khả kháng; và

(a) tình trạng Bất khả kháng ngăn không cho Bên bị ảnh hưởng thực hiện nghĩa vụ của mình; và

(b) Bên bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp phòng ngừa hợp lý có thể nhưng không mang lại kết quả.

ĐIỀU 17: BỒI THƯỜNG

Trường hợp Bên cho thuê không thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng, Bên cho thuê sẽ bồi thường Bên thuê các tổn thất, chi phí hay khiếu nại.

ĐIỀU 18: LUẬT VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

18.1 Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh theo luật pháp của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

18.2 Trong trường hợp có tranh chấp liên quan đến hiệu lực, sự diễn giải hoặc thực hiện Hợp đồng này, trước hết các bên cố gắng giải quyết tranh chấp đó trên tinh thần hoà giải. Nếu tranh chấp không được giải quyết bằng hòa giải trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày một Bên thông báo cho bên kia biết về tranh chấp và yêu cầu bên kia cùng trao đổi giải quyết tranh chấp một cách thiện chí, hai Bên có thể đưa tranh chấp ra giải quyết tại Trung tâm trọng tài Singapore. Trung tâm trọng tài Singapore có quyền tài phán đối với mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng, kể cả các vấn đề liên quan đến sự tồn tại, giá trị pháp lý hoặc việc chấm dứt Hợp đồng. Bên thua sẽ chịu mọi phí trọng tài, phí tòa án và phí tổn cho bên kia theo quyết định của cơ quan phán quyết.

ĐIỀU 19: BẢO MẬT

Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, các Bên thoả thuận giữ bí mật các thông tin, tài liệu liên quan đến dự án và thông tin thương mại mà hai Bên trao đổi liên quan đến Khu đất thuê và Hợp đồng (**Thông tin tuyệt mật**).

Mỗi bên chỉ được phép tiết lộ Thông tin tuyệt mật cho Bên thứ ba khi được sự chấp thuận bằng văn bản của bên kia.

ĐIỀU 20: NỘI DUNG ĐƯỢC THỂ HIỆN

Hợp đồng này là toàn bộ các nội dung được nhất trí giữa các Bên và thay thế toàn bộ các nội dung đã được đề cập trước đây bằng văn bản hoặc bằng miệng.

ĐIỀU 21: KHÔNG CHUYỂN NHƯỢNG HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này không được chuyển nhượng toàn bộ hoặc từng phần nếu không được bên kia chấp nhận bằng văn bản.

ĐIỀU 22: CÁC THÔNG BÁO

Mọi thông báo hoặc liên hệ về Hợp đồng này đều bằng văn bản và được trao tận tay hoặc gửi qua bưu điện hoặc gửi fax tới địa chỉ ghi trong Hợp đồng này hoặc tới các địa chỉ khác được thông báo bằng văn bản. Chứng từ của việc gửi bất kể thông báo hoặc thông tin đến một bên được coi là chứng từ về việc bên đó đã tiếp nhận thông báo hoặc thông tin đó:

- (a) trường hợp gửi công văn thì 10 (Mười) ngày sau khi gửi thư; và
- (b) trong trường hợp gửi fax, khi kết quả chuyển fax xác nhận là việc chuyển fax đã được thực hiện không sai sót.

ĐIỀU 23: HUỖ BỎ QUYỀN

Cho dù có sự đối xử nhân nhượng của một Bên, thì việc đối xử nhân nhượng đó không làm huỷ bỏ hoặc phương hại đến quyền của bên đó theo qui định của Hợp đồng.

ĐIỀU 24: TÍNH ĐỘC LẬP CỦA ĐIỀU KHOẢN

Nếu một hoặc một số điều khoản của Hợp đồng này bị Cấp thẩm quyền tuyên bố là không hợp pháp, không có hiệu lực hoặc không thể thi hành (**Điều khoản không hợp lệ**) theo pháp luật hiện hành:

- (a) Điều khoản không hợp lệ được coi là tách rời khỏi tất cả các điều khoản khác của Hợp đồng xét về mọi khía cạnh, tất cả những điều khoản còn lại này tiếp tục có hiệu lực một cách bình thường, không bị ảnh hưởng bởi điều khoản không hợp lệ; và
- (b) Trong trường hợp này, Hợp đồng được thực hiện (*tuỳ thuộc và không gây phương hại đến bất kể việc kiến nghị nào lên cấp cao hơn về tính pháp lý của Điều khoản không hợp lệ*) không bao gồm Điều khoản không hợp lệ nói trên, nhưng nếu việc tách bỏ Điều khoản không hợp lệ ảnh hưởng căn bản hoặc làm thay đổi cơ sở thương mại của Hợp đồng này thì hai Bên sẽ cùng nhau thiện chí thoả thuận và đưa ra một điều khoản mới hợp lệ, có hiệu lực thay thế Điều khoản không hợp lệ mà điều khoản này có khả năng thực hiện được mục tiêu đặt ra cho Điều khoản không hợp lệ.

Hợp đồng này được làm và ký bằng tiếng Anh và tiếng Việt, gồm 04 (Bốn) bản gốc bằng tiếng Anh và 04 (Bốn) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị như nhau. Trường hợp có sự khác biệt giữa bản tiếng Anh và tiếng Việt, thì bản tiếng Anh sẽ chi phối. Bên cho thuê giữ 02 (Hai) bản gốc bằng tiếng Anh và 02 (Hai) bản gốc bằng tiếng Việt, Bên thuê giữ 02 (Hai) bản gốc bằng tiếng Anh và 02 (Hai) bản gốc bằng tiếng Việt có nội dung và giá trị như nhau.

Hợp đồng này là một phần không tách rời của Hợp đồng thuê đất đã ký.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ hết hạn cùng thời điểm với Hợp đồng thuê đất đã ký.

Các Bên nhất trí ký Hợp đồng này vào ngày, tháng, năm ghi ở trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VŨ

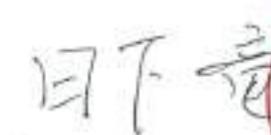


Ông Frank Wouters
Tổng Giám đốc



Bà Đỗ Thị Kim Thanh
Phó Tổng Giám đốc thứ nhất

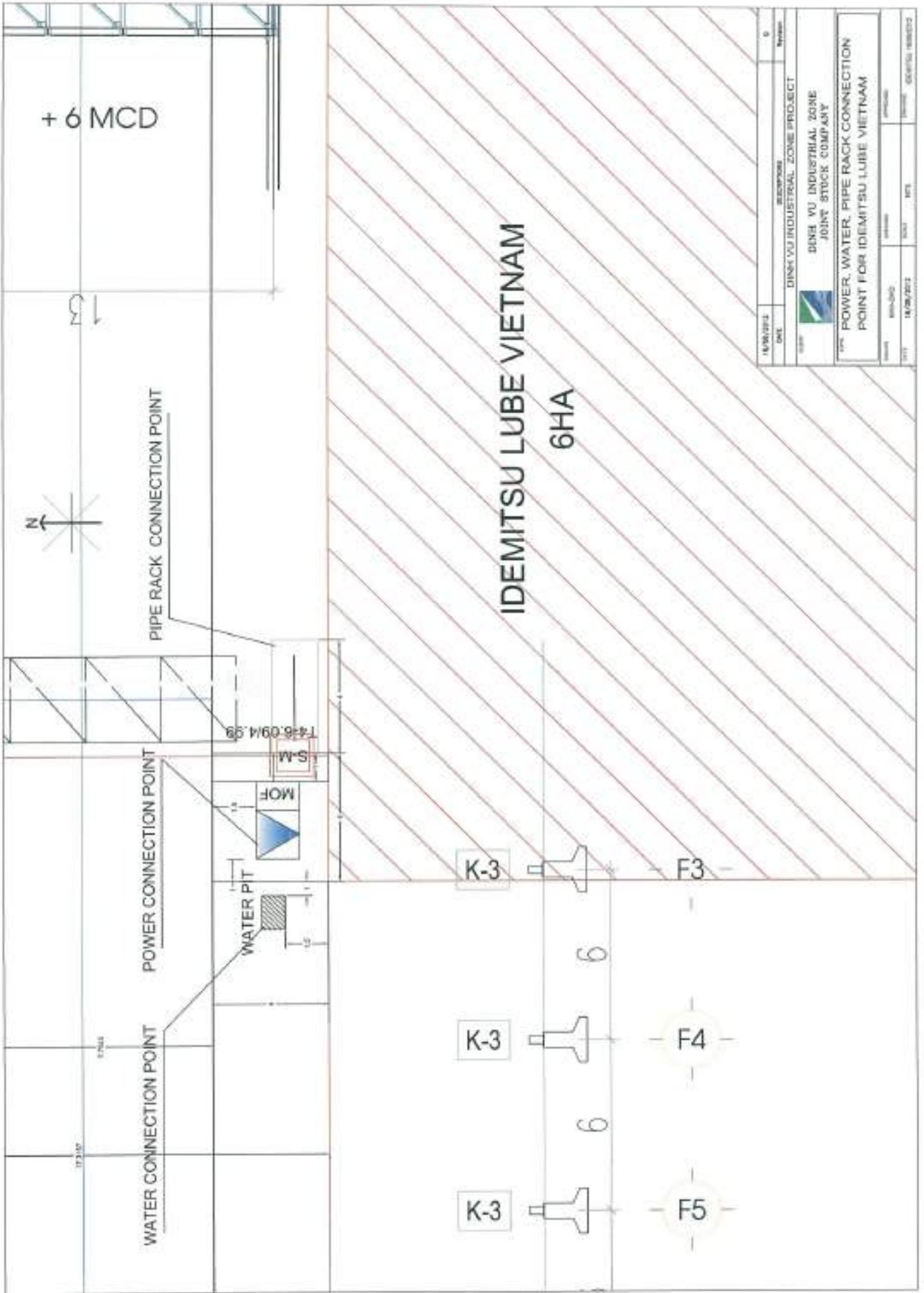
CÔNG TY TNHH DẦU NHỜN IDEMITSU VIỆT NAM



Ông Ryuji Kusaka
Tổng giám đốc

PHỤ LỤC 1
BẢN VẼ ĐẦU NỐI TIỆN ÍCH

121 4.2.2014.12.4 136

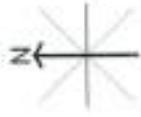


PROJECT	DIKHY VU INDUSTRIAL ZONE PROJECT
CLIENT	DIKHY VU INDUSTRIAL ZONE PROJECT
DATE	14/08/2014
SCALE	1:100
DESIGNER	GENEAL
CHECKER	GENEAL
APPROVED	GENEAL
PROJECT	POWER, WATER, PIPE RACK CONNECTION POINT FOR IDEMITSU LUBE VIETNAM
DATE	14/08/2014
SCALE	1:100
DESIGNER	GENEAL
CHECKER	GENEAL
APPROVED	GENEAL

36'0

Ep

G6



E6

DRAINAGE CONNECTION POINT E6

$\frac{4.97}{6.09}$

T4

SEWAGE CONNECTION POINT T4

75m

$\frac{5.95}{4.14}$

IDEMITSU

6.00 HA

NO/2019	DATE	REVISION	BY
DINH VU INDUSTRIAL ZONE PROJECT			
DINH VU INDUSTRIAL ZONE JOINT STOCK COMPANY			
SEWAGE AND DRAINAGE CONNECTION POINTS FOR IDEMITSU LUBE VIETNAM			
DATE	BY	CHK	APP



II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

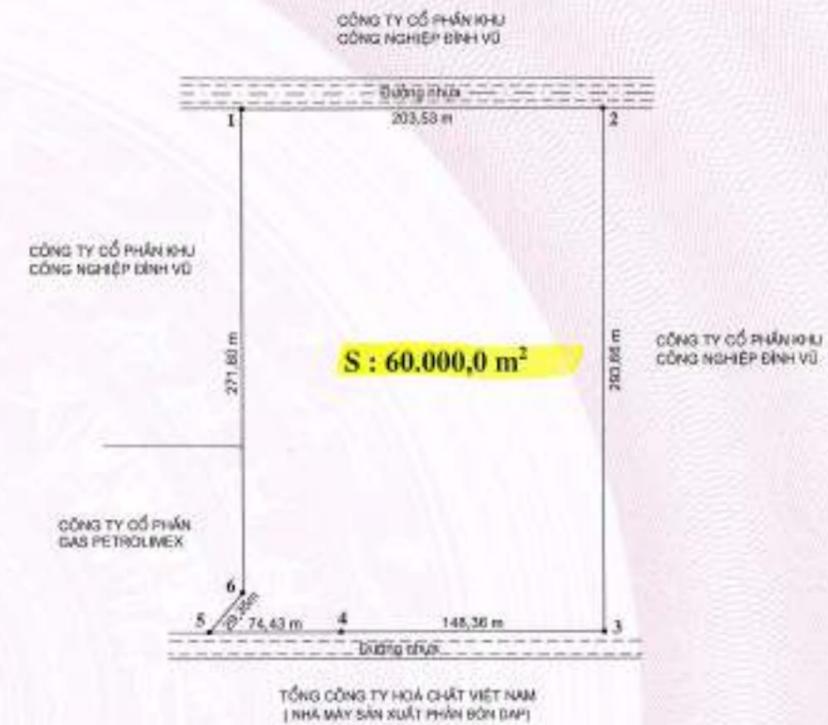
- Thừa đất số: từ bản đồ số: "00"
- Địa chỉ: Lô CN5.2E Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
- Diện tích: 60.000,0 m² (Bằng chữ: Sáu mươi nghìn mét vuông).
- Hình thức sử dụng: Riêng: 60.000,0 m²
Chung: Không.
- Mục đích sử dụng: Xây dựng nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn.
- Thời hạn sử dụng: Kể từ ngày 16/8/2012 đến ngày 23/6/2058.
- Nguồn gốc sử dụng: Thuê lại đất của Công ty cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ.

2. Công trình xây dựng: -/-

3. Ghi chú: Không.

III. Sơ đồ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Tỷ lệ: 1/4000



BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ MỐC GIỚI KHU ĐẤT

TÊN MỐC	TỌA ĐỘ		KHOẢNG CÁCH (m)
	X (m)	Y (m)	
1	2303665.893	608899.896	
2	2303665.893	609103.392	203,53
3	2303372.031	609103.392	293,66
4	2303372.031	608955.031	148,36
5	2303371.871	608890.508	74,43
6	2303394.098	608899.761	29,35
1	2303665.893	608899.896	271,60

Hải Phòng, ngày 07 tháng 02 năm 2013
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TU. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Bùi Quang Sản

Số vào sổ cấp GCN: CT00839.

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung bổ sung, thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung bổ sung, thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẦU TƯ IDEMITSU VIỆT NAM

Giấy chứng nhận đầu tư số 022 043 000111 do Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp, chứng nhận lần đầu ngày 13/8/2012.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô CN5.2E Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

BM 316966



Số: 2062/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 23 tháng 11 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn
Idemitsu Lube Việt Nam tại Lô đất CN 5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường
Đông Hải 2, quận Hải An do Công ty trách nhiệm hữu hạn
Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam làm Chủ đầu tư

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định
về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo
môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và
Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày
18/4/2011 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 15/10/2012 của Ủy ban nhân dân
thành phố về việc thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi
trường Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn
Idemitsu Lube Việt Nam tại Lô đất CN 5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường
Đông Hải 2, quận Hải An;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự
án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube
Việt Nam họp ngày 26/10/2012;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Nhà
máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam tại Lô đất CN
5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ phường Đông Hải 2, quận Hải An đã được chỉnh
sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 12/CV ngày 04/11/2012 của Công ty trách nhiệm
hữu hạn Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
366/TTr-STNMT ngày 13/11/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư
xây dựng Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam
tại Lô đất CN 5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ phường Đông Hải 2, quận Hải An do
Công ty trách nhiệm hữu hạn Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam làm Chủ đầu tư (sau đây
gọi là Chủ dự án) đã được Hội đồng thông qua ngày 26/10/2012; những nội dung giải



trình bổ sung và cam kết của Công ty trách nhiệm hữu hạn Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam tại Văn bản số 12/CV ngày 04/11/2012 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình duyệt tại Tờ trình số 366/TTr-STNMT ngày 13/11/2012 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi, quy mô của Dự án:

- Địa điểm thực hiện dự án: Lô đất CN 5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An.

- Diện tích xây dựng: 60.000m² (theo Hợp đồng thuê đất số DVIZJSC.018.2012.LC.MKG ngày 16/8/2012 được ký kết giữa Công ty cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ và Công ty trách nhiệm hữu hạn Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam).

- Công suất hoạt động: 30.000 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Trong quá trình thực hiện Dự án phải đảm bảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh QCVN 05:2009/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh QCVN 06:2009/BTNMT và các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường;

2.2. Thu gom xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của Dự án đạt quy chuẩn về môi trường theo quy định trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của khu vực hoặc thải vào hệ thống thu gom, xử lý chung của Khu công nghiệp;

2.3. Toàn bộ chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án phải được thu gom, phân loại và hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn; Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định về quản lý chất thải nguy hại và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường liên quan.

2.4. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu đối với môi trường; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thực hiện dự án theo đúng cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt và các quy định của pháp luật liên quan.

2.5. Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; lưu giữ kết quả quan trắc, giám sát để các cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu sau đây:

1. Lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của Dự án tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Đông Hải 2 để nhân dân biết kiểm tra, giám sát;

2. Nghiêm túc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Lập hồ sơ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ.

Điều 3. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với các khoản 1 và 2, Điều 1 của Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố.

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để quyết định việc đầu tư Dự án; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Trách nhiệm các Sở, ngành, địa phương liên quan:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Chứng thực vào mặt sau của trang phụ bìa báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và gửi tới Chủ đầu tư một (01) bản, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng (01) bản và Ủy ban nhân dân quận Hải An một (01) bản. Quản lý theo quy định hồ sơ thẩm định và các tài liệu liên quan đến báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án;

- Chủ trì phối hợp cùng Ủy ban nhân dân quận Hải An và các ngành, đơn vị liên quan thực hiện việc kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trước khi dự án đi vào vận hành chính thức.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng có trách nhiệm:

Hướng dẫn, giám sát, kiểm tra xử lý, đảm bảo chủ đầu tư thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường và các quy định khác liên quan theo quy định tại Thông tư số 08/2009/TT-BTNMT ngày 15/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Ủy ban nhân dân quận Hải An có trách nhiệm:

Căn cứ thẩm quyền theo quy định tại Điều 122 Luật Bảo vệ môi trường 2005 hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm; giải quyết tranh chấp, khiếu nại tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan đối với chủ đầu tư.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công thương, Kế hoạch đầu tư, Tài chính; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hải An, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Tổng Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Dầu nhớt Idemitsu Việt Nam và Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Tổng cục MT;
- Chủ tịch;
- PCT Đỗ Trung Thoại;
- Như Điều 5;
- CVP, PCVP Nguyễn Văn Bình;
- CV: MT;
- Lưu: VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Trung Thoại

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

SỐ: 03.../GXN-STN&MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



GIẤY XÁC NHẬN

VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH DỰ ÁN

TỔ CHỨC: CÔNG TY TNHH DẦU NHỜN IDEMITSU VIỆT NAM.

DỰ ÁN: Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu
bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam.

ĐỊA ĐIỂM: Lô đất CN 5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ, quận Hải An.

Số: ..03.....

Hải Phòng, ngày 25 tháng 01 năm 2014

GIẤY XÁC NHẬN

Số:

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Điều 23 Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Điều 24 Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Điều 39 Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 23/11/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam tại Lô đất CN 5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An do Công ty TNHH Dầu nhớt Idemitsu Việt Nam làm chủ đầu tư;

Căn cứ Công văn số 382/UBND-MT ngày 15/01/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc chấp thuận những thay đổi các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo Quyết định định số 2063/QĐ-UBND ngày 23/11/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ kết quả kiểm tra việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam tại Lô đất CN 5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An của Đoàn kiểm tra (thành lập tại Quyết định số 175/QĐ-STNMT ngày 18/12/2013) thực hiện vào ngày 24/12/2013;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường Hải Phòng,

XÁC NHẬN

Điều 1. Công ty TNHH Dầu nhớt Idemitsu Việt Nam (sau đây gọi tắt là Chủ dự án) đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn Idemitsu Lube Việt Nam tại Lô đất CN 5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An như sau:

1. Hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, biện pháp giảm thiểu tác động nước mưa tràn mặt đã được thực hiện đảm bảo nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trước khi thải ra môi trường, cụ thể:

- Chủ dự án đã hoàn thành xây dựng hệ thống thu gom vào hệ thống mương hồ bố trí xung quanh nhà máy được xây dựng bằng bê tông với kích thước rộng 0,5m và sâu 01m. Để đảm bảo nước mưa tràn mặt không bị nhiễm dầu trước khi thải vào hệ thống thu gom của Khu công nghiệp, chủ dự án đã xây dựng 02 bể tách dầu tập trung để thu toàn bộ lượng dầu lẫn trong nước mưa tràn mặt của dự án. Nước mưa sau khi xử lý được thoát vào hệ thống thu gom thu gom của Khu công nghiệp Đình Vũ.

- Chủ dự án đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 10m³/ngày đêm để xử lý nước thải sinh hoạt và nước xả đáy nồi hơi, nước thải sau xử lý hệ thống xử lý được thoát vào hệ thống thu gom chung để đưa về nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

2. Các biện pháp giảm thiểu tác động của khí thải, bụi trong quá trình vận hành đã được thực hiện đảm bảo môi trường không khí đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường, cụ thể:



- Chủ dự án đã lắp đặt hệ thống xử lý hơi dầu có dạng hình trụ, có lớp lọc dạng lưới bằng thép để xử lý hơi dầu phát sinh trong quá trình trộn nguyên liệu.

- Sử dụng nhiên liệu sạch để đảm bảo quá trình đốt cháy nhiên liệu trong lò hơi đạt hiệu suất cao.

- Chủ dự án đã lắp đặt hệ thống thông gió trong các nhà xưởng sản xuất để điều hòa không khí và cải thiện môi trường làm việc cho người lao động.

- Chủ dự án định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại các khu vực phát sinh khí thải như găng tay, mặt nạ phòng độc, quần áo bảo hộ cá nhân.

3. Các biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại (CTNH):

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của dự án được công nhân vệ sinh môi trường thu gom, phân loại ngay tại nguồn, chuyển về nơi tập kết rác thải tập trung. Công ty TNHH Dầu nhớt Idemitsu Việt Nam đã ký hợp đồng số 11/2013/HDDVVS ngày 03/9/2013 với Trung tâm Giới thiệu việc làm, tư vấn dịch vụ đầu tư Khu kinh tế Hải Phòng để thu gom, vận chuyển chất thải này.

- Chất thải nguy hại đã được lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại đã có biển báo, mác che, phân loại chất thải nguy hại theo từng mã chất thải đảm bảo quy định.

- Hồ sơ quản lý chất thải nguy hại đã có: Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH số 142/2013/SDK-STNMT cấp lần đầu ngày 07/10/2013, mã số QLCTNH 31.000751.T do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp; Hợp đồng vận chuyển và xử lý CTNH số 169/2013/HDCNĐT/N ngày 08/11/2013 với Công ty cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp 10 - URENCO 10.

4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Dự án đã được Sở Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy kiểm tra, xác nhận và nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy tại công văn số 1760/SCSPCCC-HDPC ngày 29/10/2013.

- Chủ dự án đã lắp đặt hệ thống thông gió, chống nóng cho các nhà xưởng và điều hòa không khí cho khu văn phòng.

- Chủ dự án đã lắp đặt chân máy cao su chống rung cho các thiết bị gây rung lớn và định kỳ bảo dưỡng các thiết bị theo đúng quy định.

- Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân lao động như: giày, thiết bị đeo tại giảm ồn, khẩu trang. Đối với các khu vực liên quan tới hóa chất, máy trộn được trang bị khẩu trang hoạt tính, kính đeo mắt, găng tay, quần áo bảo hộ.

- Chủ dự án đã xây dựng các biện pháp phòng chống, ứng phó sự cố nội hơi, phòng ngừa sự cố rò rỉ, vỡ bể dầu và phổ biến cho mọi người toàn Công ty đặc biệt là công nhân vận hành trực tiếp.

- Chủ dự án đã thực hiện quan trắc môi trường định kỳ.

5. Những công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện có thay đổi, điều chỉnh so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt đã được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận tại công văn số 382/UBND-MT ngày 15/01/2014 bao gồm các nội dung:

- Sử dụng nắp đậy các hồ ga, mương thoát nước bằng tấm lưới thép tại các vị trí có phương tiện hoặc đường lưu thông nội bộ đi ngang qua hoặc để bờ.

- Ngodai 02 bể tách dầu tập trung, chủ dự án xây dựng thêm 05 bể tách dầu cho từng khu vực bồn chứa dầu, phụ gia, nhiên liệu để đảm bảo an toàn, thu hồi được toàn bộ lượng dầu tràn đổ trong trường hợp sự cố xảy ra.

- Chủ dự án không tự nấu ăn nên không phát sinh nước thải khu vực nhà ăn. Bên cạnh đó, chủ đầu tư quy định không rửa xe trong khuôn viên dự án vì vậy, không phát sinh nước rửa xe.

- Chủ dự án đầu tư thêm trạm xử lý nước thải sinh hoạt với công suất 10 m³/ngày, nước thải sau xử lý đảm bảo yêu cầu nước thải đầu vào của Khu công nghiệp Đình Vũ.

- Chủ dự án lắp đặt thiết bị xử lý hơi dầu có dạng bồn hình trụ, có lớp lọc dạng lưới thép.

- Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải rắn (gồm chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường) với Trung tâm Giới thiệu việc làm, tư vấn dịch vụ đầu Khu kinh tế Hải Phòng.

- Toàn bộ lượng cặn dầu thải từ quá trình lọc, vệ sinh đường ống cũng như thùng dầu thải, chủ dự án không bán mà thu gom xử lý như chất thải nguy hại (thu gom vào kho và hợp đồng với đơn vị chức năng đem đi xử lý).

- Không thực hiện khai báo hóa chất với Bộ Công thương do các loại dầu gốc sử dụng không nằm trong danh mục các hóa chất phải khai báo quy định phụ lục IV của nghị định số 108/2008 ND-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ.

- Chiều cao của bể bao khu bể chứa dầu được chủ dự án xây dựng theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 5307:2009 về Kho dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ - Yêu cầu thiết kế.

- Chủ dự án đã lựa chọn nhiên liệu sử dụng cho đốt nồi hơi là dầu hỏa.

Điều 2. Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Chấp hành đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên nước, an toàn phòng, chống cháy nổ và các quy định pháp luật liên quan.

2. Chịu trách nhiệm đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã được thực hiện có thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt đã nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này, đảm bảo tuân thủ chấp hành đầy đủ các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan của pháp luật hiện hành.

3. Vận hành các công trình xử lý chất thải đã được nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này theo đúng thiết kế, đảm bảo các quy trình, quy phạm kỹ thuật.

4. Chủ động xử lý, khắc phục, ứng cứu kịp thời các sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình vận hành của Dự án và báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan liên quan để được hướng dẫn, hỗ trợ.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- City TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam;
- GD, PGD Sở P.Q.Ka;
- BQL Khu kinh tế Hải Phòng;
- UBND quận Hải An;
- Công ty cổ phần KCN Đình Vũ;
- Văn phòng Sở;
- CC BVMT (02);
- Lưu VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Quốc Ka



BUREAU
VERITAS

Bureau Veritas Certification



IDEMITSU LUBE VIETNAM COMPANY LIMITED

LAND PLOT CN5.2E, DINH VU INDUSTRIAL ZONE, DONG HAI 2 WARD, HAI AN DISTRICT,
HAI PHONG CITY, VIETNAM

Bureau Veritas Certification Holding SAS - UK Branch certifies that the Management System of the above organisation has been audited and found to be in accordance with the requirements of the management system standards detailed below

ISO 14001:2015

Scope of certification

MANUFACTURING, SUPPLYING OF LUBRICANTS

Original cycle start date:	05-01-2016
Expiry date of previous cycle:	NA
Certification / Recertification Audit date:	NA
Certification / Recertification cycle start date:	01-04-2024
Subject to the continued satisfactory operation of the organisation's Management System, this certificate expires on:	04-01-2028

Certificate No.: VN011814

Version: 1

Issue date: 01-04-2024



0008

Luu Thi Mai Huong - Certification Manager
Signed on behalf of BVCH SAS UK Branch

Certification Body Address: 5th Floor, 66 Prescot Street, London, E1 8HG, United Kingdom

Local Office: No. 36-38 Nguyen Van Troi Street, Ward 15, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Further clarifications regarding the scope and validity of this certificate, and the applicability of the management system requirements, please call: +E4 28 3812 2246.

UKAS Certificate Template Single Site Rev.4.1

1/1

28 Aug 2023

Hải Phòng, ngày 12 tháng 11 năm 2012

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 1034/GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH dầu nhờn IDEMITSU Việt Nam..

- Địa chỉ: lô CN5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

2. Được phép xây dựng công trình theo những nội dung sau:

2.1. Tên công trình: Nhà máy sản xuất, pha chế các loại dầu bôi trơn.

2.1. Vị trí xây dựng: Lô CN5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

2.3. Cao độ nền xây dựng công trình: $\geq +5,00$ m (Cao độ Hải đồ).

2.4. Chỉ giới đường đỏ: Trùng với chỉ giới giao đất.

2.5 Chỉ giới xây dựng: Lùi tối thiểu 6 m so với chỉ giới đường đỏ khi tiếp giáp với đường nội bộ Khu công nghiệp và lùi tối thiểu 5 m so với chỉ giới đường đỏ khi tiếp giáp với lô đất bên cạnh.

2.7. Các hạng mục công trình xây dựng:

(1) Nhà máy sản xuất: Diện tích xây dựng (DTXD) 8.892 m²; Tổng diện tích sàn (TDTs) 19.534,08 m²; Chiều cao công trình (CCCT) 22,24 m; Số tầng (ST) 04 tầng. (2) Nhà văn phòng (bao gồm cả tiền sảnh): DTXD 810,48 m²; TDTs 1.516,33 m²; CCCT 14 m; ST 02 tầng. (3) Nhà ăn: DTXD 377,26 m²; TDTs 377,26 m²; CCCT 6 m; ST 01 tầng. (4) Khu xuất hàng: DTXD 600,5 m²; TDTs 600,5 m²; CCCT 4,47 m; ST 01 tầng. (5) Khu vực dỡ hàng (tập kết hàng): DTXD 368,3 m²; TDTs 368,3 m²; CCCT 4,47 m; ST 01 tầng. (6) Phòng điện và trạm biến áp: DTXD 123,08 m²; TDTs 123,08 m²; CCCT 5,99 m; ST 01 tầng. (7) Trạm cân 60 tấn: DTXD 72,7 m². (8) Phòng máy nén khí: DTXD 76,04 m²; TDTs 76,04 m²; CCCT 5,94 m; ST 01 tầng. (9) Phòng bơm, bể FO và bể FFFW (tổng 700 m³): DTXD 218,74 m²; CCCT: 5,04 m. (10) Nhà đặt nồi hơi: DTXD 115,4 m²; TDTs 115,4 m²; CCCT 5,97 m; ST 01 tầng. (11) Nhà bảo vệ: DTXD 23,6 m²; TDTs 23,6 m²; CCCT 3,6 m; ST 01 tầng. (12) Cổng, tường rào, biển hiệu 1020,7 m cao 2,5m. (13) Nhà để xe ô tô cho khách: DTXD 165 m²; TDTs 165 m²; CCCT 3,16 m; ST 01 tầng. (14) Khu để xe cho nhân viên: DTXD 1128,9 m². (15) Khu tập kết rác: DTXD 150 m²; (16) Khu sửa chữa: DTXD 80 m²; (17) Cột cờ: DTXD: 9 m²; CCCT 8,2 m. (18) Bể phốt (30 m³): DTXD 40,3 m². (19) Nhà kiểm tải: DTXD 22,75 m²; TDTs 22,75 m²; CCCT 4,18 m; ST 01 tầng. (20) Bể tách dầu đặt ngầm: 02 bể (100 m³/bể), DTXD 27,97 m²/bể. (21) Khu vực xe container: DTXD 710,5 m²; TDTs 710,5 m²; CCCT 8,5 m; ST 01 tầng. (22) Hồ dầu (vị trí cạnh khu vực xe container, nằm ngoài khu vực bồn dầu 2): 01 bể 3 m³, DTXD 3,02 m². (23) Khu vực bồn dầu 1 (Tổng DTXD 3977,86 m²): 03 bồn 350 tấn; 02 bồn 585 tấn; 02 bồn 1000 tấn; 04 bồn 2.000 tấn; 03 bồn 73 tấn; 01 hồ dầu 3 m³, dè bao chống tràn cao 0,8 m, rộng 0,15 m, dài 310,15 m; nền quanh các bể. (24) Khu vực bồn dầu 2 (Tổng DTXD 932,16 m²): 01 bồn 172 tấn; 04 bồn 75,3 tấn; 04 bồn 85,7 tấn; 01 hồ dầu 3 m³; dè bao chống tràn cao 0,5 m, rộng 0,15 m, dài 168,0 m; nền quanh các bể. (25) Khu vực bồn dầu 3 (Tổng DTXD 656,07 m²): 01 bồn 92,5 tấn; 01 bồn 173,5 tấn; 01 bồn 250 tấn; 01 hồ dầu 3 m³; dè bao chống tràn cao 0,5 m, rộng 0,15 m, dài 154,45 m; nền quanh các bể. (26) Giá đỡ đường ống: 409,9 m, cao 3,5 m và 6,7 m.

3. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VP, QHXD.



TRƯỞNG BAN

Phạm Thuyên

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Nghị định số 46/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/3003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 130/2006/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2006 quy định chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 01/ILV-PCCC ngày 10/12/2012 của Công ty TNHH dầu nhờn Idemitsu Việt Nam.

Người đại diện là: Ryuji Kusaka.

Chức danh: Tổng giám đốc.

**SỞ CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY THÀNH PHỐ HÀI PHÒNG
CHỨNG NHẬN**

Công trình: NHÀ MÁY SẢN XUẤT DẦU NHỜN IDEMITSU

Địa điểm: khu công nghiệp Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH dầu nhờn Idemitsu Việt Nam.

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH Maeda Việt Nam.

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

1. Giao thông phục vụ chữa cháy; Khoảng cách an toàn PCCC giữa nhà và công trình;
2. Các giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; Bậc chịu lửa; Hạn nguy hiểm cháy và cháy nổ;
3. Hệ thống công nghệ; Lối thoát nạn; Đèn chiếu sáng sự cố, biển chỉ dẫn thoát hiểm;
4. Hệ thống chống sét; Nối đất an toàn của thiết bị và nối đất chống tĩnh điện;
5. Sơ đồ nguyên lý hệ thống điện từ TBA đến tủ tổng phân phối và đến các tủ điện chiếu sáng, trạm bơm chữa cháy, xưởng sản xuất, văn phòng;
6. Giải pháp thông gió chống tụ khối tự nhiên bằng cửa sổ cho khu sản xuất và kho;
7. Hệ thống báo cháy tự động;
8. Hệ thống chữa cháy tự động bằng bọt Sprinkler cho khu sản xuất và kho;
9. Hệ thống chữa cháy bằng bọt, hệ thống nước làm mát cho bể chứa dầu và cho toàn khu bể chứa;
10. Hệ thống cấp nước chữa cháy; Phương tiện chữa cháy di động.

Theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo:

1. Mỗi cụm van điều khiển hệ thống chữa cháy Sprinkler bằng bọt bảo vệ không qua 90m².
2. Hệ thống nối đất chống tĩnh điện cho thiết bị có chứa chất lỏng cháy phải tách riêng biệt với hệ thống nối đất an toàn của các thiết bị khác.
3. Phải có phương án đảm bảo an toàn trong quá trình thi công công trình.
4. Công trình phải được Sở Cảnh sát PCCC thành phố Hải Phòng công trình nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy trước khi đi vào hoạt động.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Giám đốc Sở; (để báo cáo)
- Lưu: HDPC (TĐ).

Hải Phòng, ngày 22 tháng 12 năm 2012

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Đại tá: *Phạm Việt Dũng*

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

SỐ TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU BẢN VẼ	GHI CHÚ
1.	Giao thông phục vụ chữa cháy	A-01 đến 03	
2.	Khoảng cách an toàn PCCC	A-02, A-EX-01, A-EX-03, 04	
3.	Bậc chịu lửa, hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ	A-04 đến A-17, A-EX-30, 32, 33 A-EX-39 đến A-EX-47 A-EX-50, 52, A-EX-60, 61.	
4.	Lối thoát nạn:	A-04 đến A-07, A-17, A-22 A-23, A-EX-01 đến A-EX-04	
5.	Hệ thống công nghệ	M-PL-TK-01	
6.	Các giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan	A-04 đến A-07, A-17, A-EX-22, A-EX-28, 29, A-EX-37 A-EX-42, A-EX-58 đến A-EX-62, A-EX-01, 03, 04	
7.	Đèn chiếu sáng sự cố, biển chỉ dẫn thoát nạn.	E-02-1 đến E-02-3	
8.	- Sơ đồ nguyên lý hệ thống điện từ tủ điện tổng nhà máy đến tủ điện chiếu sáng, trạm bơm chữa cháy, khu sản xuất. - Hệ thống nối đất an toàn của thiết bị và nối đất chống tĩnh điện.	E-PL-WR-01 đến E-PL-WR-05, E-PL-PG-01	
9.	Hệ thống thông gió chống tụ khói tự nhiên bằng cửa sổ mở và cửa đi.	A-12 đến A-15, A-18	
10.	Hệ thống chống sét	E-PL-PG-01, 02, E-03-1, E-03-2	
11.	Hệ thống báo cháy tự động	E-01-1 đến E-01-6	
12.	Hệ thống chữa cháy tự động bằng bột Sprinkler cho khu sản xuất và kho	M-06, M-17, M-18	
13.	Hệ thống cấp nước chữa cháy	M-06, M-08 đến M-12	
14.	Hệ thống cấp bột chữa cháy cho khu bể dầu.	M-06	
15.	Phương tiện chữa cháy di động	M-13 đến M-16	
16.	Thuyết minh quy trình công nghệ		
17.	Thuyết minh thiết kế kỹ thuật		

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Nghị định số 46/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 130/2006/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2006 quy định chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 130311-ILV ngày 11/3/2012 của Công ty TNHH dầu nhờn Idemitsu Việt Nam.

Người đại diện là: Ryuji Kusaka.

Chức danh: Tổng giám đốc.

**SỞ CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CHỨNG NHẬN**

Công trình: NHÀ MÁY SẢN XUẤT DẦU NHỜN IDEMITSU (ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ)

Địa điểm: khu công nghiệp Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH dầu nhờn Idemitsu Việt Nam.

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Gồm 02 đơn vị thiết kế (Ghi tại trang 2).

Đã được thẩm duyệt về PCCC điều chỉnh các nội dung sau:

1. Bậc chịu lửa khu sản xuất và kho;
 2. Hệ thống báo cháy tự động cho khu sản xuất và kho (bảng đầu báo tia chiếu);
 3. Thiết bị chữa cháy bằng bột cố định thành bể cho bể chứa BT-502, BT-501, BT-101, BT-102, BT-1501, BT-1502, BT-1503, BT-1504 và trụ phun bột bổ trợ khu bể chứa ngoài bể;
 4. Hạng cấp bột chữa cháy vách tường cho khu sản xuất và kho;
 5. Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler cho khu sản xuất và kho (tầng 1);
 6. Máy bơm chữa cháy;
 7. Nguồn nước phục vụ chữa cháy.
- Theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Ghi chú: Nội dung điều chỉnh này thay thế một số nội dung thiết kế đã được Sở Cảnh sát PCCC Hải Phòng thẩm duyệt tại giấy chứng nhận thẩm duyệt số 139/TD-PCCC ngày 22/12/2012.

Các yêu cầu kèm theo:

1. Phải bố trí tối thiểu 4 trụ nước chữa cháy hoặc điểm lấy nước tại bể nước để ít nhất 4 xe chữa cháy hút nước đồng thời và cách bể dầu gần nhất tối thiểu 40 m.
2. Phải lựa chọn chủng loại lăng phun bột phù hợp lắp đặt cố định trên bể dầu để đảm bảo đủ dập tắt đám cháy.
3. Công trình phải được Sở Cảnh sát PCCC thành phố Hải Phòng nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy trước khi đi vào hoạt động

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Giám đốc Sở; (để báo cáo)
- Lưu: HDPC (TD).

Hải Phòng, ngày 04 tháng 6 năm 2013

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đại tá Phạm Việt Dũng

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

SỐ TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU BẢN VẼ	GHI CHÚ
1.	Bậc chịu lửa khu sản xuất và kho	A-11	
2.	Thiết bị chữa cháy bằng bột cố định thành bể cho bể chứa BT-502, BT-501, BT-101, BT-102, BT-1501, BT-1502, BT-1503, BT-1504 và trụ phun bột hỗ trợ khu bể chứa	M-06	
3.	Hệ thống báo cháy tự động cho khu sản xuất và kho (bằng đầu báo tia chiếu)	E-01-1 đến E-01-6	
4.	Hạng cấp bột chữa cháy vách tường cho khu sản xuất và kho	M-11 đến 14	
5.	Hệ thống chữa cháy tự động bằng bột Sprinkler cho nhà xưởng và kho (T1)	M-11	
6.	Máy bơm chữa cháy	M-06	
7.	Nguồn nước phục vụ chữa cháy	M-06	

Ghi chú:

- Công ty TNHH Maeda Việt Nam thiết kế mục 1.
- Cty TNHH thiết bị bảo vệ & phát triển CN cao Khái Hoàn thiết kế mục 2, 3, 4, 5, 6, 7.

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Nghị định số 46/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 130/2006/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2006 quy định chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC của Công ty TNHH dầu nhớt Idemitsu Việt Nam.

Người đại diện là: Ryuji Kusaka.

Chức danh: Tổng giám đốc.

**SỞ CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CHỨNG NHẬN**

Công trình: NHÀ MÁY SẢN XUẤT DẦU NHỜN IDEMITSU (ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ)

Địa điểm: khu công nghiệp Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH dầu nhớt Idemitsu Việt Nam.

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Gồm 02 đơn vị thiết kế (Ghi tại trang 2).

Đã được thẩm duyệt về PCCC điều chỉnh các nội dung sau:

1. Hệ thống họng nước chữa cháy vách tường cho văn phòng;
2. Họng chữa cháy bằng bột cho khu vực thùng phuy kín, khu sản xuất và khu thao tác;
3. Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler cho khu vực để thành phẩm (tầng 1);

Theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Ghi chú: Nội dung điều chỉnh này thay thế một số nội dung thiết kế đã được Sở Cảnh sát PCCC Hải Phòng thẩm duyệt tại giấy chứng nhận thẩm duyệt số 50/TD-PCCC ngày 04/6/2013.

Các yêu cầu kèm theo:

1. Di chuyển họng phun bột tại trục I và L, giao cắt trục 1 ra gần cửa ngoài nhà (tầng 1);
2. Công trình phải được Sở Cảnh sát PCCC thành phố Hải Phòng nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy trước khi đi vào hoạt động

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Giám đốc Sở; (để báo cáo)
- Lưu: HDPC (TD).

Hải Phòng, ngày 04 tháng 8 năm 2013

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đại tá Phạm Việt Dũng

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VÀ PCCC

SỐ TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU BẢN VẼ	GHI CHÚ
1.	Phân chia khu vực	A-04	
2.	Hạng nước vách tường cho văn phòng.	M-06, 08, 09, 10	
3.	Hạng chữa cháy bằng bột cho khu sản xuất, kho	M-06, 08, 11 đến 14	
4.	Hệ thống chữa cháy tự động bằng bột Sprinkler.	M-06, 11	

Ghi chú: - Công ty TNHH Maeda Việt Nam thiết kế mục 1;
- Công ty TNHH Takasago Việt Nam thiết kế mục 2, 3, 4.

**BỘ CÔNG AN
SỞ CẢNH SÁT PCCC TP HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1760 /SCSPCCC-HĐPC

V/v nghiệm thu về PCCC

Hải Phòng, ngày 23



Kính gửi: Công ty TNHH dầu nhờn Idemitsu Việt Nam

Căn cứ công văn ghi ngày 15/10/2013 của Công ty TNHH dầu nhờn Idemitsu Việt Nam gửi Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hải Phòng về việc đề nghị nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với Công trình: Nhà máy sản xuất dầu nhờn Idemitsu.

Căn cứ hồ sơ hoàn công, biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC ngày 17/8/2013, ngày 01/10/2013 và ngày 21/10/2013 của Phòng Hướng dẫn về phòng cháy - Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hải Phòng.

Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hải Phòng đồng ý nghiệm thu về PCCC:
Công trình: Nhà máy sản xuất dầu nhờn Idemitsu.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH dầu nhờn Idemitsu Việt Nam.

Địa điểm xây dựng: Khu công nghiệp Đình Vũ, quận Hải An, TP Hải Phòng.

Các hạng mục nghiệm thu về PCCC gồm:

- Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ; Bậc chịu lửa;
- Giao thông cho xe chữa cháy; Khoảng cách an toàn PCCC;
- Các giải pháp ngăn cháy và chống cháy lan;
- Lối thoát nạn; Đèn chiếu sáng sự cố, biển chỉ dẫn thoát nạn;
- Sơ đồ nguyên lý cấp điện; Hệ thống chống sét;
- Hệ thống chống tĩnh điện cho bồn chứa, đường ống công nghệ;
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chữa cháy bằng nước; Hệ thống nước làm mát mạch vòng trên thành bể;
- Thiết bị chữa cháy cố định thành bể cho bể chứa BT-1001, BT-1002, BT-1501, BT-1502, BT-1503, BT-1504 và trụ phun bọt bề trợ khu bể chứa ngoài bể;
- Hạng cấp bọt chữa cháy vách tường cho khu sản xuất và kho;
- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng bọt cho vực để thành phẩm và khu nguyên liệu đầu vào;
- Phương tiện chữa cháy xách tay.

Yêu cầu:

1. Các cửa nhà xưởng sản xuất luôn mở khi có người làm việc bên trong;
2. Không được bố trí hàng hoá, vật tư tài sản dễ cháy làm kho hoặc nơi sản xuất ở khu vực phân chia cố định không có hệ thống chữa cháy tự động;
3. Chủ đầu tư phải thực hiện đầy đủ các điểm kiểm nghiệm trong biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC của Phòng Hướng dẫn về phòng cháy - Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hải Phòng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐPC(TD).

05-11-2013

Số chứng thực: 6092

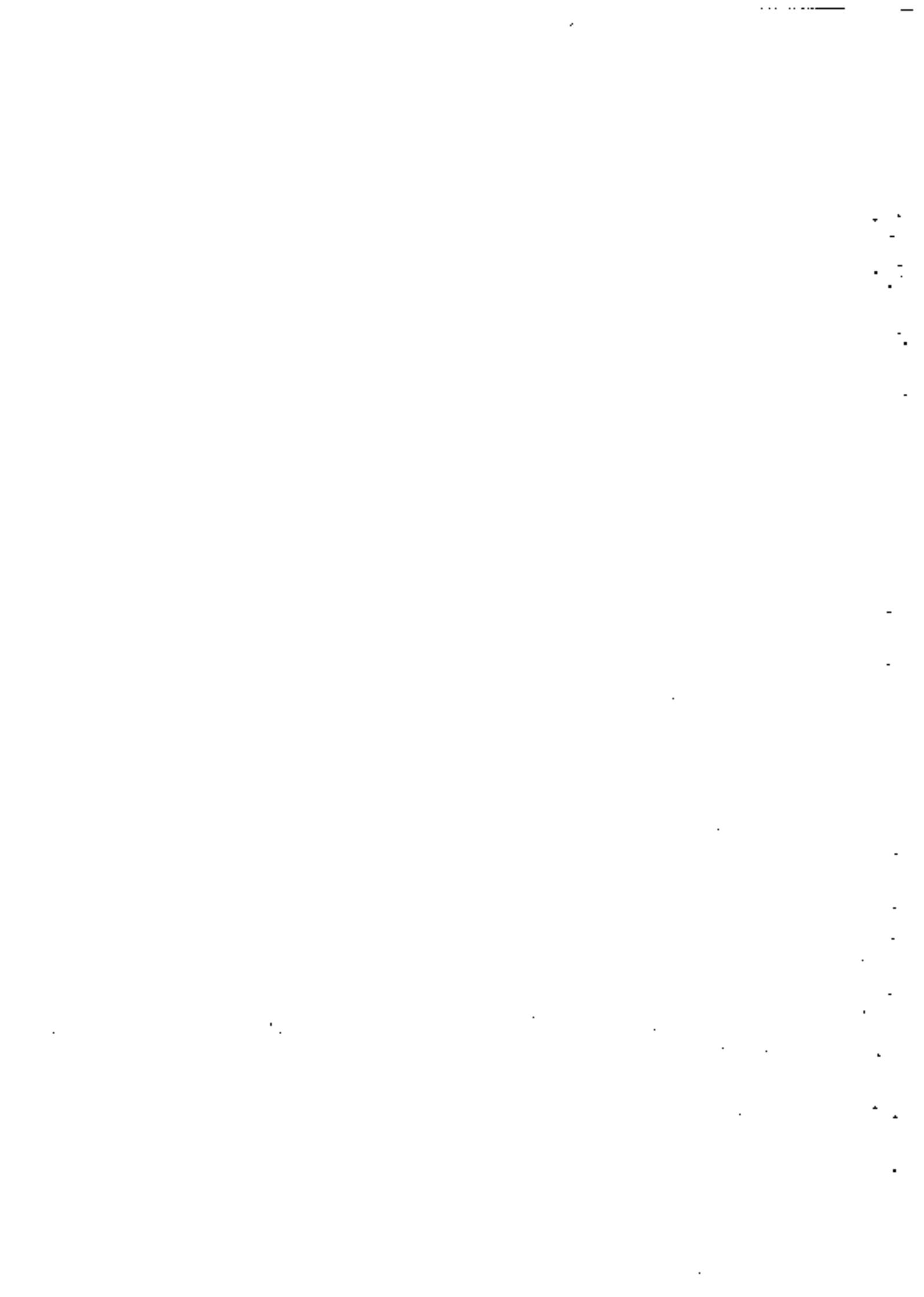
CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ CHỮ

GIÁM ĐỐC



Đại tá Lê Quốc Trân

KÝ CHỮ TỊCH
KẾ CHỮ TỊCH



Số: **3293**/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **30** tháng **M** năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty TNHH Dầu nhờn IDEMITSU Việt Nam tại Lô CN5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CHI CỤC BANHD HP	THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CÔNG VĂN BẢN	
SỐ: 3293	
NGÀY: 30/11/2017	
NGƯỜI CHỨC DUYỆT	CT/PH
CT	
CCT.LÃNG	
CCT.TRIỆU	
HCTH	
BAND	<input checked="" type="checkbox"/>
TTV&BCH	

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;
Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21/6/2012;
Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 08/7/2015;
Căn cứ Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu;
Căn cứ Quyết định số 63/2014/QĐ-TTg ngày 11/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu ban hành kèm theo Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14/01/2013;

Căn cứ Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 13/3/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Đề cương hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cho các cơ sở trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 409/2016/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về trình tự lập, thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 192/QĐ-UB ngày 17/4/2017 của Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn phê chuẩn Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và bản đồ nhạy cảm thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2244/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Hội đồng thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty TNHH Dầu nhờn IDEMITSU Việt Nam tại Lô CN5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An;

Xét nội dung Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được Công ty TNHH Dầu nhờn IDEMITSU Việt Nam chỉnh sửa, bổ sung tại Văn bản số 05/ILV/QAC_2017 ngày 16/10/2017;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 700/TTr-STN&MT ngày 27/10/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty TNHH Dầu nhờn IDEMITSU Việt Nam tại Lô CN5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An.



Điều 2. Công ty TNHH Dầu nhờn IDEMITSU Việt Nam có trách nhiệm thực hiện các nội dung trong Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được duyệt.

1. Thực hiện đúng các quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2014, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015, Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu, Quyết định số 63/2014/QĐ-TTg ngày 11/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu, Quyết định số 192/QĐ-UB ngày 17/4/2017 của Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn phê chuẩn Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và bản đồ nhạy cảm thành phố Hải Phòng và các quy định pháp luật khác liên quan.

2. Thực hiện những yêu cầu bắt buộc sau đây:

a) Gửi Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định này tới các Sở, ngành nêu tại Điều 4.

b) Công tác phòng ngừa sự cố:

- Bố trí nhân lực, trang thiết bị kỹ thuật theo đúng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được phê duyệt;

- Thực hiện việc đào tạo, tập huấn, diễn tập theo thời gian quy định trong Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được phê duyệt;

- Thường xuyên kiểm tra công nghệ, quy trình vận hành, trang thiết bị, máy, phương tiện vận chuyển, những nơi có nguy cơ gây sự cố tràn dầu;

- Thực hiện kế hoạch đầu tư, mua sắm các trang, thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu cần thiết để đảm bảo công tác ứng phó tại chỗ.

c) Công tác ứng phó khi xảy ra sự cố:

- Triển khai ngay các biện pháp ứng phó sự cố tràn dầu đã được phê duyệt;

- Khi xảy ra sự cố tràn dầu vượt quá tầm kiểm soát, Công ty phải báo ngay về Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố và các cơ quan có liên quan theo quy định;

- Trường hợp có thay đổi cấp và mức độ tràn dầu phải lập lại Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

d) Công tác đánh giá, xác định và giải quyết bồi thường thiệt hại:

- Phối hợp với các Sở, ngành chức năng có liên quan để xác định đối tượng, nguyên nhân gây ra sự cố, mức độ thiệt hại đến môi trường, giám định thiệt hại, tính toán chi phí và giải quyết bồi thường thiệt hại theo quy định;

- Chịu trách nhiệm thanh toán mọi chi phí liên quan đến khắc phục hậu quả.

e) Công tác tập huấn, diễn tập, báo cáo:

- Thực hiện chế độ báo cáo về tình hình thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được phê duyệt về Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố và Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Tổ chức tập huấn, diễn tập và triển khai Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

Điều 3. Giao nhiệm vụ cho các Sở, ngành, đơn vị liên quan.

1. Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn



thành phố, Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu Khu vực miền Bắc căn cứ Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty TNHH Dầu nhờn IDEMITSU Việt Nam đã được phê duyệt và các qui định pháp luật hiện hành chủ động bố trí, điều động lực lượng, phương tiện để ứng phó sự cố tràn khi xảy ra sự cố vượt tầm quyền soát của Công ty.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy thành phố; Công an thành phố; Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng, Ủy ban nhân dân quận Hải An cùng các ngành, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội dung trong Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty TNHH Dầu nhờn IDEMITSU Việt Nam đã được phê duyệt.

- Xác nhận vào mặt sau trang phụ bìa Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu Công ty TNHH Dầu nhờn IDEMITSU Việt Nam theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân quận Hải An căn cứ Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được phê duyệt và các qui định pháp luật liên quan tiếp nhận thông tin về sự cố tràn dầu, thông báo cho các cơ quan, đơn vị và người dân trên địa bàn những vùng, khu vực bị ảnh hưởng hoặc có khả năng bị ảnh hưởng về sự cố tràn dầu để chủ động ứng phó. Triển khai lực lượng tại địa phương để phối hợp ứng cứu, khắc phục hậu quả và tham gia xác định thiệt hại, giải quyết hậu quả khi có sự cố tràn dầu xảy ra theo qui định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng ban Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố; Giám đốc các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy thành phố; Công an thành phố; Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng; Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu Khu vực miền Bắc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Hải An; Chi Cục trưởng các Chi cục: Thủy lợi và Phòng chống thiên tai, Bảo vệ môi trường, Biển và Hải đảo; Giám đốc Công ty TNHH Dầu nhờn IDEMITSU Việt Nam, Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Tổng cục MT;
- Chủ tịch
- PCT Phạm Văn Hà;
- Như Điều 4;
- CVP, PCVP Bùi Bá Sơn;
- Các phòng NNTNMT, KTGSTĐKT;
- CV: MT, CT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hà

QUYẾT ĐỊNH/ DECISION

**Ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất
Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam**

***IMPLEMENTING PREVENTIVE MEASURES AND RESPONDING TO
CHEMICAL INCIDENTS.
IDEMITSU LUBE VIETNAM CO., LTD***

- Căn cứ Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 21 tháng 11 năm 2007, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2008;

Based on the Chemical Law No. 06/2007/QH12 issued by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 21, 2007, effective from July 1, 2008;

- Căn cứ Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính Phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

Based on Decree No. 113/2017/NĐ-CP dated October 9, 2017, of the Government detailing and guiding the implementation of some articles of the Chemical Law;

- Căn cứ Thông tư 32/2017/TT-BCT Hướng dẫn thi hành nghị định 113/2017/NĐ-CP và một số điều trong Luật hóa chất;

Based on Circular 32/2017/TT-BCT guiding the implementation of Decree 113/2017/NĐ-CP and some articles in the Chemical Law;

- Căn cứ Nghị định 82/2022/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định 113 /2017/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất;

Based on Decree 82/2022/NĐ-CP amending and supplementing some articles of Decree 113/2017/NĐ-CP detailing and guiding the implementation of some articles of the Chemical Law;

- Căn cứ Thông tư 17/2022/TT-BCT sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 32/2017/TT-BCT quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất và nghị định số 113/2017/NĐ-CP

Based on Circular 17/2022/TT-BCT amending and supplementing some articles of Circular 32/2017/TT-BCT detailing and guiding the implementation of some articles of the Chemical Law and Decree No. 113/2017/NĐ-CP;

- Căn cứ Nghị định 17/2022/NĐ-CP Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm



và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí;

Based on Decree 17/2022/NĐ-CP amending and supplementing some articles of the decrees on administrative sanctions in the field of chemicals and industrial explosives; electricity, safety of hydropower dams, energy-saving and efficient use; commercial activities, production, sale of counterfeit goods, banned goods and consumer rights protection; petroleum activities, petroleum and gas business;

- Căn cứ Quyết định 26/2016/QĐ-TTg - Ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố hóa chất độc

Based on Decision 26/2016/QĐ-TTg - Issuing the Regulation on response to toxic chemical incidents;

- Căn cứ QCVN 05A:2020/BCT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản, và vận chuyển hóa chất nguy hiểm

Based on QCVN 05A:2020/BCT: National technical regulation on safety in production, business, use, preservation, and transportation of dangerous chemicals.

- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT Thông tư hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành;

Based on Circular 02/2022/TT-BTNMT, a guide to the Environmental Protection Law issued by the Minister of Natural Resources and Environment;

- Căn cứ Thông tư số 19/2011/TT-BYT ngày 6/6/2011 Hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động, sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp;

Based on Circular No. 19/2011/TT-BYT dated June 6, 2011, guiding the management of occupational hygiene, workers' health, and occupational diseases.

QUYẾT ĐỊNH/ DECISION:

Điều 1/ Article 1:

Ban hành kèm theo Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

Issued together with the Preventive Measures and Response to Chemical Incidents

Điều 2/ Article 2:

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25/07/2024

This decision takes effect from the date 25/07/2024

Điều 3/ Article 3:

Toàn thể cán bộ công nhân viên công ty, giám sát, trưởng phòng, các cấp quản lý chịu thi hành Quyết định này./.

All members of company, supervisors, department heads, and managers are responsible for implementing this decision./.

Nơi nhận/ Recipient:

- Như Điều 4 (để thực hiện);

As article 4 to implement

- Lưu: QAC

Kept at QAC dept.



Công ty TNHH Dầu nhờn
Idemitsu Việt Nam

Số/No: 01/CV-ILV-HSE/2024

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày/date 25 tháng/month 07 năm/year 2024

Kính gửi: Sở Công Thương thành phố Hải Phòng
Dear: Department of Industry and Trade in Hai Phong City

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Dầu Nhờn Idemitsu Việt Nam.

Name of company: **IDEMITSU LUBE VIETNAM CO., LTD**

Địa chỉ công ty: Khu đất CN5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Add: Land plot CN5.2E, Dinh Vu IZ, Dong Hai 2 ward, Hai An Dis, Hai Phong, Viet Nam

Điện thoại/ Tel: +84 2253.246.508 Fax: 02253.246.509. E-mail: ilvqac@idemitsu.com

Gửi đến Sở Công Thương Thành phố Hải Phòng Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

To the Department of Industry and Trade of Hai Phong City, Preventive Measures and Response to Chemical Incidents.

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định của Luật hóa chất, Nghị định 113/2017/NĐ-CP hướng dẫn Luật hóa chất; Nghị định 82/2022/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 113/2017/NĐ-CP hướng dẫn Luật Hóa chất và các quy định pháp luật khác có liên quan.

The company pledges to fully implement the regulations on prevention and response to chemical incidents as stipulated by the Chemical Law, Decree 113/2017/ND-CP guiding the Chemical Law; Decree 82/2022/ND-CP amending Decree 113/2017/ND-CP guiding the Chemical Law and other relevant legal regulations.

Xin gửi kèm theo/ Please find attached:

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: 01 bản.

Preventive Measures and Response to Chemical Incidents: 01 file.

- Quyết định ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: 01 bản

Decision to issue Preventive Measures and Response to Chemical Incidents: 01 file.

Nơi nhận/ Recipient:

-Sở Công Thương thành phố Hải Phòng

Department of Industry and Trade in Hai Phong City

-Lưu: QAC

Kept at QAC Dept

SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	
ĐẾN	Số:.....
	Ngày: 26/2/2024
Chuyển:.....	
Số và ký hiệu HS:.....	



TỔNG GIÁM ĐỐC
HISASHI TAYA

ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH TÀI CHẾ

Xuất file

Tỷ lệ

16. Kế hoạch | 1. Bảng góp HHTTC | 9. Quy cách SP, BB ghi tài chế | 10. Khối lượng SP, BB

BẢN KÊ KHAI Số tiền đóng góp hỗ trợ tài chế năm 2024

Kính gửi: Quý Ban và các trường Việt Nam

Tên của đơn vị, cấp trên: Công ty TNHH Đào tạo Kế toán Việt Nam

Ngành địa điểm thực pháp luật: HISASHIYAMA

Địa chỉ: Khu đất CNS-DE, KCN Đình Vũ, P. Đình Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

Mã số thuế: 0301275461

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Điện thoại:

Email: EVAccounting@vietnam.com

TT (1)	Tên sản phẩm, hàng hóa (2)	Đơn vị tính (3)	Số tiền đóng góp tài chính năm 2024				Số tiền chính sách ghi thực số và kê khai của năm 2023					Tổng số tiền phải đóng góp (13)=(7)-(12)
			Khối lượng sản phẩm, hàng hóa thực số năm 2023 (4)	Tỷ lệ tài chế tại hoặc năm 2024 (5)	Định mức chi phí tài chế năm 2024 (6)	Số tiền (7)=(4)x(5)x(6)	Chính sách		Tỷ lệ tài chế tại hoặc năm 2023 (10)	Định mức chi phí tài chế năm 2023 (11)	Số tiền (9)=(8)x(11)	
							Khối lượng sản phẩm, hàng hóa kê khai năm 2023 (8)	Khấu hao của phần tài chế năm 2023 (9)=(8)-(8)				
1	C.1.1 Dấu nhốt cho đóng cơ	kg	17700014.780	0.15	0	0.4	0	0	-	-	0	0.4
Tổng số tiền phải đóng góp: 0.4												

Tại địa điểm:

Bản kê khai đính trực sản phẩm, hàng hóa sản xuất đơn vị địa phương trong năm 2023 (Như sau đây): theo Mẫu số 07 Phụ lục IX

Bản kê khai đính trực sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu trong năm 2023 (Như nhập khẩu): theo Mẫu số 08 Phụ lục IX

Bản kê khai quy cách sản phẩm, hàng hóa tài chế năm 2023: theo Mẫu số 09 Phụ lục IX

Bản kê khai tổng hợp khối lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2023: theo Mẫu số 10 Phụ lục IX.

(Tôi/Chúng tôi, đơn vị) cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, số liệu tài liệu trong Bản kê khai này.

Địa điểm, ngày ... tháng ... năm ...

Người đại diện theo pháp luật

(Chữ ký, đóng dấu)

Mã số thuế

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

WASTE GATHERING SERVICE CONTRACT

No: ILV/UrencoHP/CON-EN-VN-2022

- Pursuant to Civil Code No. 91/2015/QH13 passed by the National Assembly of Vietnam on 24/11/2015;
- Pursuant to the Law on Environmental Protection No. 55/2014/QH13 dated June 23, 2014 of the 13th National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;
- Pursuant to the Prime Minister's Decree No. 38/2015/ND-CP dated April 24, 2015 on waste and scrap management;
- Based on the enterprise registration certificate of Hai Phong Urban Environment Co., Ltd. for the 4th change on July 24, 2017;
- Based on two parties' capacity and demand.

Today, on /01/2022, we undersigned:

URBAN ENVIRONMENT COMPANY

Representative: Mrs. **Pham Thi Thu An**
Title: Vice General Director
Address: No. 01 Ly Tu Trong, Minh Khai Ward,
Hong Bang District, Haiphong
Tel: (0225) 3 569 597
Account No.: 2112 201 022 230
at Agribank – Haiphong East branch

Tax code: 0200149536

Herein after referred to as "Party A" or
"Service supplier"

IDEMITSU LUBE VIETNAM COMPANY LIMITED

Represented by: Mr. **YASUDA TAKUYA**
Address: Land Lot CN5.2E, Dinh Vu Industrial Zone,
Dong Hai 2 Ward, Hai An District, Hai Phong City,
Vietnam;
Telephone: 0225. 3246 508;
Bank Account No.: 0031 00 666 8888 (VND)
at Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade
of Vietnam – Hai Phong Branch;
Tax code: 020 127 5452
Herein after referred to as "Party B" or "Service user"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ THU GOM RÁC

Số: ILV/UrencoHP/CON-EN-VN-2022

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014 của Quốc hội khóa XIII nước Cộng hòa XHCN Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định 38/2015/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 24/04/2015 quy định về quản lý chất thải và phế liệu;
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 24 tháng 7 năm 2017;
- Căn cứ nhu cầu và năng lực của hai bên.

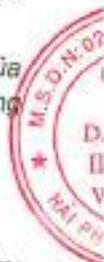
Hôm nay, ngày tháng 01 năm 2022, chúng tôi gồm:

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HẢI PHÒNG

Người đại diện: Bà **Phạm Thị Thu An**
Chức danh: Phó Tổng Giám đốc
Địa chỉ: Số 01 Lý Tự Trọng, P. Minh Khai,
Q. Hồng Bang, Hải Phòng
Điện thoại: (0225) 3 569 597
Số tài khoản: 2112 201 022 230
tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn
Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng
Mã số thuế: 0200149536
Sau đây được gọi là "Bên A" hay "Bên cung cấp dịch
vụ vệ sinh"

CÔNG TY TNHH DẦU NHỜN IDEMITSU VIỆT NAM

Đại diện: Ông **YASUDA TAKUYA**
Địa chỉ: Khu đất CN5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ,
Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải
Phòng, Việt Nam;
Điện thoại: 0225. 3246 508;
Tài khoản số: 0031 00 666 8888 (VND)
tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam –
chi nhánh Hải Phòng;
Mã số thuế: 020 127 5452
Sau đây được gọi là "Bên B" hoặc "Bên sử dụng dịch
vụ vệ sinh"



Two parties agree to enter this contract to collect, transport and treat domestic waste of companies in with the following contractual terms and conditions:

Article 1: Contents:

Party A agrees to provide and Party B agrees to use waste collection, transportation and treatment services.

Waste composition: ordinary solid waste (does not contain hazardous components).

Location: the city's centralized processing area managed by Party A.

Article 2: Quantity

The measurement unit of quantity of collection and treatment of domestic waste is cubic meter (m^3).

Quantity measurement method: capacity of containers (equipment, means of transport) agreed by two parties according to the capacity of manufacturers.

Article 3: Waste collection time and place

Collection time: Domestic waste is collected at each company three times per week (on every Monday, Wednesday and Friday).

When there is a large volume of party B, it is required to give 02 days' notice to party A.

Collection location: At the headquarters of Party B (Land Lot CN5.2E, Dinh Vu Industrial Zone, Dong Hai 2 Ward, Hai An District, Hai Phong City, Vietnam).

Article 4: Contract value

Service charge for collecting, transporting and treating domestic waste as follows:

a. If the volume of waste $\leq 7m^3$ /month, the lump sum service charge for collecting, transporting and treating domestic waste is VND2,000,000/month (Two million Vietnamese dong only), *exclusive of VAT*

b. If the volume of waste $> 7m^3$ /month, the service charge will be calculated by the actual collected volume (KLTT)

+ KLTT is the actual volume of waste collected, transported and treated which was confirmed by Parties in the signed minutes of volume confirmation. Base on such minutes, Party A shall issue invoice to Party B.

+ Unit price of service charge for collecting,

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng

Bên A đồng ý cung cấp và bên B đồng ý sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

Thành phần chất thải: chất thải rắn thông thường (không chứa thành phần nguy hại).

Địa điểm xử lý: khu xử lý tập trung của thành phố do bên A quản lý.

Điều 2: Khối lượng dịch vụ.

Khối lượng vận chuyển - xử lý chất thải được lấy đơn vị đo là: m^3 .

Phương pháp xác định khối lượng là: Dung tích các dụng cụ chứa đựng (thiết bị, phương tiện vận chuyển) mà 2 bên nhất trí sử dụng theo dung tích xác định của nhà sản xuất.

Điều 3: Thời gian và địa điểm thu gom.

Thời gian thu gom: rác thải sinh hoạt sẽ được thu gom tại mỗi doanh nghiệp 3 lần trong tuần (vào thứ 2, thứ 4 và thứ 6 hàng tuần).

Khi có khối lượng lớn bên B phải báo trước 02 ngày cho bên A.

Địa điểm thu gom: Tại trụ sở của Bên B (Khu đất CN5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam).

Điều 4: Giá trị hợp đồng.

Chi phí vận chuyển - xử lý rác thải sinh hoạt cụ thể như sau:

a. Nếu khối lượng rác thải $\leq 7m^3$ /tháng, chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt và công nghiệp thông thường khoán gọn 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng chẵn một tháng), *chưa bao gồm GTGT*.

b. Nếu khối lượng rác thải $> 7m^3$ /tháng, chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sẽ tính theo khối lượng thực tế hàng tháng (KLTT).

+ KLTT là khối lượng rác thải được thu gom, vận chuyển, xử lý thực tế hàng tháng và được hai bên xác nhận từng đợt thi công bằng biên bản xác nhận khối lượng. Căn cứ vào khối lượng thống nhất trong biên bản, bên A sẽ xuất hoá đơn cho bên B.

+ Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải là:

transporting and treating is VND 324,000/m³.

+ Contract value: KLTT x 324,000VND/m³

At the end of each month, Party A shall send Party B the volume confirmation minutes (signed by both of Parties) to be the basis of payment.

Special change in price and other issues relating to this Contract shall be discussed by two parties during contract execution.

Two parties will together discuss to reach an agreement in case of any special price fluctuation which affect the unit price of the Contract. The new unit price will not be applied until it is agreed in writing by two parties.

Article 5: Payment conditions and payment method

Every month, after completing the workload under the contract, Party A provides the financial unit as prescribed and the Confirmation of waste volume in the month signed by both parties.

Party A shall submit to Party B the legal invoice on the 26th to 28th of the month. Payment shall be paid by Party B to Party A within 10 working days after receiving duly legal invoice and waste collection reports.

Method of payment: bank transfer

Article 6: Rights and Responsibilities

324.000 đồng/m³. (Giá trên đã bao gồm VAT)

+ Giá trị hợp đồng: KLTT x 324.000 đồng/m³

Vào cuối mỗi tháng bên A gửi cho bên B biên bản bàn giao chất thải rắn sinh hoạt (có xác nhận của cả hai bên) để làm cơ sở thanh toán

Các biến động đặc biệt về giá sẽ được hai bên thảo luận trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

Trường hợp có biến động đặc biệt về giá làm ảnh hưởng đến đơn giá của Hợp đồng thì hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc thống nhất. Đơn giá mới chỉ được áp dụng khi hai bên thống nhất bằng văn bản.

Điều 5: Điều kiện và phương thức thanh toán.

Hàng tháng, sau khi hoàn thành khối lượng công việc theo hợp đồng, Bên A cung cấp hóa đơn tài chính theo quy định và Biên bản xác nhận khối lượng rác thải trong tháng có chữ ký của hai bên.

Bên A sẽ gửi hóa đơn hợp lệ cho bên B vào ngày 26 đến 28 hàng tháng, Bên B thanh toán cho bên A trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hóa đơn và biên bản xác nhận khối lượng rác thải.

Hình thức thanh toán: chuyển khoản.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của hai bên.

1. Party A:

- Request Party B to contain and collect waste in accordance with the requirements of technical standards, at the specified location, without causing environmental pollution.
- Request Party B to overcome obstacles so that Party A can quickly and smoothly collect, excavate, transport and treat waste.
- Stop providing the service if Party B does not fully pay the cost of collecting, transporting, treating waste or waste components not in accordance with the signed contract.
- Ensure to provide waste collection, transportation and treatment services to Party B.
- When service is discontinued due to an incident, must be notified to Party B within 24 hours by phone or other means of communication.
- To take responsibilities for the safety of their staff and means of transport during the collection, transport and treatment of domestic waste.
- Party A sends full valid red invoices and volume confirmation minutes (original) to Party B monthly.
- Receive and handle the recommendations and requests of Party B on issues related to the provision of environmental services as agreed in this contract and in accordance with current regulations.
- Other obligations as prescribed by law.

2. Party B:

- Request Party A to mobilize the means of transport to Party B's waste collection and storage location at the time required by Party B to collect, transport and treat waste.
- Store garbage and waste in hygienic tools according to regulations.
- In case of abnormal volume of garbage, Party B is responsible for notifying Party A 02 days in advance. Party A is responsible for sending people and arranging vehicles to collect.
- Signing the report on the waste volume of each month on the 25th every month.
- To make full payment of service charge in a timely manner
- Other obligations as prescribed by law.

Article 7: Contract term

- This contract is valid as of 01/01/2022 until 31/12/2022 (inclusive of both days)

1. Bên A:

- Yêu cầu bên B chứa đựng, tập kết chất thải đúng theo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, đúng vị trí quy định, không gây ô nhiễm môi trường.
- Yêu cầu bên B khắc phục các trở ngại để bên A thực hiện công việc thu gom, xúc, vận chuyển và xử lý chất thải được nhanh chóng, thuận lợi.
- Ngừng cung cấp dịch vụ nếu bên B không thanh toán đầy đủ chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải hoặc thành phần chất thải không đúng như hợp đồng đã ký kết.
- Đảm bảo cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải cho bên B.
- Khi ngừng cung cấp dịch vụ vì lý do sự cố, phải thông báo cho bên B trong vòng 24 giờ bằng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin khác.
- Chịu trách nhiệm về an toàn lao động cho nhân viên, phương tiện khi thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt
- Bên A gửi đầy đủ hóa đơn đỏ hợp lệ và Biên bản xác nhận khối lượng (bản gốc) cho bên B hàng tháng.
- Tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị, yêu cầu của bên B về các vấn đề liên quan đến việc cung cấp dịch vụ môi trường đã được thỏa thuận tại hợp đồng này và theo các quy định hiện hành.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

2. Bên B

- Yêu cầu bên A đưa phương tiện vận chuyển đến địa điểm tập kết, lưu giữ chất thải của bên B vào thời gian theo yêu cầu của bên B để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.
- Chứa đựng rác và chất thải vào các dụng cụ hợp vệ sinh theo đúng quy định.
- Trong trường hợp khối lượng rác phát sinh bất thường thì bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A trước 02 ngày. Bên A có trách nhiệm cử người và bố trí phương tiện đến thu gom.
- Ký xác nhận khối lượng chất thải rắn sinh hoạt tháng vào ngày 25 hàng tháng
- Thanh toán tiền dịch vụ vệ sinh đầy đủ Thanh toán tiền dịch vụ vệ sinh đầy đủ và đúng hạn theo hợp đồng.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 7: Thời hạn hợp đồng.

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022 (bao gồm cả hai ngày này)

Article 8: Contract termination and renewal

This contract shall be terminated in the following cases:

- Either party breaches the contract
- Either party requests in writing for contract termination within 30 days.
- This contract will be renewed annually from the expiration date until notice of termination.

Article 9: Other terms and conditions

This Contract is made basing on the agreements between two parties. In the execution, if there is any difficulty preventing either party from contract execution, the other party must be promptly informed so that two parties can together deal with the problem in a cooperative spirit. Any adjustment will be discussed and written down in Contract Addendum. Contract Addendum is an integral part of this Contract.

If the dispute cannot be settled by two parties, it will be decided by the Vietnam International Arbitration Center (VIAC) according to the arbitration rules of this center. The place of arbitration shall be in Ha Noi, Vietnam. The language of arbitration shall be Vietnamese. The decision of the arbitration center is the final conclusion. Arbitration costs and other related administrative costs will be covered by the losing Party.

If there is any inconsistency or conflict between the English and Vietnamese versions, the Vietnamese version shall be valid.

Article 10: Implementation

Two parties commits to strictly comply with contractual terms and conditions and inform each other of contract execution on a regular basis.

This contract is made into two (02) copies in English and Vietnamese language. Each party shall keep one (01) copy for execution.

REPRESENTATIVE OF PARTY A

ĐẠI DIỆN BÊN A



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Thu Hoa

Điều 8: Chấm dứt và gia hạn Hợp đồng

Hợp đồng này được chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Khi một trong hai bên vi phạm hợp đồng;
- Khi có đề nghị chấm dứt Hợp đồng của một hoặc hai bên bằng văn bản trong vòng 30 ngày.
- Hợp đồng này sẽ được gia hạn hàng năm kể từ ngày hết hạn cho đến khi có thông báo chấm dứt.

Điều 9: Điều khoản khác.

Hợp đồng này được thực hiện trên cơ sở ý kiến thống nhất giữa hai bên, trong quá trình thực hiện, nếu một trong hai bên gặp khó khăn trở ngại ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng, phải kịp thời thông báo cho bên kia để đôi bên cùng giải quyết trên tinh thần hợp tác. Khi có phát sinh, hai bên sẽ trao đổi và làm phụ lục Hợp đồng. Phụ lục hợp đồng là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

Trường hợp không thể giải quyết được với nhau, vụ việc sẽ được đưa ra Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của trung tâm này. Địa điểm tổ tụng trọng tài là Hà Nội, Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng trong tổ tụng trọng tài là tiếng Việt. Quyết định của Trung tâm trọng tài là kết luận cuối cùng. Chi phí trọng tài và các chi phí hành chính khác liên quan sẽ do Bên thua kiện chịu.

Trong trường hợp có sự không thống nhất và mâu thuẫn giữa các bản tiếng Anh và tiếng Việt thì bản tiếng Việt sẽ có giá trị pháp lý

Điều 10: Điều khoản thi hành

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản của Hợp đồng và thường xuyên thông báo tình hình thực hiện hợp đồng của mỗi bên.

Hợp đồng này được lập thành hai (02) bản bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Mỗi bên giữ một (01) bản để làm cơ sở thực hiện.

REPRESENTATIVE OF PARTY B

ĐẠI DIỆN BÊN B



TỔNG GIÁM ĐỐC
TAKUYA YASUDA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

-----***-----

HỢP ĐỒNG/CONTRACT

“Vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp/ Transportation and handling of industrial waste”

Số/No: 01-2023/HĐ-VCXLTCN/TTP - IDEMITSU

- Căn cứ vào Bộ Luật dân sự số: 91/2015/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017;

Pursuant to Civil Code No. 91/2015 / QH13 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, took effect from 01/01/2017;

- Căn cứ vào Luật Bảo vệ Môi trường số: 72/2020/QH14 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2022;

- Pursuant to Law on Environmental Protection No.72/2020/QH14 of National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam dated November 17, 2020, effective from January 01, 2022;

- Căn cứ vào Nghị định số: 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường có hiệu lực từ ngày 10/01/2022;

- Pursuant to Decree No.08/2022/ND-CP dated January 10, 2020 detailing a number of articles of Law on Environmental Protection, effective from January 10, 2020;

- Căn cứ Thông tư số: 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 có hiệu lực thi hành ngày 10 tháng 01 năm 2022;

- Pursuant to Circular No.02/2022/TT-BTNMT dated January 10, 2022, effective from January 10, 2022;

- Căn cứ vào Giấy phép môi trường số: 191/GPMT - BTNMT của Công ty TNHH Tân Thuận Phong được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 15 tháng 06 năm 2023;

- Pursuant to Environmental License No: 191/GPMT - BTNMT of Tan Thuan Phong Co., Ltd.in 15/6/2023;

- Căn cứ vào đề nghị của Công ty TNHH dầu nhờn Idemitsu Việt Nam (ILV) và khả năng của Công ty TNHH Tân Thuận Phong.

Pursuant to the suggestion of Idemitsu Lube Vietnam Co., Ltd. (ILV) and the ability of Tan Thuan Phong Co., Ltd.

Hôm nay, ngày 18 tháng 09 năm 2023 tại Công ty TNHH Tân Thuận Phong chúng tôi gồm có:

Today, day 18 month 09 year 2023 at Tan Thuan Phong Co., Ltd; we include:

Bên A: CÔNG TY TNHH DẦU NHỜN IDEMITSU VIỆT NAM (ILV).

(CHỦ NGUỒN THẢI)

Party A: IDEMITSU LUBE VIETNAM CO., LTD. (ILV).

(WASTE SOURCE OWNER)

- Địa chỉ: Khu đất CN5.2E, Khu CN Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Address: CN5.2E, Dinh Vu Industrial Zone, Dong Hai 2 Ward, Hai An District, Hai Phong City.

- Đại diện: Ông **Taya Hisashi**. - Chức vụ : **Tổng Giám đốc.**

Representative: Mr. Taya Hisashi - Position: General Director.

- Điện thoại: +84.225.3246508(Ext: 106) - Fax: +84.225.3246 509.

Phone: +84.225.3246508 (Ext: 106) - Fax: +84.225.3246 509.

- Mã số thuế/ Tax code: 0201275452.

- Số TK: 0031006668888 Tại: Ngân hàng Vietcombank Hải Phòng.

A/C No. 0031006668888 At: Vietcombank Hai Phong.

Bên B: CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG.

(CHỦ VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP)

Party B: TAN THUAN PHONG CO., LTD

(INDUSTRIAL WASTE CARRIER AND TREATER)

- Địa chỉ: Km số 8 đường Quốc lộ 5, thôn Lương Quán, xã Nam Sơn, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng.

Address : Km 8, National Highway 5, Luong Quan Village, Nam Son Commune, An Duong District, Hai Phong City.

- Đại diện: Ông **Bùi Văn Bình**. - Chức vụ: **Giám đốc.**

Representative: Mr. Bui Van Binh, Position: Director.

- Điện thoại: 0225. 3589152.

- Fax: 0225. 3770425.

Phone: 0225. 3589152.

- Fax: 0225. 3770425.

- Mã số thuế/ Tax code: 0200429212.

- Số TK: 1031000008866 Tại: Ngân hàng Vietcombank - CN Nam Hải Phòng.

A/C No. 103 100 000 8866 at Vietcombank – Nam Hai Phong branch .

Sau khi bàn bạc thỏa thuận, hai bên cùng nhất trí ký kết hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp với những nội dung:

After discussion, the two parties have agreed to sign the contract of transportation and handling of industrial waste with the following contents:

Điều 1: Ngôn ngữ và Luật áp dụng trong hợp đồng.

Article 1: Language and applicable law in the contract

1. Ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng này là Tiếng Việt và Tiếng Anh. Hai bên thống nhất ưu tiên ngôn ngữ sử dụng là Tiếng Việt để giải quyết khi có tranh chấp hợp đồng.

1. Language used in this contract is Vietnamese and English. The two parties have come into agreement to use the Vietnamese language as a means of resolving disputes.

2. Luật áp dụng: Hợp đồng chịu sự điều tiết của Hệ thống Luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Applicable law: The contract is governed by the Law of the Socialist Republic of Vietnam.

Điều 2: Bên A thuê bên B thực hiện những công việc như sau.

Article 2: Party A hires Party B to perform the following tasks.

1. Vận chuyển và xử lý chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất của Công ty TNHH dầu nhớt Idemitsu Việt Nam (ILV) là những loại được đề cập cụ thể dưới đây:

Transporting and disposing of waste given a rise during the manufacturing process of Idemitsu Lube Vietnam Co., Ltd. (ILV), specifying as below:

1.1. Chất thải Nguy hại/ Hazardous waste.

Stt / No .	Tên chất thải nguy hại/ <i>Hazardous waste</i>	Trạng thái tồn tại/ <i>Existing condition</i>	Mã CTNH/ <i>Code</i>	Phương pháp xử lý/ <i>Method of handling</i>
------------	---	--	-------------------------	---

1	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải/ <i>Printing ink (type with hazardous ingredients in production materials) waste</i>	Lỏng/Liquid	08 02 01	Thiêu đốt; tro xỉ hóa rắn hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp <i>Burning ; solidifying slag and ash ; or transferring to properly functional Units</i>
2	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực thải)/ <i>Waste printing toner containing hazardous substances</i>	Rắn/Solid	08 02 04	
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải/ <i>Fluorescent tubes and other mercury-containing waste</i>	Rắn/Solid	16 01 06	Xử lý trong hệ thống nghiền bóng đèn huỳnh quang, sau đó hoá rắn <i>Processing in fluorescent bulb grinding system, then solidification</i>
4	Pin, ắc qui thải/ <i>Batteries, waste batteries</i>	Rắn/Solid	16 01 12	Xử lý bằng hệ thống phá dỡ ắc quy <i>Treatment by battery demolition system</i>
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn gốc khoáng thải không có clo/ <i>Chlorine-free waste mineral engine, transmission, and lubricating oils</i>	Lỏng/Liquid	17 02 02	Phân tách, thu hồi dầu chuyển làm nhiên liệu cho lò đốt <i>Separation, chemical handling of recovered oil as fuel for incinerator</i>
6	Các loại dầu thải khác/ <i>Waste oil (other)</i>	Lỏng/Liquid	17 07 03	

7	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi khác/ <i>Other wasted solvents and solvent mixtures</i>	Lỏng/Liquid	17 08 03	Thiêu đốt; tro xỉ hóa rắn hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp <i>Burning ; solidifying slag and ash ; or transferring to properly functional Units</i>
8	Các loại sáp và mỡ thải/ <i>Greases waste</i>	Rắn/Lỏng <i>Solid/Liquid</i>	17 07 04	Thiêu đốt; tro xỉ hóa rắn hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp <i>Burning ; solidifying slag and ash ; or transferring to properly functional Units</i>
9	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải/ <i>Soft packaging containing residues of or contaminated by hazardous substances</i>	Rắn/Solid	18 01 01	Thiêu đốt; tro xỉ hóa rắn hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp <i>Burning ; solidifying slag and ash ; or transferring to properly functional Units</i>
10	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải/ <i>Metallic packaging containing a hazardous solid porous matrix (for example asbestos), including pressure containers</i>	Rắn/Solid	18 01 02	Phân loại, súc rửa, tái chế..... <i>Classifying, rinsing.; recycling etc...</i>

11	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải/ <i>Hard plastic materials packaging (containing hazardous substance)</i>	Rắn/Solid	18 01 03	
12	Bao bì cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải bằng vật liệu khác (như composit) <i>Hard packing of other materials (glass)</i>	Rắn/Solid	18 01 04	
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại/ <i>Absorbent, filter materials (including oil filter not otherwise specified), wiping cloths, protective clothing contaminated with hazardous substances</i>	Rắn/Solid	18 02 01	Thiêu đốt; tro xỉ hóa rắn hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp <i>Burning; solidifying slag and ash; or transferring to properly functional Units</i>
14	Nước thải lẫn dầu hoặc có các thành phần nguy hại Oily wastewater or wastewater containing hazardous components	Lỏng Liquid	17 05 05	Phân tách, thu hồi dầu chuyển làm nhiên liệu cho lò đốt Separated and treated to recover the oil for the fuel of furnace.
15	Thiết bị thải có các bộ phận, linh kiện điện tử (Máy điều hòa & thiết bị làm lạnh, Thiết bị điện tử, máy vi tính) Waste equipment with electronic parts and components (Air conditioners & refrigeration equipment, Electronic equipment, computers)	Rắn/Solid	19 02 05	Xử lý bằng hệ thống tái chế bản mạch, linh kiện điện tử Processed by recycling system of circuit boards, electronic components

1.2. Chất thải công nghiệp thông thường/ *Normally industrial waste.*

Stt/ No.	Tên chất thải thông thường <i>Normal waste</i>	Trạng thái tồn tại/ <i>Existing condition</i>	Phương pháp xử lý/ <i>Method of handling</i>
1	Gỗ (pallet vỡ) <i>Wood (broken pallet)</i>	Rắn/ <i>Solid</i>	Thiêu đốt; tro xỉ hóa rắn hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp <i>Burning ; solidifying slag and ash ; or transferring to properly functional Units</i>

2. Vận chuyển và xử lý những chất thải này tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp và bảo vệ môi trường của Việt Nam.

Transport and handling of these wastes must comply with the provisions of the law on transport, handling of industrial waste and environmental protection of Vietnam.

Điều 3: Địa điểm, thời gian giao nhận, số lượng, phương tiện vận chuyển.

Article 3: Place, time of delivery, quantity, means of transport.

1. **Địa điểm giao nhận chất thải:** Tại kho lưu giữ chất thải của bên A – Công ty TNHH Dầu Nhớt Idemitsu Việt Nam. Địa chỉ: Khu đất CN5.2E, Khu CN Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

1. Place of wastes delivery: At waste storage facility of Party A - Idemitsu Lube Vietnam Co., Ltd. (ILV). Address: CN5.2E, Dinh Vu Industrial Zone, Dong Hai 2 Ward, Hai An District, Hai Phong City.

2. **Địa điểm lưu giữ và xử lý:** Tại nhà máy của Công ty TNHH Tân Thuận Phong - Lô CN4 khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, xã Kiền Bái, huyện Thuý Nguyên, thành phố Hải Phòng.

2. Place of storage and handling: in the factory of Tan Thuan Phong Company Limited -Land lot CN4 Nam Cau Kien industrial zone, Kien Bai commune, Thuy Nguyen district, Hai Phong city.

3. **Thời gian giao nhận:** Được thực hiện khi có sự yêu cầu của bên A và sau khi bên B bố trí được nhân lực và phương tiện vận chuyển chuyên dụng phù hợp.

3. Time of delivery: It is done at the request of Party A and after Party B has arranged suitable manpower and specialized transport means.

4. **Số lượng hàng hoá:** Căn cứ vào lượng chất thải phát sinh của bên A nhưng phải đảm bảo thuận tiện cho năng lực bốc xếp và vận chuyển cho bên B.

4. Quantity of cargo: Based on the gathered amount of waste of Party A, it must be convenient for loading and unloading capacity for Party B.

5. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển chuyên dụng, sắp xếp người chuyển hàng lên xe.

5. Transport means: Party B is responsible for arranging specialized means of transport, together with the stevedores to the vehicle.

Điều 4: Đơn giá vận chuyển, xử lý và thể thức thanh toán.

Article 4: Unit price for transport, handling and payment.

1. Đơn giá vận chuyển và xử lý/ Unit price for transport, handling:

- Đơn giá vận chuyển và xử lý chất thải được thể hiện ở bảng sau/ Unit price for transport, handling show as follows:

1.1. Đơn giá vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại/ Unit price for transport, handling of hazardous waste:

Stt /N o.	Tên chất thải nguy hại/ Hazardous waste	Trạng thái tồn tại/Existing condition	Số lượng / Quantity (Kg)	Đơn giá xử lý / Unit price for handling (VNĐ)
1	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải/ Printing ink (type with hazardous ingredients in production materials) waste	Lỏng/Liquid	01	4.500
2	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực thải)/ Waste printing toner containing hazardous substances	Rắn/Solid	01	4.500
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải/ Fluorescent tubes and other mercury-containing waste	Rắn/Solid	01	4.500

4	Pin, ắc quy thải/ <i>Batteries, waste batteries</i>	Rắn/ <i>Solid</i>	01	4.000
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn gốc khoáng thải không có clo/ <i>Chlorine-free waste mineral engine, transmission and lubricating oils</i>	Lỏng/ <i>Liquid</i>	01	1.000
6	Các loại dầu thải khác/ <i>Waste oil (other)</i>	Lỏng/ <i>Liquid</i>	01	1.000
7	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác/ <i>Other wasted solvents and solvent mixtures</i>	Lỏng/ <i>Liquid</i>	01	2.500
8	Các loại sáp và mỡ thải/ <i>Greases waste</i>	Rắn/Lỏng	01	3.000
9	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải/ <i>Soft packaging containing residues of or contaminated by hazardous substances</i>	Rắn/ <i>Solid</i>	01	3.000
10	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải/ <i>Metallic packaging containing a hazardous solid porous matrix (for example asbestos), including pressure containers</i>	Rắn/ <i>Solid</i>	01	1.000

11	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải/ <i>Hard plastic materials packaging (containing hazardous substance)</i>	Rắn/ <i>Solid</i>	01	2.000
12	Bao bì cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải bằng vật liệu khác (như composit) <i>Hard packing of other materials (glass)</i>	Rắn/ <i>Solid</i>	01	2.200
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại/ <i>Absorbent, filter materials (including oil filter not otherwise specified), wiping cloths, protective clothing contaminated with hazardous substances</i>	Rắn/ <i>Solid</i>	01	5.500
14	Nước thải lẫn dầu hoặc có các thành phần nguy hại Oily wastewater or wastewater containing hazardous components	Lỏng Liquid	01	3.300
15	Thiết bị thải có các bộ phận, linh kiện điện tử (Máy điều hòa & thiết bị làm lạnh, Thiết bị điện tử, máy vi tính) Waste equipment with electronic parts and components (Air conditioners & refrigeration equipment, Electronic equipment, computers)	Rắn/ <i>Solid</i>	01	3.500

1.2. Đơn giá vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường

Unit price for transport, handling of normally industrial waste.

Stt/ No.	Tên chất thải thông thường <i>Normal waste</i>	Số lượng/	Đơn giá /Unit price (VND)
-------------	---	-----------	---------------------------------

		<i>Quantity (Kg)</i>	
1	Gỗ (pallet vỡ) <i>Wood (Broken pallet)</i>	01	2.000

- Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT/ *The unit price excludes VAT.*

- Đơn giá được duy trì trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực.

The price is maintained during the validity of the contract.

2. Phương thức thanh toán/ Method of payment.

- Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận, lập chứng từ quản lý chất thải nguy hại và tổng hợp khối lượng chất thải giao nhận của từng chuyến để làm cơ sở cho việc thanh toán.

The two parties will make reports of delivery, hazardous waste management documentation and the total volume of wastes to be delivered on each shipment as a basis for payment.

- Thanh toán bằng chuyển khoản/ *Payment by TTR.*

- Thời hạn thanh toán không quá 30 ngày sau khi bên A nhận đầy đủ hóa đơn GTGT, đề nghị thanh toán và các giấy tờ liên quan khác từ bên B. Quá thời hạn thanh toán, Bên A sẽ bị phạt khoản tiền là 0,1% trên tổng giá trị hóa đơn cho 01 ngày chậm trả.

- The payment period is not to exceed 30 days after Party A has received full VAT invoice, payment request and other related documents from Party B. Beyond the payment period, Party A will be fined 0,1% of total invoice value for 01 day of late payment.

Đổi trừ với công nợ thu mua phế liệu sau xử lý theo hợp đồng số **01-2023/HĐPL/TTP – IDEMITSU** ký ngày 18 tháng 09 năm 2023

Deducting debts for collection of scrap after treatment under contract No. 01-2023/HĐPL/TTP – IDEMITSU signed on 18 Septemeber 2023

Điều 5: Trách nhiệm của mỗi bên/ Article 5: Mutual responsibilities.

1. Trách nhiệm bên A/ Party A's responsibilities:

- Trước mỗi đợt bàn giao chất thải công nghiệp, bên A phải thông báo cho bên B trước 72h để bên B có thời gian bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển.

Prior to each delivery of industrial waste, Party A must notify Party B at least 72h so that Party B can arrange manpower and means of transport.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân lực và phương tiện của bên B vào điểm tập kết chất thải của bên A để thực hiện bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển chuyên dụng.

Create favorable conditions for the manpower and vehicles for Party B to get access to the waste collection location of Party A to make loading and unloading of waste on appropriate means of transport.

- Chuyển giao chất thải cho bên B, đại diện có thẩm quyền ký và đóng dấu chứng từ CTNH theo Thông tư số: 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, giữ lại liên 3 và bàn giao các liên còn lại cho bên B.

- Transfer of waste to Party B, competent representatives to sign and seal hazardous waste documents according to Circular No. 02/2022/TT-BTNMT dated January 10, 2022, retain the 3rd link and hand over the remaining links to Party B.

- Hỗ trợ xe nâng hàng giúp bên B bốc chất thải lên xe (nếu là hàng nặng).

Support Party B with forklifts to load waste into vehicles (if heavy goods).

- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên B thực hiện các hoạt động chuyên môn, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện và triển khai công việc để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng và thanh toán.

Appoint technical staffs to coordinate with Party B to carry out professional activities and solve problems in the course of implementation and deployment of works to serve as a basis for checking and accepting volumes and payment.

- Thanh toán đầy đủ kinh phí cho bên B theo đúng nội dung của Hợp đồng sau khi bên A nhận được các chứng từ và hóa đơn thanh toán hợp lệ từ bên B.

Pay the full amount to Party B in accordance with the contents of the contract after Party A has received valid documents and invoices from Party B.

- Định kỳ có trách nhiệm báo cáo với cơ quan chức năng về quá trình thực hiện quản lý chất thải theo quy định của Nhà nước.

Periodically report to the competent agencies on the process of managing the waste according to the State regulations.

2. Trách nhiệm của bên B/ Party B's responsibilities.

- Nhanh chóng bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển trong thời gian ngắn nhất hoặc tối đa không quá 72h sau khi có sự yêu cầu bàn giao chất thải của bên A.

Quickly arrange both the manpower and transport means as soon as possible or up to 72 hours after requesting handover of waste from Party A.

- Thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định ra vào cơ quan, cũng như thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo hộ lao động như phải đội mũ lưới trai bảo hộ cứng, khẩu trang phòng độc, găng tay chuyên dụng, giấy bảo hộ mũi sắt và đồng phục

quy định của bên B, nội quy phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh môi trường khi làm việc tại địa bàn của bên A. Trong trường hợp không tuân thủ các quy định của bên A cũng như các luật hiện hành của Việt Nam dẫn đến thiệt hại về người và tài sản của một trong các bên, Bên B phải bồi thường và chịu các trách nhiệm khác (nếu có).

Strictly observe the regulations in and out of the office, as well as the rules on occupational safety health such as hard protective hat, protective masks, specialized gloves, safety helmets and uniforms of Party B, internal fire prevention and fighting regulations, safety and environmental sanitation while working in the area of Party A. In the event that Party B fails to comply with the regulations of Party A as well as the current laws of Vietnam, resulting in damage to people and property of one of the parties, Party B must compensate and bear other responsibilities (if any).

- Thực hiện nhận bàn giao CTNH từ chủ nguồn thải, tổ chức bốc xếp và vận chuyển CTNH bằng phương tiện chuyên dụng theo quy định pháp luật.

- Receive the handover of hazardous wastes from the waste source owner; load/unload and transport hazardous wastes by specialized means in accordance with the provisions of laws.

- Dọn dẹp sạch sẽ nhà kho sau khi thu gom rác thải.

Clear up the warehouse after the waste is collected.

- Vận chuyển đúng chủng loại chất thải. Đảm bảo vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định về Quản lý chất thải nguy hại và Bảo vệ Môi trường của Việt Nam. Chịu trách nhiệm giải quyết các sự cố xảy ra trên đường vận chuyển và trong quá trình xử lý (Kể từ lúc nhận chất thải nguy hại và khi ra khỏi cổng nhà máy của bên A).

Transport the right kind of waste. To ensure the transport and handling of hazardous waste in accordance with Vietnam's hazardous waste management and environmental protection regulations. Responsible for dealing with incidents on the way of transportation and during treatment (Since receipt of hazardous waste to get out of Party A's factory gate).

- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên A thực hiện các hoạt động chuyên môn để triển khai công việc cũng như giám sát trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển và xử lý chất thải.

Send technical staffs to coordinate with Party A to carry out professional activities as well as supervise during the process of unloading, transporting and treating wastes.

- Lập và xác nhận chứng từ CTNH theo Quy định tại Thông tư Số:02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

- Prepare and confirm hazardous waste documents according to regulations of Circular No.02/2022/TT-BTNMT dated January 10, 2022.

- Gửi cho bên A những giấy phép hoạt động Quản lý chất thải nguy hại (Bản công chứng có giá trị) để bên A giải trình khi có sự kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước về Môi trường tại địa phương.

Send to Party A hazardous waste management licenses (notarized copies) for Party A to explain when the inspection of the State environmental management agencies at the locality.

- Nếu có bất cứ vấn đề gì phát sinh trong quá trình thực hiện đều phải có thông báo bằng văn bản cho bên A để cùng phối hợp giải quyết.

Any problem arising in the course of implementation must be notified in writing to Party A for bilateral settlement.

- Tuân thủ: Theo chính sách của Bên A, để đảm bảo sự minh bạch trong quá trình thực hiện dịch vụ của bên B, Bên A có chủ trương không nhận tiền hoa hồng hay quà bằng hiện vật từ nhà cung cấp. Nếu A phát hiện ra Bên B chi tiền hay hiện vật cho nhân viên của Bên A, Bên A sẽ chấm dứt hợp đồng và ngừng giao dịch với Bên B mà không phải chịu bất kỳ khoản bồi thường nào.

Compliance: in accordance with the Party A policy, to ensure transparency during implementing the service, please be noticed that the Party A has the policy of not receive any commission or gift from suppliers. In case the Buyer detects that the Seller paid commission or gave gift to the Party A staffs, the Party B will terminate all the contract and stop all transactions with the Seller without any compensation.

+Bên B đồng ý rằng, Bên A không gánh chịu bất kỳ nghĩa vụ nào phát sinh từ việc Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ quy định về chính sách chống tham nhũng trong Hợp đồng này.

The Party B agrees that Party A shall not be liable to any obligation arising from Seller's failure to comply or fully comply with the anti-corruption/bribery policy herein.

Điều 6 : Bất khả kháng/ Article 6: Force majeure.

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hoả hoạn, chiến tranh hoặc nguy cơ xảy ra chiến tranh, ... và các thảm hoạ khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ... thì :

Force Majeure are events that are objective and beyond the control of the parties such as earthquakes, storms, acts of God, floods, tornadoes, tsunamis, landslides, fires, wars or the occurrence of war, etc. and other unforeseen catastrophes, policy changes or prohibitions of the Vietnam competent authority, etc. then:

+ Hai bên sẽ tiến hành thảo luận tìm cách để tháo gỡ khó khăn, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhau trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ.

The two parties will conduct discussions to find ways to remove difficulties, create favorable conditions for each other in the spirit of cooperation and support.

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa những ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

Take appropriate precautionary and necessary measures to minimize the effects of force majeure events.

+ Thông báo ngay cho bên kia ngay sau khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng để cùng phối hợp giải quyết.

Notify the other party immediately after the occurrence of force majeure events for coordinated settlement.

Điều 7: Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.

Article 7: Penalties for breach of contract.

- Hai bên tham gia tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về các cam kết đã thoả thuận trong Hợp đồng, không được đơn phương sửa đổi nội dung hay huỷ bỏ hợp đồng. Mọi sự thay đổi bổ sung các điều khoản đều phải được sự nhất trí của hai bên và được lập thành văn bản mới có giá trị.

The two parties take self-responsibility before law for the commitments as agreed thereto, not to unilaterally amend the contents or cancel the contract. Any amendment or supplementation of these terms and conditions shall be subject to mutual agreement and made in writing, then it's valid.

- Trong khi thực hiện hợp đồng, nếu có xảy ra tranh chấp hay khiếu nại thì hai bên cùng bàn bạc tìm cách giải quyết. Trong trường hợp không đi đến thống nhất sẽ đưa ra Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của trung tâm này. Địa điểm tổ tụng trọng tài là Hà Nội, Việt Nam; Ngôn ngữ sử dụng trong tổ tụng trọng tài là tiếng Việt. Hội đồng trọng tài bao gồm ba (3) trọng tài viên. Phán quyết trọng tài là chung thẩm và ràng buộc đối với các Bên. Chi phí trọng tài và các chi phí hành chính khác liên quan sẽ do Bên thua kiện chịu. .

During the performance of the contract, if there is any dispute or complaint, the two parties will discuss and find a solution. In case an agreement cannot be reached, the dispute will be settled at the Vietnam International Arbitration Center next to the Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VCCI) according to the arbitration rules of this center. The place of arbitration shall be in Ha Noi, Vietnam. The language of arbitration shall be Vietnamese. The tribunal shall consist of three (3) arbitrators.

The award thereof shall be final and binding upon the Parties the losing Party will cover arbitration costs and other related administrative costs.

Điều 8: Hiệu lực của hợp đồng/ Article 8: Validity of contract.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2024. Trong vòng 15 ngày trước ngày hợp đồng hết hiệu lực mà hai bên không còn khiếu nại hay thắc mắc gì nữa thì hợp đồng sẽ tự động được gia hạn thêm 01 năm và tương tự cho các năm tiếp theo mà không cần văn bản nào đi kèm.

This contract takes effect since signed until 31/12/2024. Within 15 days before the expiry date of the contract, the two parties no longer complain or question, the contract will be automatically extended for another one year and the same for subsequent years without any accompanying document.

- Hợp đồng này được lập thành 02 bản bằng song ngữ tiếng Việt-Anh có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để làm cơ sở thực hiện.

This contract is made in 02 copies in bilingual Vietnamese-English with the same legal validity; each keeps 01 as a basis for implementation.



**TỔNG GIÁM ĐỐC
HISASHI TAYA**



**GIÁM ĐỐC
Bui Văn Bình**



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

-----***-----

HỢP ĐỒNG THU MUA PHÉ LIỆU SAU XỬ LÝ
SCRAP PURCHASE CONTRACT AFTER TREATMENT

Số/No: 01-2023/HĐPL/TTP – IDEMITSU

- Căn cứ vào Bộ Luật dân sự số: 91/2015/QH13 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/1/2017;

Pursuant to Civil Code No. 91/2015 / QH13 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, took effect from 01/01/2017;

- Căn cứ vào Luật thương mại số: 36/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Pursuant to Commercial Law No. 36/2005/QH11 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam dated June 14th 2005;

- Căn cứ vào Luật Bảo vệ Môi trường số: 72/2020/QH14 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2022;

- Pursuant to Law on Environmental Protection No.72/2020/QH14 of National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam dated November 17, 2020, effective from January 01, 2022;

- Căn cứ vào Nghị định số: 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường có hiệu lực từ ngày 10/01/2022;

- Pursuant to Decree No.08/2022/ND-CP dated January 10, 2020 detailing a number of articles of Law on Environmental Protection, effective from January 10, 2020;

- Căn cứ Thông tư số: 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 có hiệu lực thi hành ngày 10 tháng 01 năm 2022;

- Pursuant to Circular No.02/2022/TT-BTNMT dated January 10, 2022, effective from January 10, 2022;

- Căn cứ vào Giấy phép môi trường số: 191/GPMT - BTNMT của Công ty TNHH Tân Thuận Phong được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 15 tháng 06 năm 2023;

- Pursuant to Environmental License No: 191/GPMT - BTNMT of Tan Thuan Phong Co., Ltd. in 15/6/2023;

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và khả năng của mỗi bên
Based on the functions, duties, needs and capabilities of each party

Hôm nay, ngày 18 tháng 09 năm 2023 hai bên chúng tôi gồm:

Today, day month 09 year 2023, we include:

Bên A: CÔNG TY TNHH DẦU NHỜN IDEMITSU VIỆT NAM (ILV).

Party A: IDEMITSU LUBE VIETNAM CO., LTD. (ILV).

- Địa chỉ: Khu đất CN5.2E, Khu CN Đình Vũ, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

*Add : Land lot CN5.2E, Dinh Vu Industrial Zone, Dong Hai 2 ward,
Hai An district, Hai Phong city.*

- Đại diện: Ông **Taya Hisashi.** - Chức vụ: **Tổng Giám đốc.**

Represented by: Mr. Taya Hisashi. - Position: General Director

- Điện thoại: +84.225.3246508(Ext: 106) - Fax: +84.225.3246 509.

Tel: +84.225.3246508(Ext: 106) - Fax: +84.225.3246 509.

- Mã số thuế/ Tax code: 0201275452.

- Số TK: 0031006668888 Tại: Ngân hàng Vietcombank Hải Phòng.

A/C No. 0031006668888 At Vietcombank Hai Phong

Bên B: CÔNG TY TNHH TÂN THUẬN PHONG.

Party B: TAN THUAN PHONG CO., LTD

- Địa chỉ: Km số 8 đường Quốc lộ 5, thôn Lương Quán, xã Nam Sơn,
huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng.

*Add : Km No. 8 Highway 5, Luong Quan hamlet, Nam Son commune,
An Duong district, Hai Phong city*

- Đại diện: Ông **Bùi Văn Bình.** - Chức vụ: **Giám đốc.**

Represented by: Mr. Bui Van Binh Position: Director

- Điện thoại: 0225. 3589152. - Fax: 0225. 3770425.

Tel: 0225. 3589152. Fax: 0225. 3770425

- Mã số thuế/ Tax code: 0200429212.

- Số TK: 1031000008866 Tại: Ngân hàng Vietcombank - CN Nam Hải Phòng.

A/C No. 103 100 000 8866 at Vietcombank – Nam Hai Phong branch.

Chúng tôi cùng bạn đọc đi đến nhất trí các điều khoản của hợp đồng kinh tế thu mua phế liệu sau xử lý dưới đây:

We discuss and agree on the terms of scrap procurement contract after treatment as follows:

Điều 1: Quy định về nội dung giao dịch.

Article 1: Regulations on transaction contents

Bên A nhất trí bán cho Bên B toàn bộ phế liệu sau quá trình xử lý và sản xuất bao gồm :

Party A agreed to sell to Party B the whole scrap after treatment and production including:

- Hàng hóa là phế liệu, phế phẩm các loại được loại bỏ trong quá trình sản xuất của bên A. Cụ thể là : Giấy bì carton, Nylon phế liệu, vỏ chai nhựa sạch.

The commodity is scrap; types of waste product are removed during the production process of Party A. Especially, carton cardboard, Nylon scrap, clean plastic bottle.

- Phế liệu sau xử lý của bên A bao gồm: dầu phế liệu sau xử lý, vỏ phuy, vỏ can sau xử lý.

Scrap after treatment of Party A includes: waste oil after treatment, cask, can cover after treatment

Điều 2: Đơn giá và thanh toán/ Article 2: Unit price and payment.

1. Giá thu mua/ Price:

STT No.	Tên phế liệu Scrap name	Đơn vị tính (Kg) Unit (kg)	Đơn giá thu mua(VND) Unit price (VND)	ghi chú Notes
1	Dầu phế liệu sau xử lý Waste oil after treatment	01	4.500	
2	Vỏ phuy sắt sau xử lý Iron cask cover after treatment	01	3.800	
3	Vỏ can nhựa sau xử lý Plastic can after treatment	01	3.000	

4	Giấy bì carton <i>Carton cardboard</i>	01	2.000	
5	Nylon phế liệu <i>Nylon scrap</i>	01	6.000	
6	Vỏ chai nhựa sạch <i>Clean plastic bottle</i>	01	3.000	

Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT. Bên B chịu tất cả các chi phí liên quan đến vận chuyển, bốc dỡ, thủ tục hải quan và nộp thuế.

The above price does not include VAT. Party B is responsible for all expenses related to transportation, loading, unloading, customs clearance and tax payment.

- *Đối với các loại phế liệu sau xử lý: Khối lượng phế liệu thu hồi được tính là 95% khối lượng chất thải ban đầu giao nhận.*

- *For types of scrap after treatment: The volume of recovered scrap is calculated as 95% of the original waste volume delivered and delivered.*

2. Quy định về thanh toán/ *Regulations on payment:*

2.1. Bên A thông báo cho bên B thời điểm xuất hàng.

Party A notifies of Party B the time of shipment

2.2. Bên B tiến hành thanh toán tiền thu mua phế liệu cho Bên A hàng tháng trong vòng 30 ngày kể từ khi Bên A cung cấp hóa đơn GTGT, đề nghị thanh toán và các giấy tờ liên quan khác.

Party B conduct to pay monthly scrap collection fees to Party A within 30 days since Party A provided VAT invoice, payment request and other relevant documents.

2.3. Quá thời hạn thanh toán, Bên B sẽ bị phạt khoản tiền là 0,1% trên tổng giá trị hóa đơn cho 01 ngày chậm trả.

Over payment period, Party B will be fined 0.1% of the total invoice value for one day of late payment.

2.4. Thông tin về tài khoản thụ hưởng/ *Information on beneficial account:*

Tên chủ tài khoản: **CÔNG TY TNHH DẦU NHỜN IDEMITSU VIỆT NAM (ILV)**

Owner name: IDEMITSU LUBE VIETNAM CO., LTD. (ILV)

Số tài khoản/ *A/C No: 0031006668888.*

Tên Ngân hàng: Ngân hàng Vietcombank Hải Phòng.

Bank name: Vietcombank Hai Phong

2.5. Chứng từ thanh toán là Hóa đơn GTGT theo quy định của pháp luật Việt Nam.
Payment dossier is VAT invoice as prescribed by Vietnamese law.

2.6. Bên B tiến hành thanh toán bằng hình thức chuyển khoản.

Party B conduct to pay by account transfer.

- 2.7. Nếu bên A phát sinh việc thuê bên B xử lý chất thải theo hợp đồng 01-2023/HĐ-VCXLCTCN/TTP - IDEMITSU ký ngày 18/09/2023 thì 2 bên sẽ tiến hành làm biên bản đối trừ công nợ. Sau khi đối trừ nếu số tiền phát sinh còn phải trả thuộc về bên nào thì bên ấy sẽ phải thanh toán cho bên còn lại.

If Party A hires Party B to treat waste under contract 01-2023/HĐ-VCXLCTCN/TTP - IDEMITSU signed on 18 Sep, 2023, the two parties will make a record of debt deduction. After deducting, if the amount remaining to be paid belongs to either party, that party will have to pay to the other party.

Điều 3 : Trách nhiệm của hai bên/ Article 3: Responsibilities of both parties:

3.1. Trách nhiệm của bên A/ Responsibilities of Party A

- Cử nhân viên giám sát quá trình thu gom phế liệu của bên B tại nhà máy.

Appoint staff to monitor the process of collecting scrap of Party B at the factory.

- Lập phiếu xuất kho, biên bản bàn giao, hoá đơn hàng tháng dựa trên khối lượng thực tế của mỗi lần giao nhận giữa hai bên.

Make inventory delivery voucher, monthly invoice based on the actual volume of each delivery between both parties.

3.2 Trách nhiệm của bên B/ Responsibilities of Party B

- Có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục, giấy tờ và giấy phép kinh doanh cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành để thực hiện dịch vụ trong phạm vi hợp đồng này. Khi luật môi trường của Việt Nam có thay đổi phải bổ sung ngay những giấy tờ cần thiết và thông báo bằng văn bản cho bên A ngay lập tức.

It is responsible for completing the necessary business procedures, documents and permits in accordance with current law to provide services within the scope of this contract. When the environmental law of Vietnam changes, they must immediately add necessary documents and notify Party A in writing immediately.

- Dọn dẹp sạch sẽ nhà kho sau khi thu gom phế liệu.

Clear up the warehouse after the scrap is collected.

- Tuân thủ nghiêm các quy định và nội quy về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và môi trường của bên A.

Comply with strictly the regulations and rules on the safety, occupational health, and environment of the Party A

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm liên quan đến phế liệu kể từ khi bốc lên xe vận chuyển và ra khỏi nhà máy của bên A.

Completely responsible for the scrap as it is loaded onto the truck and out of the factory of Party A

- Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động thu gom của mình trước pháp luật khi có sự thanh kiểm tra của các cơ quan nhà nước.

Party B is fully responsible for its law enforcement activities when there is inspection by state agencies

- Tuân thủ: Theo chính sách của Bên A, để đảm bảo sự minh bạch trong quá trình thực hiện dịch vụ của bên B, Bên A có chủ trương không nhận tiền hoa hồng hay quà bằng hiện vật từ nhà cung cấp. Nếu A phát hiện ra Bên B chi tiền hay hiện vật cho nhân viên của Bên A, Bên A sẽ chấm dứt hợp đồng và ngừng giao dịch với Bên B mà không phải chịu bất kỳ khoản bồi thường nào.

Compliance: in accordance with the Party A policy, to ensure transparency during implementing the service, please be noticed that the Party A has the policy of not receive any commission or gift from suppliers. In case the Buyer detects that the Seller paid commission or gave gift to the Party A staffs, the Party B will terminate all the contract and stop all transactions with the Seller without any compensation.

+Bên B đồng ý rằng, Bên A không gánh chịu bất kỳ nghĩa vụ nào phát sinh từ việc Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ quy định về chính sách chống tham nhũng trong Hợp đồng này.

The Party B agrees that Party A shall not be liable to any obligation arising from Seller's failure to comply or fully comply with the anti-corruption/bribery policy herein.

Điều 4: Thời hạn hợp đồng/ Article 4: Term of contract.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2024 Trong vòng 15 ngày trước ngày hợp đồng hết hiệu lực mà hai bên không còn khiếu nại hay thắc mắc gì nữa thì hợp đồng sẽ tự động được gia hạn thêm 01 năm và tương tự cho các năm tiếp theo mà không cần văn bản nào đi kèm.

This contract comes into effect from the date of signing to the end of 31/12/2024 Within 15 days before the expiry date of the contract, both parties are no longer complain or question, the contract will automatically extend one year and similar for the next years without any accompanying documents.

Điều 5: Điều khoản chung/ Article 5: Joint provision.

- Hợp đồng này được xác lập trên cơ sở bàn bạc thoả thuận và đi đến thống nhất giữa hai bên. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ký trong hợp đồng.

This contract is established on the basis of consultation and reached agreement between both parties. Both parties undertake to comply with the terms signed in the contract

- Trường hợp xảy ra các tình huống chưa được quy định trong hợp đồng, bên A và bên B sẽ cùng bàn bạc trên tinh thần hợp tác.

In case of situations not yet stated in the contract, Party A and Party B shall discuss on cooperation spirits

- Trong khi thực hiện hợp đồng, nếu có xảy ra tranh chấp hay khiếu nại thì hai bên cùng bàn bạc tìm cách giải quyết. Trong trường hợp không đi đến thống nhất sẽ đưa ra Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của trung tâm này. Địa điểm tổ tụng trọng tài là Hà Nội, Việt Nam; Ngôn ngữ sử dụng trong tổ tụng trọng tài là tiếng Việt. Hội đồng trọng tài bao gồm ba (3) trọng tài viên. Phán quyết trọng tài là chung thẩm và ràng buộc đối với các Bên. Chi phí trọng tài và các chi phí hành chính khác liên quan sẽ do Bên thua kiện chịu..

During the performance of the contract, if there is any dispute or complaint, the two parties will discuss and find a solution. In case an agreement cannot reached, the dispute will be settled at the Vietnam International Arbitration Center next to the Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VCCI) according to the arbitration rules of this center. The place of arbitration shall be in Ha Noi, Vietnam. The language of arbitration shall be Vietnamese. The tribunal shall consist of three (3) arbitrators. The award thereof shall be final and binding upon the Parties the losing Party will cover arbitration costs and other related administrative costs. - Hợp đồng này được lập thành 02 bản bằng song ngữ tiếng Việt-Anh có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để làm cơ sở thực hiện.

This contract is made in 02 originals in bilingual Vietnamese-English with the same legal validity, each party keeps 01 to implement.

PARTY A'S REPRESENTATIVE



**TỔNG GIÁM ĐỐC
HISASHI TAYA**

PARTY B'S REPRESENTATIVE



**GIÁM ĐỐC
Bùi Văn Bình**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness



HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC - CONTRACT PRINCIPLES

(V/v: Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp)

About: Hazardous waste, Industrial waste collection, transportation and treatment

Số/ No: 105/2021/HDXL/PH-IDEMITSU

CĂN CỨ KÝ HỢP ĐỒNG:

BASES FOR AGREEMENT:

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;

- Pursuant to Civil Code of Vietnam No. 91/2015/QH13 approved by the National Assembly of the Socialist Republic of Viet Nam held on November 24, 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/6/2014 tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khoá XIII;

- Pursuant to Law on Environmental Protection No. 55/2014/QH13 by The National Assembly of The Socialist Republic of Vietnam approved on June 23rd, 2014, Legislature XIII at the 7th Session;

Căn cứ vào Bộ luật thương mại số: 36/2005/QH11 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/06/2005;

- Pursuant to the Business Licenses Pursuant to Law on Trade No 36/2005/QH11 of Socialist Republic of Viet Nam Government promulgated on June 14, 2005;

Căn cứ Thông tư Số 36/2015/TT-BTNMT về Quản lý chất thải nguy hại

- Pursuant to Circular No. 36/2015/TT-BTNMT on Hazardous Waste Management

Căn cứ Giấy phép hành nghề Quản lý chất thải nguy hại của Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kho vận Phú Hưng do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 12/10/2020, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.108.VX;

- Pursuant to the Business Licence on Hazardous Wastes Management of Phu Hung Trading and Warehouse Services JSC granted by Ministry of Natural Resources and Environment dated October 12nd, 2020 Code QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.108.VX;

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên,

- Pursuant to ability and demands of the both Parties.

Hôm nay, ngày 10 tháng 12 năm 2021, chúng tôi gồm có:

Today, Dec 10th, 2021, we are:

BÊN A: CÔNG TY TNHH DẦU NHỒN IDEMITSU VIỆT NAM

PARTY A: IDEMITSU LUBE VIETNAM Co. Ltd.

Đại diện: Ông YASUDA TAKUYA

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Represented by Mr YASUDA TAKUYA

Title : General Director

Địa chỉ : Khu đất CN5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải A, thành phố Hải Phòng

Address : Lot CN5.2E, Đình Vu Industrial Zone, Dong Hai 2 ward, Hai An district, Hai Phong city

Điện thoại/ Phone : 0225 3246 508 - Fax: 0225 3246 509

Mã số thuế/ Tax Code : 020 127 5452

Tài khoản số : 0031 0066 68888

Bank Account No : 0031 0066 68888

Tên ngân hàng : Tại ngân hàng: Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) – Chi nhánh Hải Phòng

Bank Name: : Vietcom bank – Haiphong Branch

Sau đây được gọi là “Bên A”.

Herein after referred to as “Party A”.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẠN PHÚ HƯNG

PARTY B: PHU HUNG TRADING AND WAREHOUSE SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Đại diện : Ông NGUYỄN HOÀI SƠN

Chức Vụ: Phó giám đốc

Represented by : Mr. NGUYEN HOAI SON

Title: Deputy Director

Theo giấy UQ số 02-2021/UQ-PH ngày 08 tháng 3 năm 2021

Pursuant to Authorization letter No. 02-2021/UQ-PH dated on March 08th, 2021

Địa chỉ : 49 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Address : 49 Đinh Tien Hoang, Hoang Van Thu ward, Hong Bang district, Hai Phong city, Vietnam

Điện thoại/ Phone : (+84) 96810 8888

Mã số thuế/ Tax Code : 0200867992

Tài khoản số/Bank : 020.010.101.602.03 Mở tại ngân hàng TMCP Hàng Hải – CN Hải Phòng

Opened at Maritime Commercial Joint Stock Bank - Hai Phong Branch

Cơ sở xử lý chất thải : Nhà máy xử lý chất thải Minh Tân – Giấy phép hành nghề Quản lý chất thải nguy hại của Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kho vận Phú Hưng do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 12/10/2020, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.108.VX

Treatment plant : Minh Tan waste treatment plant - Business Licence on Hazardous Wastes Management of Phu Hung Trading and Warehouse Services JSC granted by Ministry of Natural Resources and Environment dated October 12nd, 2020 Code QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.108.VX

Địa chỉ cơ sở xử lý : Khu Đầm Ao La, xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Address of treatment : Dam Ao La Area, Minh Tan commune, Thuy Nguyen district, Hai Phong city

Sau đây được gọi là “Bên B”.

Herein after referred to as “Party B”.

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng với những điều khoản sau:

The two parties have agreed to sign this Contract with the following terms and conditions:

Điều 1. Luật và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Article 1. Law and language

1.1. Luật áp dụng: Hợp đồng chịu sự điều tiết của hệ thống Luật của Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- Applicable law: The contract is subjected to regulation of legal system of Socialist Republic of Vietnam.

1.2. Ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng này là: Tiếng Việt và Tiếng Anh. trong trường hợp có sự mâu thuẫn và không đồng nhất ngôn ngữ tiếng Việt được ưu tiên.

- Language used for this contract is: Vietnamese and English, in case there are any conflict and inconsistency, the Vietnamese language will be prevailed.

Điều 2. Nội dung công việc

Article 2. Scope of work

2.1. Bên A đồng ý giao cho Bên B thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của bên A phù hợp với giấy phép của bên B.

- The Party A agree to hire Party B for collection, transportation and treatment of hazardous wastes, normal industrial wastes and domestic wastes generated from production, business activities of Party A in accordance with Treatment Licences of Party B.

2.2. Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý các chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp và chất thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình sản xuất, kinh doanh như đã nêu tại điều khoản 2.1 và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường của Việt Nam.

- Party B carries out the collection, transportation and treatment of wastes generated from production and business as referred in Article 2.1 and complies with Law on Environmental Protection of Viet Nam.

Điều 3. Địa điểm và thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển

Article 3. Location and time of forwarding, transportation vehicles

3.1. Địa điểm giao nhận chất thải - Wastes handover location:

Khu đất CN5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng - *At waste storage of Party A: Lot CN5.2E, Dinh Vu Industrial Zone, Dong Hai 2 ward, Hai An district, Hai Phong city*

3.2. Địa điểm lưu giữ và xử lý: Tại Nhà máy xử lý chất thải Minh Tân thuộc Khu đầm Ao La, Xã Minh Tân, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng.

- Treatment and storage location: at Minh Tan Wastes Treatment Plant, Ao La lagoon, Minh Tan commune, Thy Nguyen district, Hai Phong city.

3.3. Thời gian giao nhận - Time of handover:

Theo khối lượng thực tế và thỏa thuận giữa bên A và bên B; hoặc được thực hiện khi có sự yêu cầu của bên A và sau khi bên B bố trí được phương tiện, nhân lực. Bên A sẽ báo trước cho bên B 01 ngày kế hoạch giao nhận từng chuyến.

- Depending on waste quantity and agreement of both Party A and Party B; or Waste handover will be carried out as requested by Party A, and after Party B allocates the vehicles and human forces. Part A should inform to Party B 01 day in advance about the waste handover plan.

3.4. Phương thức giao nhận - Handover procedures:

Theo thỏa thuận giữa bên A và bên B và bằng biên bản xác nhận khối lượng cân hàng giữa hai bên cho chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp và chất thải sinh hoạt cho từng đợt thu gom.

- According to agreement of both Party A and Party B and by confirming minutes the weight of waste for hazardous waste, industrial waste and domestic waste of two parties for every waste collection time.

3.5. Khối lượng thu gom chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp và chất thải sinh hoạt:

- Căn cứ vào lượng chất thải phát sinh của chủ nguồn thải, nhưng phải đảm bảo thuận tiện cho năng lực bốc xếp và vận chuyển cho bên B. Khối lượng thu gom được xác định bằng kg theo từng đợt thu

gom và có xác nhận của 02 bên đối với chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp và chất thải sinh hoạt.

- *Quantity of hazardous wastes, industrial wastes and domestic waste: Based on quantity of wastes generation of owner, and ensure convenient for waste collection of Party B. The waste quantity will be defined by kilogram for hazardous waste, industrial waste and domestic waste for every waste collection and handover time with confirmation of two parties.*

- Khối lượng rác thải thực tế (KLTT) được thu gom, vận chuyển và xử lý hàng tháng là khối lượng rác đã được hai bên xác nhận hàng ngày bằng biên bản xác nhận khối lượng. Căn cứ vào khối lượng thống nhất trong biên bản tổng hợp hàng tháng, bên B sẽ xuất hoá đơn cho bên A.

The actual amount of waste (KLTT) collected, transported and processed every month is the amount of waste that has been confirmed by the two sides daily with the volume confirmation minutes. Based on the agreed volume in the monthly confirmation minutes, Party B will issue an invoice to Party A.

3.6. Tần suất thu gom chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp và chất thải sinh hoạt sẽ được xác định theo khối lượng thực tế phát sinh và được thống nhất giữa hai bên.

- *Frequency of hazardous wastes, industrial wastes and domestic wastes collection will be defined according to actual quantity of wastes and agreed by two parties.*

3.7. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển chuyên dụng, bố trí nhân lực xếp dỡ hàng lên xe.

- *Transportation vehicles: Party A is responsible for allocating the transportation vehicles and human force to loading wastes to vehicles.*

Điều 4. Đơn giá và loại hợp đồng

Article 4. Price unit and type of contract

4.1. Đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp và chất thải sinh hoạt – *Unit price of hazardous wastes, industrial wastes and domestic wastes collection, transportation and treatment service:*

Danh mục đơn giá chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp rắn thông thường được thể hiện như sau:

List of Hazardous waste and Industrial waste price as below:

STT	Danh sách chất thải/ <i>List of waste</i>	Mã CTNH <i>Hazardous code</i>	ĐVT/ <i>Unit</i>	Đơn giá xử lý/ <i>Treatment Price (VND)</i>	Phương án xử lý <i>Treatment Plan</i>
1	Chất thải nguy hại/Hazardous waste				
1	Mực in thải/wasted ink	08 02 01	Kg	4,300	Thiêu hủy trong lò đốt, tro xi hóa rắn/Burned in an incinerator; solidified ash
2	Hộp mực in thải/wasted ink cartridge	08 02 04	Kg	4,300	

3	Bao bì mềm (carton dính dầu)/ <i>soft package (contaminate carton)</i>	18 01 01	Kg	2,800	
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại/ <i>contaminate absorbent, rag, cloth ...</i>	18 02 01	Kg	5,300	
5	Bóng đèn huỳnh quang/ Fluorescent light bulb	16 01 06	Kg	4,300	Xử lý bằng hệ thống phá dỡ bóng đèn; phế thải hóa rắn/ <i>treated by lamp demolition system; solidied residues</i>
6	Pin thải/ <i>wasted batteries</i>	16 01 12	Kg	4,000	Trung hòa, phá dỡ thu hồi kim loại, nhựa/ <i>Neutralized; demolished and recover metal plastic</i>
7	Dầu bôi động cơ hộp số, bôi trơn gốc khoáng thải không có clo/ <i>waste engine oil, mineral oil free of Clo</i>	17 02 12	Kg	1,000	Tách nước, tái chế dầu; cặn bã đốt trong lò CTNH; nước thải xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung/ <i>Separating water; recycling oil; burning residues in an cinerator; wateswater treated in wastewater treatment system</i>
8	Các loại dầu thải/ <i>Other types of Waste oil</i>	15 01 07	Kg	1,000	
9	Waste Oil	17 07 03	Kg	1,000	
10	Nước lẫn dầu/ <i>waster mixed with oil</i>	17 05 05	Kg	3,300	
11	Các loại dung môi và hỗn hợp khác/ <i>wasted solvent</i>	17 08 03	Kg	2,300	
12	Bao bì cứng bằng kim loại (vỏ phi)/ <i>wasted hard metak package with hazardous waste</i>	18 01 02	Kg	1,000	Súc rửa thùng phuy; nước thải thu về hệ thống xử lý nước thải tập trung/ <i>rinsing drums, wastewater collected to wastewater treatment system</i>
13	Bao bì cứng thải bằng nhựa dính dầu (vỏ can)/ <i>wasted hard plastic package with hazardous waste</i>	18 01 03	Kg	2,000	

14	Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác (thủy tinh)/wasted hard package with hazardous waste	18 01 04	Kg	2,200	
II	Chất thải công nghiệp thông thường				
1	Chất thải công nghiệp thông thường/ Ordinary industrial waste	CTCNTT	kg	1.800	Chôn lấp tại bãi chôn lấp rác thải tập trung hoặc tiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn/buried in waste dumping ground or burned in an incineration or solidified ash

4.2. Loại hợp đồng - *Type of Contract*

Loại hợp đồng: Hợp đồng dịch vụ.

- *Type of contract: Service contract*

Điều 5. Thanh toán

Article 5. Term of Payment

5.1. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

- *Payment term: Banking transfer.*

5.2. Phương thức thanh toán - *Payment method*

- Căn cứ vào khối lượng thống nhất trong biên bản tổng hợp hàng tháng, bên B sẽ xuất hoá đơn và gửi đề nghị thanh toán cho bên A.

Based on the volume agreed in the monthly confirmation minutes, Party B will issue the invoice and send a request for payment to Party A.

- Bên A thanh toán cho bên B trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn và chứng từ hợp lệ của bên B.

Party A pays Party B within 10 days from the date of receipt of valid invoices and documents from Party B.

5.3. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng (VND).

- *Currency of payment: Viet Nam dong (VND).*

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của các bên

Article 6. Rights and Responsibilities of each party

6.1. Quyền và nghĩa vụ của bên A - *Rights and responsibilities of Party A*

a) Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo ĐIỀU 5 của Hợp đồng.

- *Party A has responsibility to pay to Party B as regulated in ARTICLE 5 of this contract.*

- b) Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B hồ sơ chất thải bao gồm nguồn gốc xuất xứ, mẫu biên bản bàn giao chất thải (nếu có).
- Party A has responsibilities to provide to Party B all profile of wastes including the original, samples of wastes handover minute (if yes)
- c) Bên A có trách nhiệm bàn giao chất thải theo đúng quy định về lưu giữ chất thải nguy hại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường.
- Party A has responsibility to handover wastes according to regulations of hazardous wastes as regulated in Circular No 36/2015/TTBTNMT of Ministry of Natural Resources and Environment.
- d) Trước khi giao cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thu gom, phân loại chất thải tại cơ sở phát sinh chất thải bên A theo đúng quy định pháp luật. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải, Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.
- Party A has responsibilities to collect, segregate wastes at the waste generation sources of Party A according to existing regulation. In case of changes in composition of wastes, Party A must to inform in advance to Party B to have alternatives of solve out immediately and adjust the price properly.
- e) Bên A tạo điều kiện cho Bên B trong việc thu gom và vận chuyển chất thải trong phạm vi của Bên A
- Party A should prepare foundation for Party B to collect, transport and treat wastes within Party A scope.
- f) Bên A cử cán bộ cần và xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.
- Party A assign staff to scale and confirm volume of the collected, transported and treated waste quantity as the base for handover minute and contract payment.
- g) Bên A có trách nhiệm lập và chuyển chứng từ chất thải nguy hại cho Bên B theo đúng quy định của Thông tư 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường.
- Party A has responsibilities prepare and transfer the hazardous wastes document to Party B according to the Circular No 36/2015/TT-BTNMT of Ministry of Natural Resources and Environment.
- h) Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các chất thải không bàn giao cho bên B vận chuyển và xử lý.
- Party A has take the obligatory responsibilities for no handing over the wastes to Party B for transportation and treatment.
- i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật hiện hành.
- Other rights and responsibilities according to existing Laws.

6.2. Quyền và nghĩa vụ của bên B - Rights and responsibilities of Party B

- a) Hướng dẫn Bên A thu gom, phân loại và lưu giữ tạm thời chất thải của Bên B tại khu vực lưu giữ chất thải của Bên A theo quy định của pháp luật.
- To guide the Party A to collect, categorize and store temporarily of Party B inside storage area of Party A according to regulations of Laws.
- b) Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải theo đúng các quy định và các văn bản có liên quan về xử lý chất thải nguy hại, công nghiệp và bảo vệ môi trường của nhà nước Việt Nam hiện hành, và Hợp đồng.

- *Party B has responsibilities of collecting, transportation, storage and treating wastes in compliance with existing regulations and related legal document on hazardous wastes, industrial wastes and environmental protection of Viet Nam, and contract.*
- c) **Bổ trí nhân lực lấy rác lên xe, phương tiện vận chuyển chuyên dụng và xử lý rác thải theo đúng quy định của hợp đồng.**
- *Assign human force to transfer wastes to specialized vehicle and treat wastes in compliance with regulations in Contract.*
- d) **Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A nếu có phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải để cùng phối hợp giải quyết.**
- *Party B has responsibilities to inform fully to Party A about raising issues in case of happening during collection, transportation and treatment of wastes to work out together.*
- e) **Bên B hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của luật pháp và giao lại chứng từ lưu cho bên A đúng thời hạn.**
- *Party B provides adequate receipts of hazardous wastes to Party A according to existing regulations and transfer receipts to Party A on time.*
- f) **Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.**
- *In case of Party B found out some or all wastes types are not consistent with wastes profile, two parties have to negotiate, discuss to solve these wastes according to existing regulation. The treatment of these above new wastes will be implemented according to two parties' agreement and according to the existing regulation, Party B has to be responsible for all costs.*
- g) **Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.**
- *Party B has right to refuse to collect wastes when Party A does not assigned staff for waste handover and signing on quantity confirmation minutes.*
- h) **Cán bộ, nhân viên của Bên B khi làm việc trong phạm vi của Bên A phải thực hiện tuân thủ các nội quy, quy định đối với nhà thầu của bên A.**
- *Staff, workers of Party B working within Party A areas should comply with internal rules and regulation for vender of Party A.*
- i) **Phối hợp với bên A trong việc cung cấp các thông tin liên quan khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.**
- *Collaborate with Party A in providing related information to authorities as requested.*
- j) **Báo giá và bổ sung phụ lục Hợp đồng đối với chất thải mới phát sinh không có trong Phụ lục hợp đồng này khi có yêu cầu từ bên A.**
- *Quotation and addition of Appendix to Contract for newly generated waste not included in this Contract Appendix upon request from Party A.*
- k) **Xem xét điều chỉnh giá xử lý chất thải nguy hại và công nghiệp khi có yêu cầu của bên A.**
- *Consider adjusting the price of hazardous and industrial waste at the request of Party A.*
- l) **Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật hiện hành.**
- *Other rights and responsibilities according to existing Laws.*

Điều 7. Điều khoản bảo mật

Article 7. Confidential term

7.1. Các Bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt thời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.

- Each party should have responsibilities to keep confidential of all information received from other Party in contract terms and after ending time of Contract and execute all necessary measures to maintain the confidential.

7.2. Mỗi Bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, và sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kì thông tin Hợp đồng nào cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

- Each party should treat all information in contract as the confidential information, valuable and monopolic, and no disclosure and ensure all parties staff will not disclose any information of Contract to any third party if there is no agreement from remain party.

Điều 8. Thời gian hiệu lực và gia hạn hợp đồng

Article 8: Contract term and contract renew

8.1. Hợp đồng này có hiệu lực pháp lý kể từ ngày 10/12/2021 đến hết ngày 09/12/2022.

- This contract is valid since 10/12/2021 to 09/12/2022.

8.2. Nếu không có văn bản thông báo chấm dứt hợp đồng, yêu cầu thay đổi nội dung hợp đồng từ các bên thì hợp đồng này sẽ tự động gia hạn cho từng năm tiếp theo.

- If there is no announcement of contract termination, request of changing contract content from two parties, this contract would have automatically been renewed for new each next year.

Điều 9. Tạm dừng và chấm dứt thực hiện hợp đồng

Article 9. Contract halt, contract termination

9.1. Tạm dừng hợp đồng - Contract halt

Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- The contract will be halted in the following cases:

- a) Bên B có quyền dừng cung cấp dịch vụ cho bên A khi bên A chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ quá hạn. Trong trường hợp này, bên A có trách nhiệm thanh toán ngay theo qui định và chỉ khi bên B xác nhận việc thanh toán trên thì Hợp đồng mới được tiếp tục thực hiện.

- Party B has a right to stop providing service to Party A when Party A has not completed payment responsibilities of debts in excess of the time limit. In this case, Party A should have responsibility of paying as regulated in this contract. Only if Party B confirms above payment, the contract will be valid of implementation.

- b) Bên A có quyền dừng thanh toán nếu Bên B không thực hiện việc thu gom xử lý rác thải và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 2, 3, 5, 6 của Hợp đồng này. Việc thanh toán chỉ được thực hiện khi Bên B thực hiện đúng và đủ nghĩa vụ nêu trên.

- Party A has right to stop payment if Party B has not implemented the waste collection, transportation and treatment and other responsibilities mentioned in Article 2,3,4 and 5 of

this contract. The payment only is implemented when Party B has implemented all above responsibilities.

- c) Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết; trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

- Each party has the right to halt the contract due to the fault of the rest party with official written notice and discuss to solve the matter to continuously implement the contract signed, in case the party that halt the contract without official written notice, they will have to compensate for the loss caused by the halt.

9.2. Chấm dứt hợp đồng - Contract termination

- a) Một bên có quyền chấm dứt hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện chấm dứt mà các bên đã thoả thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại;

- Each party has the right to terminate the contract without the compensation if the violent of the rest party is the condition for contract termination mentioned in Contract or prescribed in the law. The party that breaks the contract must compensate for the rest party;

- b) Một bên muốn chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn thì phải thông báo trước cho Bên kia ít nhất 30 ngày và hai Bên phải có xác nhận bằng văn bản, đồng thời hai bên tiến hành thanh quyết toán công nợ và ký biên bản thanh lý Hợp đồng là căn cứ chính thức cho phép Hợp đồng này được chấm dứt. Nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên chấm dứt hợp đồng phải bồi thường;

- The terminated Party must immediately inform to other Party about its termination at least 30 days in advance in writing and two parties should proceed all payment procedures and sign the termination contract minute, which is evidences of contract termination. Without written notice, any losses appeared will be covered by terminated Party;

- c) Khi hợp đồng bị chấm dứt thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị chấm dứt và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền có liên quan sau khi đã trừ các chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện công việc theo hợp đồng.

- When the Contract be terminated, The Contract will have no value at terminated time, and both Parties must settle to each other payment or/and assets after deducting all costs occurred during contract's implementation.

Điều 10. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

Article 10. Claims and settlement

10.1. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp, các Bên phải có trách nhiệm thương lượng giải quyết trên tinh thần hòa giải, có thiện chí và hợp tác.

- When the claims are occurred, the two Parties can together deal with the problem in a conciliation and cooperative spirit;

10.2.

Mọi tranh chấp, bất đồng hay khác biệt giữa các Bên liên quan đến việc giải thích hoặc hiệu lực của Hợp đồng này hoặc các quyền và nghĩa vụ của các Bên sẽ được giải quyết chung thẩm bởi Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam ("VIAC") theo các Quy tắc Tổ tụng Trọng tài của Trung tâm này có hiệu lực tại thời điểm giải quyết tranh chấp. Địa điểm tổ tụng trọng tài là Hà Nội, Việt Nam;

ngôn ngữ sử dụng trong tổ tụng trọng tài là tiếng Việt. Hội đồng trọng tài bao gồm ba (3) trọng tài viên. Phán quyết trọng tài là chung thẩm và ràng buộc đối với các Bên.

All disputes, controversies or differences between the Parties concerning the interpretation or validity of this Agreement or the rights and liabilities of the Parties shall be finally settled by Vietnamese International Arbitration Centre ("VIAC") in accordance with its Arbitration Rules then in force. The place of arbitration shall be in Ha Noi, Vietnam; the language of arbitration shall be Vietnamese. The tribunal shall consist of three (3) arbitrators. The award thereof shall be final and binding upon the Parties

Điều 11. Bất khả kháng

Article 11. Force majeure

11.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, bao gồm nhưng không giới hạn như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất; hoả hoạn; chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh và các thảm hoạ khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

- Force majeure is the fact happened objectively without expectations and beyond the both parties' control, inclusive but not limited such as earthquakes, storms, floods, cyclones, tsunamis, landslides, fire, war or war threatened and other unexpected disasters, the changing of policy or the prohibition of the government appropriate authority.

11.2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng đã nêu ở Khoản 10.1 Điều này sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, bên bị ảnh hưởng bởi một hoặc nhiều sự kiện bất khả kháng đã nêu ở Khoản 10.1 Điều này có nghĩa vụ sau:

- The breach of contract of any party due to the force majeure mentioned in Clause 10.1 this Article shall not be reasons for the other party to terminate the contract. However, the party who is affected by the force majeure events mentioned in Clause 9.1 this Article shall have the following obligations:

- a) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra;
- To take reasonable precautions and the necessary alternative measures to minimize the effects caused by the force majeure;
- b) Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.
- Promptly inform to the other party about the force majeure within 07 days immediately after the occurrence of the force majeure.

11.3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

- In case of force majeure, the valid of the contract will be last as long as the duration of force majeure that the effected party can not take its responsibility mentioned in contract.

Điều 12. Điều khoản thi hành

Article 12. Implementation

12.1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản của Hợp đồng và thường xuyên thông báo tình hình thực hiện hợp đồng của mỗi bên.

- *Two parties commit to strictly comply with contractual terms and conditions and inform each other of contract execution on a regular basis.*

12.2. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản song ngữ (Tiếng Việt và Tiếng Anh) có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 (hai) bản, bên B giữ 02 (hai) bản. Trong trường hợp có sự không thống nhất và mâu thuẫn giữa các bản tiếng Anh và tiếng Việt thì bản tiếng Việt sẽ có giá trị ưu tiên.

This Contract is made into 04 (four) bilingual copies (Vietnamese and English) with equal legal value, 02 of which will be kept by Party A, Party B keeps 02. In case of any discrepancies and conflict between the Vietnamese and English version, the Vietnamese version will be prevailed.

ĐẠI DIỆN BÊN A

REPRESENTATIVE OF PARTY A



**TỔNG GIÁM ĐỐC
TAKUYA YASUDA**

ĐẠI DIỆN BÊN B

REPRESENTATIVE OF PARTY B



**PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hoài Sơn**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

—o0o—

HỢP ĐỒNG - CONTRACT

(V/v: Thu mua phế liệu - About: Scrap purchasing)

Số/ No: 18/2021/HDMB/PH-IDEMITSU

CĂN CỨ KÝ HỢP ĐỒNG:

BASES FOR AGREEMENT:

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;

- Pursuant to Civil Code of Vietnam No. 91/2015/QH13 approved by the National Assembly of the Socialist Republic of Viet Nam held on November 24, 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/6/2014 tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khoá XIII;

- Pursuant to Law on Environmental Protection No. 55/2014/QH13 by The National Assembly of The Socialist Republic of Vietnam approved on June 23rd, 2014, Legislature XIII at the 7th Session;

Căn cứ vào Bộ luật thương mại số: 36/2005/QH11 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/06/2005;

- Pursuant to the Business Licenses Pursuant to Law on Trade No 36/2005/QH11 of Socialist Republic of Viet Nam Government promulgated on June 14, 2005;

Căn cứ Thông tư Số 36/2015/TT-BTNMT về Quản lý chất thải nguy hại

- Pursuant to Circular No. 36/2015/TT-BTNMT on Hazardous Waste Management

Căn cứ Giấy phép hành nghề Quản lý chất thải nguy hại của Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kho vận Phú Hưng do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 12/10/2020, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.108.VX;

- Pursuant to the Business Licence on Hazardous Wastes Management of Phu Hung Trading and Warehouse Services JSC granted by Ministry of Natural Resources and Environment dated October 12nd, 2020 Code QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.108.VX;

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

- Pursuant to ability and demands of the both Parties.

Hôm nay, ngày 10 tháng 12 năm 2021, chúng tôi gồm có:

Today, Dec 10th, 2021, we are:

BÊN A: CÔNG TY TNHH DẦU NHỚN IDEMITSU VIỆT NAM

PARTY A: IDEMITSU LUBE VIETNAM Co. Ltd.

Đại diện: Ông YASUDA TAKUYA

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Represented by Mr YASUDA TAKUYA

Title : General Director

Địa chỉ : Khu đất CN5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải A, thành phố Hải Phòng

Address : Lot CN5.2E, Đình Vu Industrial Zone, Dong Hai 2 ward, Hai An district, Hai Phong city

Điện thoại/ Phone : 0225 3246 508 - Fax: 0225 3246 509

Mã số thuế/ Tax Code : 020 127 5452

Tài khoản số : 0031 0066 68888

Bank Account No : 0031 0066 68888

Tên ngân hàng : Tại ngân hàng: Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) – Chi nhánh Hải Phòng

Bank Name: : Vietcom bank – Haiphong Branch

Sau đây được gọi là “Bên A”.

Herein after referred to us “Party A”.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẠN PHÚ HƯNG

PARTY B: PHU HUNG TRADING AND WAREHOUSE SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Đại diện : Ông NGUYỄN HOÀI SƠN

Chức Vụ: Phó giám đốc

Represented by : Mr. NGUYEN HOAI SON

Title: Deputy Director

Theo giấy UQ số 02-2021/UQ-PH ngày 08 tháng 3 năm 2021

Pursuant to Authorization letter No. 02-2021/UQ-PH dated on March 08th, 2021

Địa chỉ : 49 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Address : 49 Đinh Tiên Hoàng, Hoang Van Thu ward, Hong Bang district, Hai Phong city, Vietnam

Điện thoại/ Phone : (+84) 96810 8888

Mã số thuế/ Tax Code : 0200867992

Tài khoản số/Bank : 020.010.101.602.03 Mở tại ngân hàng TMCP Hàng Hải – CN Hải Phòng

Opened at Maritime Commercial Joint Stock Bank - Hai Phong Branch

Cơ sở xử lý chất thải : Nhà máy xử lý chất thải Minh Tân – Giấy phép hành nghề Quản lý chất thải nguy hại của Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kho vận Phú Hưng do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 12/10/2020, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.108.VX

Treatment plant : *Minh Tan waste treatment plant - Business Licence on Hazardous Wastes Management of Phu Hung Trading and Warehouse Services JSC granted by Ministry of Natural Resources and Environment dated October 12nd, 2020 Code QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.108.VX*

Địa chỉ cơ sở xử lý chất thải : Khu Đầm Ao La, xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Address of treatment : Dam Ao La Area, Minh Tan commune, Thuy Nguyen district, Hai Phong city

Sau đây được gọi là “Bên B”.

Herein after referred to as “Party B”.

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng với những điều khoản sau:

The two parties have agreed to sign this Contract with the following terms and conditions:

Điều 1. Luật và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Article 1. Law and language

1.1. Luật áp dụng: Hợp đồng chịu sự điều tiết của hệ thống Luật của Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- Applicable law: The contract is subjected to the regulation of the legal system of the socialist republic of Vietnam.

1.2. Ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng này là: Tiếng Việt và Tiếng Anh, trong trường hợp có sự mâu thuẫn và không đồng nhất ngôn ngữ tiếng Việt được ưu tiên.

- Language used for this contract is: Vietnamese and English, in case there are any conflict and inconsistency, the Vietnamese language will be prevailed.

Điều 2. Nội dung công việc

Article 2. Scope of work

020
CÔ
CÔ
ƯƠN
H V
PHÚ
ANG

2.1. Bên A đồng ý giao cho Bên B thu mua phế liệu phát sinh trong hoạt động sản xuất của Bên A và được hai bên thống nhất về đơn giá theo giá cả thị trường tại thời điểm bên A bán cho bên B.

- *Party A agrees to delegate to Party B to purchase the scraps generated in production of Party A and prices will be agreed by two parties according to the market price at the time of purchasing.*

2.2. Tên hàng: Phế phẩm các loại được loại bỏ trong quá trình nhập khẩu nguyên liệu, vật liệu, máy móc thiết bị và phế liệu loại bỏ trong quá trình sản xuất của bên A.

- *Name of good: All kinds of failure products which are wasted from materials, machines, equipment and scraps import from production chain of Party A.*

Điều 3. Địa điểm và thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển

Article 3. Location and time of forwarding, transportation vehicles.

3.1. Địa điểm giao hàng: Hàng được giao tại kho của bên A theo hóa đơn bán hàng từng đợt cụ thể, trên phương tiện vận tải của bên B.

- *Location of good handover: goods will be forwarded at stores of Party A according to invoice of each time, on transportation vehicles of Party B.*

3.2. Thời gian: sẽ được thoả thuận cụ thể theo khối lượng phế liệu và thời điểm hoàn thành các thủ tục nhập khẩu phế liệu của bên A.

- *Time: Time of forwarding will be agreed upon specifically depending on scraps quantity and time of import procedure completion fo Party A.*

3.3. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển.

- *Transportation vehicle: Party B will be responsible for allocating the transportation vehicles.*

Điều 4. Đơn giá và loại hợp đồng

Article 4. Unit price and type of contract

4.1. Đơn giá thu mua phế liệu - *Unit price of scraps purchasing*

- Giá cả, chủng loại hàng hóa, và số lượng:

Unit price, type of scraps and quantity:

a) Đơn giá phế liệu: được thể hiện ở phụ lục đính kèm bán hợp đồng này như phần không thể tách rời.

- *Unit prices of scraps: price will be presented in the annex adhered to this contract as an integral part.*

b) Đơn giá của phế liệu sẽ được điều chỉnh theo theo biến động giá cả thị trường bằng phụ lục đi kèm theo hợp đồng nguyên tắc này.

- *Unit price of scraps will be adjusted according to the market prices and presented in the integral annex of this principle contract.*

4.2. Loại hợp đồng - *Type of Contract*

a) Loại hợp đồng: Hợp đồng nguyên tắc.

- *Type of contract: Principle contract.*

Điều 5. Thanh toán

Article 5. Term of Payment

5.1. Phương thức thanh toán - *Payment method*

- Căn cứ vào khối lượng thống nhất trong biên bản tổng hợp hàng tháng, bên A sẽ xuất hoá đơn và gửi đề nghị thanh toán cho bên B.

Based on the volume agreed in the monthly confirmation minutes, Party A will issue the invoice and send a request for payment to Party B.

- Bên B thanh toán cho bên A trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn và chứng từ hợp lệ của bên A.

Party B pays Party A within 10 days from the date of receipt of valid invoices and documents from Party A.

5.2. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng (VND).

- *Currency of payment: Viet Nam dong (VND).*

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của các bên

Article 6. Rights and Responsibilities of each party

6.1. Quyền và nghĩa vụ của bên A - *Rights and responsibilities of Party A*

a) Bên A: Giao hàng là phế liệu tại kho đúng thời hạn, phát hành những chứng từ liên quan đến lô hàng, cử nhân viên giám sát số lượng và chất lượng phế liệu.

- Party A: Forwading scraps at store on time, issues the invoice and documents of scraps on time, assigning staff to monitor quantity and quality of scraps.

b) Chuẩn bị xe nâng phục vụ quá trình bốc xếp phế liệu tại kho của bên A.

- Prepare the lifting truck for uploading scraps at store.

c) Xuất hóa đơn cho Bên B theo quy định hiện hành.

- Issues invoices to Party B according to existing regulation.

d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật hiện hành.

- Other rights and responsibilities according to existing Law.

6.2. Quyền và nghĩa vụ của bên B - *Rights and responsibilities of Party B*

a) Bên B chịu trách nhiệm làm các thủ tục hải quan.

- Party B is responsible for completing customer procedures.

b) Bên B làm các thủ tục cần thiết có liên quan để nhận hàng, thanh toán phí vận chuyển.

- Party B prepare the required procedures to receive the goods, pay all transportation costs.

c) Phối hợp với bên A trong việc cung cấp các thông tin liên quan khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

- Cordinate with Party A in providing related information as requested by authorities.

d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật hiện hành.

- Other rights and responsibilities according to existing Law.

Nếu Bên Bán trả tiền hoa hồng cho nhân viên Bên Mua, Bên Mua sẽ ngay lập tức chấm dứt hợp đồng với bên Bán và Bên Bán sẽ phải hoàn trả lại các khoản tiền bên Mua đã thanh toán

378
3 TY
HÀN
MAI
HO V
LNG
P. H

và chịu trách nhiệm hoàn toàn cho bất kỳ khoản thiệt hại phát sinh từ hợp đồng này cho cả hai Bên.

If Seller pay commissions for Buyer's staff, Buyer will immediately stop business with Seller and Seller have to refund all paid amount to Buyer and have taken responsibility of any damage arising from this contract for both Parties.

- Bên Bán đồng ý rằng, Bên Mua không gánh chịu bất kỳ nghĩa vụ phát sinh từ việc Bên Mua không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ quy định về chính sách chống tham nhũng trong Hợp đồng này. Theo đó, Bên Bán có nghĩa vụ cam kết và thực hiện đầy đủ chính sách chống tham nhũng/hồi lộ được quy định tại Bản thỏa thuận chống tham nhũng hồi lộ đã ký ngày

Seller agrees that Buyer shall not be liable to any obligation arising from Seller failure to comply or fully comply with the anti-corruption/bribery policy herein. Accordingly, Seller shall undertake and fully comply with the anti corruption/bribery policy as stipulated in Anti-Corruption/Bribery Commitment for Suppliers dated

Điều 7. Thời gian và gia hạn hợp đồng.

Article 7. Contract term and contract renew

- a) Hợp đồng này có hiệu lực pháp lý kể từ ngày 10/12/2021 đến ngày 09/12/2022.
- This contract is valid since 10/12/2021 to the date 09/12/2022.
- b) Nếu không có văn bản thông báo chấm dứt hợp đồng, yêu cầu thay đổi nội dung hợp đồng từ các bên thì hợp đồng này sẽ tự động gia hạn cho từng năm tiếp theo.
- If there is no announcement of contract termination, request of changing contract content from two parties, this contract would have automatically been renewed for new each next year.
- c) Hai bên sẽ thương thảo thay đổi nội dung hợp đồng trong trường hợp có những thay đổi về các quy định của pháp luật liên quan đến nhập khẩu phế liệu phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của bên A.
- Two parties will negotiate the changes in content of contract in case there will be changes in existing regulations related to the scraps import, which are arising during Party A's production and business.

Điều 8. Tạm dừng và chấm dứt thực hiện hợp đồng

Article 8. Contract halt and contract termination

8.1. Tạm dừng hợp đồng - Contract halt:

Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:

The contract will be halted in the following cases:

- a) Bên A có quyền dừng cung cấp dịch vụ cho bên B khi bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ quá hạn.
- Party A has a right to stop selling scraps to Party B when Party B has not completed payment responsibilities of debits in excess of the time limit.

b) Trong trường hợp này, bên B có trách nhiệm thanh toán ngay theo qui định và chỉ khi bên A xác nhận việc thanh toán trên thì Hợp đồng mới được tiếp tục thực hiện.

- In this case, Party B should have responsibility of paying as regulated in this contract. Only if Party A confirms above payment, the contract will be valid of implementation.

c) Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết; trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

- Each party has the right to halt the contract due to the fault of the rest party with official written notice and discuss to solve the matter to continuously implement the contract signed, in case the party that halt the contract without official written notice, they will have to compensate for the loss caused by the halt.

8.2. Chấm dứt hợp đồng - *Contract termination:*

a) Một bên có quyền chấm dứt hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện chấm dứt mà các bên đã thoả thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại;

- Each party has the right to terminate the contract without the compensation if the violent of the rest party is the condition for contract termination mentioned in Contract or prescribed in the law. The party that breaks the contract must compensate for the rest party;

b) Một bên muốn chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn thì phải thông báo trước cho Bên kia ít nhất 30 ngày và hai Bên phải có xác nhận bằng văn bản, đồng thời hai bên tiến hành thanh quyết toán công nợ và ký biên bản thanh lý Hợp đồng là căn cứ chính thức cho phép Hợp đồng này được chấm dứt. Nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên chấm dứt hợp đồng phải bồi thường;

- The terminated Party must immediately inform to other Party about its termination at least 30 days in advance in writing and two parties should proceed all payment procedures and sign the termination contract minute, which is evidences of contract termination. Without written notice, any losses appeared will be covered by terminated Party;

c) Khi hợp đồng bị chấm dứt thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị chấm dứt và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền có liên quan sau khi đã trừ các chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện công việc theo hợp đồng.

- When the Contract be terminated, The Contract will have no value at terminated time, and both Parties must settle to each other payment or/and assets after deducting all costs occurred during contract's implementation.

Điều 9. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp.

Article 9. Claims and settlement

a) Trong trường hợp xảy ra tranh chấp, các Bên phải có trách nhiệm thương lượng giải quyết trên tinh thần hòa giải, cố thiện chí và hợp tác.

- When the claims are occurred, the two Parties can together deal with the problem in a conciliation and cooperative spirit;

- b) Mọi tranh chấp, bất đồng hay khác biệt giữa các Bên liên quan đến việc giải thích hoặc hiệu lực của Hợp đồng này hoặc các quyền và nghĩa vụ của các Bên sẽ được giải quyết chung thẩm bởi Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam ("VIAC") theo các Quy tắc Tổ tụng Trọng tài của Trung tâm này có hiệu lực tại thời điểm giải quyết tranh chấp. Địa điểm tổ tụng trọng tài là Hà Nội, Việt Nam; ngôn ngữ sử dụng trong tổ tụng trọng tài là tiếng Việt. Hội đồng trọng tài bao gồm ba (3) trọng tài viên. Phán quyết trọng tài là chung thẩm và ràng buộc đối với các Bên.

All disputes, controversies or differences between the Parties concerning the interpretation or validity of this Agreement or the rights and liabilities of the Parties shall be finally settled by Vietnamese International Arbitration Centre ("VIAC") in accordance with its Arbitration Rules then in force. The place of arbitration shall be in Ha Noi, Vietnam; the language of arbitration shall be Vietnamese. The tribunal shall consist of three (3) arbitrators. The award thereof shall be final and binding upon the Parties.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Article 10. Implementation term

- a) Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản của Hợp đồng và thường xuyên thông báo tình hình thực hiện hợp đồng của mỗi bên.
- *Two parties commit to strictly comply with contractual terms and conditions and inform each other of contract execution on a regular basis.*
- b) Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản chính bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Mỗi bên giữ hai (02) bản để làm cơ sở thực hiện./.
- *This contract is made into four (04) originals in English and Vietnamese language. Each party shall keep two (02) original for execution./.*

ĐẠI DIỆN BÊN A

REPRESENTATIVE OF PARTY A



TỔNG GIÁM ĐỐC
TAKUYA YASUDA

ĐẠI DIỆN BÊN B

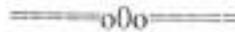
REPRESENTATIVE OF PARTY B



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hoài Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness



PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG
ANNEX OF CONTRACT

Số/ No: PL 01-18/2021/HĐMB/PH-IDEMITSU

CĂN CỨ KÝ HỢP ĐỒNG:

BASES FOR AGREEMENT:

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;

- Pursuant to Civil Code of Vietnam No. 91/2015/QH13 approved by the National Assembly of the Socialist Republic of Viet Nam held on November 24, 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/6/2014 tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khoá XIII;

- Pursuant to Law on Environmental Protection No. 55/2014/QH13 by The National Assembly of The Socialist Republic of Vietnam approved on June 23rd, 2014, Legislature XIII at the 7th Session;

Căn cứ vào Bộ luật thương mại số: 36/2005/QH11 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/06/2005;

- Pursuant to the Business Licenses Pursuant to Law on Trade No 36/2005/QH11 of Socialist Republic of Viet Nam Government promulgated on June 14, 2005;

Căn cứ Thông tư Số 36/2015/TT-BTNMT về Quản lý chất thải nguy hại

- Pursuant to Circular No. 36/2015/TT-BTNMT on Hazardous Waste Management

Căn cứ Giấy phép hành nghề Quản lý chất thải nguy hại của Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kho vận Phú Hưng do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 12/10/2020, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.108.VX;

- Pursuant to the Business Licence on Hazardous Wastes Management of Phu Hung Trading and Warehouse Services JSC granted by Ministry of Natural Resources ans Environment dated October 12nd, 2020 Code QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.108.VX;

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

- Pursuant to ability and demands of the both Parties.

Hôm nay, ngày 10 tháng 12 năm 2021, chúng tôi gồm có:

Today, Dec 10th, 2021, we are:

BÊN A: CÔNG TY TNHH DẦU NHỜN IDEMITSU VIỆT NAM

PARTY A: IDEMITSU LUBE VIETNAM Co. Ltd.

Đại diện: Ông YASUDA TAKUYA

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Represented by Mr YASUDA TAKUYA

Title : General Director

Địa chỉ : Khu đất CN5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Address : Lot CN5.2E, Đình Vu Industrial Zone, Dong Hai 2 ward, Hai An district, Hai Phong city

Điện thoại/ Phone : 0225 3246 508 - Fax: 0225 3246 509

Mã số thuế/ Tax Code : 020 127 5452

Tài khoản số : 0031 0066 68888

Bank Account No : 0031 0066 68888

Tên ngân hàng Bank : Tại ngân hàng: Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) – Chi nhánh Hải Phòng/ Vietcom bank – Haiphong Branch

Sau đây được gọi là “**Bên A**”.

Herein after referred to as “Party A”.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẠN PHÚ HƯNG

PARTY B: PHU HUNG TRADING AND WAREHOUSE SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Đại diện : Ông NGUYỄN HOÀI SON

Chức Vụ: Phó giám đốc

Represented by : Mr. NGUYEN HOAI SON

Title: Deputy Director

Theo giấy UQ số 02-2021/UQ-PH ngày 08 tháng 3 năm 2021

Pursuant to Authorization letter No. 02-2021/UQ-PH dated on March 08th, 2021

Địa chỉ : 49 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Address : 49 Đinh Tiên Hoàng, Hoang Van Thu ward, Hong Bang district, Hai Phong city, Vietnam

Điện thoại/ Phone : (+84) 96810 8888

Mã số thuế/ Tax Code : 0200867992

01
JN
SF
JNK
VU
HU
ING

Tài khoản số/Bank : 020.010.101.602.03 Mở tại ngân hàng TMCP Hàng Hải – CN Hải Phòng

Opened at Maritime Commercial Joint Stock Bank - Hai Phong Branch

Cơ sở xử lý chất thải : Nhà máy xử lý chất thải Minh Tân – Giấy phép hành nghề Quản lý chất thải nguy hại của Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kho vận Phú Hưng do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 12/10/2020, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.108.VX

Treatment plant : Minh Tan waste treatment plant - Business Licence on Hazardous Wastes Management of Phu Hung Trading and Warehouse Services JSC granted by Ministry of Natural Resources and Environment dated October 12nd, 2020 Code QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.108.VX

Địa chỉ cơ sở xử lý chất thải : Khu Đầm Ao La, xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Address of treatment : Dam Ao La Area, Minh Tan commune, Thuy Nguyen district, Hai Phong city

Sau đây được gọi là “Bên B”.

Herein after referred to as “Party B”.

Sau khi bàn bạc thoả thuận dựa trên hợp đồng nguyên tắc số 18/2021/HĐMB/PH- IDEMITSU hai bên cùng thống nhất nội dung phụ lục hợp đồng như sau:

After having discussion and agreement based on contract principles 18/2021/HĐMB/PH- IDEMITSU two parties have agreed on contents of contract annex as follow:

Bên A giao cho bên B thu mua phế liệu và hàng hoá tiêu hủy theo điều kiện sau:

Party A assigns to Party B to purchase scraps as below terms:

1. Đơn giá phế liệu:

Unit price of scraps:

TT No	Danh sách phế liệu, hàng tiêu hủy/ <i>List of scrap purchasing and disposed goods</i>	ĐVT/ <i>Unit</i>	Đơn giá thu mua VND/ <i>Purchased price</i>
1	Dầu phế liệu sau xử lý/ <i>Oil scrap after treatment</i>	Kg	6,700
2	Vỏ phuy sắt sau xử lý/ <i>Iron cask package after treatment</i>	Kg	3,800
3	Giấy bia carton/ <i>Carton</i>	Kg	1,000

4	Nylon phế liệu/ <i>Nylon scrap</i>	Kg	3,200
5	Vỏ phuy nhựa sau xử lý/ <i>Plastic cask package after treatment</i>	Kg	3,000

2. Tần suất thu gom - *Collection frequency*

- Phế liệu: sẽ được thu gom theo thoả thuận giữa 2 bên khi khối lượng đạt trên 1.000 kg cho 1 lần thu gom.

Scraps will be collected as agreed by two parties when the scraps quantity is 1,000 kg and above per each time of purchasing.

3. Điều kiện thương mại - *Commercial conditions:*

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí vận chuyển và các chi phí khác
- The above unit price excludes tax, transportation fee and other costs)

- Phụ lục này là một phần không thể tách rời của hợp đồng số 18/2021/HĐMB/PH-IDEMITSU ngày 10/12/2021, được lập thành 04 bản song ngữ Anh - Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

This annex is an integral part of the contract No. 18/2021/HĐMB/PH-IDEMITSU dated 10/12/2021, This annex is made into four (04) originals in English and Vietnamese language. Each party shall keep two (02) original for execution./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
 REPRESENTATIVE OF PARTY A



TỔNG GIÁM ĐỐC
 TAKUYA YASUDA

ĐẠI DIỆN BÊN B
 REPRESENTATIVE OF PARTY B



PHÓ GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Hoài Sơn

Hải Phòng, ngày 07 tháng 6 năm 2022

BIÊN BẢN

**Kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu
đã được phê duyệt tại Công ty TNHH Dầu nhờn IDEMITSU Việt Nam
năm 2022**

Hôm nay, vào hồi 08h30 ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại văn phòng Công ty TNHH Dầu nhờn IDEMITSU Việt Nam, địa chỉ Lô CN5.2E Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Thực hiện Quyết định số 11/QĐ-CCBHD ngày 04/5/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Biển và Hải đảo về việc “Thành lập Đoàn kiểm tra việc thực hiện ứng phó sự cố tràn dầu đã được phê duyệt và công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động nạo vét năm 2022”, theo Công văn số 706/STNMT-TTr ngày 10/3/2022 về việc chấp thuận Kế hoạch kiểm tra năm 2022 của các đơn vị trực thuộc Sở và Công văn số 1013/STNMT-TTr ngày 30/3/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh kế hoạch kiểm tra năm 2022 của các đơn vị trực thuộc Sở; Chi cục Biển và Hải đảo tổ chức kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được phê duyệt của Công ty TNHH Dầu nhờn IDEMITSU Việt Nam.

I. Thành phần

1. Thành phần Đoàn Kiểm tra gồm có:

- Ông Mai Đức Long, Phó Chi cục trưởng Chi cục Biển và Hải đảo, trưởng đoàn;
- Bà Hoàng Thu Hà, Phó Trưởng phòng Phòng Quản lý tài nguyên Biển và Hải đảo;
- Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Chuyên viên Phòng Quản lý tài nguyên Biển và Hải đảo, thư ký;
- Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường (*Vắng mặt*);
- Bà Vũ Mỹ Nhi, Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Hải An;
- Đại diện UBND phường Đông Hải 2 (*Vắng mặt*).

2. Đại diện Công ty TNHH Dầu nhờn IDEMITSU Việt Nam:

- Ông Hisashi Taya, Tổng Giám đốc ủy quyền cho Ông Teshima Kazuhiro, Phó Tổng giám đốc theo Giấy Ủy quyền số 04/UQ-HC-ILV ngày 16/4/2022;
- Ông Đỗ Văn Giang, Phó Giám đốc;

- Ông Nguyễn Hồng Thái; Trợ lý trưởng phòng – Phòng Quản lý chất lượng;

- Ông Nguyễn Duy Khánh, Giám sát – Phòng Quản lý chất lượng.

II. Nội dung kiểm tra

1. Hồ sơ pháp lý

- Công ty TNHH Dầu nhờn IDEMITSU Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201275452 cấp ngày 13/8/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16/4/2022.

- Công ty TNHH Dầu nhờn IDEMITSU Việt Nam được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BM 316966 tại địa chỉ Lô CN5.2E Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Diện tích: 60.000,0 m². Thời hạn sử dụng từ ngày 16/08/2012 tới hết ngày 23/06/2058.

- Địa chỉ: Lô CN5.2E Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và pha chế các loại dầu bôi trơn, sản phẩm là các loại dầu bôi trơn dùng cho xe gắn máy, xe ô tô và dầu bôi trơn công nghiệp.

2. Hồ sơ môi trường:

- Báo cáo về việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường:

+ Công ty được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 23/11/2012.

+ Giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án số 03/GXN-STN&MT cấp bởi Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố Hải Phòng vào ngày 25/01/2014.

+ Xử lý nước thải vào nguồn tiếp nhận: Công ty đã ký hợp đồng dịch vụ và tiện ích, Công ty cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải.

+ Quản lý chất thải thông thường, quản lý chất thải nguy hại: Công ty đã ký hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải với Công ty TNHH Tân Thuận Phong và Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kho vận Phú Hưng.

+ Quan trắc môi trường: Công ty đã thực hiện quan trắc môi trường định kỳ theo đúng tần suất, thông số quy định trong ĐTM đã được phê duyệt.

- Các nội dung liên quan đến việc thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu:

+ Công ty đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo Quyết định số 3293/QĐ-UBND ngày 30/11/2017.

+ Công ty có 04 thành viên đã được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa tập huấn kỹ năng ứng phó sự cố tràn dầu vào năm 2018 do Trung tâm ứng phó sự cố môi trường Việt Nam tổ chức.

+ Năm 2019, Công ty đã ban hành Quyết định về việc sửa đổi Quyết định thành lập Ban chỉ đạo và đội ứng phó sự cố tràn dầu cơ sở. Trong đó đội ứng phó sự cố do ông Nguyễn Hồng Thái đảm nhiệm chức danh Đội trưởng.

+ Công tác diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu: định kỳ hàng năm, Công ty tổ chức diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu. Lần gần đây nhất, vào ngày 28/01/2022.

+ Trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu hiện có tại đơn vị:

Thiết bị	Đơn vị	Số lượng
Phao quây dầu	Bộ	24
Máy bơm hút dầu chuyên dụng, công suất 20 m ³ /h để dự phòng	Chiếc	02
Giấy thấm dầu	Kiện	24
Trang phục (quần áo, ủng)	Bộ	06

3. Kết quả kiểm tra hiện trạng

Đoàn thực hiện kiểm tra tại Công ty TNHH Dầu nhờn IDEMITSU Việt Nam kết quả như sau:

- Mặt bằng Công ty đã được bê tông hoá, đảm bảo vệ sinh công nghiệp và cảnh quan môi trường.

- Vật tư trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu đã đầy đủ theo Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được phê duyệt, đảm bảo để ứng phó khi có sự cố xảy ra.

- Công ty đã tổ chức diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu theo các kịch bản đã được phê duyệt.

- Kho chứa chất thải nguy hại của Công ty đã đảm bảo theo quy định của pháp luật, có đê bao quanh ngăn dầu tràn và dán mã chất thải nguy hại phân loại cụ thể.

III. Kết luận của Đoàn kiểm tra:

Đoàn kiểm tra đề nghị đơn vị :

- Tiếp tục phát huy những kết quả tích cực đã đạt được, luôn đảm bảo công tác bảo vệ môi trường. Luôn đảm bảo công tác vệ sinh môi trường trên mặt bằng của Công ty.

- Thực hiện các công tác ứng phó sự cố tràn dầu theo Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục cử cán bộ của Ban chỉ đạo và Đội ứng phó sự cố tràn dầu tham gia lớp tập huấn nghiệp vụ ứng phó sự cố tràn dầu.

- Cập nhật nội dung các kịch bản ứng phó sự cố tràn dầu trong quyền Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu phù hợp với hiện trạng của đơn vị.

- Chủ động cập nhật và thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2021/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

IV. Ý kiến của Đơn vị

Công ty TNHH Dầu nhờn IDEMITSU Việt Nam hoàn toàn nhất trí với các đánh giá và cam kết thực hiện nghiêm túc các kết luận của Đoàn kiểm tra, có báo cáo gửi về Đoàn kiểm tra theo yêu cầu.

Biên bản được lập xong vào hồi 09h30 cùng ngày, biên bản được lập thành 04 bản đã đọc lại cho những người tham dự cùng nghe và nhất trí ký tên. Biên bản được giao cho đơn vị kiểm tra 01 bản./.

**ĐẠI DIỆN
CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỜN
IDEMITSU VIỆT NAM**


KAZUHIRO TESHIMA

**ĐẠI DIỆN
ĐOÀN KIỂM TRA**



Hoàng Thu Hà

**ĐẠI DIỆN
PHÒNG TÀI NGUYÊN MÔI
TRƯỜNG QUẬN HẢI AN**









VIMCERT 034
Số: 02512/KQPT/2022

TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ KHOÁNG SẢN
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Đ/c: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, P. Yên Nghĩa, Quận Mộ Đê, Hà Nội
Tel: 024.32007660 - Hotline: 0775.034034



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

VILAS 755

Tên khách hàng : Công ty TNHH dầu nhờn Idemissu Việt Nam
Địa chỉ : Khu đất CN 5.2 E, khu công nghiệp Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Khu đất CN 5.2 E, khu công nghiệp Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
Tên mẫu : Nước thải Số mẫu: 1 Ký hiệu : NT
Mã mẫu : N040522_008
Ngày lấy mẫu : 26/04/2022
Thời gian hoàn thành : 16/05/2022

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả phân tích	Theo tiêu chuẩn của KCNDV
				NT	
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	22,4	<45
2	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185:2015	140,4	-
3	Mùi ^(*)	-	Phương pháp cảm quan	Không có mùi khó chịu	-
4	pH	-	TCVN 6492:2011	6,5	5-9
5	BOD ₅ (20°C)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	21,7	500
6	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	41,7	500
7	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	95	500
8	Dầu mỡ DTV	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	2	30
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	2,2	5
10	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	TCVN 6637:2000	0,041	-
11	NH ₄ ⁺ _N	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,24	10
12	Tổng N	mg/l	TCVN 6638:2000	6,44	30
13	Tổng Photpho	mg/l	TCVN 6202:2008	1,74	6
14	Coliforms	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	2,4x10 ³	10.000

Ghi chú:

(#): Thông số chưa được công nhận trong Vimecert 034 và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT: Nước thải tại điểm xả cuối của cơ sở trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của khu công nghiệp.
Tọa độ: X=2303663(m), Y=608902(m)

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- (*): Thông số được thực hiện bởi nhà sản phẩm.

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả phòng phân tích chất lượng Môi trường không ghi quyết định kiểm tra lại kết quả xét nghiệm.

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Trung tâm MTKS.

- (-): Không có quy định.

- (KPT): Không phải hiện.

- (KPT): Không phải phân tích.

- Quy chuẩn so sánh:

+ Tiêu chuẩn của KCNDV: Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ.



Hà Nội, ngày 16 tháng 05 năm 2022

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hằng

- Kết quả này chỉ có giá trị nếu mẫu phân tích.

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- (*) Thông số được thực hiện bởi nhà đầu phụ.

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả phòng phân tích chất lượng môi trường không gửi quyết định khiếu nại kết quả xét nghiệm.

- Không được sao chép nội dung kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Trung tâm KCS.

- (-): Không có quy định.

- (KPH): Không phát hiện.

- (KPT): Không phân tích.



VIMCERT 034
Số: 02505/KQPT/2022

TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ KHOÁNG SẢN
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Đ/c: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lữ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Tel: 024.32007660 - Hotline: 0975.034034



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty TNHH đầu nhòm Idemissu Việt Nam
Địa chỉ : Khu đất CN 5.2 E, khu công nghiệp Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Khu đất CN 5.2 E, khu công nghiệp Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
Tên mẫu : Khí thải Số mẫu: 1 Ký hiệu : KT1
Mã mẫu : KTB0522_003
Ngày lấy mẫu : 26/04/2022
Thời gian hoàn thành : 16/05/2022

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT1	Cột B
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	106,3	200
2	CO	mg/Nm ³	SOP-MTKS-DKT 07/01	288,4	1.000
3	SO ₂	mg/Nm ³	SOP-MTKS-DKT 08/01	91,2	500
4	NO _x NO ₂	mg/Nm ³	SOP-MTKS-DKT 09/01 + SOP-MTKS-DKT 10/01	227,6	850
5	VOCs	mg/Nm ³	US EPA 0031	KPH	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT1: Ống khói nòi hơi 1,

Tọa độ: X=2303650(m); Y=608949(m)

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TM PHÒNG PHÂN TÍCH
VIMCERTS 034
Đỗ Thị Thúy Vân

Hà Nội, ngày 16 tháng 05 năm 2022



GIÁM ĐỐC

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- (*) Thông số được thực hiện bởi nhà phân tích
- Thời gian lưu mẫu 7 ngày sau thời điểm lấy mẫu phân tích chất lượng Môi trường thông gió quyết định không tự kết quả xét nghiệm
- Không được sao chép một phần hoặc toàn bộ thông tin này trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm MTKS

- (-): Không có quy định
- (KPH): Không phân tích

Nguyễn Văn Thanh



VIMCERT 034
Số: 02506/KQPT/2022

TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ KHOÁNG SẢN
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Đ/c: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lữ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, Hà Nội
Tel: 024.32007660 - Hotline: 098.999.9999



VILAS 755

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty TNHH đầu nhóm Idemissu Việt Nam
Địa chỉ : Khu đất CN 5.2 E, khu công nghiệp Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Khu đất CN 5.2 E, khu công nghiệp Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
Tên mẫu : Khí thải Số mẫu: 1 Ký hiệu : KT2
Mã mẫu : KT040522_004
Ngày lấy mẫu : 26/04/2022
Thời gian hoàn thành : 16/05/2022

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT2	Cột B
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	126,7	200
2	CO	mg/Nm ³	SOP-MTKS-DKT 07/01	272,5	1.000
3	SO ₂	mg/Nm ³	SOP-MTKS-DKT 08/01	213,5	500
4	NO _x NO ₂	mg/Nm ³	SOP-MTKS-DKT 09/01 + SOP-MTKS-DKT 10/01	199,2	850
5	VOCs	mg/Nm ³	US EPA 0031	KPH	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT2: Ống khói nổi hơi 2.

Tọa độ: X=2303651(m); Y=608949(m)

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TM PHÒNG PHÂN TÍCH



Đỗ Thị Thúy Vân

Hà Nội, ngày 16 tháng 05 năm 2022

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thanh

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích
- Kết quả từ các loại ô nhiễm được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- (*) Thông số được thực hiện bởi nhà phân tích.
- Quý khách vui lòng lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả phòng phân tích chất lượng Môi trường không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
- Không được sao chép toàn phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Trung tâm MTKS.

- (L): Không có quy định.
- (KPH): Không phải hiện.
- (KPT): Không phân tích.



VIMCERT 034
Số: 02507/KQPT/2022

TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ KHOÁNG SẢN
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Đ/c: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lỗ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Tel: 024.32007660 - Hotline: 0989.88.8888



VILAS 755

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty TNHH đầu nhón Idemissa Việt Nam
Địa chỉ : Khu đất CN 5.2 E, khu công nghiệp Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Khu đất CN 5.2 E, khu công nghiệp Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
Tên mẫu : Khí thải Số mẫu: 1 Ký hiệu : KT3
Mã mẫu : KT040522_005
Ngày lấy mẫu : 26/04/2022
Thời gian hoàn thành : 16/05/2022

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 20:2009/BTNMT
				KT3	
1	VOCs	mg/Nm ³	US EPA 0031	3,7	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT3: Ống khói hệ thống tách bụi dầu.

Tọa độ: X=2303546(m); Y=608994(m)

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.



Đỗ Thị Thúy Vân

Hà Nội, ngày 16 tháng 05 năm 2022

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thanh

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi trên phiếu của khách hàng

- (*) Thông số được thực hiện bởi thiết bị tự động

- Thời gian giao báo mẫu 7 ngày sau khi thu kết quả phòng phân tích chất lượng Môi trường không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả này không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào của Trung tâm VIMES

- (t): Không có quy định

- (KPH): Không phát hiện

- (KPT): Không phân tích



VIMCERT 034
Số: 04645/KQPT/2022

TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ KHOÁNG SẢN
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Đ/c: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lập, P. Yên Lập, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Tel: 024.32007660 - Hotline: 098.999.9999



VIAS 755

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty TNHH dầu nhờn Idemitsu Việt Nam
Địa chỉ : Khu đất CN 5.2 E, khu công nghiệp Đình Vũ, quận Hải An, TP Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Khu đất CN 5.2 E, khu công nghiệp Đình Vũ, quận Hải An, TP Hải Phòng
Tên mẫu : Nước thải Số mẫu: 1 Ký hiệu : NT
Mã mẫu : N270722_002
Ngày lấy mẫu : 26/07/2022
Thời gian hoàn thành : 22/08/2022

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	Tiêu chuẩn thái KCN Đình Vũ
				NT	
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	22,8	45
2	Độ màu	Pt/Cu	TCVN 6185:2015	152,6	-
3	Mùi [#]	-	Phương pháp cảm quan	Không có mùi khó chịu	-
4	pH	-	TCVN 6492:2011	6,9	5 + 9
5	BOD ₅ (20°C)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	20,2	500
6	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	43,9	500
7	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	98	500
8	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	2,2	30
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	2,6	5
10	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	TCVN 6637:2000	0,043	-
11	NH ₄ ⁺ N	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,20	5
12	Tổng N	mg/l	TCVN 6638:2000	7,8	30
13	Tổng Photpho	mg/l	TCVN 6202:2008	1,77	6
14	Coliforms	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	2,8x10 ⁵	10.000

Ghi chú:

(#): Thông số chưa được công nhận trong Vincert 034 và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT: Nước thải tại điểm xả cuối của cơ sở trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của khu công nghiệp.
Tọa độ: X=2303663(m); Y=608902(m)

- Quy chuẩn so sánh:

+ Tiêu chuẩn thái KCN Đình Vũ: Tiêu chuẩn của khu công nghiệp Đình Vũ.

TM PHÒNG PHÂN TÍCH
VIMCERT 034
Đỗ Thị Thủy Vân

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2022

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ KHOÁNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG VIỆT HÙNG
Nguyễn Việt Hùng

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- (*) Thông số được thực hiện bởi nhà phân tích.
- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả phòng phân tích chất lượng môi trường không giữ quyền việc khiếu nại kết quả thí nghiệm.
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Trung tâm MTKS.
- (-): Không có quy định.
- (KPI): Không phát hiện.
- (KPD): Không phân tích.



VIMCERT 034
Số: 04644/KQPT/2022

TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ KHOÁNG SẢN
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Đ/c: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 024.32007660 - Hotline: 1900.93.93.34



VILAS 755

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty TNHH dầu nhớt Idemitsu Việt Nam
Địa chỉ : Khu đất CN 5.2 E, khu công nghiệp Đình Vũ, quận Hải An, TP Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Khu đất CN 5.2 E, khu công nghiệp Đình Vũ, quận Hải An, TP Hải Phòng
Tên mẫu : Khí thải Số mẫu: 3 Ký hiệu : KT1, KT2, KT3
Mã mẫu : KT270722_015-017
Ngày lấy mẫu : 26/07/2022
Thời gian hoàn thành : 22/08/2022

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích			QCVN 19:2009/BTNMT
				KT1	KT2	KT3	Cột B
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	107,6	127,5	KPT	200
2	CO	mg/Nm ³	SOP-MTKS-DKT 07/01	291,8	280,4	KĐ	1.000
3	SO ₂	mg/Nm ³	SOP-MTKS-DKT 08/01	82,5	82,0	KĐ	500
4	NO _x _NO ₂	mg/Nm ³	SOP-MTKS-DKT 09/01 + SOP-MTKS-DKT 10/01	229,5	231,1	KĐ	850
5	VOCs	mg/Nm ³	EPA Method 18	KPH	KPH	1,5	(1)

Ghi chú:
 - Vị trí lấy mẫu:
 + KT1: Ống khói nồi hơi 1. Tọa độ: X=2303639(m); Y=608960(m)
 + KT2: Ống khói nồi hơi 2. Tọa độ: X=2303641(m); Y=608963(m)
 + KT3: Ống khói hệ thống tách bụi dầu. Tọa độ: X=2303573(m); Y=608950(m)
 - Quy chuẩn so sánh:
 + QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
 Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 + (1) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TM PHÒNG PHÂN TÍCH
VIMCERT 034
Đỗ Thị Thúy Vân

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2022
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Việt Hùng

- Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu phân tích.
 - Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 - (*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
 - Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau thời điểm lấy mẫu phòng phân tích chất lượng Môi trường Hoàng gia quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
 - Khách hàng xin chấp nhận phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Trung tâm MTKS.



VIMCERTS 034

Số: 05477L/KQPT/2022

TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ KHOÁNG SẢN
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Đ/c: Lk 423, Khu đất dịch vụ Yên Lỗ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 02432007660 – 0775.034034



VILAS 755

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam
Địa chỉ : Khu đất CN5.2E, KCN Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Khu đất CN5.2E, KCN Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
Tên mẫu : Nước thải Số mẫu: 1 Ký hiệu: NT
Mã mẫu : N121022-002
Ngày lấy mẫu : 11/10/2022
Thời gian hoàn thành : 31/10/2022

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	Tiêu chuẩn KCN Đình Vũ
				NT	Vũ
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	22,4	<45
2	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185:2015	140,2	-
3	Mùi ^a	-	Phương pháp cảm quan	không mùi	-
4	pH	-	TCVN 6492:2011	6,8	5-9
5	BOD ₅ (20°C)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	20,3	500
6	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	44,8	500
7	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	93	500
8	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	2,2	30
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	2,4	5
10	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	TCVN 6637:2000	0,039	-
11	NH ₄ ⁺ _N	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,19	10
12	Tổng N	mg/l	TCVN 6638:2000	6,72	30
13	Tổng Photpho	mg/l	TCVN 6202:2008	1,67	6
14	Coliforms	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	2,8x10 ³	10.000

Ghi chú:

(0): Thông số chưa được công nhận trong Vimcert 034 (Vilas 755) và được phân tích theo yêu cầu của khách hàng

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT: Nước thải tại điểm xả cuối của cơ sở trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của KCN.

Tọa độ: X=2303663, Y=608902

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- (*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả phòng phân tích chất lượng môi trường không giữ quyết việc: Khiếu nại kết quả xét nghiệm.

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Trung tâm MTKS.

- (-): Không có quy định.

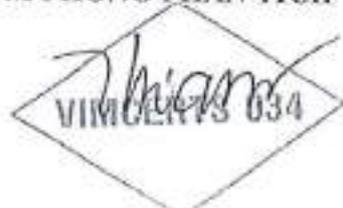
- (KPI): Không phát hiện.

- (KPT): Không phân tích.

- Quy chuẩn so sánh:

+ Tiêu chuẩn KCN Đình Vũ: Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Đình Vũ

TM PHÒNG PHÂN TÍCH



Đỗ Thị Thúy Vân

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2022

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Hùng

- Kết quả này chỉ có giá trị trên nền phân tích.

- Tên mẫu và số khách hàng được ghi theo yêu cầu của Khách hàng.

- (*): Thời gian được thực hiện bởi nhà phân tích.

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả phòng phân tích chất lượng môi trường không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Trung tâm MTKS.

- (-): Không có quy định.

- (KPI): Không phát hiện.

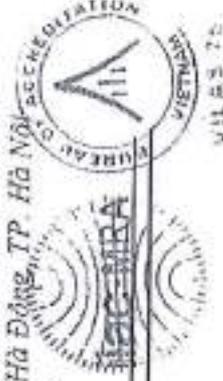
- (KPT): Không phân tích.



TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ KHOÁNG SẢN
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Đ/c: Lk 473, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 02432007660 – 0775.034034



VIMCERTS 034
Số: 05475/KQPT/2022

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng :
Địa chỉ :
Địa điểm quan trắc :
Tên mẫu :
Mã mẫu :
Ngày lấy mẫu :
Thời gian hoàn thành :

: Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam
: Khu đất CN5.2E, KCN Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
: Khu đất CN5.2E, KCN Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
: Khí thải
: Mã mẫu: 3
: KT121022-001-003
: 11/10/2022
: 31/10/2022

Ký hiệu : KT1, KT2, KT3

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích			QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT1	KT2	KT3	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	108,1	125,6	KPT	Cột B 200
2	CO	mg/Nm ³	SOP-MTKS-ĐKT 07/01	253,1	223,7	KPT	1.000
3	SO ₂	mg/Nm ³	SOP-MTKS-ĐKT 08/01	91,7	220,1	KPT	500
4	NO _x , NO ₂	mg/Nm ³	SOP-MTKS-ĐKT 09/01 + SOP-MTKS-ĐKT 10/01	197,4	189,9	KPT	850
5	VOCs	mg/Nm ³	US EPA method 0010	KPH	KPH	KPH	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:
- + KT1: Ống khói nói hơi 1.
- + KT2: Ống khói nói hơi 2.

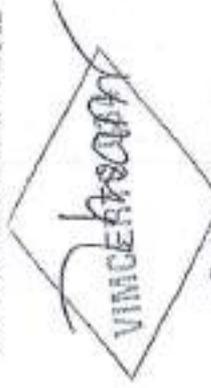
Tọa độ: X(m)=2303651, Y(m)=608950
Tọa độ: X(m)=2303650, Y(m)=608949

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích
- Tên mẫu và vị trí lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- (*) : Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phân
- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả phòng phân tích chất lượng Môi trường không giới quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
- Không được sao chép kết quả nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Trung tâm MTKS.

+ KT3: Ông khói hệ thống tách bụi dầu. Tọa độ: X(m)=2303541, Y(m)=608992
- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
+ Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

TM PHÒNG PHÂN TÍCH



Đỗ Thị Thủy Vân

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2022

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Hùng

- Khi quá này chỉ số giá trị trên mẫu phân tích

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi vào yêu cầu của khách hàng

- (*) : Thông số được thực hiện bởi nhà điều tra

- Quá thời gian lưu mẫu 7 ngày sau khi có kết quả phòng phân tích chất lượng Môi trường không giới quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả này không được in chép thành bản văn bản của Trung tâm ATTKS

BM/TT 8-02

Ban hành lần: 05

Trang: 2/2



Environment. Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội

ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 103 - 6012 / KQPT/2023



VILAS 1222

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyễn Hân, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam – Khu đất CN5.2E, KCN Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : NT.230201.04
Ngày lấy mẫu : 01/02/2023 Thời gian phân tích: 01/02/2023-10/02/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	TCKCN Đình Vũ
				NT-ID	
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550.B:2017	19,2	45
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	6,95	5 - 9
3.	Độ màu	mgPtCo/L	TCVN 6185.C:2015	154	-
4.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	23	500
5.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	42	500
6.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	91	500
7.	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,55	10
8.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	7,39	40
9.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,84	6
10.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	0,14	0,5
11.	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	2,2	30
12.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	2,5	10
13.	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221.B:2017	3.400	10.000

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT-ID	Nước thải tại điểm xả cuối của cơ sở trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của KCN	2303663	0608902

- Quy chuẩn so sánh:

+ "TCKCN Đình Vũ": Tiêu chuẩn nước thải dầu vào trạm xử lý nước thải khu công nghiệp Đình Vũ.

(-): Không quy định.

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC

(*) Chỉ tiến hành thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thời gian nghiệm thu được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần bất kỳ kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

CEC.BM 7.8.03

Lần ban hành: 03

Trang: 1



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm - TP.Hà Nội.

ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH



Số phiếu: 101 - 6012 /KQPT/2023

VILAS 1227

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyễn Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam – Khu đất CN5.2E, KCN Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 02
Mã mẫu : KT.230201.01; KT.230201.02
Ngày lấy mẫu : 01/02/2023 Thời gian phân tích: 01/02/2023-10/02/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B)
				KT1-ID	KT2-ID	
1.	Bụi (PM)	mg/Nm ³	US.EPA Method 5	118	132	200
2.	CO	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	341	326	1.000
3.	SO ₂	mg/Nm ³	US.EPA Method 8	92,7	87,3	500
4.	NO _x (NO ₂)	mg/Nm ³	TCVN 7172:2002	257	269	850
5.	VOCs (Benzene)*	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	<0,003	<0,003	5 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
KT1-ID	Khí thải ống khói nổi hơi số 1;	2303648	0608967
KT2-ID	Khí thải ống khói nổi hơi số 2.	2303654	0608928

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

- Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;

- Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ ⁽¹⁾QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

- (*) Nhà thầu phụ: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Viện Công nghệ môi trường – Vimcerts 079.

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Dinh Thị Tuyết

Dinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huy

(*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiệm thu được chứng nhận Phần.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với năm thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng.
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty.
CEC.BM 7.8.03 Lần ban hành: 03 Trang: 1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 102 - 6012



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng 1222
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Đầu tư Idemitsu Việt Nam – Khu đất CN5.2E, KCN Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : KT.230201.03
Ngày lấy mẫu : 01/02/2023 Thời gian phân tích: 01/02/2023-10/02/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 20:2009/ BTNMT
				KT3-ID	
1.	VOCs (Benzene)*	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	<0,003	5

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
KT3-ID	Khí thải ống khói hệ thống tách bụi dầu.	2303592	0608994

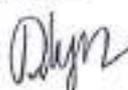
- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

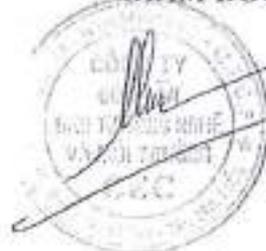
- (*) Nhà thầu phụ: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Viện Công nghệ môi trường – Vimecerts 079.

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2023

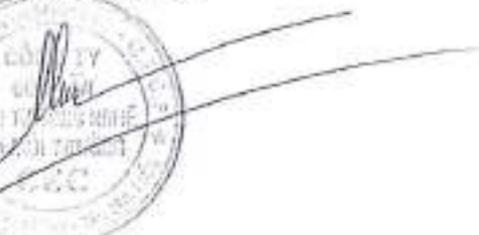
TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC


Đinh Thị Tuyết

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC


Nguyễn Văn Huy



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999



VILAS 1222

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 765 - 6012 / KQPT/2023

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam – Khu đất CN5.2E, KCN Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : NT.230412.14
Ngày lấy mẫu : 12/04/2023 Thời gian phân tích: 12/04/2023-24/04/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	
				NT-ID	TCKCN Đình Vũ
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550.B:2017	20,1	45
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,15	5 – 9
3.	Độ màu	mgPtCo/l.	TCVN 6185.C:2015	141	-
4.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	25	500
5.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	40	500
6.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	89	500
7.	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,47	10
8.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	15,6	40
9.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,91	6
10.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	0,15	0,5
11.	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	2,4	30
12.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	2,7	10
13.	Coliform	MPN/100ml.	SMEWW 9221.B:2017	3.100	10.000

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT-ID	Nước thải tại điểm xả cuối của cơ sở trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của KCN	2303663	0608902

- Quy chuẩn so sánh:

+ "TCKCN Đình Vũ": Tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải khu công nghiệp Đình Vũ.

- (-): Không quy định.

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huy

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số không được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 03 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng.
- Không được sao chép nội dung kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty.

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 764 - 6012 / KQPT/2023



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam - Khu đất CN 5.2 E, khu công nghiệp Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 03
Mã mẫu : KT.230412.11; KT.230412.12; KT.230412.13.
Ngày lấy mẫu : 12/04/2023 Thời gian phân tích: 12/04/2023-24/04/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích			QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)
				KT1-ID	KT2-ID	KT3-ID	
1.	Bụi (PM)	mg/Nm ³	US.EPA Method 5	130	134	KPT	200
2.	CO	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	362	319	KPT	1.000
3.	SO ₂	mg/Nm ³	US.EPA Method 8	90	85	KPT	500
4.	NO _x (NO ₂)	mg/Nm ³	TCVN 7172:2002	248	253	KPT	850
5.	VOCs_Benzene*	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	KPH (LOD=0,2)	KPH (LOD=0,2)	5 ⁽⁰⁾

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
KT1-ID	Khí thải ống khói nội hơi 1;	2303648	0608967
KT2-ID	Khí thải ống khói nội hơi 2;	2303654	0608928
KT3-ID	Khí thải ống khói hệ thống tách bụi dầu.	2303592	0608994

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

- Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;

- Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ ⁽¹⁾QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

- "KPT": Không phân tích.

- "KPH": Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.

- (*) Nhà thầu phụ: Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VNST) – Vincerts 121.

(*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số ngưỡng cho phép được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



Environment Together

VIMCERTS 230

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999 Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1635 - 6012 / KQPT/2023



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyễn Hân, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Đầu tư Idemitsu Việt Nam - Khu đất CN5.2E, KCN Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : NT.230725.04
Ngày lấy mẫu : 25/07/2023 Thời gian phân tích: 25/07/2023-11/08/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	TCKCN
				NT-ID	Đình Vũ
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550.B:2017	35,6	45
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	6,2	5 - 9
3.	Độ màu	mgPtCo/L	TCVN 6185.C:2015	<15	-
4.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	20	500
5.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	34	500
6.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	47	500
7.	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,76	10
8.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	8,27	40
9.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	3,72	6
10.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	0,24	0,5
11.	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	<1 ^a	30
12.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	1,1	10
13.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	3.100	10.000

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT-ID	Nước thải tại điểm xả cuối của cơ sở trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của KCN	2303663	0608902

- Quy chuẩn so sánh:

+ "TCKCN Đình Vũ": Tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải khu công nghiệp Đình Vũ.

- (-): Không quy định.

- "a": Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

Hà Nội, ngày ... 11 ... tháng ... 08 ... năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Khoa

- (*) Chỉ tên được thực hiện bởi nhà đầu tư.

- Thông số nghiệm thu được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được đưa tới công ty trong thời hạn 03 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép nội dung kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm - TP.Hà Nội.
ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999 Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1634 - 602 /KQPT/2023



VILAS 1222

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam - Khu đất CN 5.2 B, khu công nghiệp Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 03
Mã mẫu : KT.230725.01; KT.230725.02; KT.230725.03.
Ngày lấy mẫu : 25/07/2023 Thời gian phân tích: 25/07/2023-11/08/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích			QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B)
				KT1-ID	KT2-ID	KT3-ID	
1.	Bụi (PM)	mg/Nm ³	US.EPA Method 5	43	47	KPT	200
2.	CO	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	349	326	KPT	1.000
3.	SO ₂	mg/Nm ³	US.EPA Method 8	92	81	KPT	500
4.	NO _x (NO ₂)	mg/Nm ³	TCVN 7172:2002	255	260	KPT	850
5.	VOCs_Benzene*	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	<0,003	<0,003	<0,003	5 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
KT1-ID	Khí thải ống khói nội hơi 1;	2303652	0608911
KT2-ID	Khí thải ống khói nội hơi 2;	2303647	0608913
KT3-ID	Khí thải ống khói hệ thống tách bụi dầu.	2303592	0608994

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

- Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;
- Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ ⁽¹⁾QCVN 20:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

- "KPT": Không phân tích.

- (*) Nhà thầu phụ: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Viện Công nghệ môi trường – Vimcerts 079.

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Dũng

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- Đường số ngưỡng chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 03 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nên không được sử dụng ý của Công ty

CEC.BM 7.8.03

Lần ban hành: 03

Trang: 1



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999 Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 2451-6012/KQPT/2023



VILAS 1422

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam – Khu đất CN5.2E, KCN Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : NT.231013.12
Ngày lấy mẫu : 13/10/2023 Thời gian phân tích: 13/10/2023-24/10/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	TCKCN
				NT-ID	Đình Vũ
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550.B:2017	28,6	45
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,28	5 – 9
3.	Độ màu	mgPtCo/L	TCVN 6185.C:2015	21	-
4.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	20	500
5.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	37	500
6.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	57	500
7.	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	1,1	10
8.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	10,4	40
9.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,89	6
10.	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	KPH(MDL=0,04)	0,5
11.	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	<1 ^a	30
12.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	<1 ^b	10
13.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	3.400	10.000

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT-ID	Nước thải tại điểm xả cuối của cơ sở trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của KCN	2303663	0608902

- Quy chuẩn so sánh:

+ "TCKCN Đình Vũ": Tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải khu công nghiệp Đình Vũ.

- "KPH": Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- "a": Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không quy định.

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết



(*): Chỉ tên được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Pils.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng.
- Không được sao chép nội dung kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty.
CEC.BM 7.8.03

Lâm ban hành: 03

Trang: 1



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm - TP.Hà Nội.

ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 2450 - 6062 /KQPT/2023



VILA 1222

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyễn Hân, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Dầu nhớt Idemitsu Việt Nam - Khu đất CN 5.2 E, khu công nghiệp Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 03
Mã mẫu : KT.231013.09; KT.231013.10; KT.231013.11
Ngày lấy mẫu : 13/10/2023 Thời gian phân tích: 13/10/2023-24/10/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích			QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B)
				KT1-ID	KT2-ID	KT3-ID	
1.	Bụi (PM)	mg/Nm ³	US.EPA Method 5	45	48	KPT	200
2.	CO	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	355	319	KPT	1.000
3.	SO ₂	mg/Nm ³	US.EPA Method 8	95	88	KPT	500
4.	NO _x (NO ₂)	mg/Nm ³	TCVN 7172:2002	264	252	KPT	850
5.	VOCs_Benzene*	mg/Nm ³	PD CENTS 13649:2014	KPH (LOD=0,2)	KPH (LOD=0,2)	KPH (LOD=0,2)	5 ^(*)

Ghi chú:**- Thông tin mẫu:**

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
KT1-ID	Khí thải ống khói nồi hơi 1;	2303654	0608907
KT2-ID	Khí thải ống khói nồi hơi 2;	2303654	0608908
KT3-ID	Khí thải ống khói hệ thống tách bụi dầu.	2303592	0608994

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

- Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;

- Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ ^(*)QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

- "KPT": Không phân tích.

- "KPH": Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp.

- (*) Nhà thầu phụ: Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VNST) – Vimcerts 121.

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số không còn được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 03 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng.

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty.



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiến Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999 Website: moitruongcec.vn



VILAS 1222

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 038 - 7007 /KQPT/2024

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyễn Hân, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam – Lô đất CN5.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : NT.240115.01.
Ngày lấy mẫu : 15/01/2024 Thời gian phân tích: 15/01/2024-25/01/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	TCKCN
				NT-ID	Đình Vũ
1.	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	SMEWW 2550.B:2017	23,4	45
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	6,73	5 - 9
3.	Độ màu	mgPtCo/L	TCVN 6185.C:2015	79	-
4.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	23	500
5.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	40	500
6.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	43	500
7.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,35	10
8.	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638:2000	7,1	40
9.	Tổng Photpho (P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,12	6
10.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	KPH(MDL=0,04)	0,5
11.	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	<1 ^a	30
12.	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	<1 ^a	10
13.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	3.300	10.000

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT-ID	Nước thải tại điểm xả cuối của cơ sở trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của KCN	2303663	0608902

- Quy chuẩn so sánh:

- + "TCKCN Đình Vũ": Tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải khu công nghiệp Đình Vũ.
- "KPH": Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.
- "a": Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.
- (-): Không quy định.

(*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiêm cấm được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2024

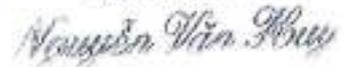
TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC



Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC





Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm - TP.Hà Nội.
ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 039-7007 /KQPT/2024



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyễn Hân, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam – Lô đất CNS.2E, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 03
Mã mẫu : KT.240115.02; KT.240115.03; KT.240115.04.
Ngày lấy mẫu : 15/01/2024 Thời gian phân tích: 15/01/2024-25/01/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích			QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B)
				KT1-ID	KT2-ID	KT3-ID	
1.	Bụi (PM)	mg/Nm ³	US.EPA Method 5	47	50	KPT	200
2.	CO	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	325	316	KPT	1.000
3.	SO ₂	mg/Nm ³	US.EPA Method 8	100	94	KPT	500
4.	NO _x (NO ₂)	mg/Nm ³	TCVN 7172:2002	278	241	KPT	850
5.	VOCs Benzen [*]	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,06	0,04	<0,02	5 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
KT1-ID	Khí thải ống khói nội hơi 1;	2303652	0608911
KT2-ID	Khí thải ống khói nội hơi 2;	2303647	0608913
KT3-ID	Khí thải ống khói hệ thống tách bụi dầu.	2303592	0608994

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

- Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;
- Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+ ⁽¹⁾ QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

- "KPT": Không phân tích.

- (*) Nhà thầu phụ: Công ty Cổ phần Công nghệ và Kỹ thuật Hatico Việt Nam – Vimecerts 269.

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2024

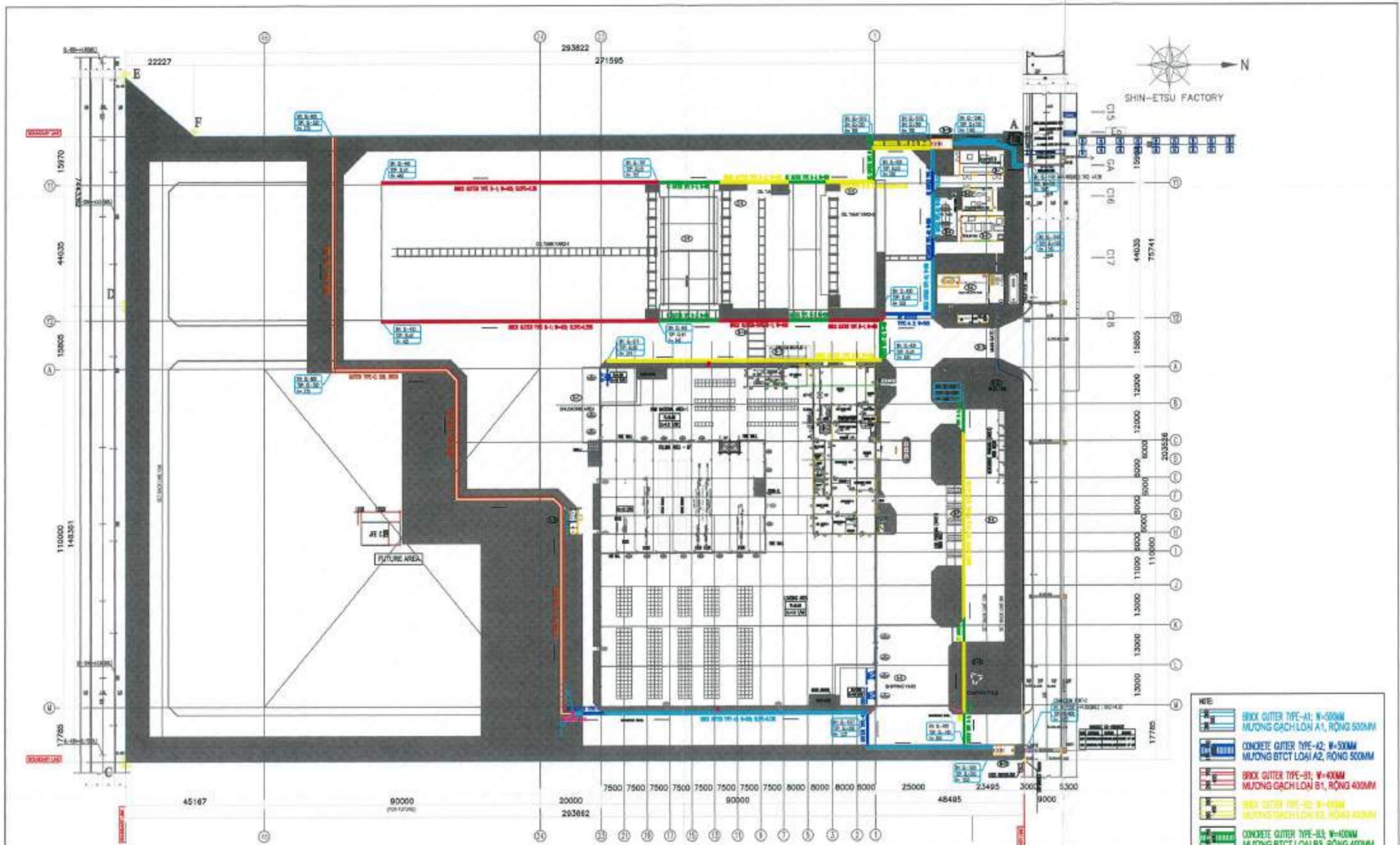
TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC

- (*) Chỉ nên được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiệm thu được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 03 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng.
- Không được sao chép với phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty.



DRAINAGE SYSTEM PLAN
(MẶT BẰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC)

- NOTE:**
- BRICK GUTTER TYPE-A1; W=500MM
MƯỜNG GẠCH LOẠI A1, RỘNG 500MM
 - CONCRETE GUTTER TYPE-A2; W=500MM
MƯỜNG BTCT LOẠI A2, RỘNG 500MM
 - BRICK GUTTER TYPE-B1; W=400MM
MƯỜNG GẠCH LOẠI B1, RỘNG 400MM
 - CONCRETE GUTTER TYPE-B3; W=400MM
MƯỜNG BTCT LOẠI B3, RỘNG 400MM
 - SOIL GUTTER TYPE-C
MƯỜNG ĐẤT LOẠI C
 - W/POLE MH
HỐ GA MH

REV	DESCRIPTION	DATE



OWNER:
IDEMITSU LUBE VIET NAM CO., LTD.
ADDRESS: 1/200 ST. DUY KHUEN, HO CHI MINH CITY, VIETNAM
TEL: (+84-28) 3741-000
FAX: (+84-28) 3741-009
WEBSITE: <http://www.idemitsu.com.vn>

GENERAL DIRECTOR:
RYUJI KUSUDA
DATE:

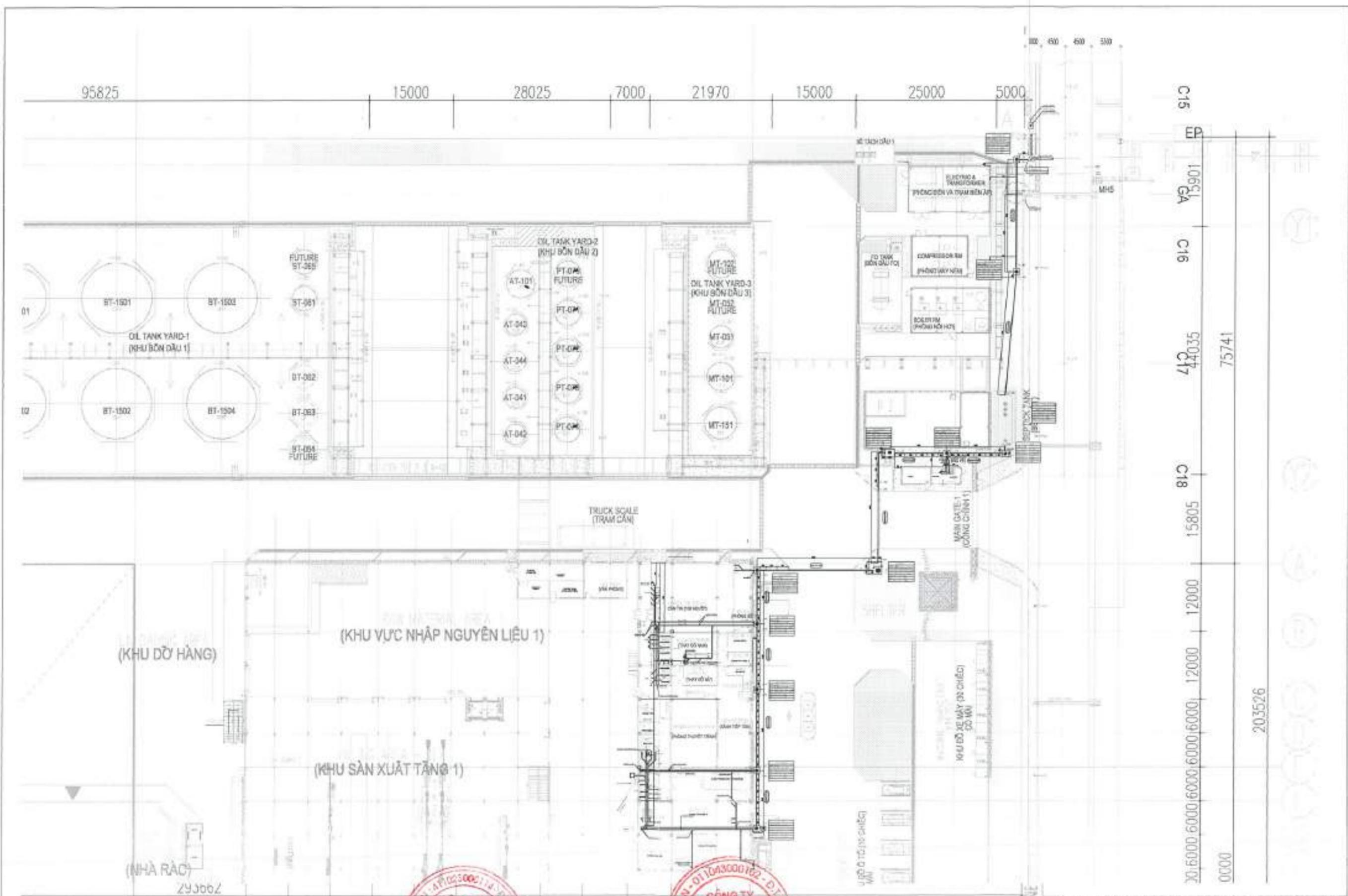


CONTRACTOR:
MAEDA VIETNAM CO., LTD.
BUILDING FLOOR & WINDOW CENTER TO JET
DIST. 1, HONG, VIETNAM
TEL: (+84-6) 2626-9000/9132/9133
FAX: (+84-6) 2626-9111
WEBSITE: <http://www.maedavietnam.com.vn>



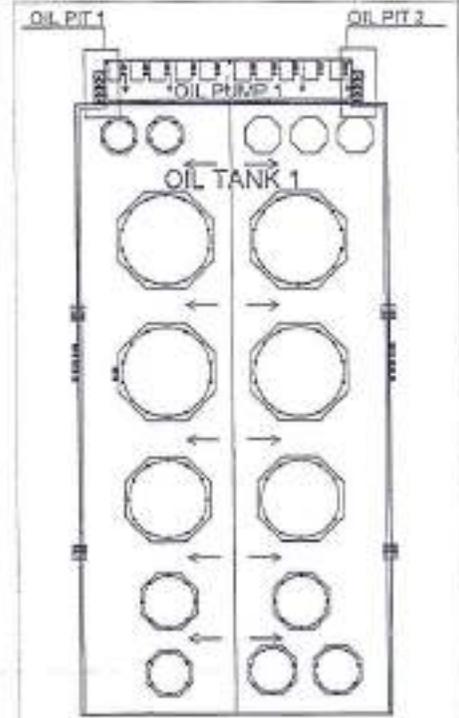
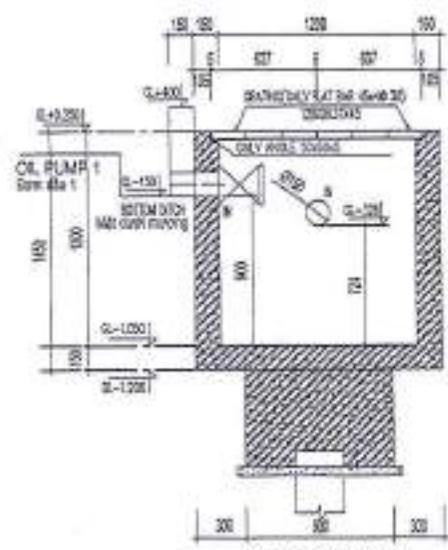
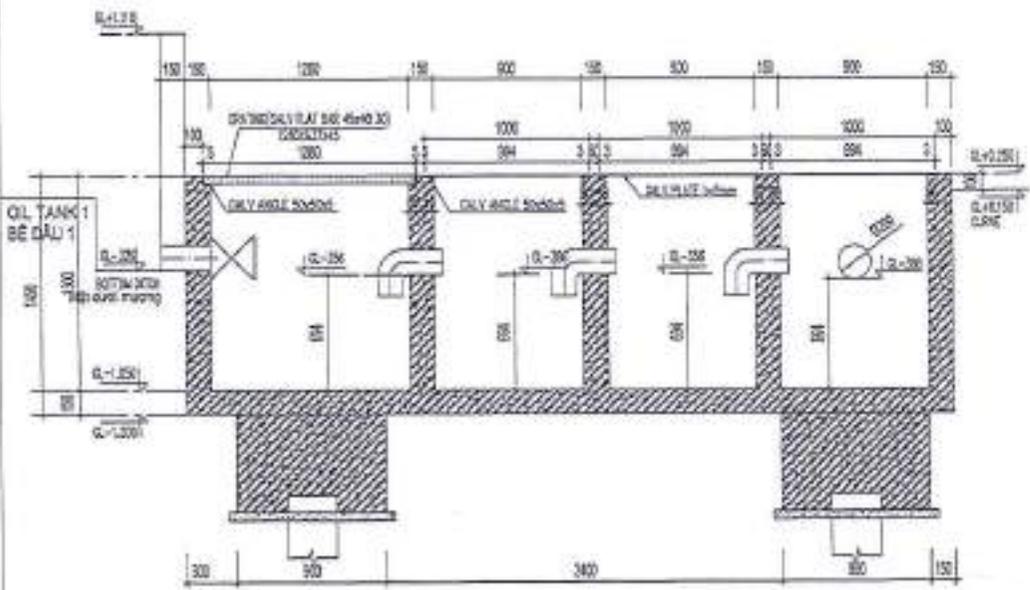
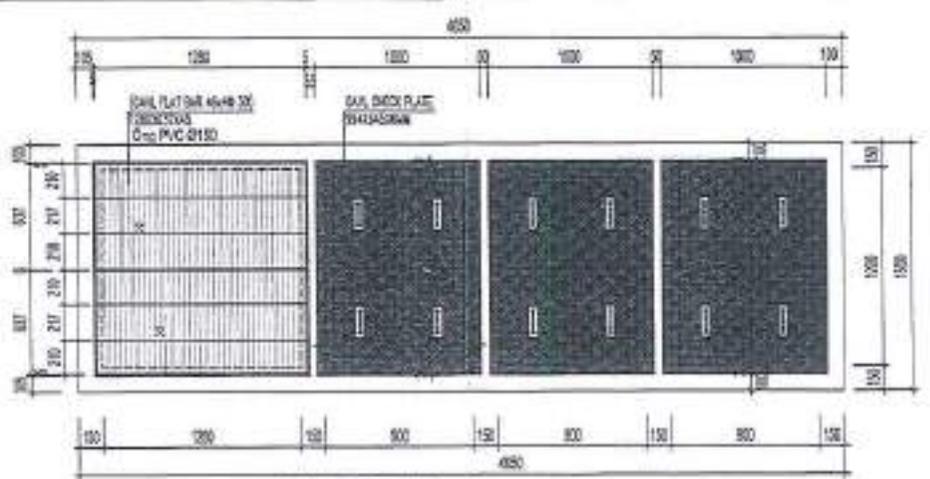
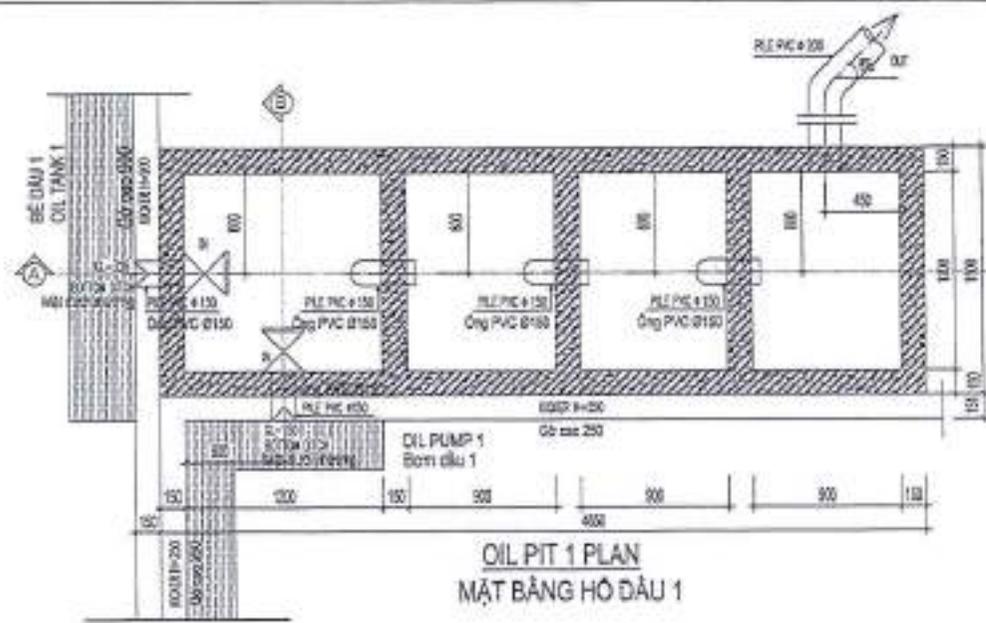
PROJECT MANAGER: NGUYEN THOMASU
SITE MANAGER: TRAN HUU DUC
DRAWN: NGUYEN THI THANG
CHECKED BY: DUONG BAN PHUONG
SCALE: A1: 1/1000
A3: 1/1000
DATE:

AS BUILT DRAWING		BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
CLIENT:	IDEMITSU LUBE VIET NAM CO., LTD.	DATE:	
PROJECT:	IL VIETNAM LUBE OIL BLEND PLANT CONSTRUCTION PROJECT	DWG NO.:	A-EX-051
DRAWING TITLE:	DRAINAGE SYSTEM PLAN (MẶT BẰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC)		

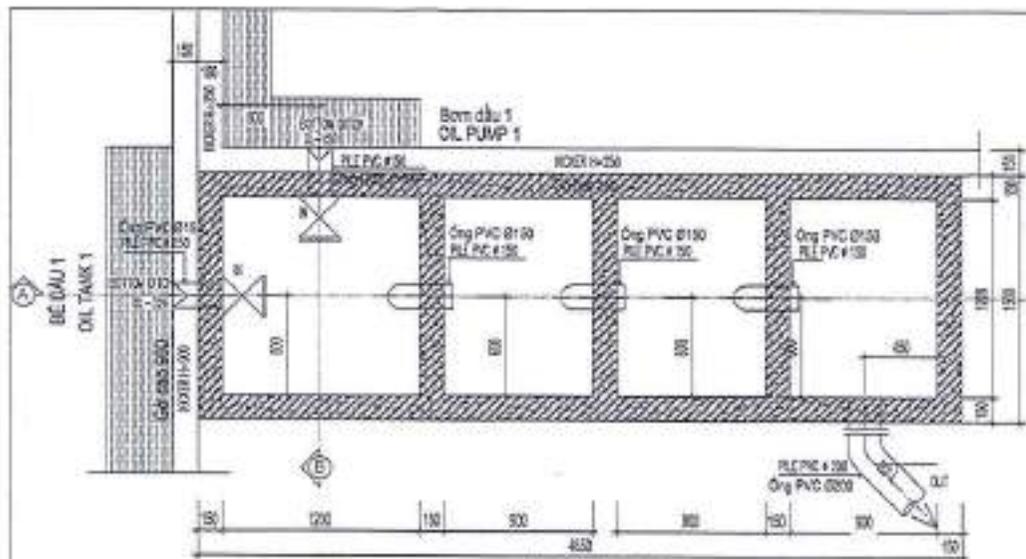


OWNER IDEMITSU LUBE VIET NAM CO., LTD. <small>ADDRESS: 146 LY THIEU KIEM ST, HO CHI MINH CITY, VIETNAM TEL: (+84-20) 2799-388 FAX: (+84-20) 3244-328 WEBSITE: http://www.idemitsu.com/vietnam/indochina.html</small>		GENERAL DIRECTOR NAME: NGUYEN THUAN POSITION: GENERAL DIRECTOR COMPANY: MAEDA VIETNAM CO., LTD. <small>TEL: (+84-20) 3618-0000 FAX: (+84-20) 3618-0111 WEBSITE: http://www.maeda.com</small>		CONTRACTOR MAEDA VIETNAM CO., LTD. <small>ADDRESS: FLOOR 13, MAEDA BUILDING, 100/1 LY THIEU KIEM ST, HO CHI MINH CITY, VIETNAM TEL: (+84-20) 3618-0000 FAX: (+84-20) 3618-0111 WEBSITE: http://www.maeda.com</small>		PROJECT MANAGER NAME: NGUYEN THUAN POSITION: PROJECT MANAGER COMPANY: MAEDA VIETNAM CO., LTD.		SITE MANAGER NAME: NGUYEN THUAN POSITION: SITE MANAGER COMPANY: MAEDA VIETNAM CO., LTD.		SCALE A1: 1:1000 A2: 1:500 A3: 1:250 DATE:		AS BUILT DRAWING BẢN VẼ HOÀN CÔNG CLIENT IDEMITSU LUBE VIET NAM CO., LTD. PROJECT IL VIETNAM LUBE OIL BLEND PLANT CONSTRUCTION PROJECT DRAWING TITLE COSMETIC WASTE WATER - OVER VIEW LAYOUT HỆ THỐNG THẢI NƯỚC THẨM SINH HOẠT - TỔNG THỂ		DATE 01/01/2021 REV. NO. 01-001-21	
--	--	---	--	--	--	---	--	---	--	---	--	---	--	---	--

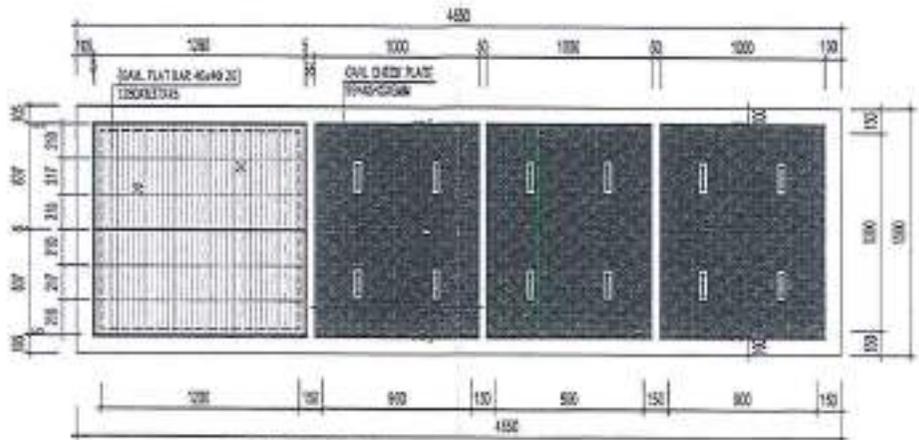




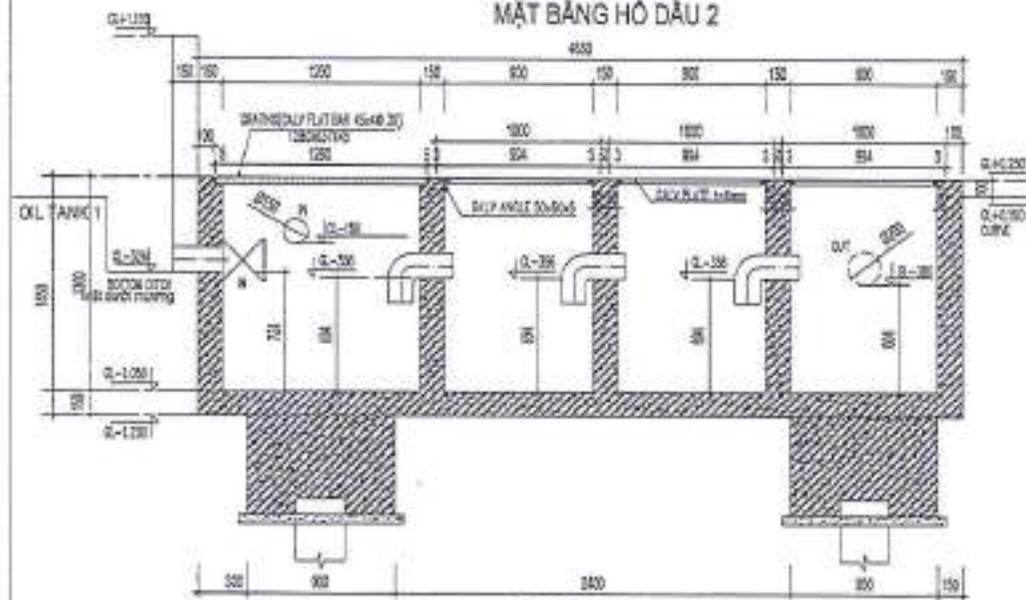
NO.	REVISION	DATE	ISSUED BY	DESIGNER	CHECKER	DATE	SCALE	PROJECT	PROJECT NO.
								AS BUILT DRAWING	BẢN VẼ HOÀN CÔNG
IDEMTSU IDEMTSU (VIỆT NAM) CO., LTD. 100/100 NGUYỄN VĂN HỘ, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI, VIỆT NAM TEL: +84 (0) 24 382 55 88 FAX: +84 (0) 24 382 55 89 WWW.IDEMTSU.COM.VN			M&A M&A CONSULTING & ENGINEERING CO., LTD. 100/100 NGUYỄN VĂN HỘ, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI, VIỆT NAM TEL: +84 (0) 24 382 55 88 FAX: +84 (0) 24 382 55 89 WWW.M&A.COM.VN			CONTRACTOR NGUYỄN VĂN HỘ, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI, VIỆT NAM TEL: +84 (0) 24 382 55 88 FAX: +84 (0) 24 382 55 89 WWW.NH.COM.VN			
CLIENT CÔNG TY TNHH ĐIỆN LỰC VIỆT NAM 100/100 NGUYỄN VĂN HỘ, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI, VIỆT NAM TEL: +84 (0) 24 382 55 88 FAX: +84 (0) 24 382 55 89 WWW.VNPOWER.COM.VN			PROJECT 1. VIỆT NAM LỬA ĐIỆN LỰC NHÀ MÁY XÂY DỰNG DỰ ÁN 2. OIL PIT 1 DETAIL 3. CHI TIẾT HỒ DẦU 1						



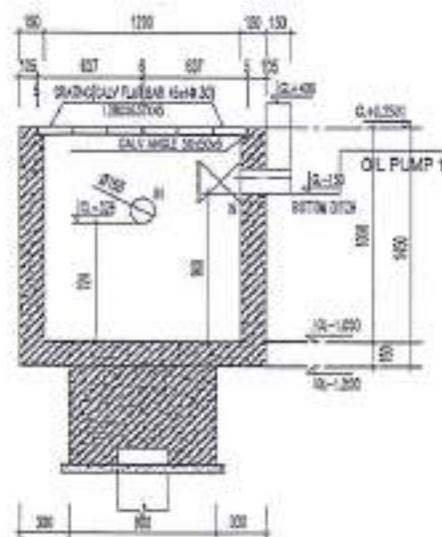
OIL PIT 2 PLAN
MẶT BẰNG HỒ DẦU 2



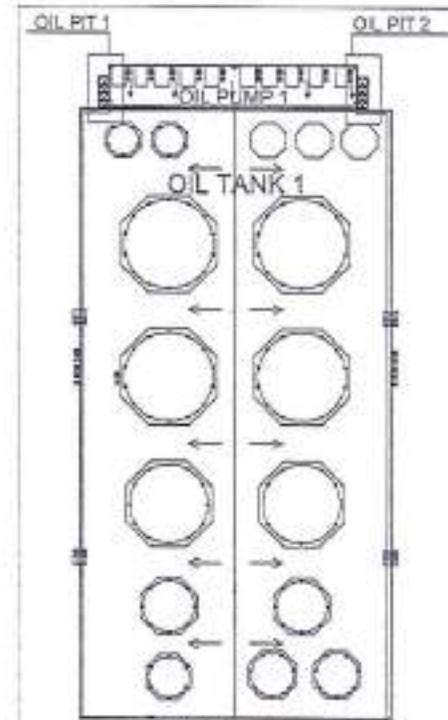
COVER DETAIL
CHI TIẾT NẬP HỒ DẦU



SECTION A-A
MẶT CẮT A-A



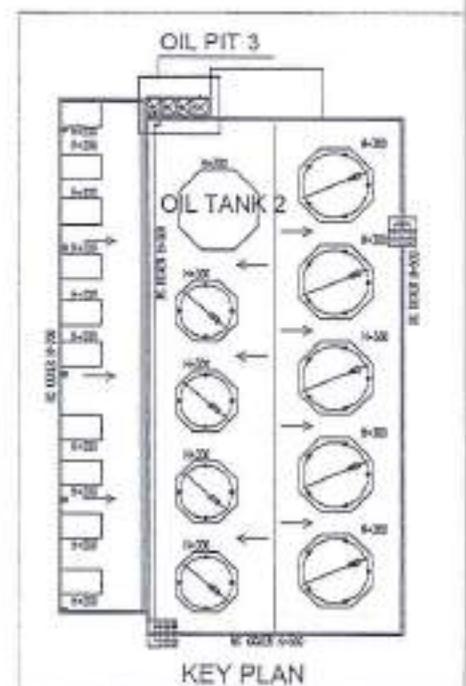
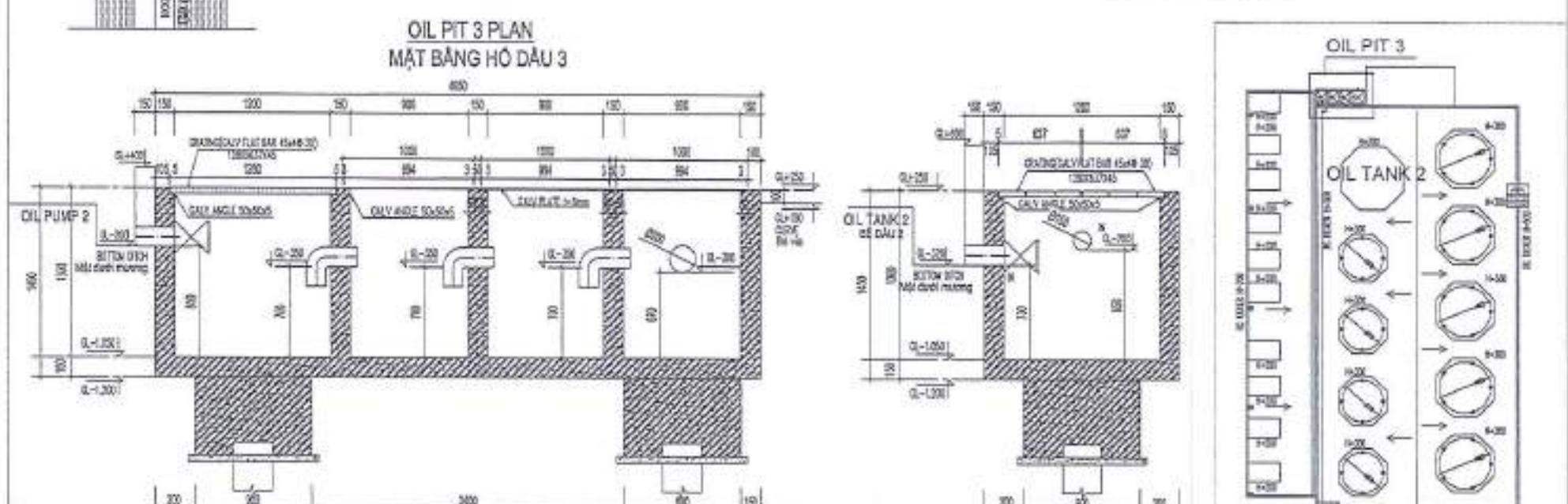
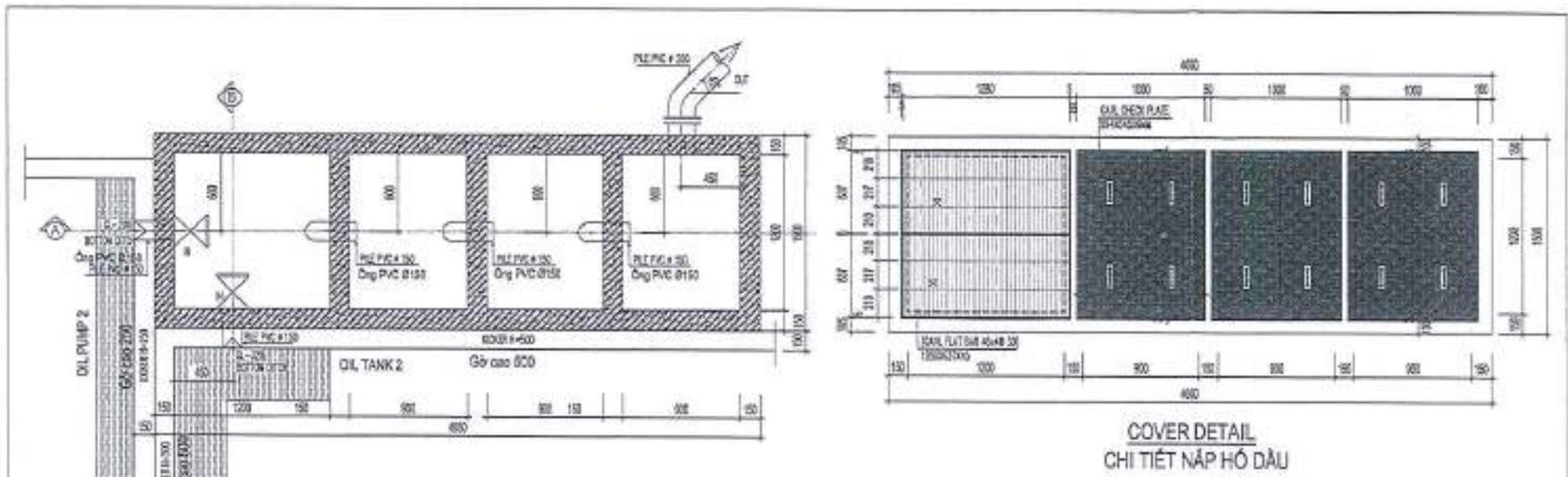
SECTION B-B
MẶT CẮT B-B



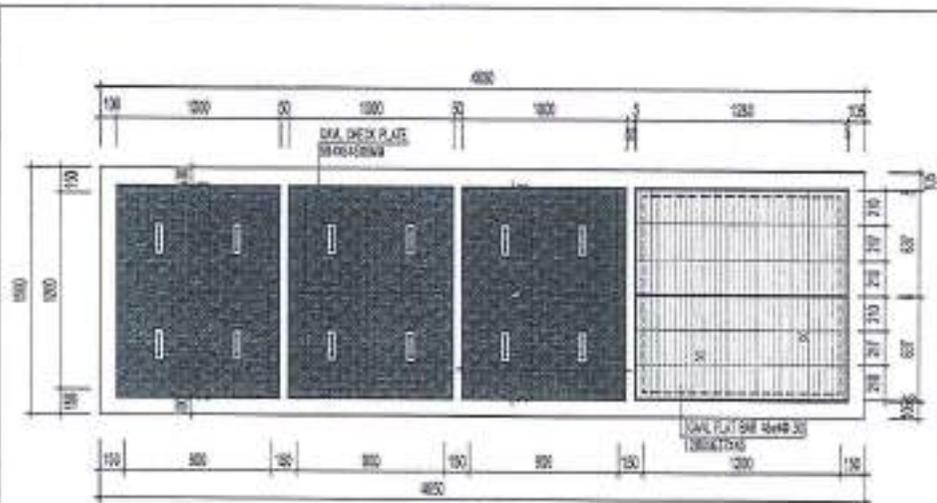
KEY PLAN

AS BUILT DRAWING BẢN VẼ HOÀN CÔNG

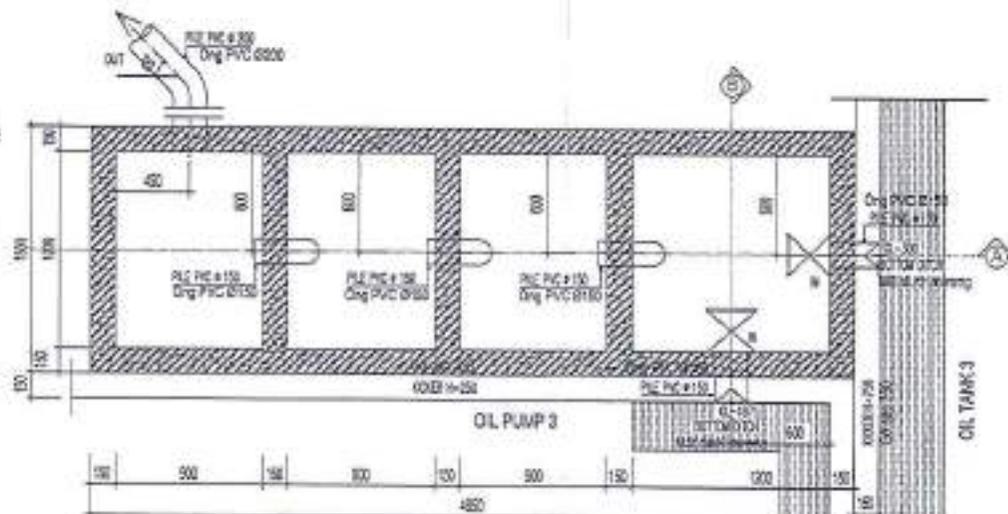
NO.	DESCRIPTION	DATE	OWNER CÔNG TY ĐIỀU KHIỂN LƯƠNG VIỆT NAM CO., LTD	DESIGN CÔNG TY ĐIỀU KHIỂN LƯƠNG VIỆT NAM CO., LTD	CONTRACTOR CÔNG TY ĐIỀU KHIỂN LƯƠNG VIỆT NAM CO., LTD	PROJECT MANAGER CÔNG TY ĐIỀU KHIỂN LƯƠNG VIỆT NAM CO., LTD	DATE 2023/05/01	SCALE 1:1	NO.	DATE	REVISION
1											
OWNER CÔNG TY ĐIỀU KHIỂN LƯƠNG VIỆT NAM CO., LTD 10/11/2023 10/11/2023 10/11/2023			CONTRACTOR CÔNG TY ĐIỀU KHIỂN LƯƠNG VIỆT NAM CO., LTD 10/11/2023 10/11/2023 10/11/2023			PROJECT MANAGER CÔNG TY ĐIỀU KHIỂN LƯƠNG VIỆT NAM CO., LTD 10/11/2023 10/11/2023 10/11/2023					
10/11/2023 10/11/2023 10/11/2023			10/11/2023 10/11/2023 10/11/2023			10/11/2023 10/11/2023 10/11/2023					



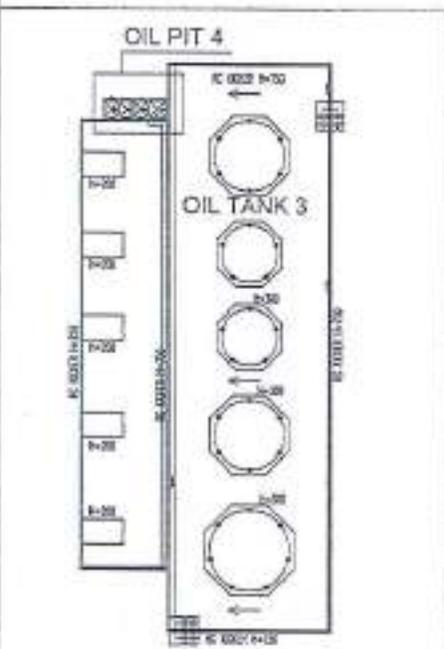
NO.		DESCRIPTION	DATE		OWNER EDMITSU LUBE VIET NAM CO., LTD 10/11, PHU THI, PHU THI WARD, HO CHI MINH CITY TEL: 028-3512-2222 WWW.EDMITSU.COM.VN	DESIGN (Blank)	CHECK (Blank)	CONTRACTOR MACHA TRADING CO., LTD 10/11, PHU THI, PHU THI WARD, HO CHI MINH CITY TEL: 028-3512-2222 WWW.MACHA.COM.VN	PROJECT MANAGER (Blank)	SITE MANAGER (Blank)	DESIGNER (Blank)	CHECKER (Blank)	DATE (Blank)	SHEET NO. (Blank)	TOTAL SHEETS (Blank)
AS BUILT DRAWING / BẢN VẼ HOÀN CÔNG			CLIENT EDMITSU LUBE VIET NAM CO., LTD.												



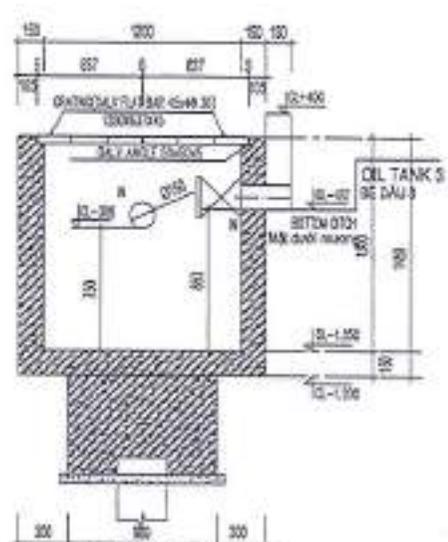
COVER DETAIL
CHI TIẾT NẬP HỒ DẦU



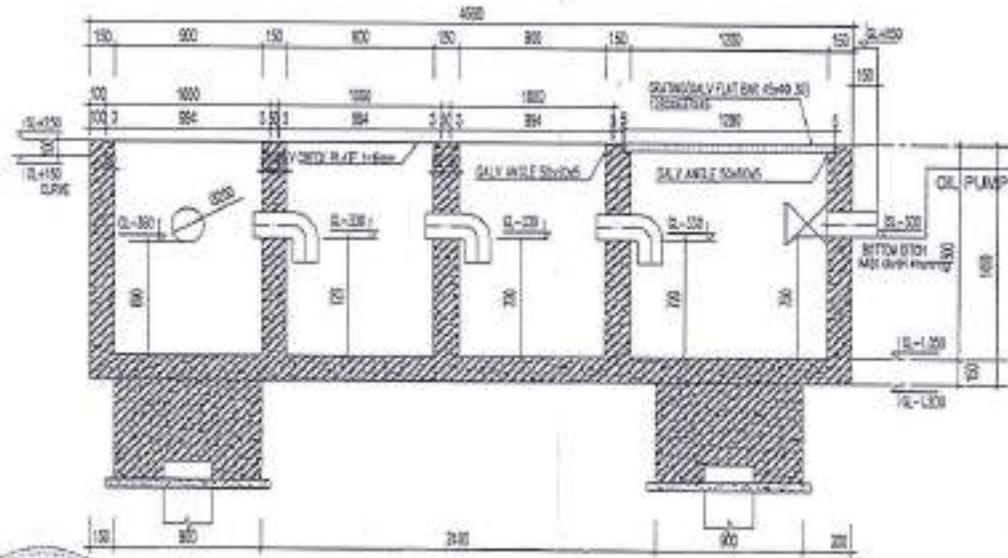
OIL PIT 4 PLAN
MẶT BẰNG HỒ DẦU 4



KEY PLAN

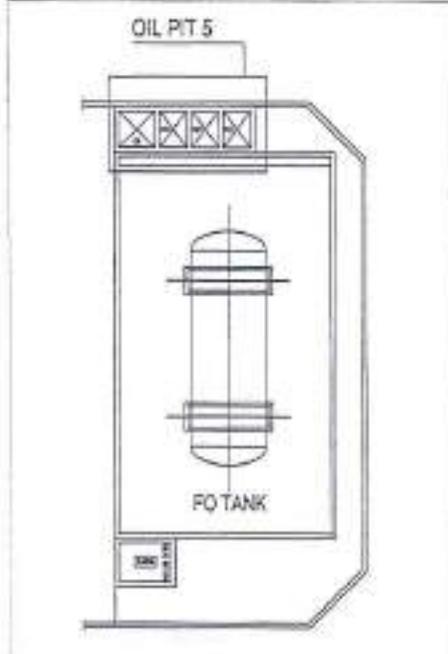
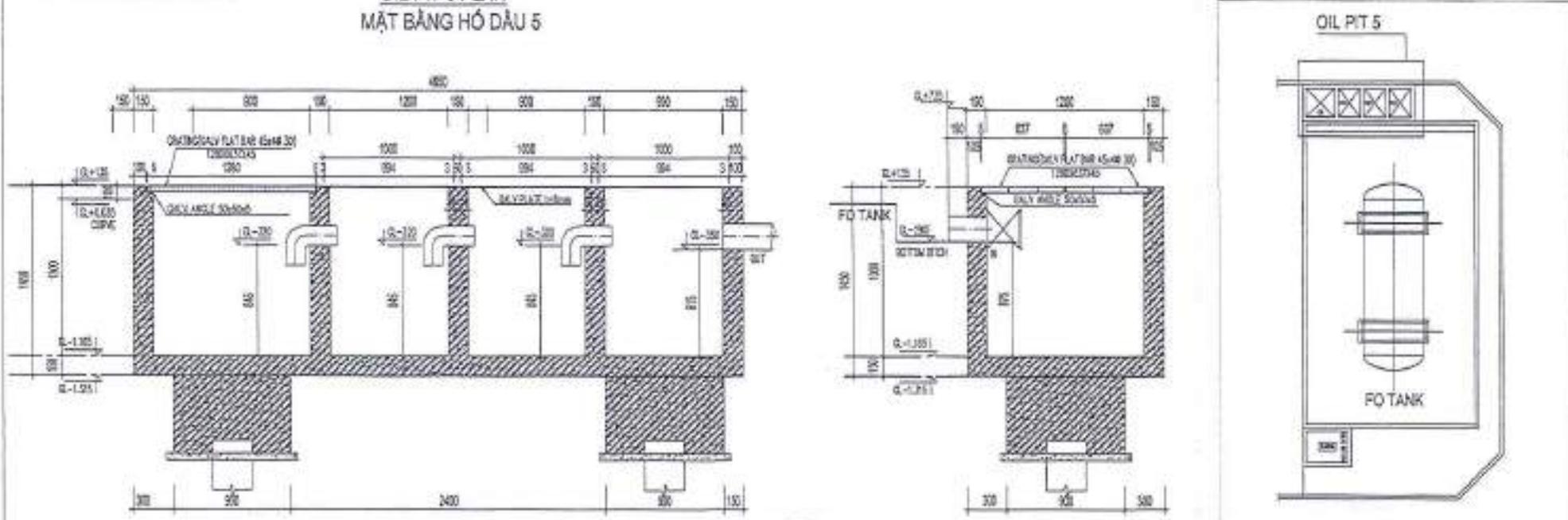
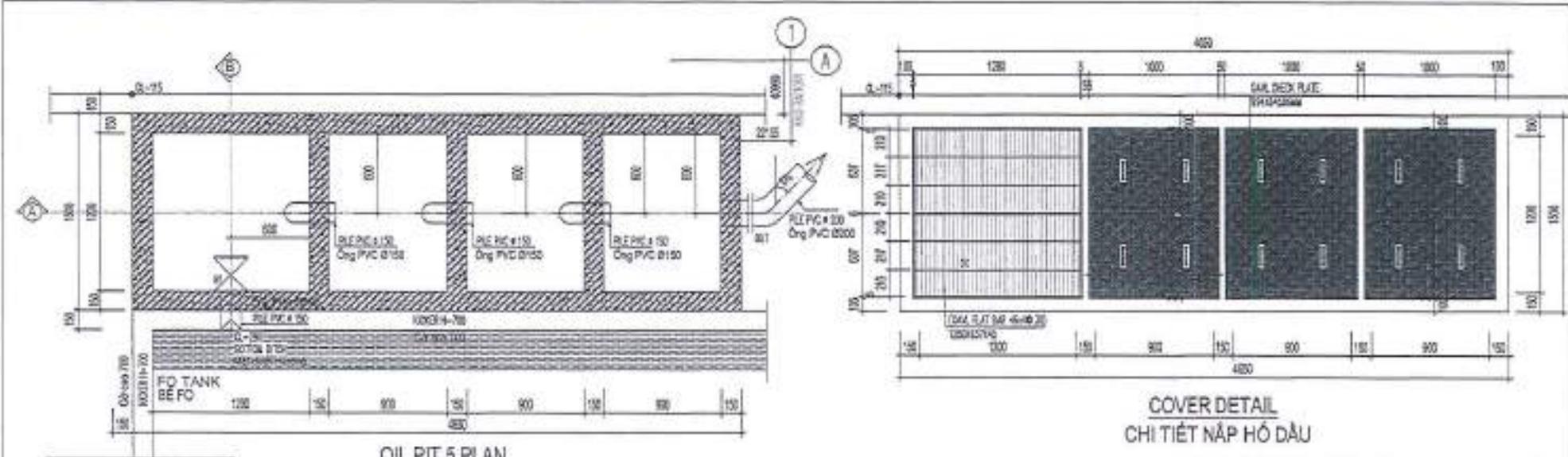


SECTION B-B
MẶT CẮT B-B



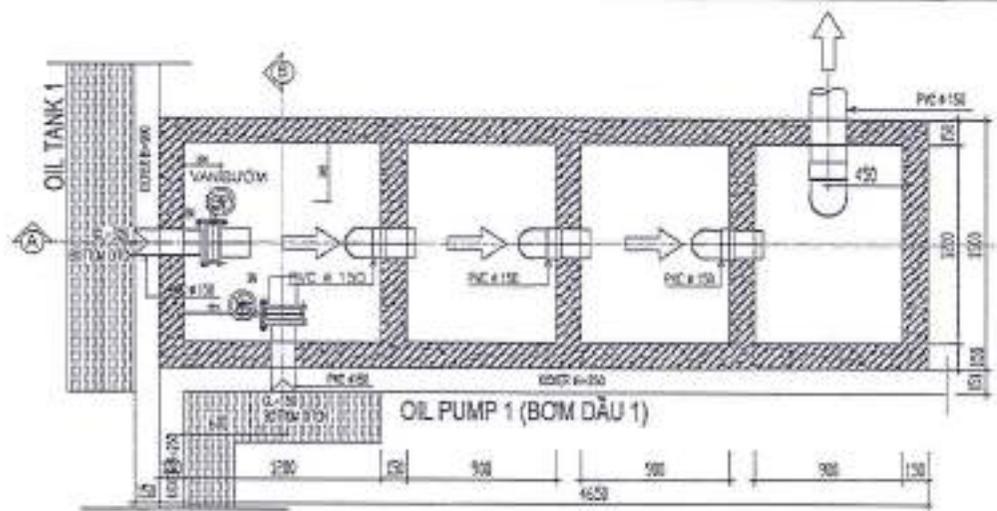
SECTION A-A
MẶT CẮT A-A

NO	REVISION	DATE	 KENTSU CÔNG TY TNHH KENTSU VIỆT NAM SỐ 10/101 Đ. NGUYỄN VĂN CỎI, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI SỐ 10/101 Đ. NGUYỄN VĂN CỎI, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI SỐ 10/101 Đ. NGUYỄN VĂN CỎI, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI	OWNER	 MASEC CÔNG TY TNHH MASEC VIỆT NAM SỐ 10/101 Đ. NGUYỄN VĂN CỎI, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI SỐ 10/101 Đ. NGUYỄN VĂN CỎI, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI SỐ 10/101 Đ. NGUYỄN VĂN CỎI, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI	DESIGN UNIT	 MASEC CÔNG TY TNHH MASEC VIỆT NAM SỐ 10/101 Đ. NGUYỄN VĂN CỎI, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI SỐ 10/101 Đ. NGUYỄN VĂN CỎI, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI SỐ 10/101 Đ. NGUYỄN VĂN CỎI, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI	CONTRACTOR	 MASEC CÔNG TY TNHH MASEC VIỆT NAM SỐ 10/101 Đ. NGUYỄN VĂN CỎI, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI SỐ 10/101 Đ. NGUYỄN VĂN CỎI, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI SỐ 10/101 Đ. NGUYỄN VĂN CỎI, QUẬN HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI	PROJECT	AS BUILT DRAWING BẢN VẼ HOÀN CÔNG CLIENT: KENTSU LUBE VIỆT NAM CO., LTD. PROJECT: L. VIETNAM LUBE OIL BLEND PLANT CONSTRUCTION PROJECT DRAWING TITLE: OIL PIT 4 DETAIL CHỈ TIẾT HỒ DẦU 4	DATE	DATE: 10/10/2024 SCALE: 1:100 SHEET NO: A-03/04 TOTAL SHEETS: 04	PROJECT NO.	PROJECT NO: A-03/04
1	ISSUED FOR PERMIT	10/10/2024		DESIGNER		PROJECT MANAGER		DATE		PROJECT NO.					
2	FOR CONSTRUCTION	10/10/2024		CHECKER		DATE		PROJECT NO.		PROJECT NO.					
3	AS BUILT	10/10/2024		DATE		PROJECT NO.		PROJECT NO.		PROJECT NO.					

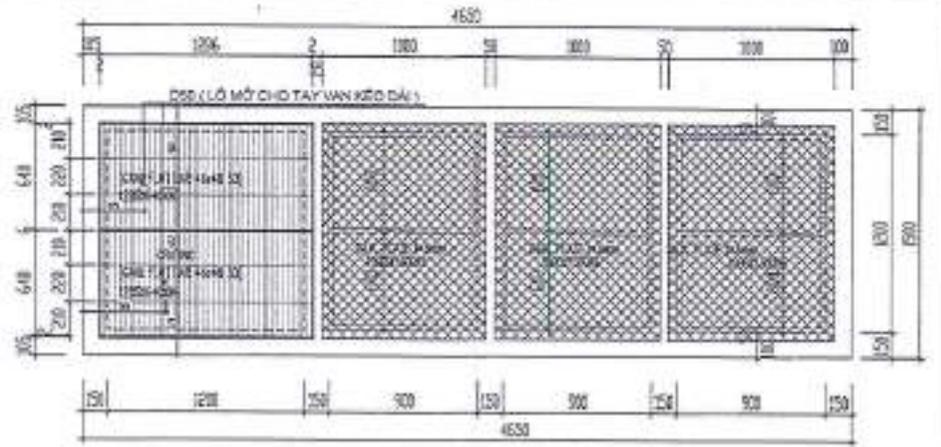


REV	DESCRIPTION	DATE	OWNER INDUSTRIAL LUBE VIETNAM CO., LTD	GENERAL CONTRACTOR MAEDA	CONTRACTOR MAEDA VIETNAM CO., LTD	PROJECT MANAGER TRẦN HẢI QUANG	SITE MANAGER NGUYỄN QUANG THẠCH	DESIGNER NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	CHECKER ---	DATE ---	AS BUILT DRAWING	BẢN VẼ HOÀN CÔNG
											CLIENT INDUSTRIAL LUBE VIETNAM CO., LTD.	SCALE 1:100
											PROJECT S. VIETNAM LUBE OIL BLEND PLANT CONSTRUCTION PROJECT	DATE ---
											DRAWING TITLE OIL PIT 5 (MẶT CẮT HỒ DẦU 5)	DESIGNER ---

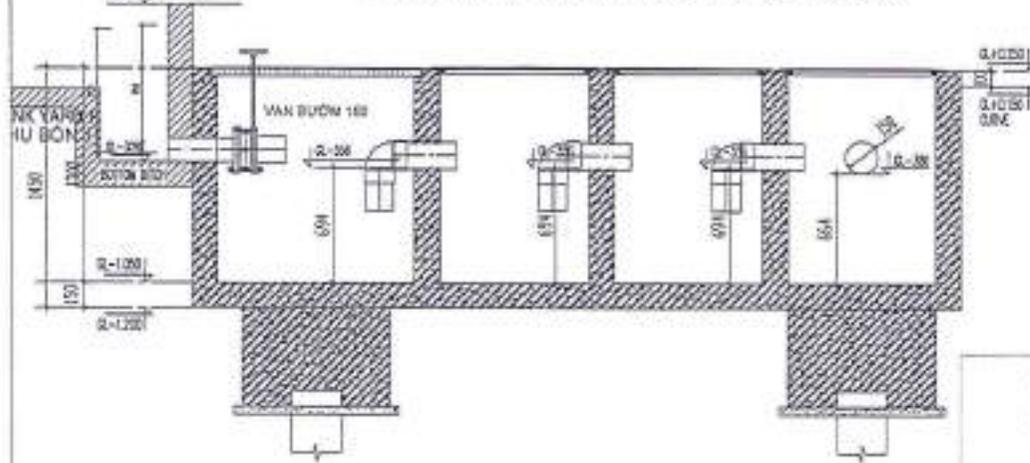
1:100 (MẶT CẮT HỒ DẦU 5)



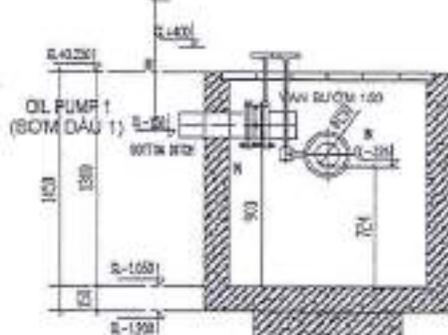
OIL PIT 1 PLAN (MẶT BẰNG HỒ TÁCH DẦU 1)



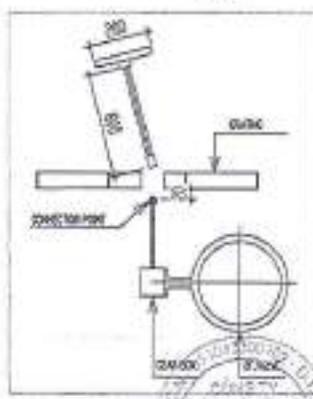
COVER DETAIL (CHI TIẾT NÁP)



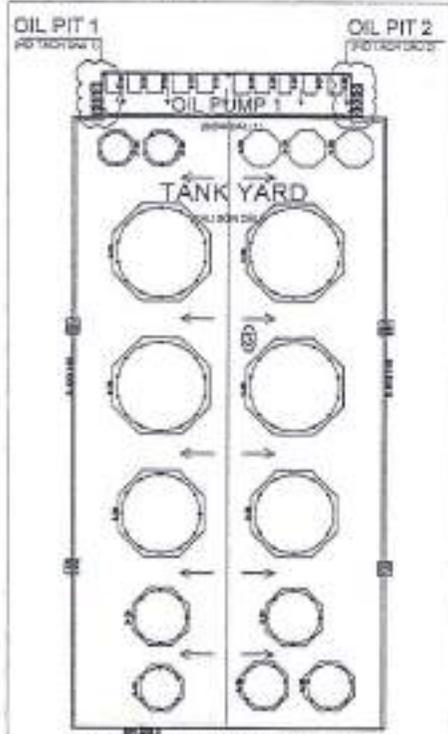
MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B

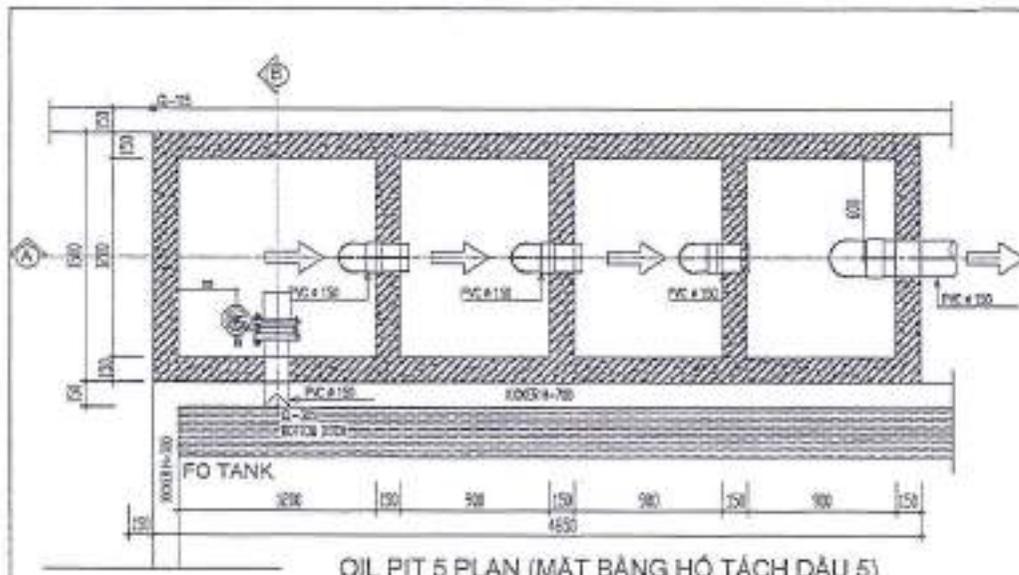


CHI TIẾT TAY VÁN KÉO DÀI

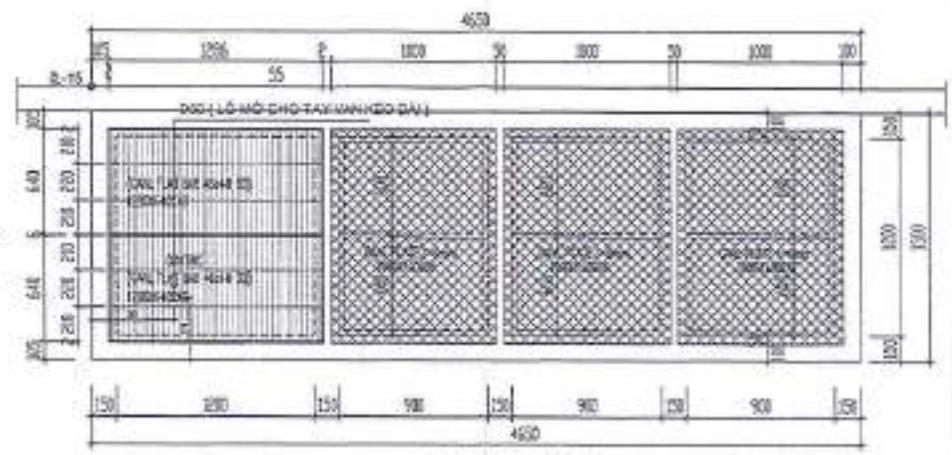


KEY PLAN (SƠ ĐỒ VỊ TRÍ)

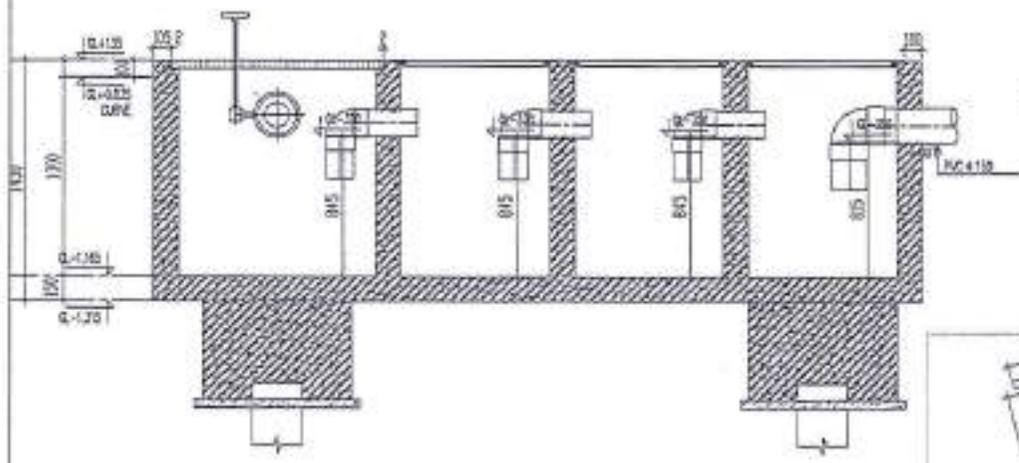
IOMITSU IOMITSU LUBE VIETNAM CO., LTD. 10/F, 100/10, Nguyen Thi Minh Khai St, Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84-9-3881-1111 Fax: +84-9-3881-1112 Email: info@iomitsu.com.vn	MODEL: 01/2019 DATE: 05/2019 SHEET: 01/01	CONTRACTOR: MARUBI VIETNAM CO., LTD. 10/F, 100/10, Nguyen Thi Minh Khai St, Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84-9-3881-1111 Fax: +84-9-3881-1112 Email: info@marubi.com.vn	DESIGNER: NGUYEN THAI ANH CHECKER: NGUYEN THAI ANH	PROJECT MANAGER: NGUYEN THAI ANH CHECKER: NGUYEN THAI ANH	IOMITSU LUBE VIETNAM CO., LTD. 10/F, 100/10, Nguyen Thi Minh Khai St, Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84-9-3881-1111 Fax: +84-9-3881-1112 Email: info@iomitsu.com.vn	MARUBI VIETNAM CO., LTD. 10/F, 100/10, Nguyen Thi Minh Khai St, Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84-9-3881-1111 Fax: +84-9-3881-1112 Email: info@marubi.com.vn	TAKASAGO VIETNAM CO., LTD. 10/F, 100/10, Nguyen Thi Minh Khai St, Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84-9-3881-1111 Fax: +84-9-3881-1112 Email: info@takasago.com.vn
AS BUILT DRAWING BẢN VẼ HOÀN CÔNG				DATE: 05/2019 IOMITSU LUBE VIETNAM CO., LTD. PROJECT: L. VIETNAM LUBE OIL REFINERY PLANT CONSTRUCTION PROJECT SHEET TITLE: OIL PIT 1 VALVE DETAIL SHEET NO: 01/01			



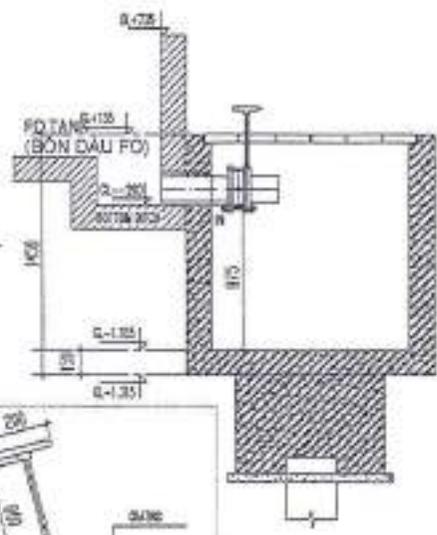
OIL PIT 5 PLAN (MẶT BẰNG HỒ TÁCH DẦU 5)



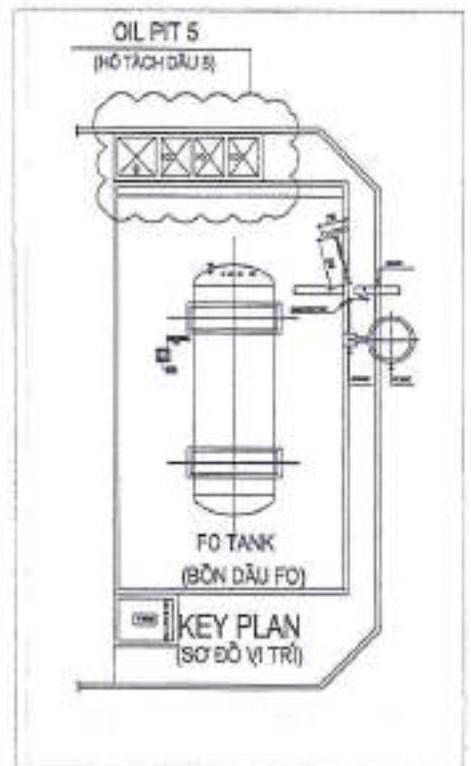
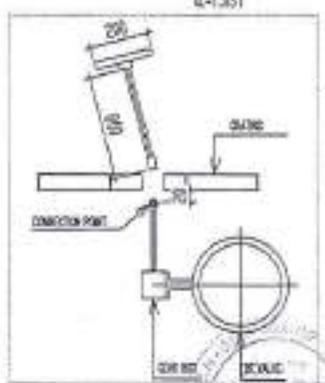
COVER DETAIL



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



CHI TIẾT KÉO DÀI VAN KÉO DÀI

CÔNG TY
 KHUẤT THỊ LƯƠNG VIỆT NAM CO., LTD.
 100/10 Đ. NGUYỄN VĂN HỘ, P. 10, Q. 10, TP. HỒ CHÍ MINH
 Đ. NGUYỄN VĂN HỘ, P. 10, Q. 10, TP. HỒ CHÍ MINH
 Đ. NGUYỄN VĂN HỘ, P. 10, Q. 10, TP. HỒ CHÍ MINH

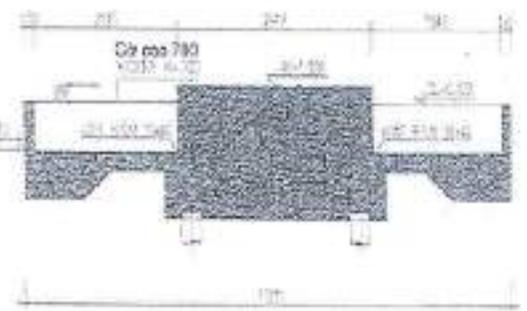
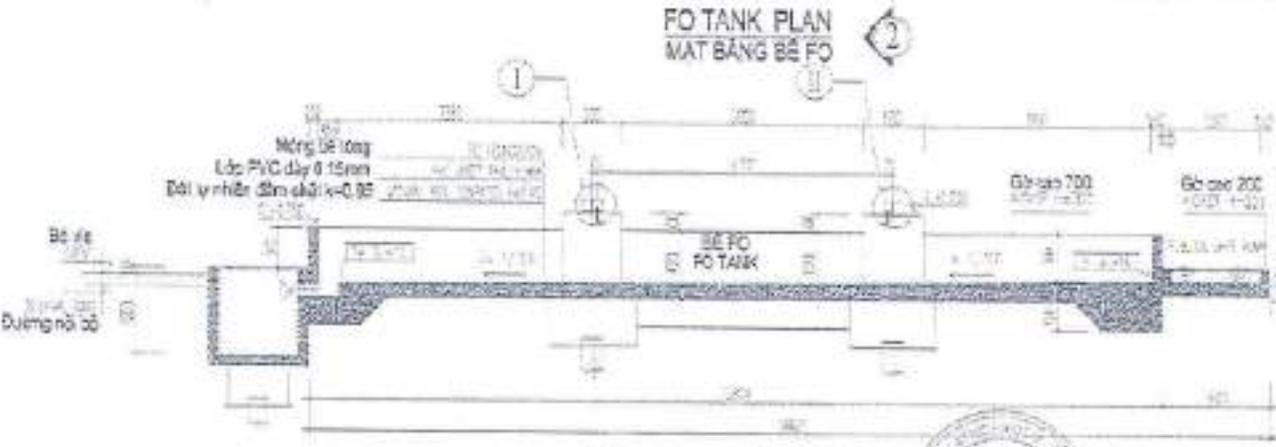
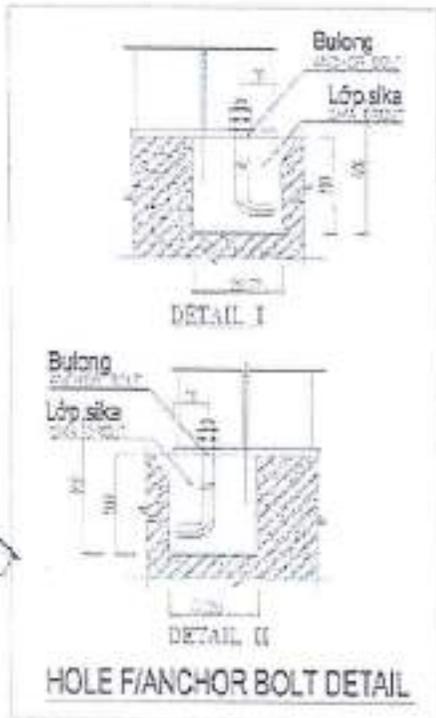
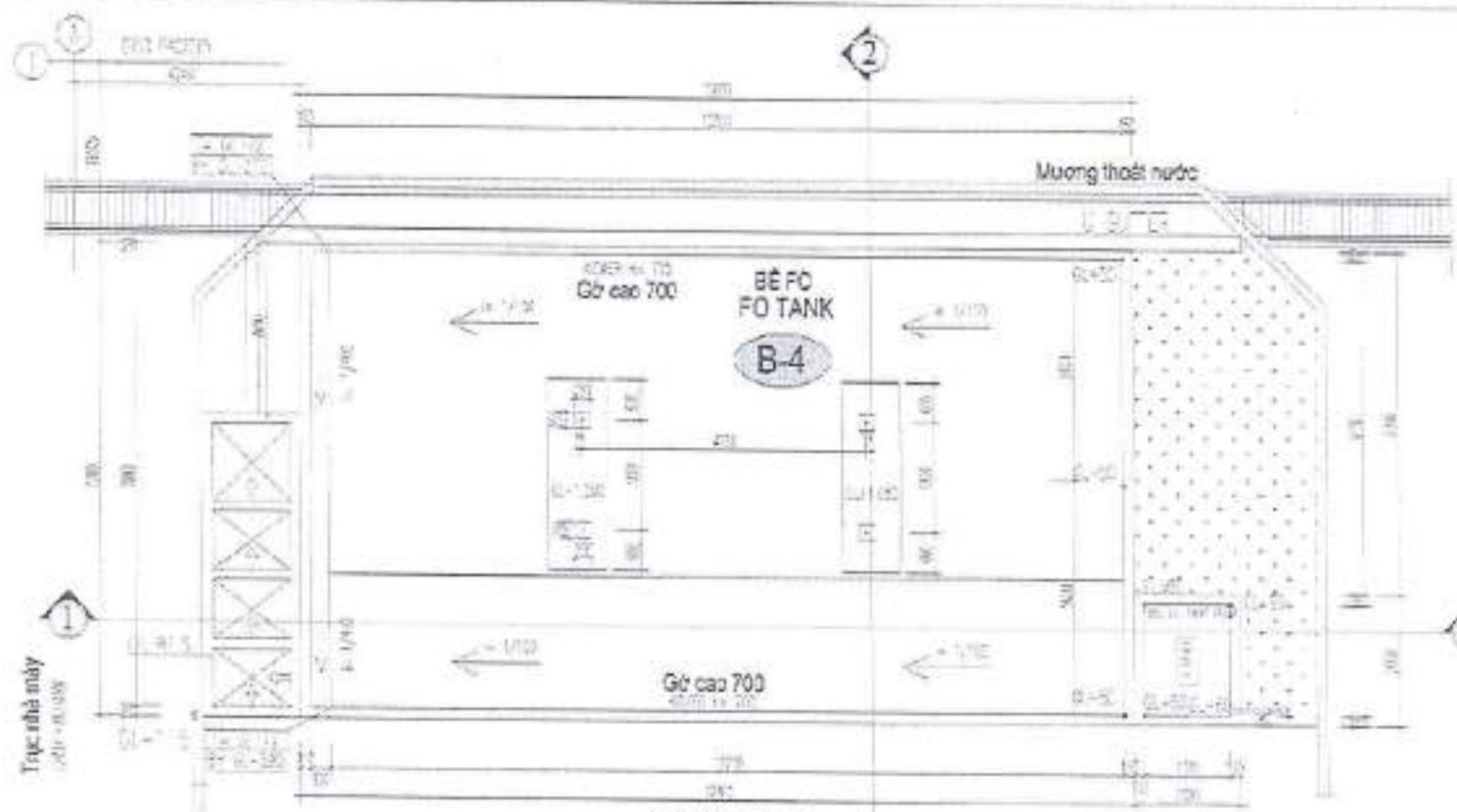
DESIGN NUMBER
 FILE NUMBER
 DATE

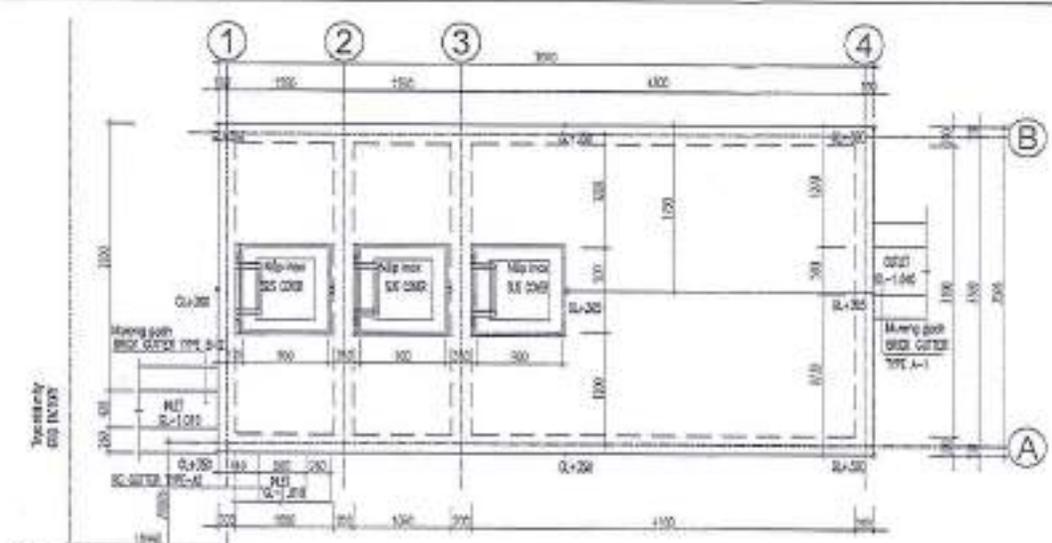
CONTRACTOR
 MAXIMA VITNAM CO., LTD.
 100/10 Đ. NGUYỄN VĂN HỘ, P. 10, Q. 10, TP. HỒ CHÍ MINH
 Đ. NGUYỄN VĂN HỘ, P. 10, Q. 10, TP. HỒ CHÍ MINH
 Đ. NGUYỄN VĂN HỘ, P. 10, Q. 10, TP. HỒ CHÍ MINH

PROJECT MANAGER
 TAKEKAWA VITNAM CO., LTD.
 100/10 Đ. NGUYỄN VĂN HỘ, P. 10, Q. 10, TP. HỒ CHÍ MINH
 Đ. NGUYỄN VĂN HỘ, P. 10, Q. 10, TP. HỒ CHÍ MINH
 Đ. NGUYỄN VĂN HỘ, P. 10, Q. 10, TP. HỒ CHÍ MINH

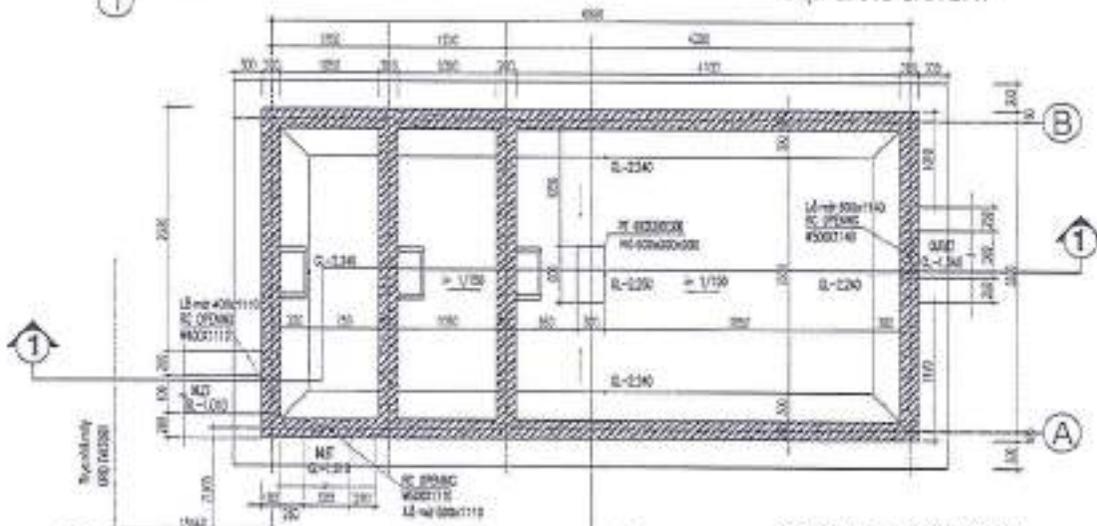
PROJECT NUMBER
 DATE
 REVISION NUMBER
 PROJECT NAME
 SHEET NUMBER
 TOTAL SHEETS

AS BUILT DRAWING		BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
TYPE	ĐỒ THỊ CÔNG TRÌNH VIỆT NAM CO., LTD.	DATE	
PROJECT	LI VIỆT NAM LUBRIC OIL BLEND PLANT CONSTRUCTION PROJECT	NO.	M-005
DRAWING TITLE	OIL PIT 5 VALVE DETAIL (MẶT BẰNG HỒ TÁCH DẦU 5)		

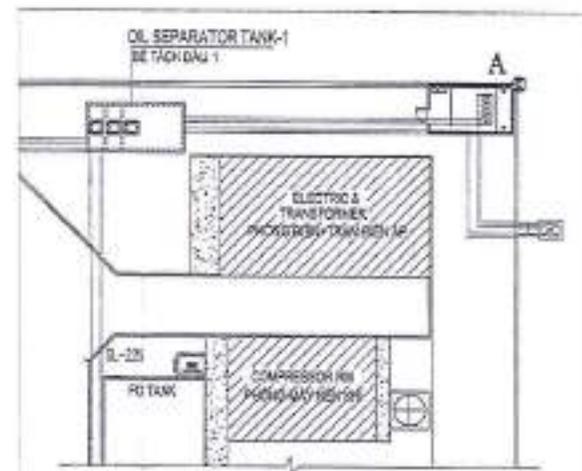




BOTTOM SLAB PLAN
MẶT BẰNG SÀN ĐÁY

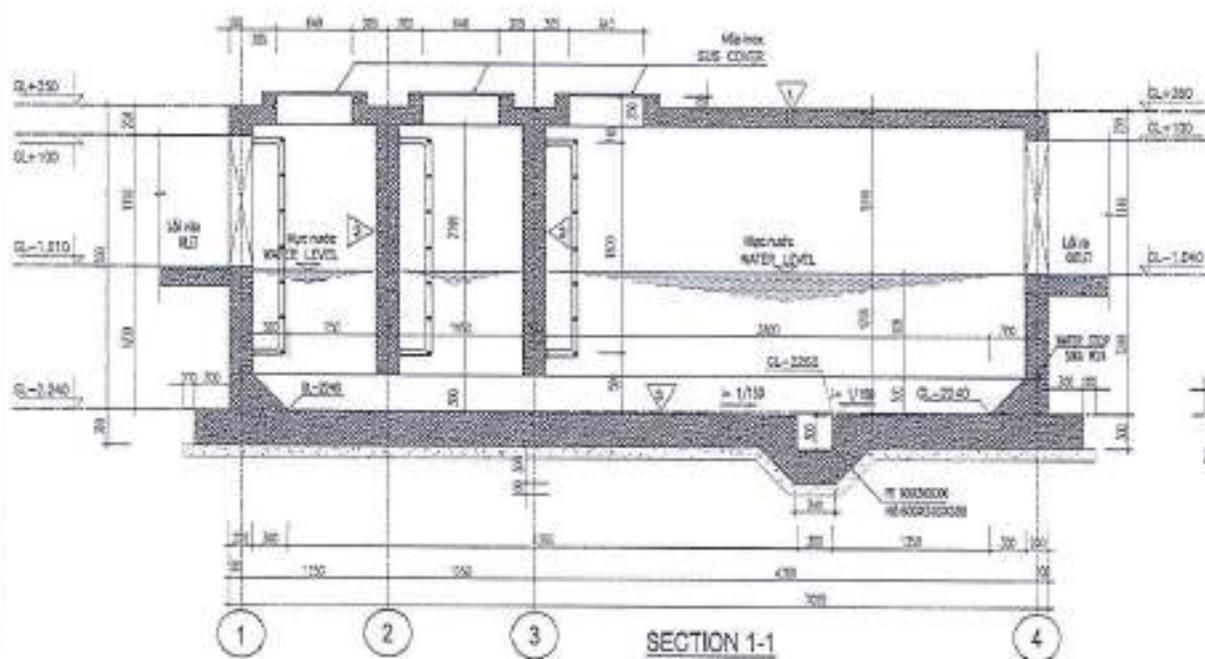


GROUND FLOOR PLAN
MẶT BẰNG

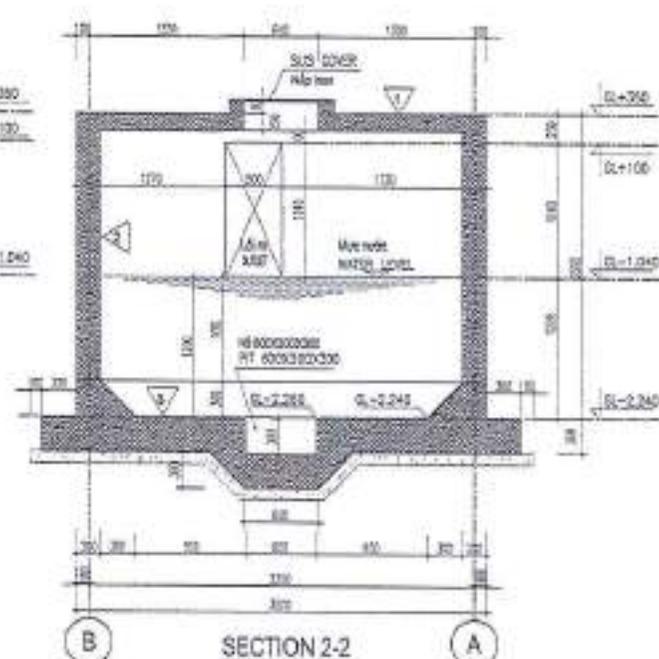


KEY PLAN (MẶT BẰNG VỊ TRÍ)

NO.	REVISION	DATE	OWNER	DESIGNER	CONTRACTOR	PROJECT	DATE	SCALE	STATUS	APPROVED BY	DATE	AS BUILT DRAWING	BẢN VẼ HOÀN CÔNG
			OWNER DENITSU LUBE VIỆT NAM CO., LTD	DESIGNER M&E CONSULTING	CONTRACTOR MARMA VIETNAM CO., LTD	PROJECT AS BUILT DRAWING	DATE 2024	SCALE 1:100	STATUS AS BUILT	APPROVED BY [Signature]	DATE 2024	AS BUILT DRAWING	BẢN VẼ HOÀN CÔNG
			OWNER DENITSU LUBE VIỆT NAM CO., LTD	DESIGNER M&E CONSULTING	CONTRACTOR MARMA VIETNAM CO., LTD	PROJECT AS BUILT DRAWING	DATE 2024	SCALE 1:100	STATUS AS BUILT	APPROVED BY [Signature]	DATE 2024	AS BUILT DRAWING	BẢN VẼ HOÀN CÔNG
			OWNER DENITSU LUBE VIỆT NAM CO., LTD	DESIGNER M&E CONSULTING	CONTRACTOR MARMA VIETNAM CO., LTD	PROJECT AS BUILT DRAWING	DATE 2024	SCALE 1:100	STATUS AS BUILT	APPROVED BY [Signature]	DATE 2024	AS BUILT DRAWING	BẢN VẼ HOÀN CÔNG



SECTION 1-1
MẶT CẮT 1-1

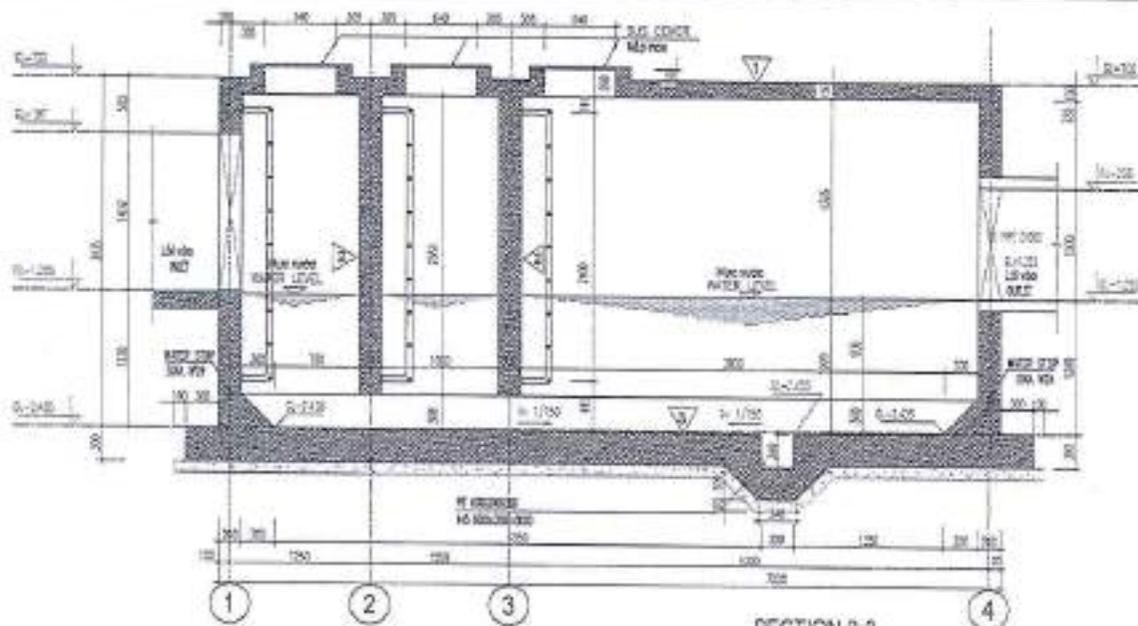


SECTION 2-2
MẶT CẮT 2-2

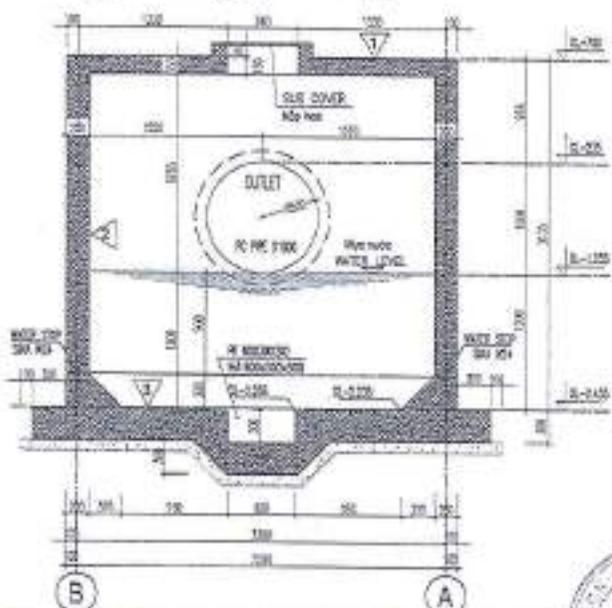
NOTES:
GHI CHÚ

<p>LAYER-1 Lớp 1</p> <p>-CONCRETE SUS CONG (1/ TRONG) t= 150mm Nắp BTCT dành một dây thép</p>	<p>LAYER-3 Lớp 3</p> <p>-CONCRETE SLAB GRADE 25MPa; t= 300mm Sàn BTCT mức 25MPa dày 300 mm -LEAN CONCRETE GRADE 10MPa; t= 100mm Bê tông M1 mức 10MPa dày 100mm -GUTTA, SÚS CONG (1/0.05) Đặt tự nhiên đảm bảo t=0.05</p>
<p>LAYER-2 Lớp 2</p> <p>-CONCRETE WALL GRADE 25MPa; t= 300mm Tường BTCT mức 25MPa dày 300mm</p>	

<p>CONTRACTOR: HANHA VIETNAM CO. LTD.</p> <p>19/11, PHU THUAN STREET, PHU THUAN WARD, HO CHI MINH CITY, VIETNAM</p> <p>TEL: +84 (0) 28 3511 1111</p> <p>WWW.HANHA-VIETNAM.CO.LTD</p>		<p>PROJECT: OIL SPILLER TANK DETAIL FOR SET-BE TANK (S&T)</p>		<p>CLIENT: OIL SPILLER TANK DETAIL FOR SET-BE TANK (S&T)</p>	
<p>DATE: 11/01/2024</p>	<p>SCALE: 1:100</p>	<p>DESIGNER: NGUYEN THI THUY</p>	<p>CHECKER: NGUYEN THI THUY</p>	<p>APPROVED BY: NGUYEN THI THUY</p>	<p>DATE: 11/01/2024</p>



SECTION 3-3
MẶT CẮT 3-3



SECTION 4-4
MẶT CẮT 4-4

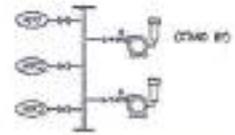
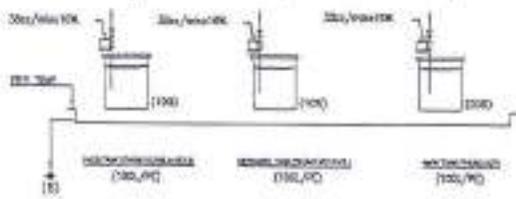
NOTES:
GHI CHÚ

LAYER-1 Lớp 1	LAYER-2 Lớp 2
-CONCRETE S/S COVER W/ TROVE, t= 150mm Nắp BTCT định mức dày 150	-CONCRETE S/S BRIDGE 15MPa, t= 300mm Sàn BTCT mức 25MPa dày 300 mm -EN CONCRETE BRIDGE 10MPa, t= 150mm Bề tầng kim loại 10MPa dày 150mm -WTRN S/S COMPACT t=0.15 Độ dày tấm chắn chống tràn 0.15
LAYER-3 Lớp 3	
-CONCRETE WALL BRIDGE 25MPa, t= 200mm Tường BTCT mức 25 MPa dày 200mm	

		OFFICE PHONG THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ TƯ VẤN KỸ THUẬT CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ TƯ VẤN KỸ THUẬT CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ TƯ VẤN KỸ THUẬT		CLIENT CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ TƯ VẤN KỸ THUẬT CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ TƯ VẤN KỸ THUẬT CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ TƯ VẤN KỸ THUẬT		CONTRACTOR MADEA VIETNAM CO., LTD CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ TƯ VẤN KỸ THUẬT CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ TƯ VẤN KỸ THUẬT		DATE 01/01/2023 01/01/2023 01/01/2023		SCALE 1:1 1:1 1:1		AS BUILT DRAWING BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
PROJECT EV-VIETNAM LUBRICANTS PLANT CONSTRUCTION PROJECT CÔNG TRÌNH XE SEPARATOR VÀ CÁC THIẾT BỊ KỸ THUẬT LIÊN QUAN													
DATE 01/01/2023 01/01/2023 01/01/2023													



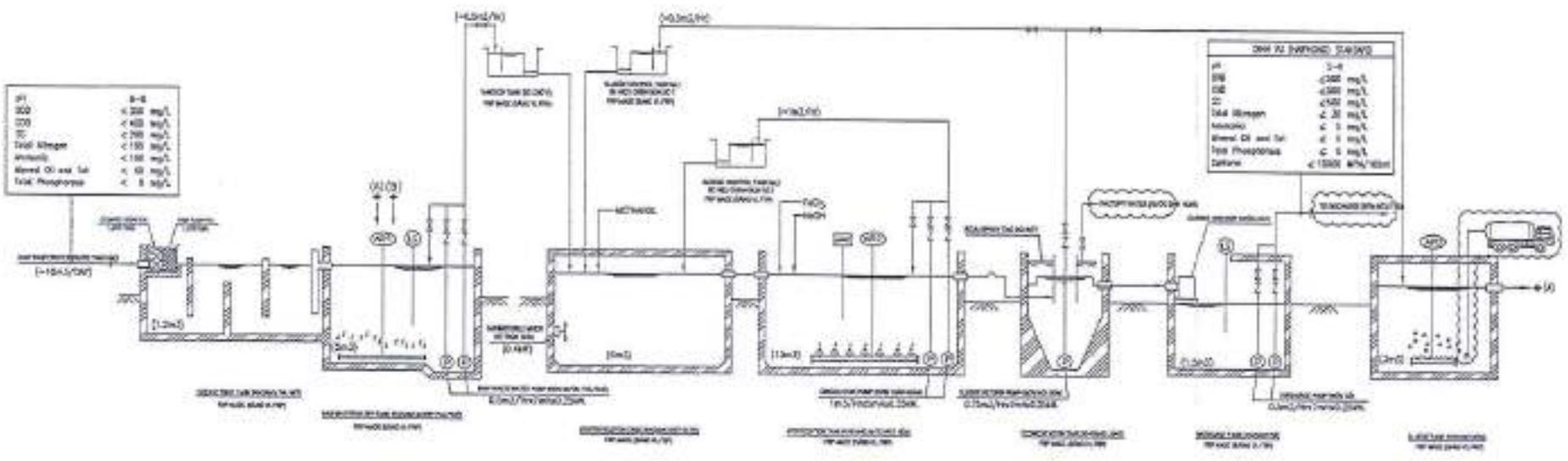
FACTORY WASTE



PHOSPHORUS DOSING SYSTEM
0.50 m³/hour/2000 m³ day

PH	8-8
SS	< 200 mg/L
CO ₂	< 400 mg/L
TC	< 200 mg/L
Total Nitrogen	< 100 mg/L
Ammonia	< 100 mg/L
Waste Oil and Fat	< 50 mg/L
Total Phosphorus	< 8 mg/L

DANH MỤC THÔNG SỐ CHẤT	
PH	7-8
SS	< 200 mg/L
CO ₂	< 400 mg/L
TC	< 200 mg/L
Total Nitrogen	< 20 mg/L
Ammonia	< 1 mg/L
Waste Oil and Fat	< 1 mg/L
Total Phosphorus	< 5 mg/L
Calcium	< 1500 mg/L/đơn vị



10KV
= 21 000V
ELECTRIC POWER SYMBOL
7.5kW
TỔNG CÔNG SUẤT 21 KW/2

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ VẬT TƯ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
 10/10 Đường số 1, Khu Công Nghiệp Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
 Điện thoại: 0310 352 333
 Website: www.kumitsu.com.vn

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ VẬT TƯ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
 10/10 Đường số 1, Khu Công Nghiệp Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
 Điện thoại: 0310 352 333
 Website: www.kumitsu.com.vn

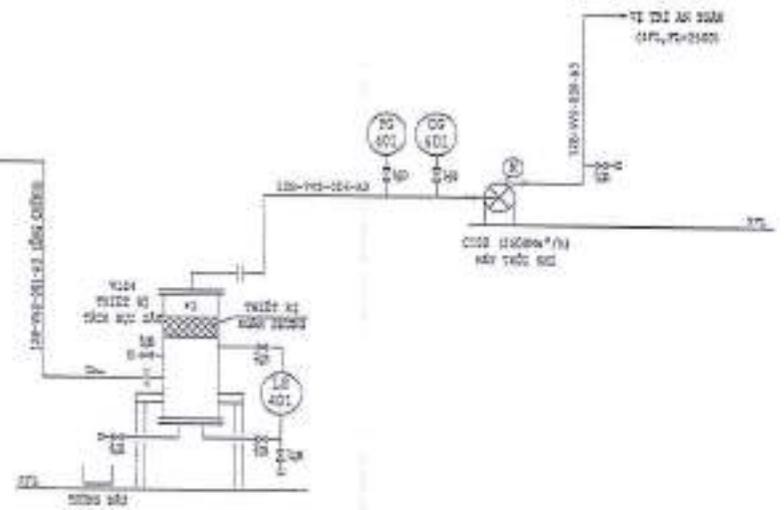
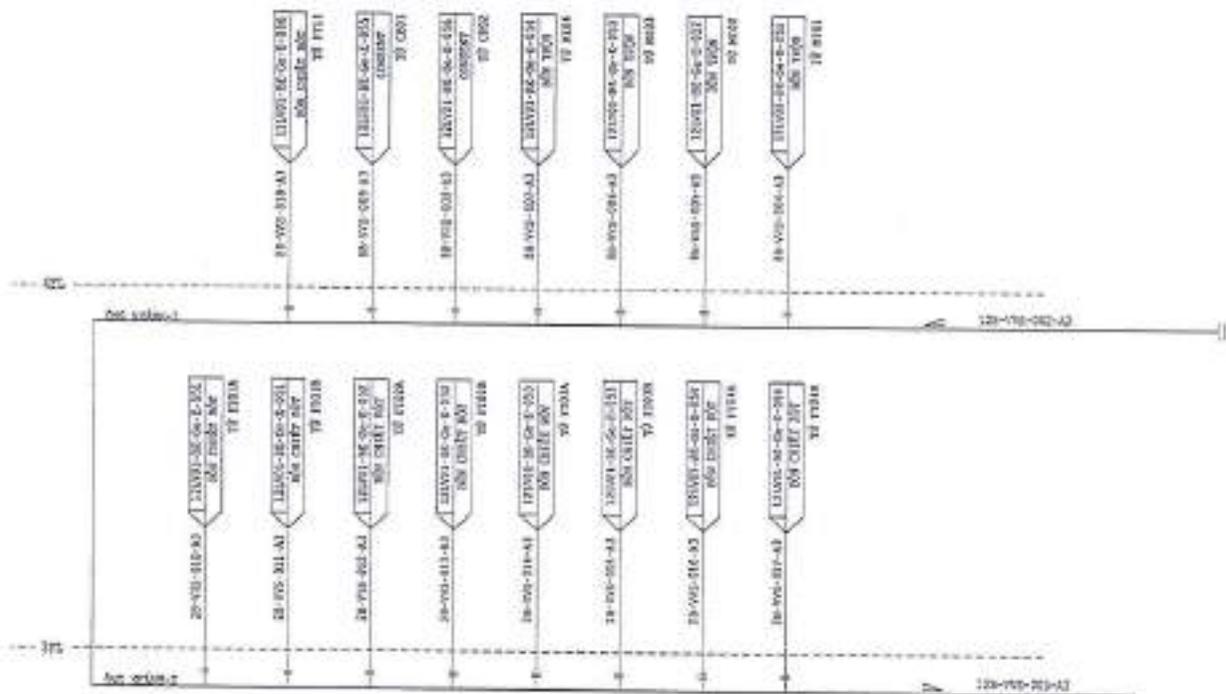


CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ VẬT TƯ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
 10/10 Đường số 1, Khu Công Nghiệp Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
 Điện thoại: 0310 352 333
 Website: www.kumitsu.com.vn



CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ VẬT TƯ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
 10/10 Đường số 1, Khu Công Nghiệp Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ
 Điện thoại: 0310 352 333
 Website: www.kumitsu.com.vn

AS BUILT DRAWING BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
DAY	08/2024 - LỢI VIỆT NAM (0.5.2)
PROJECT	VIỆT NAM LISE OIL BLDG PLANT CONSTRUCTION PROJECT
DATE	08/2024
SCALE	1:1
PROJECT MANAGER	NGUYỄN VĂN AN
DESIGNER	NGUYỄN VĂN AN
CHECKER	NGUYỄN VĂN AN
APPROVER	NGUYỄN VĂN AN
DATE	08/2024

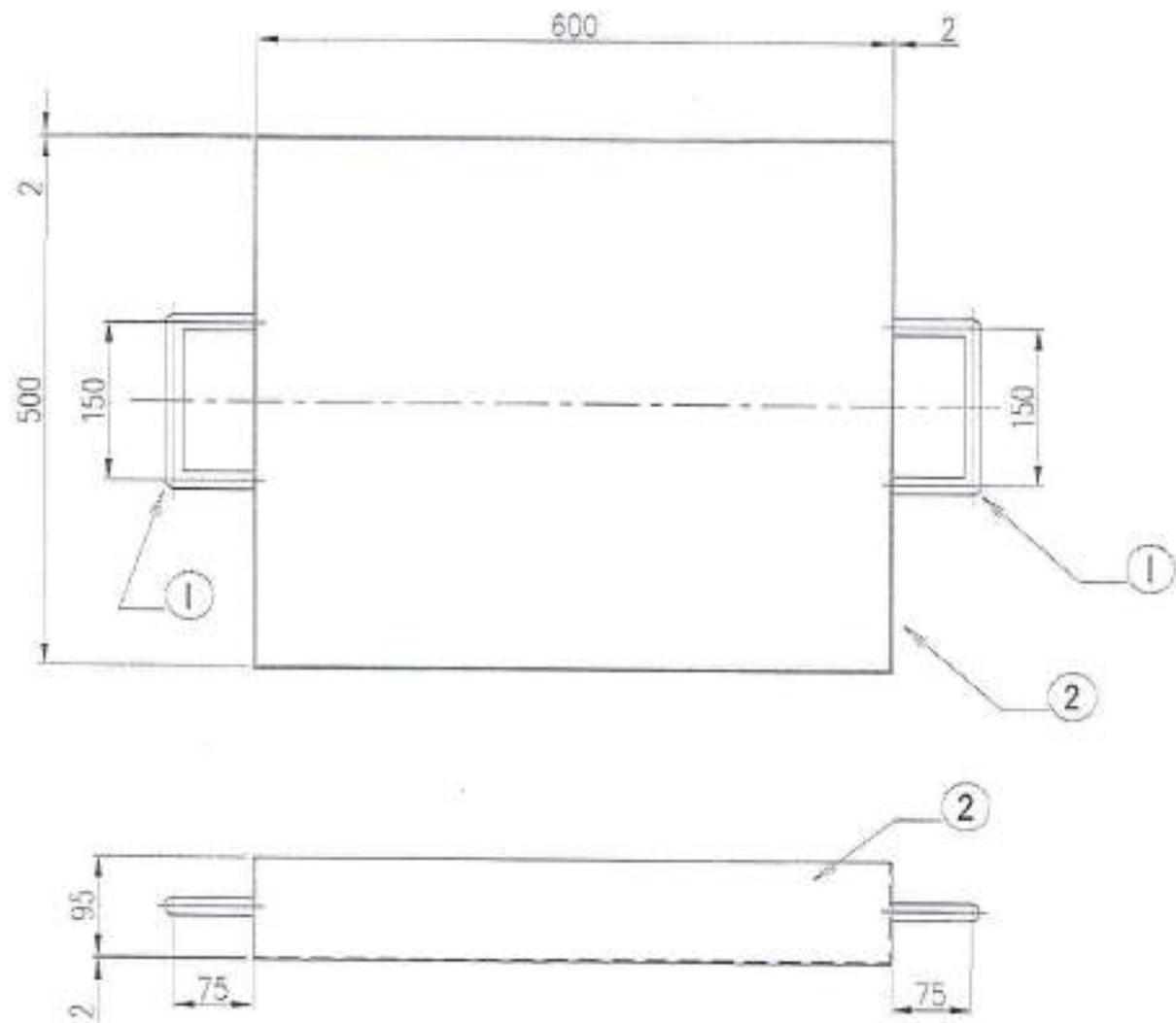


NGUYÊN TẮC

Bộ phận thiết bị kích nổ có bộ thông trộn nguyên liệu, được trộn nguyên liệu theo như tiếp trong các bộ thông tin. Tại phần kích nổ tại bộ thông được thu hồi bằng bộ thông quạt tốc độ cao để bộ thông tách bụi theo nguyên lý: Nguyên liệu được thổi | gần đầu ống và phụ gia | được nạp vào các bộ thông thông qua các đường ống kín dẫn bằng hệ thống bơm. Tại các máy khuấy trộn đồng nhất các phần tại tầng 1 và bộ thiết bị P101A, P101B, P102A, P102B, P103A, P103B, P104A, P104B, P105A và P105B tại tầng 2 được cắt vào máy lọc và đường ống kết nối để thu lại các chất vào hệ thống tích bụi của V101A. Thiết bị V101A đặt tại tầng 3 có đường dẫn hình trụ để thu gom các loại nguyên liệu thành chiếc bị bộ thiết bị được kích nổ và được thổi ra, nó sẽ đi tới một lớp lưới lọc được lắp đặt theo chiều thổi để thu gom các chất kích nổ theo nguyên tắc giống như một bộ phận chống tràn. Quá trình diễn ra, sự phân tách của các chất và các chất lỏng chảy bình chỗ 1 tại các van các đường khí, các hạt bụi mịn và các van vẫn chảy và bị ngưng tụ tại đây các hạt chảy xuống phía dưới dưới tác dụng của trọng lực, chất lỏng sẽ chảy xuống các ống xả, các dung chất bị phân tách trong chất lỏng sẽ đi ngược trở lại khi chất lỏng đặc trong thời gian ngắn sẽ tạo thành một trường hai bên trong chiếc bị. Một ống ngưng tụ được thông nguyên liệu tra bằng theo chiều thổi vào các ống qua các van và được xả ra ngoài qua van xả đáy, trong khi đó phần khí được tách ra khỏi chất lỏng sẽ đi tiếp lên phía trên của chiếc bị phân các chất thoát khí. Tồn lượng bị cuốn theo trong lần trong phần khí sẽ tạo thành giọt và rơi ngược trở lại, trước khi xả khỏi thiết bị thành các giọt nhỏ tiếp tục đi vào lớp lưới lọc để loại bỏ hoàn toàn các bụi mịn các hạt lại các bộ phận thoát ra môi trường dưới tác dụng của máy thổi khí C102 đặt tại tầng 3. Bộ lọc nước tiếp qua hoạt động của chiếc bị lọc bụi mịn, các ống xả thiết bị tại bộ lọc nước và C101 để đi áp suất được thổi và các tạp chất sẽ được thay thế khí sẽ ra thay đổi qua lần vận hành tiếp.



MAESA CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MAESA 10/10 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM	CONTRACTOR: MAESA 10/10 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM T: +84 (0)28 3541 1111 F: +84 (0)28 3541 1112 E: info@maesa.vn	SUBCON / NHÀ THẦU PHỤ: MAESA 10/10 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM T: +84 (0)28 3541 1111 F: +84 (0)28 3541 1112 E: info@maesa.vn	AS BUILT DRAWING BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
			NGÀY: 15/05/2024 SỐ QUẢN LÝ: 15/05/2024 SỐ BẢN VẼ: 15/05/2024	NGÀY: 15/05/2024 SỐ QUẢN LÝ: 15/05/2024 SỐ BẢN VẼ: 15/05/2024




CÔNG TY TNHH ICSMITSU VIỆT NAM
 TÊN KHÁCH HÀNG: ...
 SỐ QUÂN: ...
 NGÀY: ...

SỐ QUÂN: ...
 NGÀY: ...


MAEDA
 CÔNG TY TNHH ...
 SỐ QUÂN: ...
 NGÀY: ...



CÔNG TY TNHH ICSMITSU VIỆT NAM
 SỐ QUÂN: ...
 NGÀY: ...


J.F.C

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10

AS BUILT DRAWING		BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
CÔNG TY TNHH ICSMITSU VIỆT NAM			
TÊN KHÁCH HÀNG: ...		SỐ QUÂN: ...	
THỜI GIAN: ...		THÀNH QUẢ: ...	
THUYẾT MINH: ...		THUYẾT MINH: ...	